

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG QUANG VINH
(1946 – 2014)**

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHƯỜNG QUANG VINH

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

- Nguyễn Thị Kim Hân** - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
- Chủ tịch HĐND phường
- Ngô Thành Trung** - Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND phường
- Nguyễn Văn Tuấn** - Nguyên Bí thư Đảng ủy phường
- Trần Văn Sơ** - Nguyên Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
- Chủ tịch HĐND phường
- Nguyễn Văn Công** - Nguyên Phó Bí thư Đảng ủy
- Chủ tịch UBND phường
- Nguyễn Thị Đào** - Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND phường

THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

- Vũ Thanh Khôi** - Trưởng phòng Lịch sử, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
- Vũ Quốc Khánh** - Thành ủy viên, Phó trưởng ban Thường trực
Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên

TỔ BIÊN SOẠN

- Cao Xuân Lịch** - Đại tá, nguyên cán bộ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
- Nguyễn Văn Nhã** - Đại tá, nguyên cán bộ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
- Lê Văn Phong** - Đại úy thực sỹ cán bộ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam





BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

MI PHO THAI NGUYEN

PHU QUANG VINH

TÌNH THÁI NGUYÊN





CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

tặng

Huân chương Chiến công hạng nhì

Cho cán bộ và nhân dân xã Quang Vinh
vì đã có thành tích xuất sắc
trong công tác tuyển quân
từ năm 1965 đến năm 1976.

QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Tặng

Huân chương Lao động hạng ba

Cho cán bộ và nhân dân xã Quang Vinh
vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc
nghĩa vụ lương thực thực phẩm
năm 1977



LỜI NÓI ĐẦU

Quang Vinh là một vùng đất được hình thành và phát triển từ lâu đời, trải qua nhiều biến cố lịch sử, địa giới có sự thay đổi nhưng tên Quang Vinh vẫn được tồn tại từ đời này qua đời khác. Từ rất sớm cư dân ở nhiều nơi đã đến đây khai hoang, vỡ đất, tạo nên những xóm làng trù phú và đông đúc. Phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông, đặc biệt là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mà trực tiếp là sự ra đời của chi bộ Đảng Quang Vinh, người dân Quang Vinh luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức thi đua xây dựng và bảo vệ quê hương. Đến nay, trải qua gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng bộ phường Quang Vinh đã lãnh đạo nhân dân từng bước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì lịch sử. Đó là công cuộc bảo vệ chính quyền sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ cứu nước, công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh. Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân phường Quang Vinh tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, anh hùng, khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên giành được thắng lợi to lớn trên nhiều

lĩnh vực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo, chính quyền nhân dân ngày một vững mạnh, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của thành phố Thái Nguyên.

Quán triệt sâu sắc những định hướng tư tưởng của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Thành ủy về giáo dục truyền thống lịch sử, Ban Chấp hành Đảng bộ phường Quang Vinh đã chỉ đạo công tác sưu tầm tài liệu, nghiên cứu biên soạn Lịch sử Đảng bộ phường. Qua công trình này mong muốn dựng lại bức tranh chân thực, sinh động về những chặng đường lịch sử của Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh trong gần 7 thập kỷ qua để thấy được quá trình ra đời, phát triển và trưởng thành của chi bộ Đảng, Đảng bộ phường Quang Vinh, khẳng định những thành công, chỉ ra những hạn chế và bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Đồng thời thấy được những đóng góp to lớn của nhân dân Quang Vinh trong công cuộc đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Từ đó, giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp tình yêu, lòng tự hào về quê hương, đất nước cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và con em các dân tộc trong phường.

Sau một thời gian sưu tầm, biên soạn và chỉnh lý, được sự quan tâm của Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, sự góp ý chân thành, trách nhiệm của các nhân chứng lịch sử, các đồng chí nguyên lãnh đạo phường cùng toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phường, đến nay cuốn **Lịch sử Đảng bộ phường Quang Vinh 1946 - 2014** đã hoàn thành. Đây là công trình chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ phường lần thứ XVII, nhiệm kỳ

2015-2020. Nhân dịp cuốn sách được in ấn và phát hành, Ban Chấp hành Đảng bộ phường Quang Vinh xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, các đồng chí nguyên lãnh đạo phường qua các thời kỳ, các thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ, các cơ quan lưu trữ Tỉnh ủy và Thành ủy đã nhiệt tình cung cấp nhiều tư liệu quý, cảm ơn Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thái Nguyên, Viện Lịch sử Quân Sự Việt Nam đã giúp đỡ, tạo điều kiện để hoàn thành cuốn sách.

Trong quá trình sưu tầm, biên soạn, các tác giả đã cố gắng để bổ sung, xác minh nguồn tư liệu, song phần lớn các tư liệu lưu trữ bị thất lạc, không còn nhiều. Vì vậy, cuốn sách không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ rất mong nhận được sự góp ý của đồng đảng cán bộ, đảng viên, nhân dân trong phường và bạn đọc gần xa để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

TM/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Phó Bí thư thường trực Đảng ủy
NGUYỄN THỊ KIM HÂN

Chương I

QUANG VINH - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

I. Vùng đất, con người

Quang Vinh thời Hùng Vương thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang. Dưới thời Thục Phán, vùng đất Quang Vinh, Thái Nguyên thuộc nước Âu Lạc. Dưới thời Bắc thuộc (179 TCN), Quang Vinh thuộc quận Giao Chỉ, rồi thuộc An Nam đô hộ phủ.

Đến thế kỷ thứ VII, vùng đất Quang Vinh thuộc huyện Vũ Bình, rồi thuộc châu Thái Nguyên. Đầu năm 1011, nhà Lý đổi 10 đạo trong cả nước thành 24 lộ, vùng xa xôi hẻo lánh gọi là châu, vùng đất Quang Vinh thuộc châu Vũ Lạc, rồi châu Thái Nguyên. Dưới thời nhà Trần, cuối thế kỷ XIV, châu đổi thành trấn, vùng đất Quang Vinh thuộc trấn Thái Nguyên.

Thời Nguyễn, trước năm 1831, Quang Vinh thuộc huyện Đồng Hỷ, trấn Thái Nguyên. Cuộc cải cách hành chính năm 1831-1832 dưới triều Minh Mệnh đã đổi trấn thành

tỉnh, cả nước chia thành 31 đơn vị hành chính trực thuộc triều đình. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) tỉnh Thái Nguyên có 3 phủ, 9 huyện, 2 châu. Quang Vinh¹ thuộc huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Thời thuộc Pháp, ở Bắc Kỳ có 13 tỉnh, trong đó có tỉnh Thái Nguyên; lúc này Thái Nguyên có phủ Phú Bình, 7 tổng và 37 xã. Quang Vinh nằm trong tổng Hóa Thượng sau đó là Túc Duyên thuộc phủ Phú Bình.

Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Hiến pháp đầu tiên, được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946, quy định: Nước Việt Nam về phương diện hành chính có ba bộ: Bắc, Trung, Nam, mỗi bộ chia thành tỉnh, mỗi tỉnh chia thành huyện, mỗi huyện chia thành xã. Chính quyền địa phương gồm 4 cấp: xã, huyện, tỉnh, bộ (trước gọi là Kỳ). Theo đó, Quang Vinh thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 19 tháng 10 năm 1962, theo Quyết định số 114 của Phủ Thủ tướng, thành lập thành phố Thái Nguyên, thành phố trực thuộc tỉnh, xã Quang Vinh là 1 trong 6 xã của huyện Đồng Hỷ được cắt về thành phố Thái Nguyên. Cũng theo quyết định trên, phần đất bên kia suối (Cửa Ngòi) thuộc xóm Cửa Ngòi và phía nam cầu Mỏ Bạch (thuộc Rừng Vầu) cắt khỏi địa giới Quang Vinh.

¹ Theo bản đồ lưu tại Viện Hán Nôm, xã Quang Vinh trước năm 1945 có 3 làng (Hang Éch, Quang Vinh, Trại Vải). Hang Éch gồm: Thần Vi Hang Éch và Làng Đanh; Quang Vinh gồm: Quang Vinh, Soi Cam, Rừng Vầu; Trại Vải gồm: Trại Vải, Soi Dầu, Cửa Ngòi.

Ngày 21 tháng 4 năm 1965, Chính phủ sáp nhập một số tỉnh, thành, trong đó có tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Lúc này, tỉnh Bắc Thái nằm trong Khu tự trị Việt Bắc. Xã Quang Vinh thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái (Khu tự trị Việt Bắc).

Ngày 13 tháng 2 năm 1987, theo Quyết định số 25/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường của thành phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái. Theo đó xã Quang Vinh giải thể để thành lập phường Quang Vinh. Hiện nay Quang Vinh nằm ở phía bắc thành phố Thái Nguyên; phía Đông Bắc của phường như một bán đảo nhỏ được sông Cầu bao bọc. Qua sông Cầu, Quang Vinh giáp với xã Cao Ngạn, thị trấn Chùa Hang của huyện Đồng Hỷ; ở phía đông bắc giáp xã Đồng Bầm, phía tây giáp phường Quyết Thắng, tây bắc giáp phường Quan Triều; qua suối Mỏ Bạch, Quang Vinh giáp với hai phường Quang Trung và Hoàng Văn Thụ ở phía nam.

Theo niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1999-2003, phường Quang Vinh có diện tích 3,13 km², dân số 4.500 người, mật độ dân cư 1.700 người/km². Tính đến năm 2014, dân số phường Quang Vinh 6570 người, được tổ chức trong 17 tổ dân phố gọi theo thứ tự từ 1 đến 17. Tuy vậy, nhân dân vẫn quen gọi tên xóm đi cùng như: tổ 1 (Rặng Ôi 2), tổ 2 (Rặng Ôi 1), tổ 3 (Tân Thành), tổ 4 Thần Vì 1), tổ 5 (Thần Vì 2), tổ 6 (Điện Lực 2), tổ 7 (Điện Lực 1), tổ 8 (Mỏ Bạch 2), tổ 9 (Mỏ Bạch 1), tổ 10 (Rừng Vầu), tổ 11 (Quang Vinh 1), tổ 12 (Quang Vinh 2), tổ 13 (khu

dân cư số 1), tổ 14 (Soi Dầu), tổ 15 (Cửa Ngòi), tổ 16 (Quyết Tiến 2), tổ 17 (Quyết Tiến 1). Trong số 1761 hộ có hơn 300 hộ kinh doanh, 800 hộ làm nông nghiệp, 661 hộ phi nông nghiệp (viên chức nhà nước và công nhân, giáo viên). Trên địa bàn phường Quang Vinh có trường mầm non Điện Lực, trường mầm non Quang Vinh, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông Dương Tự Minh; chợ Quang Vinh, trạm y tế.

Về giao thông vận tải, trên địa bàn Quang Vinh có hai trục giao thông quốc gia đi qua: Quốc lộ số 3, xuất phát từ bắc cầu Đuống (Hà Nội) qua thành phố Thái Nguyên lên Bắc Kạn, Cao Bằng, kết thúc tại cửa khẩu Tà Lùng với chiều dài 351km, đoạn chạy qua Quang Vinh gần 1km. Đường sắt từ Hà Nội đi Thái Nguyên, Quan Triều có chiều dài 75 km, đoạn qua Quang Vinh dài 500m; ngày nay đường sắt đã nối từ Quan Triều đi Núi Hồng dài 33,5 km. Ngoài đường bộ, và đường sắt, Quang Vinh còn có đường thủy là sông Cầu chảy từ Bắc Cạn qua sườn phía bắc đông bắc Quang Vinh, Thái Nguyên về Bắc Ninh hợp với sông Thương, sông Lục Nam thành sông Thái Bình đổ ra biển Đông; đoạn chảy qua Quang Vinh dài khoảng 6km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Quang Vinh với các xã Cao Ngạn, Đồng Bẩm. Hệ thống đường sá nối liền các tổ dân phố được đổ bê tông dày bảo đảm cho các loại xe vận tải từ 2 tấn - 5 tấn đi lại thuận tiện. Với hệ thống đường giao thông hiện có, việc giao lưu vận chuyển hàng hóa của Quang Vinh đi các nơi diễn ra hết sức thuận lợi.

Trong suốt chiều dài lịch sử, người dân Quang Vinh với nhiều dân tộc cùng quần tụ, sinh sống đã luôn tìm cách ứng phó với thiên nhiên, nắm bắt quy luật của tự nhiên để tổ chức sản xuất và sinh hoạt. Từ thế hệ này qua thế hệ khác, con người nơi đây đã san đồi, lấp khe, làm thủy lợi, tận dụng những điều kiện thiên nhiên thuận lợi, khắc phục khó khăn, tiến hành lao động sản xuất để nâng cao đời sống. Đồng thời, cũng qua quá trình cải tạo tự nhiên và lao động sản xuất, những tên xóm, tên làng dần xuất hiện, gắn với sự phát triển đi lên của phường.

Xóm Quang Vinh nằm tại trung tâm của phường là vùng đất tốt, bằng phẳng, phía bắc có rừng Đức Ông, có chùa Quang Vinh¹. Cư dân xóm Quang Vinh phần đông là từ Thái Bình di dân lên trong khoảng đầu thế kỷ 20. Một trong những dòng họ đến định cư tại Quang Vinh sớm mà còn ở lại là họ Trần, họ Ngô, Phan, Bàng, Ân, Nguyễn và họ Dương. Nhân dân xóm Quang Vinh sống chủ yếu dựa vào cấy lúa và trồng ngô, ngoài ra còn được các nhà buôn thuê vận chuyển hàng hóa từ Bến Làng lên tập kết tại Mỏ Bạch. Nhân dân xóm Quang Vinh có niềm tự hào về ngôi chùa cổ được xây dựng cách đây khoảng gần 300 năm là nơi thờ Phật. Xóm Quang Vinh cũng là nơi có những đảng viên đầu tiên của phường; đặc biệt, nhân dân Quang Vinh tự hào là nơi tập kết của cơ quan Trung ương Đảng (1946

¹ Đây là ngôi chùa lớn thứ 2 của Thái Nguyên, bị phá hủy năm 1946 và năm 1958.

-1947) trước khi vượt sông Cầu tại Bến Lãng lên Chiến khu¹. Chùa Quang Vinh cũng là nơi Bác Hồ đến thăm và nói chuyện với thầy cô giáo, học sinh trường Rẻo Cao và nhân dân (1960). Đến nay, vị trí này được Nhà nước công nhận là *Di tích lịch sử văn hóa*.

Mỏ Bạch là phần đất nằm hai bên đầu cầu Mỏ Bạch². Trước Cách mạng tháng Tám thuộc xóm Rừng Vầu, nhân dân phần lớn là những người đi phu, đi lính cho Pháp hết hạn ở lại làm thuê, dần dần tạo dựng nên xóm nên làng. Cuộc sống của nhân dân nơi đây chủ yếu sống bằng nghề làm thuê, buôn bán nhỏ, một số ít làm công nhân đẩy xe goòng cho thực dân Pháp. Mỏ Bạch có núi Đồi được nhắc đến trong văn bia về Dương Tự Minh với ba chữ Yên Mã Sơn. Núi Đồi cũng là nơi bố trí trận địa pháo cao xạ bắn máy bay Mỹ bảo vệ Thái Nguyên trong những năm chống Mỹ. Phía bắc cầu có đền Mỏ Bạch thờ 2 công chúa triều Lý là vợ của Dương Tự Minh. Năm 1962, phần đất phía nam cầu Mỏ Bạch cắt khỏi địa giới Quang Vinh.

*Xóm Thần Vị*³ - vùng đất phía tây của Quang Vinh được

¹ Theo ông Trần Văn Lân kể lại: Ông Văn (sau ngày hòa bình mọi người mới biết đó là Võ Nguyên Giáp), về ở nhà ông Quán Trảng. Ông Lân được giao trông nom con ngựa của ông Văn. Bà Tuệ năm nay hơn 90 tuổi kể: Trong những năm 1946 - 1947, ông Văn, ông Phan Trọng Tuệ, bà Hà Thị Quế và ông Hoàng Quốc Việt đã ở nhà bố chồng của bà (tức ông Quán Trảng).

² Mỏ Bạch có một lò mổ từ thời Pháp, tồn tại đến năm 1966.

³ Núi có thần, nhưng theo nghĩa khác là núi cao.

hình thành bởi bốn ấp: Phía tây là ấp cụ Trường Vinh, phía đông là ấp cụ Nga, phía bắc là ấp của cụ Năm Thanh, ở giữa là ấp của cụ Cừ Cầu. Những dòng họ đến đây trồng cây sớm là gia đình cụ trường Vinh, cụ Cầu, cụ Nga, cụ Năm Thanh. Những cư dân đầu tiên của xóm Thần Vi đã vượt qua biết bao khó khăn san đồi, lấp khe tạo nên những cánh đồng, rộc ruộng để trồng cây tạo dựng cuộc sống. Tuy nhiên, do biến động của xã hội, phần lớn đất đai trồng cây tốt nhất của Thần Vi lại nằm trong tay Ký Tân - một thư ký cho người Pháp tại Thái Nguyên, nên phần lớn nhân dân của xóm đều là người làm thuê.

Làng Đanh nằm ở phía tây Thần Vi, tiếp giáp với Quan Triều, Quyết Thắng. Làng Đanh là xóm nhỏ nhất của Quang Vinh, có cánh đồng hiện là vườn thí nghiệm của Trường Đại học Nông Lâm. Làng Đanh tuy nhỏ nhưng có đình là nơi tụ họp và thờ cúng thần linh. Năm 1958, phần lớn làng và đình nằm trong địa giới mở đường sắt, nên đình không còn và nhân dân phải chuyển đi nơi khác. Một số chuyển về Quyết Thắng, một số chuyển về Quang Vinh, đến nay chỉ còn 13 hộ gia đình nằm bên phía tây đường sắt (thuộc tổ 5).

Soi Cam nằm ở bắc, tây bắc Quang Vinh, nơi dòng sông Cầu chảy vào địa phận Quang Vinh. Đây là vùng đất tốt, vừa có đồi rừng, vừa có cánh đồng được phù sa sông Cầu bồi đắp. Tên xóm Soi Cam bắt nguồn từ việc trồng cam từ xa xưa. Chuyện kể lại rằng: Tại vùng đất ven sông Cầu có một vườn cam không biết được trồng từ đời nào, cam ở đây

quả không to nhưng có vị ngọt đậm, nhân dân lấy giống trồng khắp trong vườn nhà, bãi soi, do vậy tên xóm được gọi là Soi Cam. Năm 1958, Chính phủ quyết định xây nhà máy điện trên một phần đất phía tây bắc Quang Vinh gồm toàn bộ xóm Soi Cam và một phần xóm Quang Vinh nằm trong diện phải di chuyển, nhân dân Soi Cam được chuyển về xóm Quang Vinh và xóm Soi Dầu. Từ đó địa danh xóm Soi Cam cũng như đình và chùa Quang Vinh không còn trên địa bàn của xã nữa.

Soi Dầu cũng là một trong 2 xóm nằm trong khu vực giữa phường Quang Vinh. Thuở xa xưa, vùng đất này chỉ có hơn 10 gia đình, phần lớn thuộc dòng họ Vũ chuyên trồng dâu nuôi tằm. Dải đất xóm Soi Dầu trước đây có chiều ngang khoảng 300m, chiều dài gần 1.000m. Đầu xóm Soi Dầu trước đây có cây ruối cổ thụ hàng trăm năm tuổi, sau đó phá đi để mở đường, nét cổ kính của xóm Soi Dầu không còn nữa.

Rừng Vầu là một xóm nhỏ nằm ở phía đông nam phường Quang Vinh. Thuở xa xưa đây là khu rừng có nhiều cây vầu, loại vầu nhỏ giống cây trúc, mọc chủ yếu ở hai quả đồi dọc theo suối Mỏ Bạch. Từ năm 1945 về trước, chỉ một số ít đất đai trên đỉnh hai đồi được khai phá để làm nhà, trồng cây ăn quả như: nhãn, mít, bưởi,... còn lại sườn phía tây chủ yếu là vầu, tre, lau, cây chít và một số cây lấy gỗ. Rừng Vầu là nơi định cư của người Kinh, chủ yếu từ Nam Định di cư lên, có người đi lính, đi phu, khi mãn hạn ở lại làm thuê rồi lấy vợ sinh con; có người vì điều kiện mà

phải tha phương cầu thực, gặt đất tốt ở lại khai phá, điển hình là anh em cụ Nguyễn Văn Lâu, Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Văn Hoạch. Các cụ là một trong những người đầu lên khai hoang, san đồi bạt núi lập nên xóm Rừng Vầu. Rừng Vầu trước đây hình thành bốn khu vực: Xóm ngoài là cổng làng bây giờ, xóm giữa là nơi định cư đầu tiên của cư dân xóm Rừng Vầu, nơi đây còn có miếu thờ Thành Hoàng; Đối diện với xóm giữa là phần đất bên kia suối Mỏ Bạch (sau cắt khỏi địa phận Quang Vinh), cuối cùng là xóm trong, tiếp giáp với Soi Dầu và Cửa Ngòi. Những cư dân đầu tiên xóm Rừng Vầu sống bằng nghề đánh bắt cá và trồng lúa. Khi xưa, con suối của xóm tuy nhỏ nhưng nối với sông Cầu nên có rất nhiều cá, tôm. Cánh đồng của xóm phần lớn nằm về phía bắc. Nhân dân chủ yếu làm nhà trên đồi cao, một phần để tránh mùa nước lũ, phần khác giành những khu đất bằng để trồng cây. Ở xóm Rừng Vầu, đất cấy lúa nước không nhiều nên nhân dân phải kết hợp cả việc tra lúa mố. Rừng Vầu là một trong những xóm có nhiều nghề thủ công đan lát, mộc, rèn,... Ngoài ra, nhân dân còn có nghề trồng mía kéo mật, nấu thành đường. Rừng Vầu có một di tích đã được xếp hạng là nơi đặt trận địa pháo phòng không. Nơi đây đã diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt giữa bộ đội phòng không và nhân dân Quang Vinh với máy bay Mỹ.

Cửa Ngòi, tên xóm gắn với chính cửa của con ngòi đổ vào sông Cầu, do đó người dân ở đây gọi là xóm Cửa Ngòi. Nhân dân Cửa Ngòi quần tụ trên phần đất tam giác

ngã ba giữa sông Cầu và suối Mỏ Bạch tạo thành. Cư dân đầu tiên là gia đình cụ Cai Lương, gia đình cụ Phó Dẻo và gia đình cụ Tài Liễn. Lúc đầu, ngoài việc làm ruộng, một số gia đình còn sống bằng nghề chài lưới trên sông. Đất đai Cửa Ngòi phì nhiêu, nước cho sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên. Quang Vinh lúc đó đất rộng, người thưa, xóm Cửa Ngòi chỉ có hơn chục nóc nhà. Vì vậy, khi mất mùa lúa dân cũng không bị đói vì còn nhiều đất trồng các loại như sắn, khoai và các loại cây ăn quả khác.

Trại Vải là xóm nằm trên vùng đất trũng nhất của Quang Vinh, đây cũng là vùng đất tốt do được phù sa sông Cầu bồi đắp. Thửa khai hoang lập ấp, khoảng đầu thế kỷ 20, một số gia đình dân tộc Sán Diu từ Quảng Ninh theo sông Cầu lên vùng đất này khai phá. Những gia đình đầu tiên còn đến nay gồm 6 dòng họ: Họ Ân, họ Trương, họ Trần, họ Từ, họ Diệp và họ Bàng. Xóm Trại Vải có hai vị trí được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử, văn hóa: Một là đình Trại Vải, vừa là nơi tụ họp của nhân dân và cũng là nơi thờ Dương Tự Minh; hai là miếu ông Khách. Ngoài ra, nhân dân Trại Vải còn tự hào có đồng chí Trần Văn Tài là đảng viên đầu tiên của Quang Vinh.

Quang Vinh là nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. Theo các cụ cao niên kể lại và những tư liệu còn lưu tại Viện Hán Nôm, đình *Quang Vinh* được xây dựng cách đây khoảng 300 năm trên địa bàn xóm Soi Cam. Đình có diện tích mặt sàn khoảng 165m², kết cấu 3 gian, 2 trái, có 8 cột cái, 16 cột quân bằng gỗ lim, mái cong, lợp ngói

vẩy, mặt trước quay ra sông, phía sau đình có ba gian gọi là hậu đình thờ Dương Tự Minh. Hàng năm, đến đầu mùa hạ, nhân dân Quang Vinh tổ chức lễ hội rước nước từ sông Cầu về đình để làm lễ tế trời đất, cầu mưa thuận gió hòa. Hàng trăm năm qua, đình Quang Vinh vừa là nơi thờ Dương Tự Minh và cũng là nơi hội họp của nhân dân. Trước khi xây dựng nhà máy Điện, đình Quang Vinh có tấm bia đá to, năm 1958 bia được di chuyển về chùa Quang Vinh, sau đó thất lạc. Địa chí Thái Nguyên¹ viết về văn bia như sau: “*Thần là đấng thiên tử cũng không thể nói tới được. Trong khoảng trời đất chẳng có Thần đó sao? Bậc thiên tử, thánh nhân còn không thể biết được, vì thế gọi là Thần. Liệu lời bàn như vậy có đúng chăng.*”

Tuy nhiên, cái đức của quý thần sao mà thịnh vậy! Sinh thời, Thần là bậc thông minh chính trực, sau khi qua đời tinh khí không mất vẫn có thể ngăn trừ bạo tai ương, vẫn có thể chống giữ họa lớn mà người dân từng thấy rõ. Để thờ Thần, nhân dân lập bia nhằm ghi chép lại sự linh thiêng tốt đẹp mọi công trạng của Thần.

Ngưỡng trông: ngôi miếu thờ vị Thượng đẳng phúc thần xa ở xã Quang Vinh, ngôi miếu này ở bên trái núi Cẩm

¹ Địa chí Thái Nguyên Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2009 trg 1055

Mặt trước bia: Năm ấy, ngày tốt, tháng Mạnh Xuân (tháng Giêng năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45 (1784) triều Lê, đời Lê Cảnh Hưng là Lê Hoàng Chung người xã Hương La, huyện Từ An, chức Hiệu lý, viện Hàn lâm, thuộc Hiến sát xứ, xứ Hải Dương, dựng bia.

Sơn, thôn Quan Triều, huyện Phú Lương. Núi Cẩm Sơn này có một tòa như cái vòng tròn, mặt sau núi bao quanh là 3 nhánh sông, còn có hai ngọn Tượng Sơn và Yên Mã Sơn nằm phủ phục ở phía trước và phía sau đền, đối nhau cao sừng sững. Thật là vùng địa linh nhân kiệt.

Có lẽ cái thần khí của núi sông đã tụ lại cây Tùng cao mà giáng sinh ra thần. Quả thật là nơi đây đã hun đúc nên ngọn núi đẹp. Kê cứu trong quốc sử biết rằng Thần họ Dương, húy Tự Minh, là bậc anh Hào trong đám thổ tù (thổ ti) Phú Lương. Thần làm quan dưới triều Lý Nhân Tông và được giao chức thủ lĩnh Phú Lương, lại được nhà vua gả công chúa Diên Bình làm vợ, về sau làm quan dưới triều Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, cả thảy ba triều vua Lý.

Năm Đại Định thứ 3 (1142), triều Lý Anh Tông đặc sai Thần đến châu Quảng Nguyên để triệu tập người châu ấy. Năm Đại Định thứ 4 (1143) vua xuống chiếu cho Thần cai quản khe động dọc biên giới về đường bộ. Năm Đại Định thứ 5 (1144), Thần được vua gả công chúa Thiều Dung và phong làm phò mã lang. Năm Đại Định thứ 6 (1145) có kẻ yêu thuật người nước Tống là Đàm Hữu Lượng chốn sang châu Tư Lang. tự xưng là Lữ tiên sinh nói dối là vâng mệnh đi sứ để dụ An Nam. Các khe động dọc biên giới nhiều người theo, Hữu lượng đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên.

Bấy giờ Kinh lược súy ty lộ Quảng Tây đưa thư nhờ bắt Hữu Lượng. Vua xuống chiếu cho Phò mã lang

(*Dương Tự Minh*) và văn thân là *Nguyễn Mậu Mai*, *Lý Nghĩa Vinh* đi đánh. Đuổi tới ải *Lũng Đổ* châu *Thông Nông*, *Hữu Lượng* trốn thoát, bắt được bè đảng của *Hữu Lượng* là *Bá Đại* cùng 21 người sau đó áp giải chúng trả về nước *Tống*.

Năm *Đại Định* thứ 11 (1150, triều *Lý Anh Tông*), *Phủ quân* *Đỗ Anh Vũ* mê hoặc triều đình, bừa bãi phóng túng, mọi người không ai giám nói. Bấy giờ *Phò mã* lang *Dương Tự Minh* cùng với *Điện tiền* đô chỉ huy sứ là *Vũ Đái*, *Hỏa đầu* đô *Quảng Vũ* là *Lương Thượng Cá*, *Hỏa đầu* đô *Ngọc Giai* là *Đồng Lợi*, *Nội thị* là *Đỗ Ất*, với bọn *Trí Minh* vương, *Bảo Ninh* hầu cùng mưu bắt giam *Anh Vũ*. Bèn xông đuổi bắt *Anh Vũ*, trói giam ở miếu *Tả Hưng thánh*. *Hỏa đầu* đô *Tả Hưng thánh* là *Nguyễn Dương* bèn cầm giáo định đâm. *Vũ Đái* vốn đã nhận tiền vàng hối lộ của *Thái Hậu*, bèn nói chưa có lệnh trên nên ngăn lại. *Nguyễn Dương* bực tức, nhảy xuống nước tự tử.

Đến khi *Anh Vũ* nhận được sắc tha tội phục hồi chức *Thái úy* phụ chính như trước, bèn nhớ đến báo oán cũ. *Phò mã* lang (*Dương Tự Minh*) cuối cùng bị đi đày ở nơi xa độc mà chết.

Do vậy, trong lời tiểu dẫn bài tựa cuốn *Vịnh sử thi tập*, *Đặng Minh Khiêm* có chép về *Phò mã* lang *Dương Tự Minh* và đề vịnh rằng:

Phủ Lương muôn địa nhất phương hùng./Đế thất liên nhân vịnh bỉ nùng./
Dục khứ gian thần chung kiến hiểm./
Hà hoang khoan hận Nhược đường phong.

Tạm dịch:

Làm bậc hùng trưởng một phương thuộc đất Phú Lương./. Được vua gả con gái cho, chuyện nông hậu ấy thật đáng ca ngợi./. Muốn trừ khử kẻ gian thần, cuối cùng gặp phải họa nạn ở một nơi xa thẳm kia, chắc mỗi hận đã được cởi bỏ vì được phong Nhược đường./. Lời thơ thật đẹp để làm sao! Càng làm nổi bật sự trung dũng của bậc tôn Thần, đó là việc tiết nghĩa vậy! Nhìn vào sự kiện trên có gốc gác lâu rồi.

Tục truyền rằng Thần còn thơ ấu, đi chơi núi Cẩm Sơn cùng đùa vui hát điệu lý liên với bậc Tiên nhân. Bèn được chiếc áo của Tiên nhân, có điệu pháp tàng hình, luôn vào trong phủ (Quảng Nguyên).

Sau đấy nhận chiếu đi đánh phủ Quảng Nguyên, vì thế mà thành công, nhiều lần được thăng quan hiển hách. Thế rồi Thần bị lưu đày ở vùng đất hoang vu, dấu tích còn đủ để chứng kiến. Đây là dấu tích linh thiêng khác thường của Thần vậy.

Than ôi! Thần được trọng vọng và giáng sinh trong cõi đời này đã hơn 500 năm nay. Thần ra làm quan vào thời tốt đẹp, cho nên nhận ơn tới ba triều vua. Thần được hai lần kết hôn với công chúa mà ở vào vị thế làm chủ để được quý hiển. Thần đã đổ máu quyết trừ bọn gian ác. Nếu biết được sự linh ứng của vùng đất được ban ân huệ này, thì tuy thần có thác, Ngôi đền Quang Vinh, Phú Sơn cũng đủ linh thiêng mà công thần vẫn còn linh ứng vậy.

Mặt sau bia:

Người anh tuấn tài giỏi nhận chiếu mệnh thì vui mừng. Kẻ gian giáo chưa chết mà ôm hận, linh hồn Thần tuy tự nhưng xương cốt tán lạnh. Điều đó khiến danh tiếng còn trong sử sách, công lao ghi vào gương sáng. Ngôi miếu thờ này mãi mãi lưu giữ dung nhan tuấn kiệt của Thần. Các triều đại bao phong Thần bằng phẩm tước, thăng trật phong ấp, tôn sùng kính phục, cúng tế theo nghi lễ.

Thần, sinh thời làm danh tướng, khi chết làm Thần thiêng. Thần là bậc chính trực và mệnh mệnh, ngụ tại chốn cao vời vợi. Vì tự lo nghĩ cho cơ đồ họ Lý suy thoái mà chết, thật thương cảm cho thần, nhưng chẳng qua cũng chỉ có thể ngưỡng trông lên nơi núi xanh mà thôi!

Cúi xuống nhìn để ca ngợi thơ của sử, cái người trong sử không thể thay đổi được.

Có người cùng ấp với tôi, tên gọi Lê Hoàng Chung là hiệu sinh, thường từ nơi xa đến đây, hơi biết được sự tích của Thần, muốn vì Thần mà tạo dựng bia đá. Tâm nguyện ấy đã có từ lâu, chưa được thành quả, bèn xin ngồi trước điện cầu thần. Thần bèn phụ vào nhà bà đồng. Rồi tôn thần đem mọi việc hiệu ứng bằng lời văn cho tôi biết rằng: Có việc ấy (cho phép dựng bia).

Sự linh ứng của Thần như vậy đó, Thần ngự nơi cao thiêng! Sự tích của Thần đã được ghi chép trong quốc sử. Triều đình ban sắc chỉ, cho tiền bạc xây dựng đền để thờ phụng Thần.

Ngày tốt, tháng Mạnh Xuân (tháng Giêng năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45 (1784) triều Lê.

Hiệu sinh đời Lê Cảnh Hưng là Hoàng Chung người xã Hương La, huyện Từ An, chức Hiệu lý, viện Hàn lâm, thuộc Hiến sát xứ, xứ Hải Dương, dựng bia”.

Đình Quang Vinh, đình *Trại Vải* xây dựng vào năm 1712, đình có cấu trúc hai phần hình chữ đình: Phía trước 3 gian (tiền đình), phía sau (hậu đình), một gian dọc là nơi thờ cúng Dương Cảnh và Bản Thổ. Ngày nay, phía trước đình có 6 chữ Cao Sơn Quý Minh Đại Vương¹. Mái đình cong, lợp ngói vẩy, bốn hàng cột đều bằng gỗ lim. Bao quanh đình có nhiều cây to như đa, xy, gạo, trám và vải. Năm 1947, khi các cơ quan Trung ương chở muối, gạo tập kết bên bờ sông Cầu, đình là nơi bố trí các kho gạo, muối của Chính phủ. Tháng 10 năm 1953, máy bay Pháp ném bom, đình bị phá hủy. Năm 1997, nhân dân góp tiền xây dựng lại, về cơ bản hình dáng giống như trước. Hiện nay, đình được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

Đình làng Đan được xây dựng cách đây trên 200 năm tại xóm Làng Đan, gần cánh đồng Hang Éch nên còn gọi

¹ Theo ý kiến của ông Bằng Bắc Hải, Đình thôn Trại Vải thờ Cao Sơn Quý Minh tức Dương Tự Minh. Nhưng cũng có tài liệu nói Cao Sơn Quý Minh là hai anh em đều là tướng dưới thời vua Hùng; Cao Sơn thống lĩnh 15 vạn quân trấn ải miền núi, Quý Minh là em thống lĩnh 45 vạn quân trấn giữ vùng đồng bằng.

là đình Hang Ếch. Đình là nơi tụ họp của nhân dân hai xóm Thần Vĩ và Làng Đanh - đồng thời đây cũng là nơi thờ cúng thần linh. Đình thờ hai vị thần là Dương Cảnh và Bản Thổ. Năm 1959, Nhà nước xây dựng đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, Quan Triều qua địa phận xóm Làng Đanh, toàn bộ đình và phần lớn làng Đanh phải dỡ để nhường đất cho Nhà nước làm đường, nên không còn đình làng Đanh.

Chùa Quang Vinh được xây dựng cách đây khoảng 300 năm trên khu rừng Đức Ông ở phía tây xóm Quang Vinh. Xung quanh chùa có nhiều cây cổ thụ, sát chùa có 3 cây đa và một cây trám cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Hệ thống cây cối cổ thụ bao quanh chùa đã làm tăng thêm vẻ linh thiêng huyền bí. Về cấu trúc, chùa có hình chuôi vồ, tổng cộng 9 gian, 4 gian giữa thờ Phật (5 gian mặt tiền, 4 gian hậu cung hợp lại hình chữ T). Chùa được làm bằng gỗ lim, táu, sấu; tường xây bằng gạch và vôi mật, mái lợp ngói vẩy. Hướng chính của chùa quay ra phía đông. Chùa Quang Vinh là nơi thờ Phật và cũng là nơi thờ Đức ông Dương Tự Minh. Về quy mô, chùa Quang Vinh chỉ sau chùa Phù Liễn (Thái Nguyên). Chùa Quang Vinh giống như các ngôi chùa khác ở Việt Nam gồm cổng, sân, chính điện, hậu cung thờ Phật. Chùa là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân Quang Vinh nói riêng và cả vùng Quan Triều, Cao Ngạn, Quyết Thắng nói chung. Năm 1946, trên đường lên ATK, đồng chí Võ Nguyên Giáp dừng chân tại nhà ông Trần Văn Trảng (xóm Quang Vinh), ông giao

nhệm vụ cho đơn vị bộ đội tại chùa Quang Vinh, rồi sau đó vượt sông Cầu tại Bến Làng lên Chiến khu Việt Bắc. Năm 1958, Bác Hồ về thăm Trường Rẻo cao Việt Bắc, Bác đã đứng tại sân chùa để nói chuyện với giáo viên, học sinh và nhân dân Quang Vinh.

Năm 1959, Nhà Nước xây dựng nhà máy điện, trên khu vực phía tây của xã Quang Vinh nên đình và chùa không còn nữa. Tuy nhiên khu vực chùa vẫn còn di tích là Cự Rùa bằng đá rất lớn. Ngày nay, nhân dân Quang Vinh có nguyện vọng tha thiết là được xây lại chùa, vừa là giữ lại một di tích lịch sử, văn hóa của phường, đồng thời là nơi ghi dấu Bác Hồ đặt chân đến đất Quang Vinh.

Bên cạnh đình, chùa, Quang Vinh còn có đền, miếu, tiêu biểu như đền Mỏ Bạch, Hạ Mã, miếu ông Khách, v.v... Vị trí đền Mỏ Bạch nằm ở phía tây cầu Mỏ Bạch và phía bắc đường quốc lộ 3. Đền Mỏ Bạch được xây dựng thờ thần linh và vợ Dương Tự Minh. Ngày 10 tháng 12 năm 1962, Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên ra quyết định số 1073/VX, công nhận đền Mỏ Bạch là một trong 19 Di tích lịch sử văn hóa của tỉnh. Năm 1976, đền bị phá hủy, đến năm 1998, nhân dân góp tiền xây dựng lại.

Dưới lòng đất, Quang Vinh có than, kẽm trắng. Mỏ kẽm trước năm 1821 đã được khai thác, mỗi năm nộp cho triều đình 2880 cân. Năm 1835 cho lấp lại. Năm Tự Đức thứ 3 (1850), chính quyền địa phương được lệnh tiếp tục khai thác. Than cũng đã được khai thác tại Thần

Vì, góp phần phát triển kinh tế địa phương trong những năm 1980.

Có thể nói, Quang Vinh là vùng đất giàu truyền thống, văn hóa. Từ rất sớm, nhân dân nơi đây đã cần cù lao động cải tạo thiên nhiên để hình thành nên những xóm làng trù phú. Cùng với đó, hệ thống đình, chùa, miếu cũng được hình thành sớm. Mặc dù có một số bị phá hủy, nhưng với vẻ cổ kính và lịch sử hình thành của nó, nhiều di tích trên địa bàn phường đã được công nhận là di tích lịch sử, văn hóa. Đó không chỉ là niềm tự hào, mà còn là nét độc đáo không phải địa phương nào cũng có được.

II. Truyền thống lịch sử

Quang Vinh là vùng đất được hình thành sớm trong dòng chảy lịch sử dân tộc, nhân dân Quang Vinh nói riêng và nhân dân Thái Nguyên nói chung đã sớm góp mặt trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Đặc biệt là từ khi nhà Lý định đô ở Thăng Long, Thái Nguyên trở thành phen giậu trực tiếp che chở phía Bắc kinh thành.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống những năm 1076 -1077, phần đất phía nam Thái Nguyên là địa đầu của phòng tuyến sông Cầu, nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quan quân nhà Lý với giặc Tống. Tầm bia Ma Nhai ở động Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ còn ghi sự kiện mấy ngàn quân Tống đã bỏ xác trên chiến địa Linh Sơn bên bờ sông Cầu. Câu chuyện về trận đánh tại Bến Làng,

có liên quan đến địa danh Quang Vinh là minh chứng cho tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân Quang Vinh qua dặm dài lịch sử.

Đầu thế kỷ XV, giặc Minh xâm chiếm nước ta, nhân dân Quang Vinh cùng nhân dân Thái Nguyên theo Lưu Nhân Chú, người huyện Đại Từ, đã cùng cha và anh rể tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Ông là vị tướng tài ba, thao lược, từng chỉ huy nhiều trận đánh, là chủ tướng trận phục kích ở ải Chi Lăng, chém tướng giặc Liễu Thăng và trận đánh tan 10 vạn viện binh nhà Minh trên cánh đồng Xương Giang vào năm 1427.

Thời nhà Nguyễn, Thái Nguyên là nơi nổ ra nhiều phong trào khởi nghĩa nông dân chống quan lại phong kiến áp bức bóc lột. Người dân Thái Nguyên từng tham gia các cuộc khởi nghĩa của Dương Đình Cúc, Nông Văn Vân. Là những người dân yêu nước, nhân dân Quang Vinh đã hưởng ứng mạnh mẽ phong trào chống ngoại xâm. Trong 9 cuộc chiến tranh chống xâm lược phương Bắc (từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ XV), nhân dân Quang Vinh cùng với nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp sức người, sức của để chống giặc, góp phần giữ yên bờ cõi Tổ quốc.

Ngày 19 tháng 3 năm 1884, quân Pháp tiến đánh thành Thái Nguyên. Nhân dân Quang Vinh cùng nhân dân Thái Nguyên sát cánh cùng quân triều đình nhà Nguyễn do Hoàng Kế Viêm chỉ huy đánh bại nhiều trận tấn công của địch và làm chậm bước tiến quân của Pháp về Thái Nguyên.

Đầu thế kỷ XIX, đất Thái Nguyên là địa bàn hoạt động và là hậu cứ của Đề Thám. Tiếp đó đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn (tức đội Cấn) và Lương Lập Nham (Lương Ngọc Quyến) chỉ huy nổ ra vào đêm 30 tháng 8 năm 1917 gây tiếng vang lớn trong cả nước. Cuộc khởi nghĩa đã thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Quang Vinh nói riêng. Do có vị trí gần với cuộc khởi nghĩa của Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến, nhân dân Quang Vinh đã đem gạo, muối, thịt lợn ủng hộ nghĩa quân; nhiều thanh niên trai tráng đã theo nghĩa quân đánh giặc.

Trong những năm thực dân Pháp chiếm đóng Thái Nguyên, chúng ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân nơi đây. Thời bấy giờ, phần lớn cánh đồng Quang Vinh, Quan Triều thuộc Becna (Anbert) điền chủ người Pháp quản lý. Điền chủ cai quản cả về kinh tế, chính trị, tinh thần và xã hội. Giúp việc cho điền chủ là hệ thống quan lại người Việt như chánh tổng, lý trưởng, phó lý, kỳ hào... Họ nhận ruộng của điền chủ rồi cho nông dân thuê lại, điền hình như Ký Tân, ông đã nhận toàn bộ ruộng của Becna Ngọc (con của Becna) tại Thần Vì hoặc như Chánh Tuyển (xã Đồng Bẩm) nhận ruộng của Becna Ngọc ở Quang Vinh, Soi Dầu, Trại Vải rồi cho nông dân thuê. Tầng lớp này vừa là người làm thuê, vừa là người bóc lột.

Ngoài bóc lột về kinh tế đến tận xương tủy, thực dân Pháp còn thực hiện chính sách nô dịch, ngu dân. Chúng độc quyền sản xuất và bán rượu. Chúng bắt nhân dân phải

uống “rượu ty”, không được tự sản xuất rượu, ai nấu rượu bị bỏ tù, làng nào không tiêu thụ hết rượu bị phạt tiền và coi là phiền loạn. Cùng với rượu còn chúng còn đầu độc nhân dân bằng thuốc phiện. Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, thuốc phiện được bán công khai, chúng còn mở các tiệm hút, sòng bạc, lôi kéo thanh niên vào con đường nghiện ngập, làm mòn mỏi tinh thần, thể xác nhằm làm lãng quên tinh thần đấu tranh của nhân dân. Cùng với đầu độc bằng rượu cồn, thuốc phiện và cờ bạc, thực dân Pháp hạn chế tối đa phát triển giáo dục, giam hãm dân ta trong vòng ngu dốt và lạc hậu.

Về văn hóa, chúng khuyến khích duy trì những tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; mặt khác, tuyên truyền lối ăn chơi trụy lạc.

Chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp làm mâu thuẫn giữa nhân dân Quang Vinh với thực dân và tay sai ngày càng gay gắt. Trước tình hình đó, nhân dân Quang Vinh đã cùng nhân dân các xã trong huyện Đồng Hỷ đứng lên chống lại sự áp bức bóc lột, chống bắt phu, bắt lính, điển hình là cuộc khởi nghĩa của Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến năm 1917.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của lịch sử Việt Nam. Năm 1936 đến 1937, cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên ra đời tại La Bằng huyện Đại Từ và Phú Thượng, Trảng Xá huyện Võ Nhai. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên lớn mạnh không

ngừng. Võ Nhai trở thành trung tâm chỉ đạo phong trào cách mạng trong tỉnh Thái Nguyên¹. Sự lớn mạnh của Đảng lan tỏa nhanh chóng đến các miền quê. Từ Võ Nhai, các đảng viên bắt đầu xâm nhập vào huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương và Phổ Yên xây dựng cơ sở cách mạng. Đồng Hỷ là huyện nằm bao quanh thị xã Thái Nguyên bị thực dân Pháp kiểm soát chặt chẽ, nhưng do tiếp giáp với Võ Nhai nên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào do Đảng lãnh đạo.

Đầu năm 1942, Hội Cứu quốc ở hai xã Cây Thị và Hợp Tiến được thành lập; tiếp đến tổ chức Thanh niên Cứu quốc được xây dựng ở Văn Hán và Khe Mo. Đây là những cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Đồng Hỷ. Giữa năm 1944, đồng chí Trần Văn Tài là người đầu tiên của Quang Vinh được đứng trong đội ngũ của Đảng. Ông tham gia sinh hoạt trong Chi bộ khu vực gồm Quang Vinh, Đồng Tâm, Dân Chủ.

Tháng 10 năm 1944, một số chiến sĩ cách mạng gồm đồng chí Lý Hải Nam, Chu Quang Vinh, Quảng Hiền² về

¹ *Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ 1930-1995*, xuất bản năm 1997, tr.27.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh TN. Địa chí Thái Nguyên NXB CTQG trg 232: Năm 1936, Chi bộ Đảng đầu tiên của Thái Nguyên ra đời tại Trảng Xá, Võ Nhai.

- Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1 (1936-1965), xuất bản 2003, tr.65: Chi bộ Đảng đầu tiên thành lập mùa xuân năm 1937 tại Võ Nhai (chi bộ Võ Nhai)

² Những năm sau (1948-1954), các đồng chí Lý Hải Nam, Chu Quang Vinh, Quảng Hiền là cán bộ của Khu ủy Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Quang Vinh để gây dựng cơ sở, các ông đã ở nhà ông Trần Văn Tài. Những chiến sỹ cách mạng đã tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Đảng, hướng dẫn nhân dân Quang Vinh đứng lên chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến. Cuộc họp đầu tiên được tổ chức tại nhà ông Tổng Sông (Nguyễn Văn Sông), bàn việc tập hợp lực lượng cách mạng, bước đầu là xác định đối tượng cách mạng. Cuối năm 1944, tổ chức Đảng ở Thái Nguyên tổ chức hai buổi tuyên truyền Cách mạng tại xã Quang Vinh, địa điểm tại nhà Tổng Sông (xóm Trại Vải) và nhà ông Trần Văn Trảng (xóm Quang Vinh). Đến học có 18 người tiêu biểu đại diện cho các xóm của xã Quang Vinh¹. Lớp học đã vạch trần sự khủng bố, đàn áp và bóc lột của thực dân Pháp, tuyên truyền ngọn lửa cách mạng ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Võ Nai và một số tỉnh khác, kêu gọi nhân dân tin vào Đảng và xây dựng tổ chức bí mật (Hội kín). Trong số người tham gia lớp học, sau này có 10 người được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, để bảo vệ cách mạng (Hội kín), Đội tự vệ xã Quang Vinh được thành lập; quân số 22 người, do ông Vũ Ngọc Cử phụ trách. Những năm đó

¹ Theo lời kể của bà Nguyễn Thị Chậm, 86 tuổi ở xóm Thần Vi, lớp học gồm: Phan Thanh Nhân, Dương Văn Lục, Trần Văn Long, Vũ Thế Minh, Nguyễn Thị Nguyên, Phạm Quốc Tạc, Nguyễn Văn Tuất, Trần Văn Nặc, Nguyễn Đại Khính, Nguyễn Đại Loan, Nguyễn Đình Châu, Nguyễn Văn Tập, Trần Văn Tuệ, Trần Văn Khoát...

một số gia đình tại Quang Vinh đã dùm bọc, che chở cán bộ cách mạng trong năm 1944 cho đến khi giành được chính quyền tháng 8 năm 1945.

Cuối năm 1944, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến có lợi cho cách mạng, ở Châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng, mâu thuẫn Nhật và Pháp trở nên gay gắt. Đêm 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương. Tại Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 1945, quân Nhật chiếm Thái Nguyên. Thay vì đưa quân chặn đánh quân Nhật, quân Pháp và tay sai mang cờ trắng xuống tận Gia Sàng đón quân Nhật. Tuy vậy, một số binh lính Pháp lại chạy theo đường số 3 lên Cao Bằng, khi qua địa phận Quang Vinh chúng bắt ông Nguyễn Văn Nga và Ngô Văn Hăng đi theo để mang vác thực phẩm cho chúng. Đến Bờ Đậu, lợi dụng sơ hở, ông Nguyễn Văn Nga trốn thoát.

Quân Nhật, sau khi chiếm Thái Nguyên không tốn một viên đạn, chúng vẫn giữ nguyên bộ máy của Pháp để cai trị và bóc lột nhân dân ta. Hàng ngày, chúng tiến hành tuần tra từ thị xã lên vùng mỏ than Quan Triều. Đi đến đâu chúng cũng bắt bớ, chém giết nhân dân gây không khí hoang mang lo sợ.

Từ khi quân Nhật vào xâm lược nước ta, chúng bắt nhân dân đồng bằng nhỏ lúa trồng đay lấy sợi; chúng tích trữ lương thực chở đi các mặt trận, làm cho lương thực ở Việt Nam dần dần trở nên cạn kiệt. Ở Quang Vinh, người

có thóc cũng chỉ được ăn một bữa cơm một bữa cháo, người nghèo chỉ ăn bữa cháo, bữa khoai. Thời gian sau khoai, cháo cũng không còn, dân phải vay thóc của địa chủ với lãi xuất gấp 3 đến 4 lần. Trước sự thiếu đói, nhiều gia đình phải đào củ nưa, củ ráy hoặc lên rừng đào củ mài, củ nân về ăn. Tuy nhiên, cái đói tại chỗ không đáng sợ bằng cái đói ở các tỉnh đồng bằng, nhân dân Nam Định, Thái Bình lũ lượt kéo lên Thái Nguyên, ngày nào cũng có người chết đói ngoài đường phố. Một xã nhỏ bé như Quang Vinh nhưng hàng ngày cũng có xe bò chở người chết đói đi chôn. Trước tình hình trên, Đảng ta đã vạch trần bộ mặt gian ác của Nhật, Pháp; chỉ rõ chúng đang cấu kết với nhau bóc lột nhân dân tới tận xương tủy; đồng thời, kêu gọi những ai yêu nước thương nòi, có ý thức chống Nhật hãy nhanh chóng tham gia vào tổ chức của Việt Minh.

Cuộc đảo chính Nhật - Pháp đã tạo điều kiện khách quan cho phong trào cách mạng Việt Nam phát triển. Năm bất thời cơ, ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: *“Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*. Chỉ thị xác định kẻ thù duy nhất ở Đông Dương lúc này là giặc Nhật nên quyết định thay khẩu hiệu: “Đánh đuổi giặc Nhật - Pháp” bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi giặc Nhật”. Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, v.v... Theo đó, nhân dân Quang Vinh cùng đội tự vệ dưới sự lãnh đạo của cơ sở Đảng Đồng Hỷ đã tham gia phá kho thóc Nhật tại

Thái Nguyên chia cho dân nghèo¹. Cùng với việc phá kho thóc của Nhật, nhân dân Quang Vinh còn góp phần cùng nhân dân thị xã nổi dậy phá nhà tù Thái Nguyên, giải phóng hơn 100 tù chính trị. Cùng thời điểm này, nhân dân Quan Triều, Quyết Thắng, Túc Duyên, Gia Sàng của huyện Đồng Hỷ kéo về Thái Nguyên tạo nên làn sóng đấu tranh với chính quyền tay sai bán nước.

Dưới sự chỉ đạo của cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ, tháng 3 năm 1945, một số cơ sở cách mạng của huyện Đồng Hỷ như: Tân Cương, Bá Xuyên, Bình Sơn và Tân Quang được củng cố². Tháng 4 năm 1945, nhiều tổ chức cứu quốc được thành lập ở Thịnh Đán, Phúc Xuân, Thịnh Đức và Tích Lương.

Để tăng cường sự lãnh đạo, Xứ ủy Bắc Kỳ cử cán bộ về mở lớp huấn luyện cấp tốc nhằm đào tạo cán bộ quân sự, chính trị cho huyện Đồng Hỷ. Tháng 3 năm 1945, lớp học đầu tiên được mở tại Bá Xuyên, phổ biến Chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và trao đổi những biện pháp lớn để thực hiện nhiệm vụ của Xứ ủy Bắc Kỳ. Tiếp đến lớp

¹ Theo lời kể của Bà Nguyễn Thị Chuông và ông Trần Văn Lân, nhân dân Quang Vinh tham gia phá kho thóc tại Đồng Bẩm (kho gốc Sàng); số lương thực đó chở theo sông Cầu về tập kết tại nhà ông Trần Long để chia cho nhân dân, số còn lại đủ làm lương thực dự trữ cho du kích hoạt động.

² *Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ 1930-1995*, xuất bản năm 1997, tr.38.

học thứ hai được tổ chức tại Bình Định xã Tân Cương. Hầu hết cán bộ Tân Quang và thanh niên ưu tú Thái Nguyên được học tại lớp này; sau này họ đã trở thành giáo viên chính trị, quân sự cho các đội tự vệ ở các xã. Theo đó, phong trào cách mạng lan rộng; tổ chức Cứu quốc của mặt trận Việt Minh ra đời ở nhiều địa phương trong đó có Quang Vinh.

Theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh tuyên bố thành lập Khu giải phóng gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và đề ra 10 chính sách cho khu giải phóng. Nhóm cán bộ cách mạng tại Quang Vinh do đồng chí Trần Văn Tài và đồng chí Vũ Ngọc Cử phụ trách đã tuyên truyền 10 chính sách đến các tổ chức tự vệ và quần chúng nhân dân trong xã. Nhờ đó, nhân dân Quang Vinh hiểu rõ vì sao dân ta chết đói; vì sao đời sống của nhân dân ngày càng cực khổ, từ đó đoàn kết với Việt Minh, đi theo Việt Minh để giành lấy miếng cơm manh áo, giành lấy độc lập, tự do¹.

Đầu tháng 7 năm 1945, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban lãnh đạo khu giải phóng quyết định thành lập Ban cán sự Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng huyện Đồng Hỷ. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới của phong trào cách mạng huyện Đồng Hỷ, đồng thời là nhân tố quan trọng

¹ Theo lời kể của cụ Nguyễn Thị Chuộng (Huy) 87 tuổi xóm Thần Vi, một trong số du kích nữ đầu tiên của Quang Vinh.

trong cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên¹.

Tháng 8 năm 1945, chiến tranh thế giới đi vào giai đoạn kết thúc. Thời cơ cách mạng đã đến. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) trong 2 ngày 14 và 15 tháng 8 năm 1945 đã Quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thành lập “Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc” để lãnh đạo khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và bọn bù nhìn tay sai của chúng trước khi quân đồng minh Anh, Pháp vào nước ta.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước. Chiều 19 tháng 8 năm 1945, một đơn vị Giải phóng quân về tập kết tại cánh rừng Thần Vì. Nhân dân xóm Thần Vì và Quang Vinh đã mang gạo và thực phẩm ra nấu cơm phục vụ bộ đội. Để đường tiến quân bí mật, nhân dân Thần Vì đã lấy bè vó kết thành mảng cho bộ đội vượt suối tiến qua Mỏ Bạch về tập kết tại khu vực tây bắc Gia Bầy, (nay là trường Đảng, tỉnh Thái Nguyên) chuẩn bị cho cuộc tiến công vào trại lính của quân Nhật. Đội tự vệ Quang Vinh được phân công canh gác trên trục đường số 3, đoạn Gia

¹ Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ (1930 - 1995) xuất bản năm 1997, tr.44.

Bảy - Quan Triều và giúp đỡ bộ đội trong việc cứu chữa thương binh. Các tầng lớp nhân dân Quang Vinh, nhất là thanh niên hăng hái gia nhập các đoàn thể cứu quốc, tuyên truyền cho Việt Minh, tăng cường quân số cho đội tự vệ chiến đấu.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, ở Thái Nguyên, quân địch có khoảng 1 đại đội lính Nhật, 400 lính bảo an và 200 cảnh sát vũ trang, chúng đóng tại trại lính khố xanh cũ, dinh công sứ Pháp, đồn điền Gia Sàng.

Đêm 19 tháng 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đại đội tự vệ Phú Bình phối hợp với tự vệ Cam Giá, tự vệ Gia Sàng đánh địch chiếm đồn Gia Sàng. Trận đánh diễn ra nhanh gọn, ta chiếm được đồn, bắt một số lính bảo an, thu toàn bộ vũ khí và sổ sách, tiểu đội lính Nhật bỏ chạy về trại lính khố xanh. Hai trung đội của đại đội Đàm Quốc Chung bố trí tại Gia Sàng để sẵn sàng đánh quân Nhật từ Hà Nội lên chi viện cho quân địch ở Thái Nguyên.

Trong lúc quân ta đánh đồn Gia Sàng, nhân dân các xã Quang Vinh và Quan Triều mang theo cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ hình thành một đoàn biểu tình tiến xuống thị xã, nhân dân đi sát đồn quân Nhật nhưng chúng không có phản ứng. Ở đồn điền KépLe, nhân dân làm thuê cho chủ đồn điền KépLe hợp với đoàn biểu tình của nhân dân từ Thịnh Đán, Phúc Xuân kéo ra. Trong khi đó ở phía Bắc, nhân dân Đồng Bẩm, Huống Trung (Dân Chủ) với cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ rầm rập kéo đến cầu Gia Bảy. Đoàn biểu tình điều

hành trên các đường phố thị xã Thái Nguyên, hô vang các khẩu hiệu: *Việt Nam độc lập muôn năm. / Đảo đảo phát xít Nhật. / Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. / Việt Minh muôn năm ! .../* Trước khi thể cách mạng sôi nổi, quân Nhật và tay sai rút vào các trại lính cố thủ.

Đêm 19 tháng 8 năm 1945, lực lượng vũ trang chia thành ba mũi tấn công vào thị xã. *Mũi thứ nhất*, do đồng chí Vi chỉ huy bao vây trại bảo an; *mũi thứ hai*, do đồng chí Đàm Quang Trung - đại đội trưởng¹ chỉ huy bao vây quân Nhật tại đồi Chánh Xứ; *mũi thứ ba*, do đồng chí Đàm Quốc Chung đại đội trưởng chỉ huy cùng các đội tự vệ đánh các đơn vị đóng lẻ trên thị xã và làm lực lượng dự bị. Đến 24 giờ đêm ngày 19 tháng 8 năm 1945, ta bao vây chặt các vị trí quân địch, cắt đứt mọi liên lạc của chúng với trung tâm chỉ huy ở Hà Nội.

Lực lượng tự vệ xã Quang Vinh tập trung tại nhà đồng chí Vũ Văn Cử. Một tiểu đội được phân công canh gác tuần tra, ba tiểu đội còn lại chuẩn bị lương thực sẵn sàng vượt suối đoạn Cửa Ngòi bổ sung lực lượng cho Giải phóng quân đánh quân Nhật ở đồi Chánh Xứ (Thái Nguyên). Phụ nữ và thanh niên chuẩn bị sẵn một số vòng tròn tham gia cứu chữa thương binh, một bộ phận được phân công nấu cơm nắm tiếp tế cho bộ đội ở khu vực chợ trâu Gia Bầy.

¹ Bộ Quốc phòng. Từ điển bách khoa quân sự NXB QĐND trg 323

Sáng 20 tháng 8 năm 1945, lực lượng khởi nghĩa gửi tới hậu thư cho Tri huyện Đồng Hỷ và tỉnh trưởng Thái Nguyên buộc chúng phải đầu hàng. Cùng lúc đó, lực lượng vũ trang tiếp tục xiết chặt vòng vây quanh trại lính khổ xanh, sẵn sàng tiêu diệt nếu chúng ngoan cố. Trước khí thế cách mạng, tỉnh trưởng và tri huyện đầu hàng, đồng thời lệnh cho bảo an đầu hàng và giao nộp toàn bộ vũ khí. Ta chiếm được dinh tỉnh trưởng và dinh tri huyện Đồng Hỷ, thu được nhiều vũ khí trang bị và lương thực thực phẩm. Có vũ khí, một đại đội quân giải phóng mới được hình thành bổ sung cho lực lượng đang bao vây quân Nhật.

Đến 7 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 1945, quân ta nổ súng vào căn cứ của Nhật trên đồi Chánh Xứ, quân Nhật ngoan cố bắn lại quyết liệt. Đến 8 giờ, ta đưa tới hậu thư của “Ủy ban khởi nghĩa” đòi quân Nhật giao nộp vũ khí, nhưng chúng vẫn ngoan cố chờ viện binh từ Hà Nội. Trước sự ngoan cố của quân Nhật, Giải phóng quân tập trung toàn lực đánh vào vị trí quân Nhật. Bất chấp hiểm nguy, nhân dân Quang Vinh tích cực tiếp tế cho lực lượng ta đánh địch. Trong lúc cuộc chiến đang diễn ra, phần lớn *Việt Nam giải phóng quân* được lệnh cấp tốc hành quân về Hà Nội, nhiệm vụ bao vây địch, giải phóng Thái Nguyên được giao cho một đại đội *Việt Nam giải phóng quân* và các đơn vị tự vệ Thái Nguyên. Cuộc bao vây tiếp tục đến khi có chỉ thị của Việt Minh và phái viên của Bộ Tư lệnh quân Nhật đến đề nghị cho quân Nhật rút vào ngày 26 tháng 8 năm 1945.

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, nhân dân Quang Vinh cùng với nhân dân các dân tộc Thái Nguyên kéo về sân vận động thị xã chứng kiến sự ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên.

Có thể nói, Quang Vinh là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và đấu tranh cách mạng, từ vùng đất hoang sơ, bằng bàn tay và khối óc của mình, nhân dân Quang Vinh đã từng bước san đồi, lấp khe tạo nên những cánh đồng rộng ruộng, trồng cây, tạo dựng cuộc sống, dần hình thành nên những xóm làng trù phú với nhiều di tích lịch sử, văn hóa để lại đến ngày nay. Đặc biệt, với lòng yêu nước cháy bỏng và căm thù giặc sâu sắc, nhân dân Quang Vinh tham gia các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, góp phần bảo vệ chủ quyền dân tộc. Bước sang năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, nhân dân Quang Vinh đã cùng nhân dân Thái Nguyên vùng lên mạnh mẽ đấu tranh giành chính quyền cách mạng, góp phần quan trọng vào sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, đưa dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới.

Chương II

CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. Sự ra đời của chính quyền và chi bộ Đảng

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử dân tộc. Từ thân phận nô lệ, dân tộc Việt Nam được giải phóng khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ những trở lực của phương thức sản xuất phong kiến lỗi thời, tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

Trên chặng đường mới, nhân dân ta có những thuận lợi rất cơ bản là chính quyền dân chủ nhân dân được thiết lập trên cả nước, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Sau khi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Thái

Nguyên thắng lợi, Quang Vinh nhanh chóng thành lập chính quyền cách mạng lâm thời, do đồng chí Vũ Ngọc Cử¹ làm chủ tịch, đồng chí Trần Văn Tài làm Phó Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Văn Lục phụ trách An ninh và Trưởng ban Văn xã; đồng chí Trần Long và đồng chí Nguyễn Đại Loan phụ trách du kích. Cùng với sự ra đời của chính quyền xã, các đoàn thể cũng nhanh chóng được thành lập. Đồng chí Nguyễn Đình Châu phụ trách Thanh niên; bà Đặng Thị Chắt phụ trách Hội Phụ nữ Cứu quốc; các đồng chí: Trần Văn Khoát, Vũ Thế Minh và Phan Thanh Nhân là Ủy viên xã.

Sự ra đời của chính quyền lâm thời là dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển xã Quang Vinh. Từ đây, nhân dân trong xã được lao động, sản xuất dưới sự quản lý, điều hành của chính quyền cách mạng nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Tuy nhiên, cũng như các địa phương khác trong cả nước, chính quyền xã Quang Vinh vừa ra đời đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. Đội ngũ cán bộ chủ yếu là những nông dân, không có kinh nghiệm về quản lý xã hội; cùng với đó, cơ sở vật chất cho chính quyền hoạt động thiếu thốn. Nhưng khó khăn lớn mà chính quyền và nhân

¹ Năm 2008, Bộ Công an truy tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc cho ông Vũ Văn Cử vì đã có thời gian hoạt động trong lực lượng An ninh Cách mạng 1944-1954 tại Thái Nguyên.

dân Quang Vinh phải đối mặt là khó khăn chung của đất nước đó là: “giặc đói”, giặc dốt” và “giặc ngoại xâm”. Hậu quả của nạn đói khủng khiếp xảy ra ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm hai triệu người chết đói chưa được khắc phục thì lụt lội, hạn hán dẫn đến mất mùa liên tiếp xảy ra ở Bắc Bộ, ảnh hưởng nặng nề tới đời sống hàng ngày của hàng triệu người dân từ thành thị đến nông thôn. Chính sách “ngu dân” cực kỳ phản động của chủ nghĩa thực dân Pháp, làm cho trên 90% dân số Việt Nam không biết chữ, là một trở lực lớn trong công cuộc xây dựng chế độ mới.

Những khó khăn, cản trở trên đây là to lớn, nhưng nghiêm trọng hơn cả là *nạn giặc ngoài thù trong*, trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chế độ. Những ngày đầu tháng 9 năm 1945, gần 30 vạn quân gồm Quân đội Trung Hoa dân quốc, quân đội Anh và quân đội Pháp tràn vào nước ta. Chúng chiếm đóng các địa bàn có tầm quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế; đặc biệt là thủ đô Hà Nội, các thành phố, thị xã và các tuyến giao thông huyết mạch. Theo gót quân đội nước ngoài, các thế lực phản động người Việt cũng kéo về trong nước, ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Nguy hiểm nhất là Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) của Vũ Hồng Khanh và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (Việt Cách) của Nguyễn Hải Thần. Chúng cấu kết với nhau đòi giải tán Mặt trận Việt Minh, đòi định lại Quốc kỳ, Quốc ca, đổi tên Quân giải phóng, phản đối tổng tuyển cử, đòi Chính phủ Hồ Chí

Minh từ chức, v.v... Ở miền Nam, được sự tiếp tay và hỗ trợ của quân đội Anh, đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp bất ngờ đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam bộ, Sở cảnh sát, trại cộng hòa vệ binh, nhà ngân hàng, Khám lớn, Sở bưu điện... khởi đầu cuộc xâm lược Đông Dương lần thứ hai.

Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời chưa được một nước nào trên thế giới công nhận, ở vào thế bị bao vây, chưa nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ trực tiếp của các nước cùng hệ tư tưởng và tiến bộ trên thế giới. Những khó khăn, thử thách nêu trên đe dọa nghiêm trọng nền độc lập, tự do vừa giành được, đặt chính quyền dân chủ nhân dân và vận mệnh đất nước vào thế “nghìn cân treo sợi tóc”. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định Nhà nước dân chủ nhân dân phải được củng cố và tăng cường về mọi mặt; đời sống nhân dân, về kinh tế, tài chính của đất nước phải được giải quyết. Ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời. Chính phủ xác định những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước dân chủ cộng hòa, gồm sáu điểm: *Một là*, phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống đói; mở ngay một cuộc vận động quyên gạo để giúp đỡ người nghèo. *Hai là*, mở phong trào chống nạn mù chữ. *Ba là*, tổ chức sớm tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu để xây dựng một Hiến pháp dân chủ. *Bốn là*, mở phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu của chế độ thực dân để lại.

Năm là, bỏ ngay thuê thân, thuê chợ, thuê đồ; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện. Sáu là, tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết.

Ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* làm Cương lĩnh hành động trước mắt của toàn Đảng, toàn dân ta. Trên cơ sở những chủ trương lớn, Đảng, Chính phủ khẩn trương triển khai thực hiện hàng loạt các nhiệm vụ cấp bách, mà trước hết là chống “giặc đói”, “diệt trừ giặc dốt”, xem đó là hai trong sáu nhiệm vụ cấp bách nhất của chính quyền dân chủ nhân dân. Mở đầu phong trào tăng gia sản xuất, chống đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền độc lập, tự do”¹. Ngày 28 tháng 9 năm 1945, trong thư gửi đồng bào cả nước, Người viết: “Lúc này chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: *Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”². Tiếp đó, ngày 8 tháng 11 năm 1945, trong một bài viết nhan đề: *Hô hào nhân dân chống nạn đói*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Khi có chiến tranh thì phải huy động và tổ chức tất cả lực lượng trong nước để chống giặc. Muốn

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.2002, tập 4, tr.115.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.2002, tập 4, tr.31.

chống nạn đói, cũng phải huy động và tổ chức tất cả lực lượng của đồng bào toàn quốc”¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huyện ủy Đồng Hỷ² chủ trương kiên trì vận động nhân dân đoàn kết, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, quyết tâm đẩy lùi nạn đói. Trên tinh thần đó, nhân dân Quang Vinh đã đùm bọc, tương trợ lương thực, thực phẩm cho các gia đình nghèo, thiếu đói. Những gia đình khá giả của xã đã cho những gia đình nghèo vay thóc với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi³. Để việc tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau có hiệu quả, ban cứu tế xã Quang Vinh được thành lập, ở các thôn, xóm thành lập các tổ cứu tế. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban lâm thời xã Quang Vinh, ban cứu tế đi đến từng gia đình tuyên truyền, vận động nhân dân lập “hũ gạo tiết kiệm”⁴. Đặc biệt, khi biết Chủ tịch Hồ Chí Minh với tấm lòng nhân hậu - cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa - mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, nhân dân trong xã đã học tập và noi gương của

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.2002, tập 4, tr.93.

² Sau khi giành chính quyền, Ban Cán sự Đảng Đồng Hỷ (thành lập tháng 7 năm 1945, do đồng chí Trịnh Thị Tâm phụ trách) chuyển thành Huyện ủy, do đồng chí Ngọc Lan làm Bí thư Huyện ủy.

³ Trước đây vay 1 thùng thóc, đến mùa phải trả từ 1,5-1,7 thùng,

⁴ Phong trào “hũ gạo tiết kiệm” tồn tại mãi về sau với những cái tên khác như: “hũ gạo kháng chiến”, “hũ gạo vì miền Nam ruột thịt” hay “hũ gạo chống Mỹ”, phong trào có tác dụng giáo dục sâu sắc về tính tiết kiệm và tình thương yêu con người trong nhân dân.

Người. Theo đó, mỗi gia đình trong xã lập một “hũ gạo tiết kiệm”, khi nấu ăn thì bớt từ một đến hai nắm gạo bỏ vào hũ. Với cách làm sáng tạo, ban cứu tế xã đã hoạt động hiệu quả và đem lại kết quả tích cực. 100% các gia đình trong xã đã có “hũ gạo tiết kiệm”; hàng tuần, ban cứu tế đi đến từng gia đình nhận gạo tiết kiệm để từ đó chia cho những gia đình thiếu đói, đồng thời nộp một phần cho ban cứu tế của huyện Đồng Hỷ. Cùng với xây dựng “hũ gạo tiết kiệm”, chính quyền xã còn vận động nhân dân không dùng gạo để nấu rượu, giành lương thực để cứu đói và chuẩn bị cho công cuộc kiến thiết nước nhà. Hơn lúc nào hết, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái được nhân dân Quang Vinh khắc họa một cách sinh động. Đó cũng là tiền đề quan trọng để nhân dân tiếp tục đoàn kết thực hiện những nhiệm vụ cách mạng cấp bách khác.

Để giải quyết nạn đói tận gốc, Đảng và Chính phủ đề ra những biện pháp căn bản, lâu dài, tập trung chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất. Với khẩu hiệu: “Không một tấc đất bỏ hoang”, “Tắc đất tắc vàng”, phong trào thi đua sản xuất đẩy lên ở khắp nơi. Thực hiện Nghị định số 41 BKT ngày 15/11/1945 của Bộ Kinh tế Quốc dân quy định một số biện pháp để khuyến khích tận dụng đất đai trồng màu cứu đói: Quang Vinh thực hiện kê khai ruộng đất: Tất cả những người có ruộng đất phải khai báo với chính quyền địa phương về diện tích canh tác. Ngoài số diện tích đó, phần nào chưa canh tác thì buộc phải cho người thiếu ruộng mượn tạm trong một vụ để trồng màu. Người mượn ruộng

phải đảm bảo canh tác hết diện tích đó trước tết âm lịch, tức ngày 2 tháng 2 năm 1946 và đến tháng 4/1946, thu hoạch xong thì phải trả lại ngay cho chủ cũ. Những nhà có trâu bò, hỗ trợ nhà không có để cấy gieo trồng hết diện tích; khuyến khích nông dân mua trâu bò để tăng sức kéo.

Để giải quyết khó khăn về tài chính, Đảng, Chính phủ cũng đã dựa vào dân, phát huy lòng yêu Tổ quốc, yêu Độc lập - Tự do, trên tinh thần tự nguyện và theo khả năng của mình đóng góp theo nhiều hình thức như “quĩ Độc lập”, “quĩ Kháng chiến”, “đảm phụ quốc phòng”... Hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ, Chính quyền xã Quang Vinh đã hướng dẫn nhân dân tích cực cải tạo đồng ruộng, vỡ hoang những mảnh đất ven sông, suối đưa nhiều diện tích vào cấy, trồng thêm cây lương thực; nhờ vậy chỉ sau gần một tháng, màu xanh của rau màu đã đã đâm chồi nảy lộc trên các đồi gò của Rừng Vầu, Thần Vi và các bãi ven sông của Soi Cam, Quang Vinh, Trại Vải, báo hiệu sự sống đang trỗi dậy.

Nhờ có sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Đồng Hỷ, lòng nhiệt tình cách mạng, sự đoàn kết và ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn, nhân dân Quang Vinh đã tích cực tăng gia lao động sản xuất, bước đầu đẩy lùi được nạn đói. Không những vậy, nhân dân trong xã còn giúp đỡ, cứu mang được hàng trăm người bị đói ở miền xuôi tìm đến Quang Vinh, giúp họ nơi ăn chốn ở, bước đầu ổn định cuộc sống.

Những thắng lợi trên mặt trận “diệt giặc đói” không chỉ có tác dụng về mặt kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị to lớn, khôi lại tình yêu thương giống nòi, tình làng nghĩa xóm một tinh hoa văn hóa dân tộc Việt đã tồn tại hàng ngàn năm. Mặt khác còn chứng tỏ uy tín của chính quyền dân chủ nhân dân, chứng tỏ sức mạnh của người dân vừa được giải phóng.

Để giải quyết khó khăn cho nền tài chính quốc gia, ngày 4 tháng 9 năm 1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập”. Ngày 17 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân hưởng ứng “Tuần lễ vàng”, động viên mọi người dân tự nguyện ủng hộ Chính phủ.

Cùng các hình thức tổ chức “Quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”, chính quyền cách mạng còn tổ chức nhiều hình thức khuyến khích để nhân dân có điều kiện tham gia đóng góp cho tài chính đất nước với hình thức tự nguyện như lập “Quỹ kháng chiến”, “Quỹ bình dân học vụ”, “Quỹ giải phóng quân”, “Ngày Nam Bộ”... Sự đóng góp, ủng hộ nhiệt tình của nhân dân đã góp phần giải quyết khó khăn về tài chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thực hiện sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập” và phong trào “Tuần lễ vàng”, nhân dân Quang Vinh đã ủng hộ Nhà nước 3.200 kg thóc. Hội Phụ nữ Cứu quốc và Đoàn Thanh niên Cứu quốc trở thành nòng cốt trong các hoạt động sôi nổi trên. Ngoài ra, Đội Thiếu niên Cứu quốc dưới sự dẫn dắt của đồng chí Nguyễn Đình Châu và Hà Văn Thanh đã thường xuyên tổ chức các buổi tuần hành

trên các đường làng, ngõ xóm, cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào “diệt giặc đói”.

Cùng với thắng lợi bước đầu trên mặt trận “diệt giặc đói”, Ủy ban nhân dân lâm thời xã Quang Vinh tập trung chỉ đạo bài trừ “giặc dốt”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”! Vì thế, ngay sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân, một trong những việc làm là nhanh chóng bắt tay vào diệt “giặc dốt” nâng cao dân trí cho nhân dân. Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chính phủ lâm thời ra Sắc lệnh thành lập “*Bình dân học vụ*” để phụ trách việc xóa nạn mù chữ cho nhân dân. Trong lời kêu gọi “Chống nạn thất học”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Muốn giữ vững nền độc lập. / Muốn làm cho dân mạnh nước mạnh. Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”¹. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào toàn dân tham gia bình dân học vụ phát triển sôi nổi ở Quang Vinh. Mỗi xóm tổ chức 1 đến 2 lớp học (ban ngày dành cho trẻ nhỏ, ban đêm dành cho người lao động). Địa điểm lớp 4 tổ chức tại nhà ông Phan Bá An (xóm Soi Cam), các lớp học còn lại tổ chức tại nhà ông Trần Văn Trảng (xóm Quang Vinh), nhà cụ Cửu Cầu (Thần Vi), nhà cụ đội Lâu

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.2002, tập 4, tr.36-37.

(Rừng Vầu), v.v.... Thầy giáo Hoàng Xuân Bình được chính quyền xã phân công quản lý các lớp học.

Do làm tốt công tác vận động quần chúng, số lượng các lớp học ngày càng tăng lên, đội ngũ giáo viên hiện có không đủ. Giải quyết tình trạng trên, Ủy ban nhân dân lâm thời huy động những người đã học hết lớp 2, lớp 3 như bà Nguyễn Thị Chậm, ông Phan Thanh Lạc, ông Đặng Văn Cân, ông Nguyễn Văn Đoan, ông Nguyễn Văn Thụy, ông Nguyễn Đình Châu, ông Lịch, ông Vũ Thế Minh, ông Trần Long, v.v... để thầy giáo Bình và cô Vân Tiên hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm. Với cách làm ấy, chỉ trong một thời gian ngắn, xã Quang Vinh đã có đủ số lượng giáo viên cần thiết để dạy tất cả 14 lớp, từ lớp 1 đến lớp 3.

Để cổ vũ cho phong trào học chữ, Đoàn Thanh niên tổ chức viết các chữ cái lên các bức tường bên đường làng ngõ xóm để nhân dân đi làm học. Đội Thiếu niên trong xã đã tổ chức nhiều buổi tuần hành cổ động phong trào, các em cũng hô vang khẩu hiệu: “Nhân dân Quang Vinh quyết tâm ủng hộ Chính phủ kháng chiến”; “Nhân dân Quang Vinh quyết tâm “diệt giặc đói”, “diệt giặc dốt”, bảo vệ Tổ quốc”. Với sự cổ vũ đó, nhân dân trong xã đã quyết tâm học tập với mong muốn đẩy lùi “giặc dốt”, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chỉ trong một năm, 91,5% nhân dân Quang Vinh ở mọi lứa tuổi biết đọc, biết viết.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống “giặc dốt” thể hiện

quyết tâm của nhân dân Quang Vinh. Việc xóa mù chữ giúp cho nhân dân nâng cao lòng yêu nước, ý thức dân tộc, thấu hiểu và tự hào về truyền thống văn hóa của xã. Hơn nữa, quyền được học tập đã mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi người, tạo sự bình đẳng cho các cá nhân, giúp nhân dân có trình độ hiểu biết để tự giải phóng mình, góp sức vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

Ngoài ra, cuộc vận động xây dựng những giá trị mới, nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, căm thù quân xâm lược, yêu quý lao động chân tay, lao động trí óc, yêu công bằng, chính nghĩa, ghét ăn bám, bóc lột, đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng được Ủy ban nhân dân lâm thời xã Quang Vinh tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Trước cao trào cách mạng của nhân dân trong xã, các thói hư, tật xấu, phong tục, tập quán lạc hậu trong ma chay, cưới hỏi, những tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, rượu chè được hạn chế, cải tạo và dần dần xóa bỏ. Cùng với đó, công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh được quan tâm ngay từ buổi đầu xây dựng chế độ mới.

Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, củng cố chính quyền cách mạng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đập tan âm mưu và luận điệu tuyên truyền phá hoại của bọn phản động, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tổ chức Tổng tuyển cử vào ngày 23 tháng 12 năm 1945¹ để

¹ Sắc lệnh số 51 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 17/10/1945

bầu Quốc hội, tiến tới lập Chính phủ chính thức và xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam độc lập. Thực hiện Sắc Lệnh số 51, ngày 23 tháng 12 năm 1945 nhân dân Quang Vinh cùng với nhân dân Thái Nguyên phấn khởi được đi bầu Đại Biểu Quốc hội lần thứ nhất được tổ chức tại xã trang nghiêm, an toàn và thành công tốt đẹp. Tỉnh Thái Nguyên có 3 vị là Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái, Nguyễn Trung Thành trúng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập¹.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, Tổng tuyển cử được tổ chức trên cả nước Việt Nam, dù đang có mâu thuẫn cục bộ nhưng số người đi bỏ phiếu vẫn rất đông và đã thành công, bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Quốc hội đã thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến Việt Nam của Nhà nước Việt Nam độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu; thông qua bản Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam².

Song song với việc kiện toàn chính quyền Trung

¹ Do nhiều yếu tố, ngày 18 tháng 12/1945, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra sắc lệnh số 76/SL hoãn cuộc bầu cử đến 6/1/1946. Một số địa phương trong đó có Thái Nguyên không nhận được sắc lệnh nên vẫn tổ chức vào ngày 23 tháng 12 năm 1945. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước diễn ra vào 1/6/1946.

² Nhiệm kỳ hoạt động của Quốc hội khóa I kéo dài 16 năm, từ tháng 1-1946 đến tháng 5-1960, do trong điều kiện chiến tranh và đất nước bị chia cắt, nên không thể tổ chức được một cuộc bầu cử trên cả nước để bầu Quốc hội khóa mới.

ương, bộ máy chính quyền các cấp cũng dần dần được kiện toàn, củng cố về mặt pháp lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký các sắc lệnh quy định việc tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp ở nông thôn, quy định tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố.

Quán triệt chủ trương trên, cuối tháng 2 năm 1946, nhân dân Quang Vinh tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân Khóa I, nhiệm kỳ 1946 -1948. Với tinh thần trách nhiệm cao, nhân dân trong xã đã sáng suốt lựa chọn bầu được 15 đại biểu ưu tú, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân vào Hội đồng nhân dân xã khóa I, gồm các đồng chí: Trần Văn Tài, Vũ Ngọc Cử, Vũ Thế Minh, Phan Thanh Nhân, Trần Văn Khoát, Trần Long, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Văn Tuất, Trần Văn Tập, Đặng Thị Chắt, Phạm Quốc Tạc, Nguyễn Thị Nguyên, Nguyễn Đại Khính, Nguyễn Đình Châu và Ngô Thế Khóa.

Tháng 3 năm 1946, Hội đồng nhân dân xã Quang Vinh tổ chức họp phiên đầu tiên, bầu ra Ủy ban Hành chính xã, ông Vũ Ngọc Cử được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính đầu tiên xã Quang Vinh. Ông Trần Văn Tài, phụ trách về Đảng kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; ông Trần Long giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phụ trách quân sự - an ninh; ông Vũ Thế Minh phụ trách Nông hội; bà Đặng Thị Chắt phụ trách Hội Phụ nữ cứu quốc; ông Nguyễn Đình Châu phụ trách thanh niên, thiếu niên cứu

quốc; ông Nguyễn Văn Tuất phụ trách giao thông và ông Phan Thanh Nhân phụ trách tự vệ.

Sau khi Ủy ban Hành chính xã Quang Vinh được thành lập thay cho Ủy ban nhân dân lâm thời, Chủ tịch Vũ Ngọc Cừ đã triệu tập phiên họp đầu tiên để thông qua kế hoạch và các biện pháp nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách mà Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra trong giai đoạn lịch sử.

Để góp phần xây dựng và củng cố chính quyền, một trong những nhiệm vụ đầu tiên là phải thành lập lực lượng du kích. Theo đó, tháng 3 năm 1946, trên cơ sở của tự vệ chiến đấu, Trung đội tự vệ đầu tiên xã Quang Vinh được thành lập. Trung đội được biên chế thành 4 tiểu đội, 3 tiểu đội nam giới do đồng chí Phan Thanh Nhân, Trần Văn Nặc và Trần Long làm Tiểu đội trưởng; 1 tiểu đội du kích nữ do đồng chí Nguyễn Thị Nguyên làm Tiểu đội trưởng. Trang bị của đội tự vệ chủ yếu là kiếm và mã tấu, số vũ khí này do xã tự tổ chức sản xuất. Nhiệm vụ chủ yếu của đội tự vệ là giữ gìn trật tự, bảo đảm an ninh an toàn cho chính quyền và cuộc sống lao động của nhân dân trong xã.

Về phương thức hoạt động của du kích Quang Vinh: Ban ngày tập trung học tập hoặc giải quyết các công việc liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của xã, ban đêm trở về gia đình, chỉ để lại 3 tổ thường trực canh gác, giữ gìn trật tự trị an ở một số vị trí quan trọng như Ủy ban

Hành chính xã (tại khu vực nhà ông Tuất, xóm Soi Dâu), trục đường 3 và khu vực kho gạo, muối¹.

Trong năm đầu mới được thành lập, Ủy ban Hành chính xã Quang Vinh đứng trước nhiều khó khăn phải giải quyết đó là ổn định đời sống cho nhân dân, thực hiện chủ trương của Chính phủ là “diệt giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”; công việc hết sức nặng nề đặt trên vai những con người mà mới mấy tháng trước họ là thân phận nô lệ, nay phải chăm lo cho hơn một ngàn người. Tuy vậy dưới sự lãnh đạo Huyện ủy mà trực tiếp là tổ Đảng ở Quang Vinh, chính quyền xã Quang Vinh đã từng bước tháo gỡ khó khăn hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà nhân dân trao cho họ. Tuy số lượng đảng viên của xã còn hạn chế, nhưng với tinh thần tích cực giáo dục, bồi dưỡng chính trị cho tầng lớp thanh niên ưu tú, chuẩn bị nguồn lực cho Đảng, trong năm 1946, 6 quần chúng ưu tú của xã Quang Vinh được kết nạp vào Đảng Cộng sản, đó là các đồng chí: Trần Văn Khoát, Phạm Quốc Tạc, Nguyễn Đại Khính, Trần Văn Nặc, Nguyễn Đình Châu, Phan Thanh Nhân và Hà Văn Thanh. Cùng với đồng chí Trần Văn Tài và đồng chí Vũ Ngọc Cử, Quang Vinh đã có 8 đảng viên đủ điều kiện để có thể thành lập chi bộ. Ngày 5 tháng 12

¹ Tại xã Quang Vinh thời điểm này có ba kho của Nhà nước đóng trên địa bàn: Kho muối đóng tại khu vực đình Trại Vải; kho gạo đóng tại nhà ông Nguyễn Đại Khính (Rừng Vầu) và nhà ông Cai Lương (Cửa Ngòi); một kho gạo của xã đóng tại nhà ông Trần Long (Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã).

năm 1946, tại trụ sở Ủy ban Hành chính xã, cán bộ Huyện ủy Đồng Hỷ đọc quyết định thành lập Chi bộ xã Quang Vinh, đồng chí Trần Văn Tài được chỉ định làm Bí thư Chi bộ đầu tiên của xã.

Chi bộ xã Quang Vinh ra đời là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của xã. Sự ra đời của Chi bộ là một thuận lợi lớn, một nhân tố cơ bản có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của xã Quang Vinh. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, nhân dân Quang Vinh đoàn kết một lòng, thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

II. Chi bộ lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)

Từ đầu năm 1946, thực dân Pháp ngày càng ráo riết thực hiện mưu đồ cướp nước ta. Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Pháp thương lượng với quân Tưởng ký Hiệp ước Trung Khánh để đưa quân ra miền Bắc. Nhận thức đầy đủ tình phức tạp sắp diễn ra, Đảng và Chính phủ dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm cách hòa hoãn với Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và *Tạm ước* 14/9/1946 nhằm kéo dài thời gian để ta chuẩn bị kháng chiến. Tuy nhiên, ngay trong quá trình đàm phán giữa ta và Pháp đang diễn ra ở Phôngtennơblô, Pháp đã mở rộng chiến tranh ra nhiều nơi. Ở chiến trường Nam Bộ,

Nam Trung Bộ, địch liên tục tiến công vùng giải phóng. Tại miền Bắc, tháng 11 năm 1946, chúng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Tháng 12 năm 1946, chúng đánh chiếm Đồ Sơn, Đình Lập. Từ giữa tháng 12 trở đi, chúng gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội, chúng tổ chức dân Pháp đã bộc lộ rõ ý đồ cướp nước ta một lần nữa.

Ngày 18 và 19 tháng 12 năm 1946, thực dân Pháp liên tiếp gửi tới hậu thư đòi ta phải phá bỏ công sự trong thành phố và đòi để chúng kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Chúng tuyên bố sẽ hành động bằng sức mạnh quân sự nếu ta không thực hiện các yêu sách đó. Tình hình vô cùng khẩn cấp, đòi hỏi ta phải sẵn sàng kháng chiến.

Ngày 18 và 19 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã nhận định tình hình và chỉ thị cho các địa phương “Tất cả hãy sẵn sàng”. Chiều ngày 19 tháng 12 năm 1946, Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị vũ trang sẵn sàng chiến đấu theo thời gian quy định. 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, mệnh lệnh chiến đấu bắt đầu. Quân dân Thủ đô đã nổ súng khởi đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc¹. Ngay khi tiếng súng kháng chiến toàn

¹ Thực tế cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu trước đó hơn một năm: Ngày 23 tháng 9 năm 1945, được quân Anh hỗ trợ, quân Pháp nổ súng chiếm quyền kiểm soát Sài Gòn (ngày này sau được Việt Nam gọi là ngày Nam Bộ kháng chiến) Cũng từ đó nhân dân Nam bộ đứng lên chiến đấu, nhân dân cả nước hướng về miền Nam, nhiều chi đội giải phóng quân lên tàu từ ga Hàng Cỏ vào Nam chiến đấu.

quốc bùng nổ, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đi cả nước. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* cùng những tài liệu khác như chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, “Kháng chiến nhất định thắng lợi” đã nêu bật những vấn đề cơ bản nhất về đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hướng dẫn của Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ Quang Vinh nhanh chóng lãnh đạo nhân dân tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài với kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Chi bộ Quang Vinh đã tổ chức cuộc họp đầu tiên, ra nghị quyết lãnh đạo tập trung vào những nội dung chủ yếu như: củng cố chính quyền, các đoàn thể và lực lượng vũ trang địa phương, lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ; bảo đảm an toàn cho các cơ quan Trung ương và Chính phủ di chuyển qua địa bàn xã. Tổ chức sơ tán nhân dân, thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”. Với phương châm lãnh đạo đúng đắn, nhân dân Quang Vinh tích cực chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thủ đoạn của Pháp trong cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Dự đoán được tình hình sau ngày khởi nghĩa giành Chính quyền sẽ rất khó khăn, Hồ Chủ tịch đã cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng chuẩn bị ATK (Thái Nguyên). Khi Pháp lộ rõ âm mưu cướp nước ta một lần nữa, các cơ quan Đảng, Chính phủ đã kịp thời, lần lượt di chuyển lên Việt Bắc để chỉ đạo kháng chiến lâu dài. Việt Bắc một lần nữa

trở thành căn cứ địa chủ yếu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược¹.

Tại huyện Đồng Hỷ, từ sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, trên địa bàn huyện chiến sự vẫn chưa xảy ra, nhưng do nằm ở vị trí tiếp giáp phía nam ATK, cầu nối giữa Trung ương Đảng, Chính phủ với các địa phương trong toàn quốc, do đó Đồng Hỷ có nhiệm vụ nặng nề nhưng rất vẻ vang là bảo vệ an toàn khu vực phía nam, không cho địch đột nhập vào khu căn cứ địa. Đồng Hỷ trở thành lá chắn trực tiếp của ATK Trung ương. Nhận rõ trách nhiệm to lớn của địa phương đối với sự an toàn của khu căn cứ địa, Đảng bộ và chính quyền các địa phương trong huyện tập trung tổ chức và lãnh đạo toàn dân, toàn quân tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ địa.

Quang Vinh là một xã nằm trên trục đường di chuyển của các cơ quan Trung ương lên ATK, nhiều đoàn cán bộ của Trung ương, của quân đội đã hành quân qua xã. Với quyết tâm tất cả cho kháng chiến thắng lợi, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân Quang Vinh đã nhường nhà để cho các cơ quan Trung ương dừng chân trước khi vượt sông Cầu tại Bến Làng. Cuối năm 1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp trong lần dừng chân tại Quang Vinh đã đến

¹ Các huyện Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Phú Lương (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Cạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) được chọn làm nơi xây dựng an toàn khu (ATK).

giao nhiệm vụ cho đơn vị bộ đội tại chùa Quang Vinh. Không chỉ có vậy, Quang Vinh còn nằm sát sông Cầu, là con sông nối ATK với miền đồng bằng, Chính phủ đã chọn Quang Vinh làm nơi tập kết gạo, muối để chuyển lên chiến khu Việt Bắc. Để đảm bảo an toàn cho các kho lương thực, thực phẩm, ngoài việc tổ chức canh gác, nhân dân Quang Vinh còn tham gia vận chuyển, xây dựng kho tàng để cất trữ lúa gạo, muối. Nhân dân Quang Vinh đã chặt tre làm lán, giá để gạo cách mặt đất 0,5m trong rừng, tổ chức che chắn cẩn thận, chống chuột bọ, mưa ẩm. Tại xóm Rừng Vầu, do điều kiện phải thường xuyên xuất, nhập, xã đã mượn nhà cụ Gia để làm kho. Với tinh thần tích cực chủ động, vượt qua nhiều khó khăn, nhân dân Quang Vinh đã sáng tạo ra nhiều phương thức bảo quản hậu cần bảo đảm giữ được lương thực, thực phẩm an toàn, bí mật.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị cho cuộc kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang. Dưới sự chỉ đạo của chính quyền xã, lực lượng du kích Quang Vinh lần lượt được củng cố về mọi mặt và hoạt động có hiệu quả. Cuối năm 1946, đầu 1947, du kích Quang Vinh làm tốt nhiệm vụ sơ tán nhân dân và chính quyền về nơi an toàn; chuẩn bị các trận địa mai phục để ngăn chặn đánh quân địch trên hướng Quan Triều - Thái Nguyên và ngược lại. Ngoài nhiệm vụ phát hiện và đánh địch, du kích Quang Vinh còn có nhiệm vụ phát hiện và ngăn chặn không cho các toán cướp xâm

nhập vào địa phận xã cướp tài sản của nhân dân. Nhờ được tổ chức tốt và với tinh thần cảnh giác cao, du kích xã đã bảo vệ an toàn các xóm làng, không để xảy ra các vụ trộm, cướp tài sản.

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, ngoài củng cố lực lượng du kích, cuối năm 1946, đầu năm 1947, nhân dân Quang Vinh đã làm hàng vạn chiếc chông tre, mỗi cái dài từ 2 đến 2,5m, vót nhọn hai đầu, cắm xuống các cánh đồng để sẵn sàng đối phó quân Pháp nhảy dù xuống địa bàn. Bằng tinh thần quyết tâm và nỗ lực cao độ, chông tre được nhân dân cắm kín các cánh đồng Trại Vải, Soi Dầu, Rừng Vầu và một phần cánh đồng Quang Vinh. Để bảo đảm an ninh, dân quân Quang Vinh đã tổ chức ba vọng gác: Vọng thứ nhất tại ngã ba Quan Triều; vọng thứ hai tại khu vực đền Mỏ Bạch; vọng thứ ba tại đền thờ bà Liễu Hạnh tại Bến Than (gần Gia Bầy). Vị trí chỉ huy lực lượng dân quân đóng tại nhà đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Các vọng gác có nhiệm vụ kiểm tra giấy thông hành để phát hiện kẻ gian, không cho những người lạ vào địa bàn xã; khi phát hiện có địch, một người quay về báo chỉ huy và cho các vọng gác gần nhất.

Ngày 1 tháng 10 năm 1947, Chủ tịch Chính phủ ra sắc lệnh số 91/SL Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính nay hợp lại thành Ủy ban Kháng chiến kiêm hành chính, viết tắt là UBKCHC. Thực hiện chủ trương đó, Ủy ban xã Quang Vinh chuyển thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính. Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính vẫn do

đồng chí Vũ Ngọc Cừ nắm giữ; các ngành như: Ban bảo vệ đổi thành Ban chỉ huy bảo vệ; đồng thời, thành lập “Ban tản cư” để phụ trách việc hướng dẫn nhân dân tản cư khỏi nơi cư trú. Trưởng ban tản cư của xã thời kỳ này do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Phạm Quốc Tạc phụ trách. Theo đó, ban tản cư đã hướng dẫn nhân dân làm tốt mọi công tác chuẩn bị như việc gói đồ đạc đi tản cư; giấu các tài sản; tổ chức cho người già, phụ nữ và trẻ em tản cư vào rừng.

Ngày 16/1/1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh, kêu gọi toàn dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến, nhằm làm cho *quân Pháp không có đường để đi, không có nhà để ở, không có lương thực thực phẩm để ăn*. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch, “Ban phá hoại” huyện Đồng Hỷ ra đời và triển khai kế hoạch “tiêu thổ kháng chiến”: Trước hết tập trung phá hoại những vùng trọng điểm như cầu, cống và nhà cửa nằm dọc trên các trục đường giao thông quan trọng. Quán triệt chủ trương của Huyện ủy, chi bộ Quang Vinh lãnh đạo nhân dân thực hiện: phá những ngôi nhà lớn nằm ở những vị trí quan trọng. Trong đợt “tiêu thổ kháng chiến”, Quang Vinh đã phá 11 ngôi nhà, đốt cháy một ngôi nhà và một ngôi chùa. Cùng với đó, gạo, thóc của nhân dân được mang đến nơi sơ tán, số còn lại chôn ngoài rừng hoặc trên các bờ cao ở ngoài cánh đồng. Tại nơi sơ tán, do thiếu thốn mọi bề, nhân dân Quang Vinh phải dựa vào bà con địa phương để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là sau khi sơ tán, việc tổ chức cho nhân dân lao động sản xuất sẽ được tiến

hành như thế nào? Ngoài ra còn nhiều vấn đề cấp bách khác cần được giải quyết triệt để.

Đứng trước thực tiễn đó, chi bộ Quang Vinh và Ủy ban hành chính xã tổ chức một cuộc họp để bàn các biện pháp tháo gỡ. Hướng giải quyết là từng xóm tập trung số người tản cư lại, cử người ở lại để chăm sóc người già và trẻ em, số còn lại quay về xã duy trì sản xuất, khi nào địch đến thì chạy về nơi sơ tán. Cách làm đó có tác dụng nhưng cũng không thể kéo dài do không đảm bảo cho cuộc sống của nhân dân. Do đó, sau một thời gian tản cư, chi bộ Quang Vinh đề ra chủ trương phải tổ chức bám địa bàn, đồng ruộng để sản xuất và chiến đấu, bảo vệ quê hương, bảo vệ chính quyền cách mạng. Một nhiệm vụ đặt ra là phải bảo đảm an toàn cho các kho hậu cần của Chính phủ, chi bộ Quang Vinh đã giải quyết tốt vấn đề này, chỉ đạo lực lượng du kích và thanh niên tham gia vận chuyển gạo, muối xuống thuyền để thanh niên xung phong của huyện Đồng Hỷ kéo ngược sông, phân tán vào các vị trí an toàn để bảo quản.

Trong công tác “tiêu thổ kháng chiến”, đồng chí Chủ tịch Vũ Ngọc Cử và đồng chí Phạm Quốc Tạc phó chủ tịch Ủy ban cùng Hội phụ nữ cứu quốc đã thay nhau kiểm tra, đôn đốc các bộ phận thực hiện kế hoạch “tiêu thổ kháng chiến”. Do có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, công tác “tiêu thổ kháng chiến” của Quang Vinh thực hiện đúng với kế hoạch huyện Đồng Hỷ đề ra. Đến giữa năm 1947, với quyết tâm thực hiện triệt để chủ trương

của cấp trên, công cuộc “tiêu thổ kháng chiến” của huyện Đồng Hỷ đã hoàn thành. Trong công tác “tiêu thổ kháng chiến” là một trong nhiều hình ảnh sôi động, còn in sâu mãi trong ký ức của mỗi người dân Quang Vinh hôm nay.

Thực hiện ý đồ “đánh nhanh thắng nhanh”, sau một thời gian chuẩn bị, ngày 7 tháng 10 năm 1947, thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc. Bằng lực lượng lính dù, thủy quân và bộ binh, Pháp tiến công theo ba hướng, với ý đồ sẽ tiêu diệt được cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến và bộ đội chủ lực, triệt phá kho tàng, cơ sở hậu cần của ta ở chiến khu, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Đứng trước tình hình trên, Đảng ta quyết tâm phải phá tan cuộc tiến công của địch, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến. Thực hiện quyết tâm đó, Bộ Tổng chỉ huy quyết định tập trung bộ đội chặn đánh địch trên ba hướng chính:

Ở hướng sông Lô đi Chiêm Hóa: Quân ta phục kích nhiều trận, nổi bật là trận Đoan Hùng, Khoan Bộ, Khe Lau, tiêu diệt nhiều địch, bắn chìm nhiều tàu chiến, ca nô. Ở hướng đường số 4: Nổi lên với trận Bông Lau, ta phục kích diệt nhiều địch, phá hủy nhiều xe vận tải. Trên hướng đường số 3, quân ta phục kích, diệt địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn.

Đường số 3 là huyết mạch giao thông bảo đảm một hướng rút quân của thực dân Pháp, đoạn chạy qua địa bàn Quang Vinh gần 1km. Đoạn chạy sát chân phía bắc Yên

Mã Sơn¹, một bên là núi, một bên là rộc Chiếu Phong, đường Gòong, đây là vị trí dễ tổ chức trận địa mai phục tiêu diệt địch khi chúng hành quân qua. Nắm được lợi thế đó, chi bộ Quang Vinh đã lãnh đạo lực lượng du kích xã tích cực chuẩn bị trận phục kích. Căn cứ vào quy luật hoạt động của địch, Ban chỉ huy xã đội Quang Vinh quyết định tổ chức trận địa mai phục ở tây bắc Yên Mã Sơn, sẵn sàng đánh địch khi chúng lọt vào trận địa.

Đến giữa tháng 11 năm 1947, sau hơn một tháng tiến công lên Việt Bắc không thực hiện được ý định. Bộ chỉ huy phán đoán: Chủ lực và cơ quan đầu não của ta nằm ở khu vực tam giác Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Giang, nên quyết định mở cuộc hành quân Xanh tuya (xiết chặt) phối hợp với cuộc hành quân Leea với 2 trung đoàn (Marốc số 5 và Côxtơ) càn quét khu vực tứ giác Việt Trì, Tuyên Quang, Thái Nguyên và phủ Lạng Thương.

Tại mặt trận Thái Nguyên. Ngày 25 tháng 11 năm 1947, địch từ Quán Vương đánh lên Chợ Chu. Ngày 26 tháng 11, 500 quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên (Võ Nhai); cùng ngày, 400 quân Pháp nhảy dù xuống Đại Từ chiếm làng Ngò (xã An Khánh), Ba Gò (xã Cù Vân). Địch đã không nhảy dù xuống Quang Vinh như dự kiến mà nhảy dù xuống Làng Ngò, từ đây, chúng tiến ra Quan Triều. Tại Quan Triều, địch bắt được hai dân quân Quang Vinh đứng gác, đưa về giam ở núi Câu Kê. Đến chiều tối, chúng bắt hai dân quân xuống

¹ Gọi là Yên Mã Sơn là núi yên ngựa hay núi đồi.

suối gánh nước, lợi dụng địch sơ hở, hai dân quân Quang Vinh trốn theo suối Phù Liễn về Quang Vinh an toàn.

Tính đến 26 tháng 11 năm 1947, trên địa bàn Thái Nguyên, quân địch đổ xuống khu vực Định Hóa 1.500 quân, Võ Nhai 500 quân và 400 quân xuống Đại Từ. Các cánh quân địch tổ chức tràn vào các khu vực như dự kiến nhằm bắt gọn cơ quan Trung ương và chủ lực ta nhưng không đạt kết quả, lại bị dân quân Thái Nguyên chặn đánh quyết liệt, không đạt được mục đích, chúng buộc phải tìm đường rút về Hà Nội.

Trước động thái của địch, du kích Thái Nguyên được lệnh của cấp trên nhanh chóng tổ chức tiến công địch trên hướng đường 1B và đường số 3 từ Thái Nguyên đi Bắc Cạn. Thực hiện mệnh lệnh trên, du kích Quang Vinh tổ chức trận địa mai phục ở đầu Yên Mã Sơn. Lực lượng tham gia gồm 2 tiểu đội. Vũ khí có một quả mìn tự tạo, hai súng kíp, số còn lại là giáo mác và gậy gộc.

Trên đoạn mai phục, du kích xả chôn quả mìn tự tạo ở ven đường số 3. tiểu đội 1 bố trí cách đường 100 mét. Tiểu đội 2 bố trí đối diện với Yên Mã Sơn, chặn phía đường “gòng”, đề phòng khi mìn nổ, quân địch có thể chạy sang thì tiểu đội 2 xông ra đánh. Chỉ huy và tổ trình sát bố trí trên đỉnh Yên Mã Sơn. Về hiệp đồng: Khi mìn nổ, lợi dụng khói bụi, tiểu đội 1 xông ra tiêu diệt địch, thu vũ khí trang bị. Trường hợp quân địch chạy về hướng đường “gòng” thì tiểu đội 2 chặn đánh, tiểu đội 1 truy kích cùng tiểu đội 2 diệt địch. Kết thúc trận đánh rút quân về xóm Rừng Vầu để bảo toàn lực lượng.

Rạng sáng ngày 12 tháng 12 năm 1947, du kích Quang Vinh bố trí xong trận địa, mìn được ngụy trang rất kỹ. Khoảng 8 giờ sáng ngày 12 tháng 12 năm 1947, tiểu đội lính Pháp cùng một con chó đi tuần qua trận địa mai phục của du kích xã, chúng không phát hiện thấy gì khác biệt nên đã đi thẳng lên Quan Triều. Đến chiều, địch quay trở lại, khi đến đầu Yên Mã Sơn con chó sủa lên mấy tiếng rồi chạy về phía quả mìn do du kích gài sẵn. Sợ bị lộ, tiểu đội 1 giật dây cho mìn nổ, con chó becede ở trước đội hình bị chết ngay tại trận, quân địch nhiều tên bị thương, nhưng vẫn diu nhau chạy về hướng thị xã Thái Nguyên.

Tuy không tiêu diệt được quân địch như ý định, nhưng du kích Quang Vinh đã thể hiện được tinh thần và ý chí mưu lược trong cuộc đấu tranh với kẻ thù xâm lược. Từ đó về sau, quân địch ở Thái Nguyên không thường xuyên tuần tra trên đoạn đường này nữa. Nhân dân Quang Vinh yên tâm lao động sản xuất.

Sau khi cuộc tiến công của thực dân Pháp lên Việt Bắc không đạt được mục đích, ngày 20 và 21 tháng 12 năm 1947, quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên. Sau hơn hai tháng chiến đấu, quân và dân ta đã tiêu diệt hàng nghìn tên địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp bị thất bại. Cơ quan chỉ đạo kháng chiến và căn cứ địa của cả nước được bảo vệ an toàn. Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến

thắng Việt Bắc cùng với thắng lợi trên các chiến trường khác trong Thu Đông 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta bước sang một giai đoạn lịch sử mới.

Qua hơn một tháng chiến đấu, quân dân Thái Nguyên, trong đó có du kích Quang Vinh có nhiều đóng góp quan trọng vào chiến thắng Việt Bắc. Tuy nhiên, cuộc hành quân của thực dân Pháp lên Việt Bắc cũng gây cho tỉnh Thái Nguyên những tổn thất đáng kể, với hơn 8.000 ngôi nhà bị đốt cháy; 1.813 trâu, bò bị bắn chết; 141 tấn thóc bị đốt cháy; quân Pháp ném nhiều bom xuống các khu dân cư làm chết 178 người... Tại Quang Vinh, tuy quân Pháp chỉ hành quân qua, nhưng vì nhiệm vụ “tiêu thổ kháng chiến”, xã đã phải phá hủy nhiều ngôi nhà, tự mình đem rơm đốt cháy ngôi chùa cổ kính mà bao đời người dân Quang Vinh tạo dựng; hàng chục tấn thóc chôn cất bị hư hỏng; hàng trăm mẫu hoa màu không được chăm sóc; hàng nghìn con gà, vịt, lợn chết đói. Cuộc sống nhân dân bị đảo lộn nghiêm trọng.

Sau khi thực dân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhân dân Quang Vinh trở về với cuộc sống thường ngày, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc do Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động. Trong giai đoạn mới, để đối phó với kẻ thù trong những âm mưu, thủ đoạn mới, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, chính quyền xã tổ chức tổng kết, kiểm điểm và rút kinh nghiệm về việc chấp hành chủ trương “tiêu

thổ kháng chiến”, việc chấp hành kế hoạch của Ủy ban Kháng chiến Hành chính đề ra. Trong không khí phấn khởi, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính biểu dương tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân, tiêu biểu như Rừng Vầu, Soi Cam, Cửa Ngòi đã thực hiện nghiêm kế hoạch; biểu dương lực lượng du kích Quang Vinh đã tổ chức canh gác tốt, bảo đảm sự an toàn cho xóm làng, cho cuộc sống lao động của nhân dân.

Từ đầu năm 1946 đến hết năm 1947, chi bộ xã Quang Vinh có sự phát triển về số lượng và chất lượng. Số đảng viên chi bộ Quang Vinh lên tới 17 đồng chí. Đội ngũ đảng viên luôn giữ vững vai trò đầu tàu, gương mẫu trong chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch “tiêu thổ kháng chiến” một cách hiệu quả, góp phần vào thành tích kháng chiến của huyện Đồng Hỷ và tỉnh Thái Nguyên. Qua thực tiễn, ảnh hưởng của chi bộ Đảng với nhân dân ngày càng sâu sắc, làm cho nhân dân thêm tin yêu vào Đảng, vào sự thành công của cuộc kháng chiến.

Do có nhiều thành tích trong lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu, kế hoạch kháng chiến, kiến quốc năm 1948, Huyện ủy Đồng Hỷ điều động chỉ Trần Văn Tài - Bí thư chi bộ Quang Vinh lên huyện nhận nhiệm vụ mới; đồng chí Nguyễn Đại Loan được chỉ định thay đồng chí Tài phụ trách chi bộ Quang Vinh.

Tuy có sự thay đổi về cán bộ lãnh đạo của chi bộ, nhưng

phát huy những kinh nghiệm và kết quả đạt được, đồng chí Nguyễn Đại Loan cùng tập thể chi ủy tiếp tục đề ra những chủ trương, biện pháp sát đúng với tình hình địa phương, góp phần làm cho cuộc sống lao động sản xuất của nhân dân trong xã nhanh chóng đi vào ổn định, tiến lên hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Năm 1948, để nâng cao trình độ lãnh đạo của các chi bộ, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới, Tỉnh ủy Thái Nguyên mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho các đồng chí là Bí thư và cấp ủy các chi bộ trên địa bàn tỉnh. Theo đó, ở Quang Vinh, đồng chí Nguyễn Đại Loan và Trần Văn Khoát được chi bộ cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị. Đồng chí Nguyễn Văn Tập - Phó bí thư chi bộ thay đồng chí Loan phụ trách chi bộ Quang Vinh. Nhận thức sâu sắc đây là lớp học có tầm quan trọng, bởi nó quyết định tới sự lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ở các địa phương, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Thái Nguyên đã thường xuyên tổ chức kiểm tra và theo dõi sát sao. Trong các buổi gặp gỡ trao đổi, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Thái Nguyên nhắc nhở các chi bộ phải đặc biệt chú ý phát triển đảng viên, chú trọng cả về số lượng và chất lượng, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cho các chi bộ Đảng ở địa phương.

Song song với củng cố về Đảng, công tác xây dựng chính quyền vững mạnh đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành ở cơ sở trong tình hình mới cũng được chú trọng. Huyện ủy Đồng Hỷ đã chỉ thị cho xã Quang Vinh cử cán bộ đi học lớp

bổ túc cán bộ xã do Bộ Nội vụ tổ chức. Tuy chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, nhưng với quyết tâm học tập nâng cao trình độ, cán bộ xã Quang Vinh đã tích cực học tập để củng cố và nâng cao trình độ quản lý ở địa phương.

Nhằm thúc đẩy việc hoàn thành những nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra *Chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc* nhằm làm cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến thiết chóng thành công. Phong trào thi đua ái quốc do Đảng phát động, lãnh đạo và tổ chức thực hiện đã mau chóng trở thành một cao trào cách mạng, thu hút hàng triệu già, trẻ, gái trai thi đua tăng gia sản xuất và luyện quân lập công.

Thực hiện Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, năm 1948, bên cạnh công tác chuẩn bị sẵn sàng đánh địch bảo vệ vùng đất Thái Nguyên, chi bộ Đảng và Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Quang Vinh luôn chú trọng vào hai mục tiêu chính là sản xuất lương thực, thực phẩm và tiếp tục xóa nạn mù chữ đối với nhân dân trong xã. Trên mặt trận sản xuất, xã Quang Vinh bắt đầu hình thành các tổ sản xuất để giúp nhau “tổ đổi công”. Theo đó, mỗi thôn, xóm hình thành một “tổ đổi công”, số lượng từ 15 đến 17 người. Dưới sự chỉ đạo của Nông hội, nhân dân xóm Cửa Ngòi và Rừng Vầu là những đơn vị đầu tiên của xã tiến hành đổi công. Với cách làm trên, tình làng nghĩa xóm ngày thêm củng cố, nhân dân có điều kiện giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh của cuộc

sống thường nhật. Đời sống nhân dân Quang Vinh từng bước đi vào ổn định, “giặc đói” từng bước bị đẩy lùi. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ Đảng và UBKCHC, Quang Vinh đã tổ chức phong trào thi đua “mỗi nơi một vườn rau gia đình”, “mỗi nhà một vườn sản kháng chiến 200 gốc”, “mỗi nhà một đàn gà tiếp tế cho bộ đội”. Kết quả những phong trào này đã góp phần quan trọng vào việc ủng hộ kháng chiến và ổn định đời sống nhân dân.

Trước những bộn bề khó khăn về đời sống nhân dân, chi bộ Đảng, UBKCHC đã chỉ đạo Ban “diệt giặc đói” kiểm tra, đôn đốc lại các lớp học; kiểm tra lại số lượng giáo viên; vận động nhân dân tiếp tục đi học trở lại nhằm đưa việc học tập của xã đi vào nền nếp. Không những vậy, UBKCHC xã còn quy định rõ các Trưởng thôn hàng tuần phải báo cáo lên Ban “diệt giặc đói” số lượng người theo học và kết quả học tập của từng lớp. Với cách làm như vậy, phong trào “diệt giặc đói”, xóa nạn mù chữ của Quang Vinh đạt nhiều kết quả. Nhân dân tăng thêm sự hiểu biết về Đảng, về cách mạng, về cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Sau thất bại trên chiến trường Việt Bắc, thực dân Pháp đã chuyển chiến lược mới: Về chính trị, chúng dựng lên Chính phủ bù nhìn ở miền Nam; về quân sự, chúng bình định vùng tạm chiến một cách khốc liệt, đồng thời tổ chức càn quét triệt để vùng tự do.

Để chống lại thủ đoạn mới của địch, nhân dân Việt Nam đã phát huy sức mạnh tổng hợp cuộc chiến tranh nhân dân, từng bước đánh bại mọi âm mưu của chúng. Sự phát triển của

chiến tranh du kích trên khắp cả nước đã đẩy địch sa lầy trên mọi mặt trận. Từ hình thái du kích chiến là chính, bộ đội chủ lực đã tiến dần lên vận động chiến. Một số chiến dịch tiến công địch ở quy mô nhỏ đã xuất hiện trong năm 1948.

Sau chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947, nhân dân Quang Vinh cũng rút ra bài học không chủ quan khinh địch mà tích cực đề phòng, cảnh giác sẵn sàng đánh trả âm mưu và hành động phiêu lưu mới của địch. Dân quân tổ chức một số đài quan sát, khi phát hiện tiếng máy bay thì đánh kèng báo động cho nhân dân ẩn nấp.

Trước tình thế trong nước và quốc tế đang chuyển biến có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức *Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu*, từ ngày 14 đến ngày 18 tháng 1 năm 1949 nhằm quán triệt và tổ chức thực hiện trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân chủ trương mới của Đảng trong giai đoạn chiến lược thứ hai. Nhằm giành thắng lợi từng bước, Hội nghị đề ra những nhiệm vụ và công tác cần kíp trước mắt về mọi mặt: *Về quân sự*, ... đánh mạnh hơn nữa vào hậu phương của chúng, đánh vào các vị trí chiến lược, các đường giao thông quan trọng, nhất là những vùng chiến lược và kinh tế quan trọng mà địch đang ra sức củng cố... *Về chính trị*, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xúc tiến việc thống nhất Việt Minh và Liên Việt; củng cố chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở, thống nhất hệ thống kháng chiến hành chính toàn quốc... *Về kinh tế và tài chính*, cải thiện đời sống nhân dân... đẩy mạnh

tăng gia sản xuất bảo đảm tự cấp, tự túc; triệt để thi hành chính sách ruộng đất đã ban hành (thu ruộng đất của Pháp và Việt gian cấp cho dân cày nghèo; giảm địa tô chính, bỏ địa tô phụ, phát động phong trào hiến ruộng.v.v...), phát triển mạnh các hội đồng công và hợp công... *Về văn hóa và giáo dục*, xóa nạn mù chữ, cải cách chương trình và phương pháp dạy học ở tất cả các cấp học theo nhu cầu của kháng chiến và tinh thần dân chủ mới... *Về xây dựng Đảng*, tích cực đào tạo và mạnh dạn đề bạt cán bộ; mở các lớp huấn luyện nâng cao trình độ chính trị và lý luận cho đảng viên; đẩy mạnh cuộc vận động gây dựng *chi bộ tự động công tác*...

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu, chi bộ xã Quang Vinh lãnh đạo nhân dân trong xã nỗ lực thực hiện Nghị quyết của Đảng, phấn đấu giành kết quả cao nhất trong lao động sản xuất, trong xây dựng, củng cố chính quyền, đặc biệt là xây dựng và củng cố chi bộ Đảng.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh, ngày 13 tháng 5 năm 1949, Chính phủ Pháp cử Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pháp sang thị sát Đông Dương. Ngày 17 tháng 6 năm 1949, Rove, đệ trình Chính phủ Pháp một kế hoạch chiến lược mới cho cuộc chiến tranh Đông Dương “Kế hoạch Rove”. Ngày 30 tháng 6 năm 1949, tướng Bledô, Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đề ra một chương trình hành quân nhằm thực hiện “Kế hoạch Rove”.

Đề đối phó với kế hoạch mới của kẻ thù, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra Thông báo nêu rõ: Địch có chủ trương đánh lên

Việt Bắc theo dọc sông Hồng Hà, Thái Nguyên là nơi địch rất chú trọng, phải chuẩn bị đề phòng những sự bất trắc có thể xảy ra. Thực hiện thông báo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ Quang Vinh lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể nhanh chóng chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng đối phó với những âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Trên tinh thần đó, Xã đội bộ dân quân Quang Vinh tổ chức huấn luyện cho du kích những động tác cơ bản về xạ kích (ngắm bắn vào quân địch bằng súng kíp, súng trường), động tác sử dụng lựu đạn, sử dụng mìn, chông tre v.v... Ngoài ra, công tác tuần tra, canh gác được các lực lượng luôn chú trọng. Các tiểu đội, trung đội hướng dẫn cho đội viên cách xử trí các tình huống khi gặp kẻ địch, kẻ gian thâm nhập vào địa bàn xã. Qua đợt học tập, các đội viên đã có nhiều tiến bộ trong nhận thức, thông thạo kỹ thuật, chiến thuật du kích, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao..

Xã đội bộ dân quân Quang Vinh rà soát lại kế hoạch canh gác của dân quân, kiểm tra công tác tổ chức canh gác của từng thôn, xóm, đôn đốc dân quân các xóm quản lý chặt phạm vi được phân công. Theo kế hoạch, các tiểu đội tổ chức canh gác và tuần tra trong phạm vi được phân công. Cụ thể, dân quân Quang Vinh và Soi Cam canh gác đoạn đường từ Quan Triều xuống Rặng Ổi; dân quân Thần Vì và Làng Đanh canh gác bảo đảm cho mạn Hang Éch; dân quân Rừng Vầu đảm bảo cho mạn Mỏ Bạch, ấp Thị Vạn; dân quân Cửa Ngòi và Gia Bẫy bảo đảm cho khu vực đền bên Than; dân quân Trại Vải bảo đảm cho khu vực gạo, muối của Chính

phủ; dân quân Soi Dầu gác khu Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã. Ngoài nhiệm vụ canh gác mặt đất, các tổ dân quân còn phải chú ý phát hiện phi cơ để đánh kẻng báo động cho nhân dân ẩn náu. Việc canh gác đều do Trưởng thôn điều hành và kiểm tra. Do làm tốt công tác canh gác, tình hình trị an trên địa bàn Quang Vinh luôn ổn định.

Đi đôi với những nhiệm vụ trên, trong năm 1949, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Quang Vinh tiếp tục được củng cố. Nhờ sự quan tâm của chi bộ, chất lượng công tác của hệ thống chính quyền được nâng cao, có kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các ban, ngành, đoàn thể. Công tác văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Quang Vinh cũng được cải tiến, nâng cao hiệu quả giải quyết các công việc liên quan đến đời sống nhân dân.

Trước sự phát triển của cách mạng trong nước và quốc tế, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc lần thứ ba. Hội nghị họp ở căn cứ địa Việt Bắc, từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 3 tháng 2 năm 1950, đã nhận định: Tình hình diễn biến ngày càng có lợi cho ta; về phía thực dân Pháp, ngày càng suy yếu và lệ thuộc Mỹ. Căn cứ vào tình hình đó, Hội nghị xác định nhiệm vụ: Gấp rút hoàn thành chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công trong năm 1950. Hội nghị đề ra chương trình công tác gồm mười điểm là những việc cốt yếu và cấp bách thuộc các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế - tài chính, văn hóa, xã hội và xây dựng Đảng.

Thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, trong năm 1950, Đảng và Chính phủ ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện một loạt chính sách lớn về động viên sức người, sức của cho tiền tuyến. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký các Sắc lệnh: Sắc lệnh về lập Quỹ công lương thay thế Quỹ tham gia kháng chiến (15.1.1950); Sắc lệnh quyết định tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân để tiến tới tổng phản công (12.2.1950); Sắc lệnh về nghĩa vụ kháng chiến (22.5.1950); Sắc lệnh về các hình phạt và các cấp tòa án có thẩm quyền xét xử những người vi phạm pháp luật về nghĩa vụ quân sự (15.6.1950); Sắc lệnh cho phép ban hành công trái quốc gia (19.9.1950).

Quán triệt tinh thần trên, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, nhân dân Quang Vinh tích cực chấp hành lệnh tổng động viên của Chính phủ. Nhiều thanh niên trong xã đã ghi tên tòng quân; nhân dân hăng hái lên đường làm dân công phục vụ tiền tuyến. Nhân dân còn tự nguyện đóng góp tiền của, thóc lúa, thực phẩm, những đồ gia bảo .v.v... cho kháng chiến.

Để tạo sự chuyển biến lớn cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở chiến dịch Biên Giới. Mục đích: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng phần biên giới phía Đông Bắc, khai thông đường giao thông với cách mạng Trung Quốc, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giành chủ động về chiến lược trên chiến trường chính. Ngày 12 tháng 8 năm 1950, Ban Thường vụ

Trung ương Đảng ra Chỉ thị cho các cấp Đảng bộ lãnh đạo quân dân địa phương đánh địch mạnh để tiêu hao lực lượng địch, kiềm chế địch, phối hợp với chiến dịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lệnh phát động “Tuần lễ thi đua giết giặc lập công” trong toàn quốc.

Thực hiện Chỉ thị và kế hoạch của huyện về phục vụ Chiến dịch Biên Giới, xã Quang Vinh được giao nhiệm vụ tổ chức một trung đội dân quân đi tham gia dân công và trong hai ngày đêm phải bảo đảm cho bộ đội hai tạ bánh dày. Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Tuy nhiên, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của địa phương, đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính (UBKCHC) xã quyết định lấy thóc nếp của gia đình - được một nửa, số còn lại vận động các gia đình khá giả góp vào, nhờ đó Quang Vinh có đủ số thóc gạo cho việc làm bánh dày phục vụ bộ đội đánh giặc. Ngày 12 tháng 8 năm 1950, đồng chí Vũ Ngọc Cừ¹ chỉ thị cho Ban chỉ huy xã đội huy động du kích, cùng Đoàn thanh niên tập trung về nhà Chủ tịch xã để xay thóc, giã gạo làm bánh. Chỉ trong một thời gian ngắn, hai tạ bánh dày được hoàn thành. Lực lượng du kích Quang Vinh nhanh chóng xếp bánh vào 5 gánh, mang xuống thị xã giao

¹ Ngoài giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính, đồng chí Vũ Ngọc Cừ còn là một cán bộ của ngành an ninh và có nhiều đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Với những cống hiến đó, năm 2008, Bộ Công an đã truy tặng đồng chí Vũ Ngọc Cừ Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp An ninh Tổ quốc.

cho Ban hậu cần của các đơn vị bộ đội. Đây là một trong những thành tích của nhân dân Quang Vinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau thời gian chuẩn bị chu đáo, ngày 16 tháng 9 năm 1950, quân ta nổ súng tiêu diệt cứ điểm Đông Khê, mở màn chiến dịch Biên Giới. Sau 54 giờ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, Đông Khê được giải phóng. Cứ điểm Cao Bằng hoàn toàn bị cô lập. Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp. Tuyến phòng thủ của địch trên đường số 4 bị lung lay. Địch bị rơi vào tình trạng nguy khốn.

Nhằm đỡ đòn cho đồng bọn ở mặt trận Biên Giới, thực dân Pháp huy động hầu hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 5 tiểu đoàn) mở chiến dịch Phôcơ (chó biển) đánh lên Thái Nguyên.

Việc địch mở rộng cuộc tiến công lên Thái Nguyên hòng kéo chủ lực ta ở mặt trận Biên Giới về không nằm ngoài dự đoán của Bộ chỉ huy. Trước tình hình đó, Liên Khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy Thái Nguyên ra chỉ thị: Địch có thể đánh mạnh vào hậu phương của ta, trung tâm là Thái Nguyên. Vì vậy, Tỉnh ủy Thái Nguyên sớm vạch ra nhiệm vụ cho bộ đội và dân quân du kích các địa phương chuẩn bị vũ khí, đào hầm trú ẩn và lập kế hoạch tác chiến. Cùng với các địa phương trong tỉnh, chi bộ Quang Vinh và UBKCHC xã triển khai mọi mặt cho nhân dân sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của địch.

Nắm được ý đồ của địch là kéo chủ lực của ta về, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam hạ quyết tâm

kiên quyết giữ vững lực lượng ở chiến trường Biên Giới, tiếp tục tiến công đến toàn thắng; việc tổ chức đánh địch ở Thái Nguyên do lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đảm nhiệm. Theo đó, tại huyện Đồng Hỷ, các xã của huyện trong đó có Quang Vinh đều được báo trước, tổ chức chu đáo cho nhân dân tản cư.

Thực hiện chỉ thị của Huyện ủy, chi bộ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Quang Vinh họp bàn và đi đến quyết định chia lực lượng lãnh đạo thành hai bộ phận. Một bộ phận tổ chức nhân dân tản cư và ở tại vị trí đó lãnh đạo, ổn định đời sống nhân dân; một bộ phận ở lại địa phương chỉ huy dân quân du kích thực hiện nhiệm vụ cất giấu tài sản, sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch chung.

Ủy ban Kháng chiến Hành chính Quang Vinh nhanh chóng tổ chức cho nhân dân tản cư, thực hiện “*vườn không nhà trống*”. Ưu tiên đi trước là người già và trẻ em, địa điểm nhân dân Quang Vinh đến tản cư vẫn là Cao Ngạn¹ (Dân Chủ) và Làng Ngò (An Khánh). Lực lượng còn lại ở nhà, mỗi xóm tổ chức 1 tiểu đội từ 10 - 15 người sẵn sàng đối phó với mọi hoạt động của địch.

Đến thời điểm này, ngoài trung đội dân quân cơ động gồm 4 tiểu đội, Quang Vinh còn có thêm 7 tiểu đội du kích bán chuyên trách ở các xóm để tham gia lực lượng bảo vệ

¹ Năm 1954 trở về trước Cao Ngạn là một làng của xã Dân Chủ (Hóa Thượng). Sau hòa bình (tháng 10 năm 1954), Cao Ngạn được tách ra là một xã riêng.

trị an và là lực lượng chủ yếu để duy trì sản xuất. Về tác chiến, dân quân Quang Vinh được giao nhiệm vụ chặn đánh quân địch trên đường số 3, đoạn từ Gia Bầy lên đến Quan Triều. Ngoài ra, trung đội sẵn sàng chi viện cho các xã khác khi huyện Đồng Hỷ yêu cầu.

Như vậy, khác với thời điểm năm 1947 khi địch tiến công lên Việt Bắc, dân quân Quang Vinh không tản cư theo nhân dân mà vẫn có lực lượng bám địa bàn xã để chiến đấu, góp phần bảo đảm an ninh trật tự và duy trì sản xuất.

Trong ngày 1 và 2 tháng 10 năm 1950, quân Pháp tiến công Thái Nguyên, mở đầu là những trận ném bom của máy bay xuống nhiều vị trí ở Thái Nguyên. Tại Quang Vinh, máy bay của Pháp bay dọc suối Mỏ Bạch và sông Cầu, ném bom xuống Rừng Vầu, Cửa Ngòi, Soi Cam, phá hủy 8 căn nhà, giết hại 7 người, đốt cháy nhiều thóc lúa trâu, bò, gà, lợn của nhân dân. Trong khói bom và tiếng gầm rú của máy bay, lực lượng dân quân và thanh niên cứu quốc Quang Vinh vẫn dũng cảm xông vào cứu người, cứu tài sản của nhân dân nhằm hạn chế tổn thất do máy bay địch gây ra. Sau các cuộc ném bom, quân Pháp nhày dù xuống khu vực Đồng Bẩm, rồi từ đó kết hợp với các mũi tiến công đường bộ, tiến sang đánh chiếm thị xã. Ngày 2 tháng 10 năm 1950, mặc dù bị bộ đội ta chặn đánh quyết liệt, nhưng các mũi tiến quân địch vẫn chiếm được thị xã Thái Nguyên. Địch chiếm một số vị trí quan trọng như đồi Kô Kê, Chùa Phù Liễn, Yên Mã Sơn, đồi Két Nước và cầu

Gia Bẩy, Lưu Xá, Gia Sàng, Quan Triều, Mỏ Bạch. Từ vị trí chiếm được, chúng tổ chức càn quét ra xung quanh, tàn sát, cướp bóc, phá hoại tài sản của nhân dân nhằm củng cố các vị trí đã chiếm.

Khi chiến sự bắt đầu xảy ra, Huyện ủy Đồng Hỷ, Ủy ban kháng chiến hành chính đã kịp thời hợp với các ngành, đề ra chủ trương đối phó với địch, phân công từng ngành, từng cấp. Bộ phận chỉ đạo kịp thời tổ chức cho nhân dân sơ tán. Chấp hành chỉ thị của huyện, Chi bộ, ủy ban hành chính kháng chiến đã hướng dẫn nhân dân về nơi sơ tán; tổ chức lực lượng du kích phân tán các kho tàng của Chính phủ ra thành nhiều vị trí để cất giấu; tuần tra, canh gác, sẵn sàng đánh địch và bảo vệ tài sản của nhân dân.

Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu du kích Đồng Hỷ đã đánh 4 trận trên đường số 3, chợ Dốc Hanh, Bá Vân diệt 36 tên. Ngày 1 tháng 10, đại đội 223 địa phương huyện đã đánh 2 trận loại khỏi chiến đấu 23 tên; du kích tập trung của huyện đã đánh 4 trận loại khỏi chiến đấu 37 tên, sau đó phối hợp với bộ đội chủ lực đánh 3 trận loại khỏi chiến đấu 34 tên. Ngày 2 tháng 10, du kích Quang Vinh cùng du kích của huyện Đồng Hỷ đánh địch khi chúng từ Thái Nguyên càn lên Quan Triều diệt một số tên buộc chúng phải rút về thị xã, bảo đảm an toàn kho tàng của Chính phủ cũng như tài sản của nhân dân Quang Vinh.

Liên tục bị chặn đánh, lại không đạt được ý đồ kéo chủ lực của ta ở Mặt trận Biên Giới về, chiều ngày 11 tháng 10

năm 1950, quân Pháp bắt đầu rút lui. Đến 8 giờ ngày 12 tháng 10 năm 1950, toàn bộ lực lượng quân địch rút khỏi địa phận huyện Đồng Hỷ. Cuộc hành quân Phôcơ kết thúc thất bại. Huyện Đồng Hỷ sạch bóng quân thù. Nhân dân Quang Vinh và các xã khác trong huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tản cư và chiến đấu.

Sau 29 ngày đêm chiến đấu, chiến dịch Biên Giới kết thúc thắng lợi: Quân ta tiêu diệt làm bị thương và bắt sống 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí, giải phóng vùng đất đai rộng lớn, có đường biên giới với Trung Quốc dài hàng trăm kilômét, với hàng chục vạn dân, phá tan vòng vây của địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Tin vui thắng trận tại mặt trận Biên Giới làm nức lòng đồng bào cả nước nói chung và Quang Vinh nói riêng, thắng lợi đó củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Chính phủ và Lãnh tụ Hồ Chí Minh vào đường lối kháng chiến.

Sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên, nhân dân Quang Vinh trở về dựng lại nhà cửa, tiếp tục sản xuất, thực hiện nghĩa vụ của hậu phương với chiến trường. Trong khí thế phấn khởi sau thắng lợi của chiến dịch Biên Giới, cán bộ và nhân dân Quang Vinh tích cực đẩy mạnh công tác thu hoạch vụ mùa, tiến hành cày bừa đất để chuẩn bị trồng khoai, ngô vụ đông¹. Vụ đông tuy không cấy được lúa nước nhưng nhân dân vẫn tận dụng các chân ruộng cao để trồng “mố”. Mố tra hạt vào

¹ Những năm này, ở Quang Vinh có giống khoai sọ, vừa thơm vừa bở, ăn rất lành, có thể thay thế gạo, cho năng suất cao.

tháng 11, sang xuân trời có mưa nhẹ, lúa bắt đầu phát triển và trở bông, khoảng tháng 5, tháng 6 là được thu hoạch. Ngoài “mố”, cây ngô cũng là loại cây cho nhiều chất bột và dinh dưỡng. Ngô được trồng khắp cánh đồng và trên các bãi bồi ven sông Cầu của các xóm Soi Cam, Quang Vinh, Trại Vải. Với tinh thần lao động cần cù, số hoa màu vụ đông xuân đã cung cấp một số lượng lớn lương thực cho nhân dân. Cùng với đó, các loại cây khác như lạc, đậu vừa đảm bảo làm thực phẩm nhưng cũng đem lại nguồn thu nhập về tài chính cho bà con trong xã.

Sang năm 1951, quân dân ta chuyển sang thế phản công trên toàn bộ chiến trường, do đó nhu cầu bảo đảm vật chất cho các chiến dịch ngày càng lớn, điều đó đồng nghĩa với việc hậu phương phải bảo đảm vật chất ngày càng nhiều. Tuy nhiên, để lượng vật chất đó đến được bộ đội trên các chiến trường, Nhà nước yêu cầu các địa phương phải tổ chức các đội dân công phục vụ chiến dịch.

Quán triệt chủ trương của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ Quang Vinh họp bàn với cán bộ các ban, ngành nhằm tìm biện pháp thực hiện, trước mắt là động viên nhân dân tích cực tăng gia lao động sản xuất; tích cực trồng và chăm sóc cây vụ đông xuân, đồng thời vận động nhân dân tiết kiệm trong mọi trường hợp, nhất là trong việc cưới, việc tang để giành lương thực làm nghĩa vụ với Nhà nước.

Song song với việc huy động lương thực, Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Quang Vinh cử đồng chí Nguyễn Văn

Lục (Chi ủy viên) làm Trưởng ban huy động dân công chiến dịch¹. Nhiệm vụ của Trưởng ban là xác định đúng đối tượng, bảo đảm trong các gia đình có người đi dân công song cũng phải có người ở nhà để duy trì sản xuất, đảm bảo lương thực. Mặt khác, trưởng ban cùng các ban, ngành của xã như phụ nữ, thanh niên, dân quân động viên nhân dân xung phong đăng ký tham gia dân công chiến dịch. Với tinh thần cách mạng cao, hầu hết những người trẻ, khỏe của xã đều hăng hái đăng ký tham gia dân công. Nhờ đó, dân công xã Quang Vinh cũng có đủ cả số lượng và chất lượng.

Một thực tế đặt ra là khi gọi nhân dân đi dân công phải tính đến việc bảo đảm sản xuất của từng gia đình có người tham gia dân công. Trên tinh thần đó, lãnh đạo chính quyền xã trực tiếp chỉ đạo Nông hội có kế hoạch giúp đỡ các gia đình có người tham gia dân công. Vì vậy, lực lượng dân công của Quang Vinh đi phục vụ kháng chiến không ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Các “tổ đổi công” làm tốt công tác hỗ trợ các gia đình có người tham gia dân công để các gia đình vẫn đảm bảo cây trồng đúng thời vụ.

Trong khi nhân dân Quang Vinh đang nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc do chi bộ Đảng đề ra thì một sự kiện chính trị trọng đại của đất nước diễn ra. Đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai Đảng Cộng sản Đông Dương. Đại hội họp từ ngày 11 đến 19 tháng 2 năm 1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên

¹ Hồ sơ đảng viên Nguyễn Văn Lục, lưu trữ tại Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Quang. Đại hội đã nghiên cứu, báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày và báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh trình “Bàn về cách mạng Việt Nam”. Đại hội xác định: Đảng Cộng sản Đông Dương phải tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới¹. Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam và thông qua Chính cương, Điều lệ, Tuyên ngôn của Đảng. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam nêu rõ 15 chính sách cụ thể của Đảng trong kháng chiến và sau kháng chiến để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết nước nhà sau này.

Đại hội lần thứ II của Đảng là Đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ của Đảng là “đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”. Trong đó, nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác phải phụ thuộc vào đó. Đại hội nêu rõ quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là: *Đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết kháng chiến đến cùng để tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược, đánh can thiệp Mỹ và trừng trị bọn Việt gian, giành độc lập dân tộc và thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc.*

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng II, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ xã Quang Vinh nhanh chóng

¹ Tại Đại hội này, Lào và Campuchia tách ra thành lập Đảng cộng sản riêng

lãnh đạo nhân dân thực hiện các nội dung quan trọng của Đại hội. Cùng với việc tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng mọi mặt, sẵn sàng đối phó với những âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù, nhân dân Quang Vinh đẩy mạnh lao động sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, vừa đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày, vừa thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo tốt công tác hậu cần cho cuộc kháng chiến.

Đặc biệt, từ năm 1951, theo kế hoạch của tỉnh Thái Nguyên, để đẩy mạnh kinh tế kháng chiến, tổ chức Đảng và chính quyền địa phương cần hướng dẫn nhân dân tập trung vào ba công tác chính: *Đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất để cung cấp cho nhu cầu kháng chiến; thi hành chính sách ruộng đất của Đảng và bao vây kinh tế địch*. Thực hiện kế hoạch trên, chi bộ Quang Vinh lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt, góp phần xây dựng kinh tế kháng chiến trên địa bàn xã thêm vững chắc, tạo thế và lực mới cho quá trình phát triển về sau.

Cùng với đẩy mạnh những công việc trên, trong năm 1951, công tác giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ cũng được chi bộ xã Quang Vinh lãnh đạo thực hiện tốt. Phát huy truyền thống hiếu học của địa phương, chi bộ Đảng lãnh đạo thực hiện tốt công tác vận động con em nhân dân đến trường học tập. Đội ngũ thầy cô giáo từng bước được kiện toàn. Ngoài nhiệm vụ xóa mù chữ như trước đây, các thầy cô giáo đi vào giảng dạy những nội dung về văn hóa, xã hội, khoa học tự nhiên. Đi đôi với công việc chuyên môn ở nhà trường, giáo viên và học sinh xã tích cực tham gia

công tác xã hội, tăng gia sản xuất, đi dân công và mua công trái. Tuy nhiên hoạt động của “Ban Bình dân học vụ” ở Quang Vinh bị giảm sút do một phần học viên đi dân công phục vụ chiến dịch, những người ở lại hậu phương phải gánh vác công việc gấp đôi nên không còn thời gian đến lớp. Nắm được tình hình, chi bộ đã kịp thời chấn chỉnh: Một mặt xác định mục tiêu “diệt giặc đói”; nhắc lại lời cụ Hồ “Một dân tộc không biết chữ là một dân tộc yếu”... tổ chức lại sản xuất, đôn đốc các tổ đổi công giúp đỡ cho các gia đình khó khăn về nhân lực do đi dân công, do ốm đau ... tổ chức thêm các lớp học tại từng xóm để nhân dân không phải đi học xa, viết lại chữ trên các bờ tường, lưng trâu để nhân dân vừa đi làm vừa học, nhờ đó phong trào được phục hồi trở lại. Nhân dân tiếp tục hào hứng đi học, quyên góp vật chất để nuôi giáo viên và xây dựng lớp học. Công tác bổ túc văn hóa luôn được Chi bộ chú trọng. Đội ngũ cán bộ xã, thôn và các ban ngành phải tranh thủ đến lớp học, bảo đảm 1 năm phải xong chương trình 2 lớp. Tuy nhiên, do phải tập trung chỉ đạo công tác dân công và thuế nông nghiệp nên phong trào bổ túc văn hóa lúc lên, lúc xuống, kết quả học tập không đồng đều.

Đối với công tác y tế, mặc dù trong điều kiện kháng chiến, nhưng công tác y tế luôn được chi bộ xã quan tâm. Phong trào giữ vệ sinh được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, làm cho nhân dân nâng cao ý thức phòng bệnh, bằng cách giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, qua đó số người ốm đau giảm, không có dịch bệnh trên địa bàn xã.

Năm 1951, trong điều kiện kẻ thù luôn tìm cách chống phá, nhưng phong trào văn hóa văn nghệ của xã được duy trì. Các hoạt động văn hóa văn nghệ không chỉ tuyên truyền chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, mà còn là nơi để nhân dân hưởng thụ đời sống tinh thần sau những ngày làm việc vất vả trên những cánh đồng, thửa ruộng. Từ những lớp học của con trẻ ban ngày, đến những lớp bổ túc cho người lớn vào ban đêm đã vang lên những bài ca cách mạng như: Đoàn vệ quốc quân, Du kích ca, Nam Bộ kháng chiến, Ca ngợi Đảng cộng sản Việt Nam, Lên Đảng, Diệt Phát xít v.v... Những bài ca cách mạng ngày càng hun đúc ngọn lửa cách mạng trong nhân dân, vun đắp tinh thần, ý trí đấu tranh giải phóng chính mình và giành độc lập cho dân tộc.

Cùng với đó, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, lực lượng dân quân xã Quang Vinh do đồng chí Phan Thanh Nhân phụ trách đã củng cố về tổ chức và nhiệm vụ. Lực lượng công an xã do đồng chí Nguyễn Văn Ty chỉ huy được kiện toàn và đi vào hoạt động nên tình hình trị an ở địa phương được bảo đảm; những âm mưu, thủ đoạn phá hoại và các hoạt động gián điệp của địch không xâm nhập được vào địa bàn xã.

Cuối năm 1951, xã Quang Vinh đón một số thương về nuôi dưỡng và tổ chức đời sống cho anh em. Chi bộ đã hướng cho Hội phụ nữ vận động chị em đăng ký lấy chồng là thương binh. Sau một thời gian vận động, các bà Nguyễn

Thị Chung, Trần Thị Hợi, Phạm Thị Thi v.v... đã đăng ký lấy chồng là thương binh theo cách bốc thăm. Hội phụ nữ đã tổ chức bốc thăm, kết quả các đồng chí thương binh đều được cưới vợ (bà Chung lấy ông Tổ, bà Thi lấy ông Phương, Bà Hợi lấy ông Ty v.v...) ¹ cuộc sống của các gia đình ổn định, hạnh phúc, các đồng chí thương binh đều tiếp tục cống hiến sức lực cho phong trào của xã.

Có được kết quả trên, chi bộ Đảng luôn giữ vai trò nòng cốt, đã tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ của Huyện ủy Đồng Hỷ giao cho, đồng thời đề ra những chủ trương, nhiệm vụ sát đúng để lãnh đạo nhân dân vừa tiến hành kháng chiến, vừa tiến hành kiến quốc. Song song với nhiệm vụ đó, Chi bộ Quang Vinh luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh. Với quyết tâm xây dựng chi bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Chi bộ xã Quang Vinh tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, lãnh đạo tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên. Cuộc vận động giáo dục được triển khai đến từng đảng viên trong chi bộ, đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động và tinh thần chiến đấu của mỗi đảng viên.

Những thành công đã đạt được trong 2 năm 1949 và 1950 trong cả nước là cơ sở để Đảng Lao động Việt Nam đề ra những chủ trương, biện pháp lãnh đạo mới đối với sự nghiệp cách mạng đang diễn ra hết sức khẩn trương.

¹ Theo lời kể của bà Nguyễn Thị Chung (vợ của thương binh Lê Mai Tổ)

Tại Hội nghị lần thứ nhất, khóa II, (3.1951), Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ: Do kháng chiến trường kỳ gian khổ, ta phải mở mang kinh tế tài chính để bồi dưỡng sức dân và cung cấp nhu cầu cho quân đội... Có giải quyết được khó khăn về kinh tế tài chính, ta mới có thể làm cho cuộc kháng chiến thuận chiều tiến tới thắng lợi. Tiếp đó, trong *Thư gửi nông dân toàn quốc* đầu năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi nông dân cả nước đã hăng hái khắc phục thiên tai, địch họa, duy trì sản xuất để nuôi quân đánh giặc. Người chỉ rõ: “Năm 1951 kháng chiến sẽ mạnh hơn, nông dân phải chuẩn bị lương thực đầy đủ hơn nữa để bộ đội ăn no đánh thắng. Chiến sĩ ở mặt trận thì thi đua giết giặc lập công; còn hậu phương thì thi đua tăng gia sản xuất”¹.

Khẩu hiệu “toàn dân canh tác”, “toàn dân sản xuất lập công, đề cao chiến sỹ” được các tầng lớp nhân dân trong cả nước, trong đó có nhân dân Quang Vinh hăng hái thực hiện. Nhân dân Quang Vinh đã nêu cao tinh thần yêu nước, ngày đêm bám ruộng đồng, chăm sóc lúa, mở rộng diện tích trồng màu, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, tăng năng suất cây trồng.

Năm 1952, chi bộ xã Quang Vinh có bước phát triển mạnh mẽ, số đảng viên lên tới 22 đồng chí. Nguyễn Đại Loan, được học tập bồi dưỡng về lý luận. Về mặt chính quyền, đồng chí Nguyễn Văn Tập, Phó Bí thư chi bộ thay

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.2002, tập 6, tr.178.

đồng chí Vũ Ngọc Cừ làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính. Trưởng ban Công an xã là đồng chí Trần Văn Ty; đồng chí Nguyễn Thị Lan làm Chủ tịch Hội Phụ nữ; đồng chí Trần Long làm Xã đội trưởng; đồng chí Hà Văn Thanh thay đồng chí Nguyễn Đình Châu phụ trách Đoàn Thanh niên; đồng chí Nguyễn Văn Tuất phụ trách Thông tin Văn hóa xã; đồng chí Trần Văn Khoát phụ trách Tuyên huấn.

Do được củng cố kịp thời về lực lượng chi bộ Đảng và chính quyền, trong năm 1952, mặc dù gặp nhiều khó khăn do địch tăng cường chống phá, nhưng nhân dân Quang Vinh nói riêng và toàn huyện Đồng Hỷ nói chung vẫn đảm bảo diện tích gieo trồng trên các cánh đồng. Một số biện pháp kỹ thuật được Chi bộ lãnh đạo thực hiện tốt; phong trào làm giàu cho đất bằng phân chuồng được ủ kỹ được phát động rộng rãi tới toàn thể nhân dân trong xã.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất với khẩu hiệu “Tất cả vì mặt trận, tất cả để đánh thắng”, từ năm 1952 trở đi, khi thể và lực của cách mạng có bước phát triển mới, Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy quyết định tổ chức lực lượng mở nhiều chiến dịch lớn nhằm tạo ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Theo đó, lượng vật chất đảm bảo cho các chiến trường đòi hỏi ngày càng lớn; việc huy động nhân lực, vật lực trong vùng giải phóng phục vụ cho bộ đội đánh giặc ngày càng cao hơn. Hòa chung khí thế cách mạng sôi nổi đó, Quang Vinh cùng các xã của huyện Đồng Hỷ tích cực

cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Ngày 2 tháng 8 năm 1952, Huyện ủy Đồng Hỷ giao cho xã Quang Vinh tổ chức một đội dân công tương đương một trung đội đi tham gia phục vụ các chiến dịch Tây Bắc và chiến dịch Thượng Lào. Chi bộ Quang Vinh cùng Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã họp bàn và quyết định phát động phong trào *“Xung phong đi dân công phục vụ chiến dịch”*.

Với chủ trương sát đúng, phát huy tinh thần cách mạng của quê hương, phong trào *“Xung phong đi dân công phục vụ chiến dịch”* được nhân dân Quang Vinh nô nức hưởng ứng. Kết quả, toàn xã có hơn 100 người đăng ký đi dân công phục vụ các chiến dịch. Trên cơ sở số người đăng ký, xã đã tuyển chọn được 35 đồng chí theo các tiêu chí đề ra. Đoàn được tổ chức thành một trung đội gồm ba tiểu đội, mỗi tiểu đội 11 người, do Trung đội trưởng và Trung đội phó chỉ huy. Đồng chí Nguyễn Văn Lục được xã giao nhiệm vụ làm Trưởng đoàn và làm Trung đội trưởng - Trung đội dân công của xã Quang Vinh lên đường thực hiện nhiệm vụ. Các đội viên tham gia dân công phải chủ động chuẩn bị tư trang cá nhân và lương thực trong thời gian ngắn. Mặc dù được thành lập trong thời gian gấp, điều kiện đảm bảo vật chất thiếu thốn, nhưng ai cũng phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp vào thành tích chung trong sự nghiệp kháng chiến của dân tộc.

Ngày 10 tháng 8 năm 1952, Đoàn dân công xã Quang Vinh xuất phát lên đường, sau đó hợp nhất vào Đoàn dân công của huyện Đồng Hỷ. Trong khí thế phấn khởi, Đoàn rời Thái Nguyên hành quân sang Hòa Bình rồi từ đó đi Sơn La. Công việc chủ yếu của Đoàn là vận chuyển lương thực từ tuyến Quân khu đến tuyến chiến dịch, khi quay trở ra thì khiêng cáng thương binh giao cho các bệnh viện tuyến sau điều trị. Trong thời gian 6 tháng dân công, Đoàn dân công đã đi hàng ngàn cây số, vượt qua bao nhiêu núi cao vực thẳm, thời tiết khắc nghiệt và sang đến đất bạn Lào (khu vực Sầm Nưa) tham gia phục vụ cho những trận đánh lớn.

Mặc dù nhiệm vụ chính của dân công là vận chuyển gạo, đạn và thương binh nhưng cũng hết sức vất vả và nguy hiểm. Với ý đồ ngăn chặn sự chi viện của hậu phương cho tiền tuyến, máy bay địch thường xuyên tìm kiếm kho tàng và những khu vực các đoàn dân công đi qua để đánh phá. Nhưng bom đạn kẻ thù không làm lung lay tinh thần và ý chí của những người con xã Quang Vinh. Đoàn dân công của xã do đồng chí Nguyễn Văn Lục dẫn đầu đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Kết thúc đợt dân công phục vụ các chiến dịch, tập thể và nhiều cá nhân trong đoàn được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen.

Sự đóng góp của Đoàn dân công Quang Vinh không chỉ góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc (14.10-10.12.1952), mà còn góp phần quan trọng vào chiến dịch

Thượng Lào, giải phóng Sầm Nưa đầu năm 1953, tô thắm thêm truyền thống đoàn kết chiến đấu đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Cuối năm 1952, đầu năm 1953, được sự động viên bằng những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp các chiến trường, nhân dân Quang Vinh càng hăng say lao động sản xuất. Diện tích cây chiêm được mở rộng; việc làm cỏ, bón phân cho cây trồng có nhiều tiến bộ do áp dụng kỹ thuật vào sản xuất; phong trào “tổ đổi công” tiếp tục được duy trì, phát triển, qua đó giải quyết được sự thiếu thốn về nhân lực trong những ngày mùa do lực lượng thanh niên của xã đi thực hiện nhiệm vụ kháng chiến.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp làm ra nông cụ cầm tay như cuốc, cào, liềm, hái, đồ dùng gia đình bắt đầu hoạt động trở lại, đáp ứng được một phần nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong xã. Có thể nói, việc giữ vững và đẩy mạnh sản xuất trong những năm kháng chiến là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho giá cả thị trường trên địa bàn xã được ổn định, đời sống vật chất của nhân dân được cải thiện.

Song song với việc đẩy mạnh sản xuất, ổn định và nâng cao từng bước đời sống vật chất của nhân dân, chi bộ Đảng và chính quyền xã Quang Vinh cũng từng bước quan tâm đến xây dựng đời sống văn hóa tinh thần. Đặc biệt, việc thực hiện nếp sống mới đã được phổ biến rộng rãi trên địa bàn xã. Việc cưới xin, ma chay được tổ chức đơn giản. Tuy nhiên, những kết quả trên cũng chỉ là bước đầu và chưa

thực sự vững chắc. Từ trong các phong trào đã bộc lộ những hạn chế, thiếu sót không chỉ trong chỉ đạo thực hiện mà cả trong nhận thức tư tưởng. Trong công tác vệ sinh phòng bệnh, tuy đã chú trọng tuyên truyền nếp sống vệ sinh nhưng kết quả hạn chế vì cán bộ y tế và nhân dân chưa thực sự thấm nhuần phương châm phòng bệnh là chính. Mặt khác do chiến tranh loạn lạc liên miên, nhân dân vừa chạy giặc, vừa sản xuất nên việc lo cái ăn đã khó, nói gì đến việc tích trữ của cải để thay đổi nhà cửa chuồng trại; trâu bò lợn gà vẫn ở gần người, ruồi bọ còn nhiều, nguy cơ bệnh dịch vẫn tiềm ẩn. Chính quyền đã động viên nhân dân tăng cường giữ vệ sinh chung, phát quang bờ bụi quanh nhà, chuồng trại để hạn chế ruồi muỗi hòng giảm nguy cơ dịch bệnh. Mặc dù còn một số hạn chế, nhưng nhìn chung nhân dân đã bước đầu biết giữ vệ sinh; trong nhà, ngoài ngõ, đường làng tương đối sạch sẽ, đó là những bước tiến mới trong nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, điều này có ý nghĩa thực tiễn to lớn vì sức khỏe của nhân dân là nguồn lực của đất nước. Những thành tựu đạt được làm cho Quang Vinh có sự phát triển vững chắc. Do đó, vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Quang Vinh đã đáp ứng được những yêu cầu huy động sức người, sức của cho mặt trận.

Bước sang năm 1953, do yêu cầu của cuộc cải cách ruộng đất, chi bộ Đảng và bộ máy chính quyền xã tiếp tục có sự thay đổi. Đồng chí Tô Văn Bản được chỉ định làm Bí thư Chi bộ. Về chính quyền, đồng chí Nguyễn Văn Tập thay đồng chí

Vũ Ngọc Cử giữ quyền Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính. Đồng chí Vũ Thế Minh phụ trách Nông hội; đồng chí Phan Thanh Nhân giữ chức Phó chủ tịch; đồng chí Trần Văn Khoát làm chính trị viên xã đội.

Sau 6 năm với thực hiện mục tiêu chiếm lại Đông Dương, nhưng thực dân Pháp đã bị sa lầy và buộc phải bầu vút vào Mỹ, điều đó tạo cho đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương. Tuy nhiên, cả hai bên thực dân đều muốn tìm giải pháp mới hòng đảo ngược tình thế trên chiến trường. Từ cuối năm 1953, chiến cuộc diễn ra vô cùng quyết liệt, cả ta và địch đều quyết tâm thực hiện kế hoạch của mình. Sau khi đập tan cuộc hành quân Hải Âu của địch ở Ninh Bình, bộ đội chủ lực ta tiến lên Tây Bắc. Đối phó với tình hình trên, Pháp vội đưa quân lên Điện Biên Phủ để bảo vệ Lai Châu và Thượng Lào. Điện Biên Phủ được Pháp nhanh chóng xây dựng thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương. Bộ chỉ huy Pháp đặt hy vọng sẽ “nghiền nát chủ lực Việt Minh” ở thung lũng Mường Thanh.

Đầu tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch của Tổng Quân ủy chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược. Như vậy, cả ta và địch đều chọn Điện Biên Phủ làm trận then chốt để kết thúc chiến tranh. Hòa vào không khí của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, cuối năm 1953, Huyện ủy Đồng Hỷ yêu cầu xã Quang Vinh tổ chức một đội dân công phục vụ với số lượng 45 người. Đồng chí Nguyễn Văn Tiềm, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành

chính xã được cử làm Đội trưởng đội dân công¹. Đội được biên chế thành 4 tiểu đội (3 tiểu đội nam, 1 tiểu đội nữ, mỗi tiểu đội 10 người) và Ban chỉ huy gồm 1 Đội trưởng, 2 Đội phó và 2 liên lạc. Cũng như các đợt trước đây, mỗi người tham gia Đội dân công phải bảo đảm quần áo, tư trang cá nhân, ngoài ra còn phải chuẩn bị một số đòn gánh, dây thừng để gánh gạo; mỗi tiểu đội còn phải chuẩn bị một chiếc đòn dài để khiêng cáng người bị thương. Ngoài ra, mỗi cá nhân tham gia đoàn dân công còn phải tự túc 7 ngày ăn, bao gồm gạo, muối vừng hoặc cá mắm khô. Công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương, chu đáo. Những đồng chí là cán bộ thôn thì bàn giao công việc cho người ở lại, những cá nhân tham gia Đội dân công thì phải bố trí, sắp xếp công việc gia đình để yên tâm lên đường thực hiện nhiệm vụ. Đội dân công Quang Vinh lên đường nhập vào đoàn dân công của tỉnh Thái Nguyên hành quân lên Hòa Bình. Trong cuộc hành trình đầy gian khổ ấy, đội dân công xã Quang Vinh đã vượt qua hàng ngàn cây số trên hướng Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên để tham gia vận chuyển hàng chục tấn lương thực, thực phẩm từ hậu phương ra mặt trận và khiêng hàng trăm thương binh từ mặt trận về các đội phẫu thuật, bệnh viện phía sau cho đến ngày kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ.

Điểm mới trong đợt dân công này, hoạt động của đội dân công Quang Vinh được tổ chức hết sức chặt chẽ, sinh

¹ Lý lịch Đảng viên Nguyễn Văn Tiềm.

hoạt như một đơn vị bộ đội, tất cả theo một kế hoạch thống nhất từ trên xuống dưới. Chỗ nghỉ ngơi và đường đi của đội phải tuyệt đối bí mật, an toàn. Hàng ngày, đội phải báo cáo lên cấp trên về tình hình chấp hành kế hoạch, về sức khỏe của từng đội viên. Trong gian khổ khó khăn, qua những đợt hành quân xa, mang vác hết sức nặng nề, nhưng do thấu hiểu sâu sắc nhiệm vụ mà mỗi đội viên đảm nhiệm, các đảng viên trong đội dân công Quang Vinh luôn phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, luôn phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, quyết tâm vượt lên mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Với sự góp sức của đội dân công Quang Vinh, cùng đồng bào và chiến sĩ cả nước, trải qua 56 ngày đêm chiến đấu anh dũng, gian khổ, “khoét núi ngủ hầm - mưa dầm cơm vắt”, ngày 7 tháng 5 năm 1954, quân ta đã làm nên một “Điện Biên lịch sử - lòng lẫy năm châu - chấn động địa cầu”.

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, đội dân công Quang Vinh trở về quê hương trong niềm vui chiến thắng và sự đón tiếp nồng nhiệt của chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã. Qua 6 tháng thực hiện nhiệm vụ cao cả, những người dân công Quang Vinh vốn từ những người nông dân chân lấm tay bùn đã trở thành những người có ý thức tổ chức kỷ luật, sống có nề nếp và làm rạng danh truyền thống quê hương Quang Vinh. Kết thúc đợt dân công phục vụ, tập thể và cá nhân được tặng thưởng, trong đó Nguyễn

Thị San một dân công Quang Vinh đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Sau khi Pháp thất thủ ở Điện Biên Phủ, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh họp ở Giơnevơ (Thụy Sĩ) bàn về vấn đề Đông Dương. Ngày 21 tháng 7 năm 1954, các hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết. Bản tuyên bố cuối cùng về lập lại hòa bình ở Đông Dương được các nước tham dự hội nghị cam kết chính thức chấp nhận.

Với giải pháp Giơnevơ, nhân dân Việt Nam đi được một nửa chặng đường trong sự nghiệp giải phóng Tổ quốc; sông Bến Hải tạm thời là giới tuyến chia cắt hai miền Nam - Bắc, miền Bắc được giải phóng, miền Nam do chính quyền thân Pháp quản lý, cả nước chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tuy nhiên tổng tuyển cử đã không diễn ra, đế quốc Mỹ lật lọng dựng nên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam.

*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân Quang Vinh cùng nhân dân cả nước từ thân phận nô lệ đã rũ bùn đứng dậy, trở thành người làm chủ đất nước, vận mệnh dân tộc và làm chủ cuộc sống của mình. Phát huy thắng lợi, nhân dân Quang Vinh khẩn trương bắt tay vào xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng; xây dựng các ban, ngành, đoàn thể trong xã và tích cực thực hiện những chủ trương

lớn của Đảng và Chính phủ nhằm bảo vệ vững chắc nền độc lập vừa giành được. Những năm đầu sau khi giành chính quyền, mọi hoạt động của nhân dân Quang Vinh đặt dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng khu vực. Ngày 5 tháng 12 năm 1946, chi bộ Đảng Quang Vinh được thành lập, mở ra một trang sử mới trong lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Quang Vinh.

Từ năm 1946-1954, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Chi bộ Quang Vinh là phải lãnh đạo nhân dân thực hiện có hiệu quả mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kháng chiến, kiến quốc. Trên tinh thần đó, Chi bộ Quang Vinh đã tuyên truyền chủ trương chính sách và những biện pháp lớn của Đảng đến từng người dân trong xã, làm cho nhân dân hiểu rõ đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”. Lãnh đạo nhân dân sản xuất, học tập, xây dựng các tổ chức chính quyền đoàn thể, xây dựng lực lượng dân quân, triển khai thể trận chiến tranh du kích chống lại cuộc tiến công của quân Pháp lên Thái Nguyên Thu Đông 1947. Tiếp đó, trong chiến dịch Biên Giới - Thu Đông 1950, chiến dịch Tây Bắc 1952, chiến dịch Thượng Lào giải phóng Sầm Nưa 1953, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, chi bộ Quang Vinh đã lãnh đạo nhân dân tổ chức tốt việc đóng góp lương thực, thực phẩm với nhà nước, động viên con em tòng quân ra mặt trận, thành lập các đoàn, đội dân công phục vụ các chiến dịch, góp phần vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Với tinh thần vượt qua mọi khó khăn vươn lên hoàn thành nhiệm

vụ, con em Quang Vinh luôn phát huy truyền thống của quê hương, chiến đấu anh dũng và lập công xuất sắc, góp phần viết nên những trang sử hào hùng của mảnh đất Quang Vinh, nhiều người đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng phần thưởng cao quý. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, 35 người con của xã Quang Vinh đã tham gia lực lượng quân đội, công an, 4 người đã anh dũng hy sinh tại các mặt trận.

Đi đôi với lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến, chi bộ Quang Vinh còn lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, vừa thực hiện chủ trương cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, vừa thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực với Nhà nước; nhân dân, đã tích cực hưởng ứng, đóng góp xây dựng “Quỹ mùa đông binh sĩ”, “Quỹ mua sắm vũ khí”, “Quỹ nuôi du kích tập trung”... Trong cuộc kháng chiến, mặc dù điều kiện còn nhiều khó khăn, nhưng chi bộ Quang Vinh đã lãnh đạo làm tốt công tác phát triển giáo dục, dạy cho hàng trăm người biết đọc biết viết; đảm bảo y tế không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội, điển hình là việc đón nhận và chăm sóc thương binh, hỗ trợ các gia đình có người đi bộ đội, dân công.

Có được kết quả trên là do chi bộ Quang Vinh đã làm tốt công tác xây dựng Đảng. Với chủ trương phát triển chi bộ toàn diện cả về số lượng và chất lượng, trong những năm kháng chiến chống Pháp, chi bộ Đảng luôn chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, giúp nhân

dân hiểu rõ mọi chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, hiểu rõ mục đích và ý nghĩa cuộc chiến tranh mà nhân dân ta đang tiến hành. Qua công tác xây dựng Đảng, chi bộ đã phát hiện nhiều quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng, từ 8 đảng viên năm 1946 lên 26 đảng viên năm 1954 góp phần nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của chi bộ Quang Vinh, góp phần xây dựng Đảng bộ Đồng Hỷ ngày càng vững mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo của chi bộ Quang Vinh trên các mặt công tác trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược còn một số hạn chế, đặc biệt là tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ; thêm vào đó, công tác giáo dục chính trị tư tưởng có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao; trong lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhiều mục tiêu chưa đạt được so với yêu cầu đề ra, v.v...

Mặc dù còn một số hạn chế, nhưng thành tích chi bộ Quang Vinh đạt được là rất đáng tự hào. Đó sẽ là hành trang để chi bộ Quang Vinh đúc kết những kinh nghiệm quý báu lãnh đạo xã tiến lên giành được nhiều thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tích cực chi viện cho chiến trường miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1954-1975)

I. Cải cách ruộng đất và sửa sai, quyết tâm đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể (1954-1963)

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hòa bình được lập lại; đất nước ta bước vào một thời kỳ cách mạng mới: Miền Bắc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ. Cũng như nhân dân miền Bắc, Quang Vinh đứng trước nhiều khó khăn. Sản xuất của xã vẫn dựa trên quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu; phần lớn nông dân trước đây phải làm thuê cho địa chủ, điền chủ. Theo báo cáo của chính quyền Quang Vinh thời điểm tháng 8 năm 1954, xã Quang Vinh có 535 mẫu ruộng, nông dân có 106 mẫu ruộng, bằng 19,7%, trong khi đó ba điền chủ sở hữu tới

429 mẫu, bằng 80,3%¹. Tình hình đó đòi hỏi cuộc cách mạng ruộng đất phải được tiến nhanh hơn nữa, nhằm đem lại quyền lợi cho nông dân, giải phóng sức sản xuất đang bị kìm nén.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng ruộng đất, ngày 27 tháng 5 năm 1954, Đội cải cách đến xã Quang Vinh; Đội tỏa về các xóm tuyên truyền chính sách của Đảng về cải cách ruộng đất².

Ngày 1 tháng 5 năm 1954, cán bộ Đội cải cách thực hiện ba cùng với nhân dân. Bên cạnh việc tuyên truyền cho nhân dân hiểu về chính sách ruộng đất, Đội cải cách còn giúp chính quyền vận động nhân dân đóng thuế. Năm 1954, huyện giao cho Quang Vinh phải đóng 10 tấn thóc (3 tấn thóc và 7 tấn quy ra tiền), qua học tập, Quang Vinh đã thu và đóng thuế cho Nhà nước vượt 550 kg.

Sau thời gian nằm vùng, Đội cải cách phân loại được thành phần ở Quang Vinh: Trong 207 hộ gia đình, có 65 hộ là bần nông, 19 hộ cố nông, hai loại này cộng lại chiếm 40,57%; trung nông 93 gia đình, chiếm 44,92 %; phú nông

¹ Báo cáo số 1249, lưu Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên

² Chương trình CCRĐ nhằm xóa bỏ văn hóa phong kiến, tiêu diệt các thành phần bị xem là “bóc lột”, “phản quốc” (theo Pháp, chống lại đất nước), “phản động” (chống lại chính quyền) như địa chủ, Việt gian, cường hào, các đảng đối lập... được Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa thực hiện vào những năm 1953–1956. Cải cách ruộng đất tịch thu tài sản, đất đai của những người này và chia cho bần nông, cố nông... Cải cách ruộng đất đi kèm với phong trào chỉnh đốn Đảng lúc đó.

12 gia đình, chiếm 5,79%; địa chủ có 10 gia đình, chiếm 4,83; lao động khác 8 gia đình, chiếm 3,85%¹.

Trong những năm thực hiện phong trào “diệt giặc đói” và phong trào “sản xuất”, thực hiện Nghị định số 41 BKT ngày 15/11/1945 của Bộ Kinh tế Quốc dân, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, một số gia đình ở Quang Vinh đã chia bớt ruộng cho những người làm thuê nhằm làm ra nhiều thóc lúa. Tuy nhiên, dưới cách nhìn của Đội cải cách, đây là sự phân tán tài sản và cũng đã đánh đồng cả những người nông dân vừa mới nhận đất của địa chủ, xếp họ thuộc diện phú nông, tạo ra sự phản ứng, thắc mắc về thành phần của mình.

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu đánh đổ địa chủ phong kiến, Đội cải cách vận động bản cổ nông (“chuối”, “rễ”) đưa những thành phần đã phân định là địa chủ cường hào ác bá, ra xét xử. Điều đó cho thấy công tác phân định thành phần của Đội cải cách ở Quang Vinh có nhiều sai sót.

Trong quá trình tổ chức thực hiện đã có một số sai lầm: Theo đánh giá của Đội cải cách, chi bộ và chính quyền cũng như các ban, ngành đoàn thể của xã Quang Vinh chưa trong sạch. Chi bộ còn có những người thuộc thành phần lớp trên, năng lực lãnh đạo của một số đảng viên yếu kém²,

¹ Báo cáo của Đội cải cách xã Quang Vinh ngày 2/6/1954. Hồ sơ 1250, lưu Sở Nội Vụ tỉnh Thái Nguyên.

² Đồng chí Lục Vạn và Đồng chí Tập Phó Bí thư - Chủ tịch do có những ý kiến không thống nhất với Đội cải cách về cách đối xử với địa chủ nên Đội cải cách đánh giá là bị địa chủ mua chuộc. Báo cáo của Đội cải cách, lưu tại Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

có biểu hiện nể nang, thiếu kiên quyết trong công tác đấu tranh với địa chủ. Chính quyền xã Quang Vinh chưa bênh vực quyền lợi cho nông dân, thành phần trong chính quyền chưa trong sạch. Một số người trong chi bộ không có tính chất Đảng, chưa phải là hạt nhân chính trị của Đảng trong nông thôn, không đại diện quyền lợi cho người lao động. Căn cứ vào tình hình trên, Đội cải cách kiến nghị với Đoàn Ủy cho xây dựng lại Chi bộ Quang Vinh.

Thực hiện mục tiêu cách mạng ruộng đất, Đội cải cách tiến hành phân loại địa chủ, Đội căn cứ vào tiêu chuẩn để xác định 5 thành phần, gồm: Địa chủ, phú nông, trung nông, bần nông và cố nông¹. Tỷ lệ địa chủ được ấn định trước là 5,68% số hộ gia đình ở nông thôn. Do vậy, Đội cải cách đã cố truy bức để đôn tỷ lệ địa chủ lên 5% như một quy định bắt buộc. Đội cải cách đã làm việc ráo riết nhưng chỉ xác định được 10 địa chủ tại Quang Vinh, con số này thấp hơn so với chỉ tiêu quy định.

Tất cả các gia đình bị xếp vào thành phần địa chủ được Đội cải cách phân loại thêm một lần nữa, gồm: Địa chủ gian ác, địa chủ thường và địa chủ có ủng hộ kháng chiến. Thành phần địa chủ gian ác bị Đội cải cách bắt và quản thúc. Ngoài ra Đội cải cách còn tham gia làm trong sạch

¹ Tiêu chí để xác định: Trung nông có 3 loại: trung nông cứng là người sở hữu 1 con bò, 1 con lợn, 1 đàn gà; trung nông vừa là người sở hữu 1 con lợn, 1 đàn gà; trung nông yếu là người sở hữu 1 đàn gà; bần nông, cố nông không có gì cả. Gia đình có 2 con lợn có thể gọi là phú nông. Báo cáo số 1249, lưu Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên

chi bộ và chính quyền. Chính quyền xã Quang Vinh chịu sự chỉ huy của Đội trưởng cải cách, mọi quyết định của Đội cải cách, chính quyền phải thực hiện đầy đủ. Tại một lần xét xử địa chủ, Đội trưởng cải cách ở Quang Vinh tuyên bố: “Nhất đội nhì trời”, quyết định của Đội mọi người phải tuân theo, không được có ý kiến trái ngược.

Những năm đó, đồng chí Tô Văn Bản được giao trọng trách Bí thư Chi bộ, tuy nhiên lúc này, ông bị bệnh không thể sâu sát, quán xuyến mọi công việc của Đội cải cách. Đội đã phân loại đảng viên trong chi bộ theo ba nhóm: *Nhóm thứ nhất* là các đảng viên có tham gia bóc lột như thu tô tức, thuê mướn nhân công; *nhóm thứ hai* là những đảng viên có họ hàng huyết thống với địa chủ, phú nông gọi là thành phần tay sai và *nhóm thứ ba* là những đảng viên thuộc bản cổ nông. Đội cải cách đề nghị Đoàn ủy xử lý bốn đảng viên có quan hệ với địa chủ, phú nông, đưa những đảng viên này ra khỏi Đảng¹. Đây là lớp đảng viên thuộc thế hệ thứ hai của chi bộ xã Quang Vinh². Trong đợt làm trong sạch nội bộ, chi bộ Quang Vinh bị khai trừ 7 đảng viên, để lại xem xét 3 đảng viên. Trong đợt cải cách, Chi bộ kết nạp được một số đảng viên mới là những nhân tố tích cực do Đội cải cách giới thiệu vào đảng.

¹ Báo cáo của Đội cải cách xã Quang Vinh ngày 2 tháng 6 năm 1954. Hồ sơ 1250, lưu Sở Nội Vụ Thái Nguyên.

² Những đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng trong cải cách ruộng đất đến khi sửa sai được phục hồi Đảng tịch.

Nông hội xã Quang Vinh¹, theo đánh giá của Đội cải cách có nhiều người thuộc thành phần không được đứng trong Nông hội². Theo đó, Hội trưởng Vũ Thế Minh cũng không đủ điều kiện. Do có những đánh giá sai lệch nên Ban chấp hành Nông hội có 7 người nhưng không hoạt động. Đội kết luận: Cần có biện pháp chấn chỉnh³. Tuy nhiên, đây là cách đánh giá của Đội cải cách, còn trước đó vào những năm 1946 -1954, Nông hội xã Quang Vinh dưới sự điều hành của đồng chí Ân Văn Xương và sau là đồng chí Vũ Thế Minh đã hoạt động hết sức hiệu quả. Nông hội đã vận động hội viên thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, tổ chức được “tổ đổi công” giúp nhau trong việc sản xuất, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược.

Một điểm sai trong cải cách ruộng đất là đánh giá sai đối với tầng lớp địa chủ, phú nông ở Quang Vinh. Theo một tiêu chí cứng nhắc đặt ra và khép họ vào tội bóc lột mà không thấy hết sự giàu có của họ là nhờ vào biết cách làm ăn, biết tiết kiệm; phần lớn họ tuy có thóc thừa, nhưng con cái và bản thân họ vẫn tham gia lao động sớm tối và phải

¹ Nông hội Quang Vinh được thành lập ngay sau khi bầu cử Hội đồng nhân dân tháng 3 năm 1946, đến tháng 6 năm 1954 có 278 hội viên, trong đó có 128 nữ, so với nhân khẩu chiếm 28.5 %.

² Đội cải cách xếp họ thuộc thành phần tay sai cho địa chủ, trường lý kỳ hào, tổng lý và đi lính cho pháp.

³ Báo cáo của Đội cải cách xã Quang Vinh ngày 2 tháng 6 năm 1954. Hồ sơ 1250, lưu Sở Nội Vụ Thái Nguyên.

ăn độn khoai sắn. Không ai ở Quang Vinh có thể quên vị Chủ tịch đầu tiên là đồng chí Vũ Ngọc Cử trong những năm đầu kháng chiến, ông đã đem nhiều thóc, gạo của gia đình cung cấp cho bộ đội, cho các đội dân công đi phục vụ chiến dịch.

Ngày 18 tháng 8 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *Thư* cho đồng bào nhìn nhận rõ sai lầm, khuyết điểm và cho biết Trung ương Đảng, Chính phủ đã nghiêm khắc kiểm điểm các sai lầm và kiên quyết sửa chữa¹. Trên tinh thần đó, cùng với cả nước, Quang Vinh bắt tay vào khắc phục sai lầm, khuyết điểm trong cải cách ruộng đất. Trong giai đoạn sửa sai, Quang Vinh có 23 người được sửa lại thành phần, một người được trả tự do, 10 đảng viên được phục hồi Đảng tịch².

Bên cạnh việc sửa sai, chi bộ Quang Vinh đã lãnh đạo các đoàn thể như: Nông hội, tổ đổi công hoạt động mạnh mẽ nhằm giúp đỡ lẫn nhau đẩy mạnh sản xuất. Ngày 10 tháng 9 năm 1958, để kiện toàn lại tổ chức Đảng sau mấy năm tạm dừng phát triển, chi bộ Quang Vinh tổ chức Đại hội với 22 Đảng viên tham gia. Đại hội nghiêm khắc kiểm việc thực

¹ Theo thống kê đến tháng 9 năm 1957, thì chiến dịch sửa sai đã phục hồi danh dự và trả lại tài sản, khoảng 70-80% số người bị kết án. Ban Chấp hành Trung ương lại chỉ thị cho các địa phương: “Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”.

² Lưu trữ UB tỉnh Thái Nguyên. HS 112. Đơn vị BQ 1221. Ủy ban HC tỉnh Thái Nguyên. số 311 Quyết định sửa thành phần.

hiện Nghị quyết của Huyện ủy và kiểm điểm công tác lãnh đạo của chi bộ đối với công cuộc cải cách ruộng đất và công tác sửa sai. Đại hội bầu 7 đồng chí vào cấp ủy. Đồng chí Nguyễn Đại Loan được bầu làm Bí thư chi bộ. Các đồng chí Nguyễn Văn Lục, Phó Bí thư; Phan Thanh Nhân, Nguyễn Văn Tiềm, Ngô Văn Điền, Nguyễn Văn Ty và Nguyễn Thị Phương là chi ủy¹.

Trong kiểm điểm, chi bộ xã Quang Vinh nhận thấy, trong điều kiện lịch sử cụ thể, tính chiến đấu của chi bộ còn yếu kém. Cụ thể, khi thấy những biểu hiện sai trái của Đội cải cách nhưng không đấu tranh, khi Đảng có chỉ thị sửa sai chưa có biện pháp lãnh đạo kịp thời.

Phương hướng lãnh đạo: Căn cứ vào Nghị quyết của Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ Quang Vinh xác định cần phát huy hoạt động của tổ đổi công, làm tốt công tác chuẩn bị để đưa nhân dân vào hợp tác xã. Cùng với đó, vấn đề bảo đảm đời sống nhân dân, vấn đề lương thực được chi bộ đặt lên hàng đầu.

Công tác xây dựng hợp tác xã, chi bộ xác định: Khẩn trương cử người đi học chuẩn bị cho việc tổ chức một hợp tác xã nông nghiệp làm thí điểm trong năm tới để rút kinh nghiệm. Tổ chức hợp tác xã *mua bán* để tiêu thụ sản phẩm, đồng thời đảm bảo nhu cầu đời sống của nhân dân. Về phát

¹ Quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ Thái Nguyên số 192 NQ/TN, ngày 19 tháng 10 năm 1958, Lưu Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Thái Nguyên.

triển đảng viên, Đại hội chỉ rõ: Đối tượng là quần chúng tiêu biểu trong các tầng lớp thanh niên, phụ nữ, nông hội của Quang Vinh, lực lượng này rất nhiều, cần bồi dưỡng lý tưởng cho họ, đưa họ đến với Đảng. Tại Đại hội đã kết nạp 4 đồng chí đủ điều kiện vào Đảng để tăng cường sức lãnh đạo của chi bộ.

Bên cạnh các nhiệm vụ trên, chi bộ có nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân Làng Đanh và Soi Cam di chuyển để nhường đất cho Nhà nước xây dựng đường sắt và nhà máy điện. Theo đó, nhân dân hai xóm Soi Cam và Làng Đanh đã rời về xóm Quang Vinh và Thần Vi, giao lại đất cho Nhà nước. Với thành công này, chi bộ Đảng và chính quyền Quang Vinh đã có bước tiến bộ rõ rệt trong lãnh đạo nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Đồng Hỷ và Nghị quyết của chi bộ về xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Lãnh đạo và chính quyền Quang Vinh đã họp và phân tích tình hình: Đồng đất của Quang Vinh chủ yếu phải trông chờ vào nước mưa nên chỉ cấy được một vụ; một số ít bằng phẳng, còn lại theo từng dải (rộc), khu vực cao nhất cách mặt nước sông Cầu về mùa đông từ 6m đến 7m; về mùa hạ nước sông có thể tràn qua, thậm chí ngập sâu từ 0,8m đến 1,2m. Do vậy, muốn đưa đời sống nhân dân thoát khỏi cảnh đói nghèo phải giải quyết vấn đề nước để cấy hai vụ lúa. Một thực tế, cán bộ của xã chưa có kinh nghiệm quản lý hợp tác xã;

những kiến thức học tập qua các lớp tập huấn của tỉnh cũng chỉ là lý luận, chưa được thực tiễn kiểm nghiệm. Lực lượng lao động phần lớn là người làm thuê, vừa trải qua 9 năm kháng chiến, được làm chủ trên mảnh ruộng chưa được bao lâu, họ chưa kịp hiểu hết chất đất, khí hậu, nay lại góp vào làm ăn chung, kết quả sẽ ra sao, đối nó thế nào, biết bao câu hỏi ngồn ngán cần được giải đáp?

Được sự hướng dẫn của huyện, chi bộ xã Quang Vinh quyết định lấy xóm Cửa Ngòi làm thí điểm để tổ chức hợp tác xã nông nghiệp. Để chuẩn bị đưa nhân dân Cửa Ngòi vào hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, Chi bộ đã chỉ đạo cho các xóm trong đó có Cửa Ngòi chọn một số nông dân tiêu biểu, có trình độ học vấn cấp 1, cấp 2 cử đi tập huấn ở các lớp đào tạo của tỉnh về công tác tổ chức và quản lý HTX từ năm 1957. Đối với nhân dân, chi bộ tiến hành vận động để nhân dân hiểu biết mục đích, ý nghĩa và tác dụng của việc tổ chức HTX nông nghiệp, đó là tập trung được nguồn lực như: Đất đai, sức lao động và khoa học kỹ thuật. Điều quan trọng nhất là xây dựng các công trình công cộng như giao thông, thủy lợi, nâng cao năng suất. Tất cả những vấn đề đó chỉ có vào Hợp tác xã mới giải quyết được. Đó là một những lý do để đưa nhân dân vào hợp tác xã. Mặt khác, HTX còn tạo ra các nhóm ngành nghề chuyên môn như: Đội cày bừa, đội cấy, đội chăn nuôi và đội giống...

Tháng 10 năm 1958, sau một thời gian chuẩn bị tích cực, hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên xã Quang Vinh ra

đời, đồng chí Bùi Xuân Hùng được bầu làm chủ nhiệm HTX¹. HTX được xây dựng theo mô hình: Ban chủ nhiệm gồm 3 người (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm kiêm kiểm soát và thư ký), bên dưới là các xã viên.

Cửa Ngòi là HTX có đất sản xuất tốt, nhưng phân tán, do vậy việc tổ chức lao động gặp khó khăn. Cửa Ngòi có khoảng 25 hộ gia đình với 68 lao động chính². Vốn sản xuất ban đầu do các gia đình đóng góp. Để bảo đảm công bằng, Ban chủ nhiệm thống nhất cách tính giá trị tài sản nhân dân đã góp vào (trừ đất) như sau: Trâu = 30 đồng/con; bừa đôi 10 đồng/ cái; bừa một 5 đồng/ cái; cày 5 đồng/ chiếc³. Mỗi xã viên khi vào phải đóng 30 đồng tiền quỹ sản xuất; ai chưa có sẽ cho nợ và trừ dần vào các vụ thu hoạch sau; còn những gia đình đã góp trâu, bừa cày thì căn cứ vào số tiền đó để trừ vào tiền đóng góp, nếu thừa HTX cũng nợ lại trả dần vào các năm sau; cách tính này đã thể hiện sự công bằng, minh bạch và đây cũng là nền tảng cho tinh thần đoàn kết của xã viên trong HTX. Bên cạnh

¹ Cũng có ý kiến cho rằng, trong buổi họp đầu tiên của HTX Cửa Ngòi, Ủy ban xã Quang Vinh công bố quyết định thành lập HTX nông nghiệp Cửa Ngòi, Ban chủ nhiệm gồm 3 đồng chí do Bùi Xuân Hùng làm chủ nhiệm.

² Theo báo cáo của Đội cải cách năm 1954 -1957, lúc này toàn xã có 209 hộ: Trại Vải 29 hộ, Cửa Ngòi 25 hộ, Rừng Vầu 24 hộ, Thần Vĩ + Làng Đanh 28; Soi Dầu 22; Quang Vinh và Soi Cam 55 hộ; Gia Bẩy 25 hộ.

³ Có ý kiến cho rằng, trâu được chia làm 3 loại: loại 1 = 30 đồng; loại 2 = 25 đồng và loại 3 = 20 đồng.

việc xác định vốn sản xuất ban đầu, Ban chủ nhiệm còn phải tính toán xác định cách tính điểm cho các loại công việc như: cày vỡ, cày cấy; bừa ải, bừa cấy; cấy, làm cỏ; gặt, gieo mạ, gánh phân có thể khoán trọn gói. Những việc không định mức được thì phải tổ chức làm công nhật: như vạc bờ, làm đường, làm nương vv. HTX còn tính công điểm cho người nuôi trâu ngoài HTX nếu tham gia sản xuất¹, tất cả đều được quy ra điểm. Thống nhất thời gian, ngày làm việc 8 giờ (nếu làm công nhật); hiệu lệnh làm việc là tiếng trống treo tại nhà chủ nhiệm. Xã viên đi làm và nghỉ theo hiệu lệnh của chủ nhiệm. Những ngày đầu làm ăn tập thể diễn ra rất sôi nổi, bà con từ những người làm thuê nay được làm chủ trên mảnh đất của mình, lại được tổ chức sản xuất tập trung, mọi người đều cảm thấy vui. Lúc này về thủy lợi, HTX Cửa Ngòi vẫn phụ thuộc vào thời tiết, do vậy năng suất thấp, trung bình chỉ đạt 40 – 50 kg/sào. Về cây giống, HTX vẫn sử dụng loại mà bà con đóng góp với 3 loại lúa: Lúa Nếp cái hoa vàng, lúa Tám, lúa Rự (gốc Thái Bình); cánh đồng cao, không có nước thì tra mố, trồng ngô. Khi thu hoạch thóc và hoa màu thì trừ phần phải nộp thuế, trả cho các công khác, còn lại chia cho tổng số điểm. Năm đầu tiên do chưa có kinh nghiệm trong công tác quản lý và tình hình thời tiết khắc nghiệt nên giá trị ngày công chỉ đạt 0,5 kg thóc/công, phần hoa màu cũng

¹ Trâu do xã viên nuôi riêng, khi đi cày được tính điểm như một lao động phụ. Nuôi trâu cho HTX cũng được nhận điểm.

được tính như vậy. Trên cơ sở công điểm mà các hộ xã viên đã làm được trong năm nhân với giá trị ngày công ra kết quả lao động. Gia đình nào nhiều lao động cũng chỉ đạt được 16 kg lương thực / tháng. Gia đình ít lao động và ốm đau thì chỉ đạt 8 - 9 kg / tháng. Vấn đề nước tưới mà chi bộ đặt ra khi vào hợp tác xã vẫn chưa giải quyết được.

Cũng trong năm 1958, Quang Vinh thành lập hợp tác xã Vay mượn, đồng chí Nguyễn Văn Lục (phó Bí thư chi bộ xã Quang Vinh) được giao là chủ tịch HTX Vay mượn. Việc thành lập HTX Vay mượn đã tạo điều kiện cho Quang Vinh huy động tiền nhân rồi trong dân vào việc phát triển sản xuất.

Tháng 2 năm 1959, Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Hỷ đề ra chủ trương đưa 50,7% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Thực hiện Nghị quyết của huyện, Chi bộ Quang Vinh¹ xác định năm 1959 xây dựng Rừng Vầu thành HTX nông nghiệp thứ hai của xã. Rút kinh nghiệm từ HTX Cửa Ngòi, chi bộ xã Quang Vinh chỉ đạo chuẩn bị thành lập HTX thứ 2 tại xóm Rừng Vầu. Đánh giá chất lượng đất canh tác: Rừng Vầu là xóm có nhiều đất canh tác, 2/3 diện tích trồng lúa 1 vụ, 1/3 đất trồng màu. Đất cấy lúa phần lớn có cấu trúc tầng dải mà dân địa phương gọi là “rộc” chất đất tương đối tốt, chỉ có khoảng 15% đất kém màu mỡ (chua, sâu, thụt). Đất trồng màu, chủ yếu dùng để trồng mía và

¹ Thời điểm này đ/c Bí thư Nguyễn Đại Loan ốm, đồng chí Ngô Văn Điền được chỉ định quyền Bí thư

khoai. Mía đường dùng để kéo mật: Mỗi năm 3 tháng, từ tháng 10 đến tháng 12, nhân dân Rừng Vầu lại chặt mía ép lấy nước nấu thành đường phen. Mỗi phen đường có hình chữ nhật (25cm x 15 cm) dày 4 cm, trọng lượng 1 kg, màu vàng xậm và ngọt lịm. Đường phen góp phần thu nhập về tiền mặt cho bà con xóm Rừng Vầu và làm cho đời sống vật chất thêm phong phú. Ngoài mía đường nhân dân còn trồng mía bầu, thân vàng, giòn, có vị ngọt đậm, thơm dễ ăn và dễ bán. Tuy nhiên nếu trồng mía thì một năm mới cho thu hoạch 1 lần, còn trồng khoai và ngô thì một năm cho hai vụ góp phần bảo đảm lương thực. Đây là bài toán mà khi vào HTX Ban chủ nhiệm phải tính toán chọn lựa. Còn về giống lúa: Nếp, Tám, Rự và thóc tẻ, những loại này đều được tuyển chọn từ vùng quê Nam Định, đã trồng cấy nhiều năm đã quen với thổ nhưỡng, nên hợp tác xã quyết định dùng loại giống đó.

Trên thực tế, trong khi HTX Cửa Ngòi đi vào hoạt động, Rừng Vầu vẫn duy trì tổ đổi công. Sau khi được học tập về chủ trương của Đảng và mục đích của việc vào HTX, 100% nhân dân của Rừng Vầu đăng ký tham gia HTX nông nghiệp. Để chuẩn bị cho việc ra đời của HTX nông nghiệp thứ hai, lãnh đạo và chính quyền xã Quang Vinh nhiều lần tham gia họp với nhân dân xóm Rừng Vầu. Nhân dân cơ bản nhất trí với phương án của Ban Chủ nhiệm trừ bị đã đề ra.

Tháng 3 năm 1959, HTX nông nghiệp thứ hai của xã Quang Vinh ra đời trên địa bàn xóm Rừng Vầu, với tên gọi

HTX Đồng Vinh. Về mô hình, HTX Đồng Vinh cơ bản như HTX Cửa Ngòi, nhưng có thêm Đội trưởng sản xuất. Đại hội xã viên đầu tiên HTX Đồng Vinh có 62 người tham dự, bầu Ban Quản trị gồm: Đồng chí Đoàn Văn Dước làm Chủ nhiệm, đồng chí Dương Văn Long, Phó Chủ nhiệm kiêm Trưởng ban Kế hoạch và đồng chí Nguyễn Văn Thân làm kế toán kiêm đội trưởng sản xuất.

Để tạo dựng cơ sở vật chất cho HTX, nhân dân Rừng Vầu đã góp toàn bộ ruộng đất, trâu, bò, nông cụ cho HTX. Cách tính vốn đầu tư ban đầu cũng giống như HTX Cửa Ngòi: Cày, bừa, trâu, bò được quy giá thành tiền; mỗi người vào hợp tác xã phải đóng một khoản tiền 30 đồng để làm vốn. Đối với ruộng đất, HTX có chế độ phân trăm hoa lợi, được tính như sau: Tổng bình quân giá trị của một sào đất làm ra sản phẩm trong một năm, người có đất hưởng % giá trị đó gọi là hoa lợi, người có nhiều ruộng thì được hưởng nhiều, người có ít ruộng thì hưởng ít; hoa lợi được tính bằng thóc và trả vào cuối năm. Hiệu quả sản xuất sẽ là tổng thu nhập cả năm, gồm thóc, hoa màu¹ trừ các khoản: công quản lý + hoa lợi + phân giống, thuế, còn lại chia cho tổng số công lao động. Các gia đình nuôi trâu cho HTX được nhận một số công điểm nhất định, trâu béo khỏe được thưởng, trâu gầy yếu bị phạt (trừ điểm); trâu sinh con,

¹ Năm 1959, Rừng Vầu chuyển từ trồng mía sang trồng sắn, ngô, khoai lang. Quá trình thu hoạch, Ban quản trị lên phương án chia cho gia đình dựa trên số công mà gia đình đó có vào thời điểm đó

người chăn được hưởng 2/3, HTX được 1/3; khi trâu con trưởng thành được định giá, trả cho gia chủ phần được hưởng, trâu con thì giao cho gia đình khác chăn dắt để bảo đảm tính công bằng.

Nhằm đảm bảo cho việc thu hoạch, mỗi HTX phải xây dựng một sân phơi lớn và một nhà kho để chứa đựng sản phẩm. Sau một tháng thành lập, HTX Đồng Vinh hoàn thành hệ thống sân phơi và nhà kho.

Sau khi bầu Ban Quản trị HTX, chi bộ Quang Vinh đã cùng Ban Quản trị xác định kế hoạch. Đồng chí Chủ nhiệm Đoàn Văn Dước báo cáo mục tiêu xây dựng HTX trong ba năm 1959-1962. Kế hoạch sản xuất bao gồm việc xác định xây dựng hạ tầng kiến trúc (sân, kho, đường đi); xác định khu vực, diện tích, loại cây trồng, thời vụ. Đồng chí Dương Văn Long, Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã báo cáo việc tổ chức các tổ sản xuất: Tổ cày, tổ bừa (số người, số nông cụ, số trâu được huy động cho sức kéo). Đây là lực lượng chủ yếu giải quyết khâu làm đất, số còn lại làm các việc như chuyển phân, cấy làm cỏ và vạc bờ. Một số công việc sẽ sử dụng lực lượng tập trung, có kế hoạch chi tiết, cụ thể cho từng công việc. Về bảng khoán cho các loại công việc, do chất đất của HTX Đồng Vinh đa phần khó làm hơn Cửa Ngòi nên mức khoán cho việc cày, bừa cũng khác, từ 0,5 đến 1 điểm trên một sào so với HTX Cửa Ngòi. Bảng khoán này phải được thông qua hội nghị xã viên rồi mới đưa vào sử dụng. Cuối cùng, về phương án phân phối sản phẩm sau thu hoạch, đồng chí Nguyễn Văn Thân, kế toán trình bày hệ thống số

sách, cách thức tính điểm, báo điểm, cách ghi vào sổ hộ gia đình và ghi vào sổ HTX; trong mỗi tuần, tháng, kế toán cộng sổ và đối chiếu giữa sổ hộ gia đình và sổ HTX. Để giúp HTX Đồng Vinh phát triển, chi bộ Quang Vinh đã góp nhiều ý kiến để Ban Quản trị điều chỉnh kế hoạch, công tác quản lý, cho phù hợp.

Như vậy, sau Cửa Ngòi, tiếng trống giục giã xã viên ra đồng sản xuất vang lên ở xóm Rừng Vầu. Trong từng gia đình, mọi người đôn đốc nhau đi làm đúng giờ, tạo không khí thi đua sản xuất trong mỗi hợp tác xã của Quang Vinh thời bấy giờ.

Có thể nhận thấy trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng, đưa nhân dân vào HTX nông nghiệp, chi bộ Quang Vinh đã ra nghị quyết đúng, tích cực vận động nhân dân, có phương pháp chỉ đạo hợp lý: Sau khi tổ chức HTX Cửa Ngòi nhằm rút kinh nghiệm, chi bộ mới lãnh đạo xây dựng hợp tác xã Rừng Vầu. Các đồng chí được dự kiến trong Ban Quản trị của HTX Rừng Vầu được theo dõi thực tế tại HTX Cửa Ngòi. Do vậy, khi Rừng Vầu tổ chức HTX, Ban Quản trị đã đề ra được mục tiêu, kế hoạch cho quá trình phát triển của HTX. Đây là một trong những thành công của chi bộ Quang Vinh trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương đường lối của Đảng.

Cùng với lãnh đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, chi bộ Quang Vinh luôn quan tâm đến công tác phát triển Đảng. Đến năm 1959, các đối tượng cảm tình Đảng như Bùi Xuân

Hùng, Trần Văn Tuy, Dương Thị An Tình được kết nạp Đảng, đưa số đảng viên của Chi bộ Quang Vinh lên 29 người. Cuối năm 1959 đồng chí Ngô Văn Diễm chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Trọng Phương được chỉ định Phó Bí phụ trách chi bộ xã Quang Vinh. Năm 1960, Chi bộ và chính quyền Quang Vinh hoàn thành việc cải tạo các thành phần kinh tế cá thể, đưa được 2/6 dân số của xã vào HTX nông nghiệp. Đặc biệt, HTX Cửa Ngòi và HTX Đồng Vinh được tổ chức chặt chẽ, nhân dân đoàn kết, yên tâm lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã diễn ra và thành công tốt đẹp. Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững chắc của cả nước. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Để chuẩn bị cho bước phát triển trong giai đoạn cách mạng mới, tháng 11 năm 1960, chi bộ Quang Vinh tiến hành tổ chức Đại hội với 25 đảng viên tham dự. Tại Đại hội, đồng chí Nguyễn Trọng Phương¹, Quyền Bí thư chi bộ đọc báo

¹ Lý Lịch Đảng viên của đồng chí Nguyễn Trọng Phương

cáo, đánh giá sự thành công của chi bộ trong lãnh đạo nhân dân vào con đường làm ăn tập thể. Hai HTX Cửa Ngòi và Đồng Vinh luôn dẫn đầu trong huyện. Báo cáo cũng biểu dương những hành động gương mẫu, dũng cảm của cán bộ, đảng viên trong việc cứu người và tài sản của nhân dân trong trận lụt 1959, nhất là sự đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau sau trận lụt. Cùng với đó, báo cáo chỉ ra những hạn chế, thiếu sót của chi bộ, chủ yếu về năng lực lãnh đạo và điều hành kế hoạch, xử trí tình huống của cán bộ.

Về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, Đại hội nhấn mạnh: Phải tổ chức thành công 4 HTX còn lại của xã theo đúng chủ trương của Đảng, tạo động lực cho xã phát triển vững chắc. Đại hội cũng đề cập đến việc cải thiện một bước hạ tầng cơ sở để đưa cơ giới (xe cải tiến) vào hoạt động, giải phóng đôi vai người nông dân; phấn đấu có đủ chỗ cho học sinh cấp I và tiến tới có trường lớp của cấp II; bảo đảm 100% phụ nữ được sinh con tại nhà hộ sinh (trạm xá) của xã. Đại hội chủ trương đưa toàn bộ nhân dân ở các xóm còn lại vào HTX với cơ cấu mỗi xóm 1 HTX. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Chi ủy khóa mới. Đồng chí Nguyễn Trọng Phương được bầu làm Bí thư chi bộ. Thành công của Đại hội đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn xã phấn đấu vươn lên hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đặt ra trong phát triển kinh tế, xã hội.

Giữa năm 1960, sau thời gian học tập chủ trương của Đảng về xây dựng HTX nông nghiệp, nhân dân các xóm

còn lại của xã Quang Vinh đã nộp đơn xin vào HTX. Theo đó, xóm Thần Vì thành lập HTX lấy tên là Vững Tiến. Ban Quản trị HTX Vững Tiến do đồng chí Nguyễn Trọng Phương làm Chủ nhiệm, đồng chí Đinh Viết Mỹ làm Phó Chủ nhiệm kiêm Trưởng ban Kế hoạch, đồng chí Nguyễn Văn Nguyên - kế toán, đồng chí Trần Thị Ngọc-thủ quỹ và 3 tổ trưởng. Hợp tác xã Quang Vinh có 64 hộ, 156 xã viên; Ban Quản trị HTX gồm các đồng chí: Ngô Thế Khóa, Trần Văn Nền, Trần Văn Tuệ, Nguyễn Văn Thân, Dương Văn Loan và 3 đội trưởng sản xuất. Hợp tác xã Soi Dầu có 30 hộ xã viên; Ban Quản trị HTX gồm các đồng chí: Trần Văn Đắc, Vũ Thế Minh và Nguyễn Văn Tuất cùng 2 tổ trưởng. Hợp tác xã xóm Trại Vải mang tên Quyết Tiến, có 30/32 hộ tham gia; Ban Quản trị gồm 3 người, do đồng chí Ân Văn Xượng làm Chủ nhiệm và 2 tổ trưởng. Trong 4 HTX mới được tổ chức, có 3 HTX có số hộ tương đương, riêng HTX Quang Vinh có số lượng hộ xã viên và nhân khẩu đông gấp đôi các hợp tác xã khác, do đó HTX Quang Vinh có Ban Quản trị gồm 5 người, dưới Ban Quản trị tổ chức 3 đội sản xuất theo cụm dân cư, mỗi đội 22 hộ gia đình¹. Cùng với việc xây dựng HTX nông nghiệp, Chi bộ Quang Vinh lãnh đạo hợp tác xã vay

¹ Tư liệu vào hợp tác xã do ông Trần Văn Đắc, Phan Thanh Lạc, Nguyễn Thị Gái, Nguyễn Thị Chậm, Nguyễn Thị Chuộng và Trần Văn Đắc cung cấp.

mượn đẩy mạnh hoạt động. Để phù hợp với thực tế, HTX vay mượn được đổi tên thành HTX tín dụng; đồng thời, để có tiền hoạt động, các tổ Đảng ở các hợp tác xã vận động bà con gửi tiền nhàn rỗi vào HTX tín dụng. Trong quá trình xây dựng, phát triển các loại hình HTX, Quang Vinh luôn được Huyện ủy Đồng Hỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Nhờ đó, Quang Vinh luôn đạt được nhiều thành tích trong sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, trong những bước đi ban đầu của HTX, Quang Vinh đã bảo đảm đời sống nhân dân cả về vật chất lẫn tinh thần, là đơn vị đi đầu trong phong trào “ba ngọn cờ”¹, được Huyện ủy Đồng Hỷ tặng *Cờ đỏ* liên tục trong các năm 1959-1961.

Tháng 11 năm 1960, khi các hợp tác xã mới thành lập đi vào hoạt động ổn định, Chi bộ Quang Vinh tiến hành Đại hội giữa nhiệm kỳ². Đại hội nghe đồng chí Ngô Thế Khóa - Phó Bí thư chi bộ báo cáo quá trình thực hiện nghị quyết của chi bộ trong gần một năm qua, thành công lớn nhất là thực hiện được chủ trương của Đảng, xóa bỏ làm ăn tư hữu, đưa nhân dân toàn xã vào làm ăn tập thể. Các HTX mới như Vững Tiến, Quang Vinh, Soi Dâu và Quyết Tiến đã đi vào hoạt động ổn định, nhân dân phấn

¹ Phong trào “ba ngọn cờ” do Huyện ủy Đồng Hỷ phát động: Cờ đỏ thưởng cho đơn vị sản xuất giỏi; cờ vàng thưởng cho đơn vị sản xuất trung bình và cờ xanh giao cho đơn vị yếu kém.

² Sở dĩ Quang Vinh phải tổ chức Đại hội giữa nhiệm kỳ do đồng chí Phương, Bí thư sức khỏe không đảm bảo cho công tác lãnh đạo.

khởi, tin tưởng vào con đường làm ăn mới do Đảng lãnh đạo; cùng với đó, các ban, ngành, đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ đã gương mẫu đi đầu trong công tác vận động nhân dân vào HTX; kế hoạch về nâng cao đời sống nhân dân từng bước được thực hiện. Trên tinh thần lao động khẩn trương, các HTX đã đào đắp được 5.500m nương dẫn nước, bước đầu hình thành hệ thống tưới tiêu trên từng khu vực đồng ruộng. Ngoài sản xuất tập thể, các hộ gia đình trong các HTX đã tích cực chăm sóc đàn trâu, đàn lợn bảo đảm phát triển tốt. Đại hội thống nhất tiếp tục thực hiện phương hướng lãnh đạo nhiệm kỳ đã đề ra và bầu đồng chí Ngô Thế Khóa giữ chức Bí thư Chi bộ¹.

Cùng với sản xuất, chi bộ Quang Vinh luôn lãnh đạo thực hiện tốt việc phát triển văn hóa, giáo dục. Năm 1960, Quang Vinh xây dựng thêm hai lớp học, nâng số phòng học lên 4 phòng. Cũng trong năm 1960, thầy Trần Văn Nhân được Ty Giáo dục Thái Nguyên điều về Quang Vinh phụ trách và sau đó làm Hiệu trưởng trường cấp I. Cùng với hệ thống trường cấp 1, ở các xóm vẫn duy trì các lớp dạy vỡ lòng. Ở Quang Vinh học tại nhà thầy Lạc, nhà cô Loan; ở Rừng Vầu học tại nhà thầy Thuyền; ở Cửa Ngòi học tại nhà ông Lịch, v.v... Nhờ đó, đến năm 1961, Quang Vinh cơ bản thanh toán xong nạn mù chữ.

¹ Đồng chí Phương do bệnh trọng nên thôi chức Bí thư để điều trị bệnh

Ngày 19 tháng 10 năm 1962, Hội đồng Chính phủ quyết định thành lập thành phố Thái Nguyên, trực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Chính Phủ cũng quyết định cắt 6 xã của huyện Đồng Hỷ sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên, trong đó có Quang Vinh¹.

Trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới, Đại hội đại biểu thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 26 tháng 5 năm 1963. Đại hội có 80 đại biểu thay mặt cho 600 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên trong những năm tới, nhấn mạnh vào những nội dung: ... *sản xuất hàng tiêu dùng là chủ yếu, chú ý phát triển cơ sở chế biến thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân thành phố và trong tỉnh, đồng thời phục vụ cho xây dựng kiến thiết và bước đầu phục vụ cho xuất khẩu./* Trong sản xuất nông nghiệp lấy chăn nuôi và trồng rau xanh là chủ yếu, hai vấn đề này phải được đặt ra một cách cân đối, chăn nuôi để thúc đẩy trồng trọt và ngược lại, đồng thời phải chú trọng lúa và hoa màu, cố gắng bảo đảm tự túc về khẩu phần lương thực trong nhân dân; tích cực thực hiện thâm canh tăng năng suất, tăng hệ số lần trồng trọt.

Sau khi sáp nhập về thành phố Thái Nguyên, chi bộ Quang Vinh đã họp và ra Nghị quyết lãnh đạo nhân dân thực hiện

¹ *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, tập 1 (1930-1975)*, Thái Nguyên. 1991, tr.104.

Quyết định của Chính phủ và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ thành phố, tổ chức phân công, củng cố bộ máy chính quyền xã, thôn và các HTX, đảm bảo cho xã tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Từ năm 1954 đến năm 1963, chi bộ xã Quang Vinh lãnh đạo nhân dân tiếp tục cải cách ruộng đất, đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể. Tuy nhiên, trong cải cách ruộng đất, do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau, chi bộ Quang Vinh chưa thực sự phát huy được vị trí, vai trò của mình. Khi có chủ trương sửa sai của Đảng, chi bộ đã lãnh đạo tiến hành công tác sửa sai, sớm đưa Quang Vinh phát triển từng bước vững chắc. Tiếp đó, chi bộ đã lãnh đạo nhân dân tổ chức và xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Trong quá trình đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, chi bộ Quang Vinh đã lãnh đạo chặt chẽ, do đó đem lại kết quả tích cực, góp phần làm cho sản xuất của xã phát triển; văn hóa, giáo dục được củng cố; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

II. Đảng bộ xã Quang Vinh ra đời, lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu bảo vệ quê hương, chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1963-1975)

Thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Thành ủy Thái Nguyên về việc giải thể Chi bộ và thành lập Đảng bộ Quang Vinh, tháng 8 năm 1963, Chi bộ Quang Vinh tổ chức Đại hội. Đồng chí Ngô Thế Khóa, Bí thư chi bộ đọc báo cáo

tổng kết nêu rõ những thành công trong lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng. Chi bộ đã thành công khi vận động nhân dân vào làm ăn tập thể trong 6 HTX nông nghiệp; đồng thời, lãnh đạo HTX tín dụng và HTX mua bán hoạt động có hiệu quả. Nhìn chung, các HTX nông nghiệp hoạt động tốt, năng suất tăng, ngày công lao động đảm bảo, mức sống của nhân dân ổn định. Đi đôi với sản xuất, công tác giáo dục của xã có nhiều tiến bộ, từ chỗ không có trường học tập trung, đến năm 1963 đã có trường cấp 1 với 4 phòng học và một nhà ở cho giáo viên, hàng năm có hơn 100 học sinh được cấp sách đến trường, xã không còn tình trạng mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm, xã đã xây được trạm y tế, (trạm xá), thường xuyên khám chữa bệnh cho nhân dân, 100% bà mẹ đến kỳ sinh nở được sinh nở tại Trạm xá xã và bệnh viện. Công tác an ninh trật tự được duy trì, nhiều năm trên địa bàn Quang vinh không xảy ra trộm cắp. Đại hội đề ra phương hướng lãnh đạo trong thời gian tới, nhấn mạnh đến các nội dung: *Về công tác Đảng*, Bầu Ban chấp hành Đảng bộ và thành lập 2 chi bộ; tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tích cực chuẩn bị cho bước tổ chức HTX lớn hơn. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Ban Chấp hành, đồng chí Nguyễn Minh Thịnh được bầu làm Bí thư Đảng ủy đầu tiên xã Quang Vinh¹. Đại hội thống nhất

¹ Hồ sơ đảng viên Nguyễn Minh Thịnh và Ngô Thế Khóa, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

tổ chức hai chi bộ: Chi bộ I gồm các đảng viên của Rừng Vầu, Quang Vinh, Thần Vì, do đồng chí Lê Xuân Điền làm Bí thư. Chi bộ II gồm các đảng viên thuộc xóm Quyết Tiến, Soi Dâu và Cửa Ngòi, do đồng chí Trần Văn Đắc (Soi Dâu) làm Bí thư¹.

Đảng bộ Quang Vinh ra đời là dấu mốc đặc biệt quan trọng trong con đường phát triển đi lên của xã. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quang Vinh tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tích cực chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng bộ xã chú ý trong những năm này là việc đảm bảo tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước tới toàn thể nhân dân. Do đó năm 1963, Quang Vinh tiến hành lắp đặt hệ thống loa truyền thanh đến các xóm. Từ các trục truyền thanh chính trên Đường số 3, HTX vận động mỗi gia đình góp từ 2 đến 3 cột tre, chôn thành hàng dọc theo xóm và đến từng đầu nhà xã viên; công nhân truyền thanh thành phố lắp đặt hệ thống dây và loa đến từng gia đình. Sau một thời gian hưởng ứng tích cực, việc lắp đặt thiết bị đã hoàn thành, nhân dân phấn khởi đón nhận tin tức truyền tải từ hệ thống phát thanh

¹ Mặc dù Ban biên soạn đã tìm tư liệu tại lưu trữ Tỉnh Ủy, Thành Ủy nhưng cũng không có số liệu về Đảng viên. Chỉ xác định được số lượng cấp ủy và các đ/c Bí Thư

của thành phố đến từng gia đình. Từ đây, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tức thời sự, lời ca tiếng hát ca ngợi cuộc sống mới đến với từng gia đình nhân dân trong xã. Hệ thống loa truyền thanh thực sự có tác dụng giáo dục, vận động nhân dân trên con đường mới. Đây là một bước tiến vượt bậc trong việc nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân Quang Vinh.

Trong lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ chỉ đạo HTX vận động xã viên bỏ tiền ra mua một số xe cải tiến do HTX cơ khí 32 sản xuất. Do đó, chỉ trong vòng 3 tháng cuối năm 1963, một số xã viên đã bán lợn, gà để thêm tiền mua xe cải tiến. Do điều kiện kinh tế, tuy mỗi xóm chỉ mua được 2- 3 xe cải tiến, nhưng đã góp phần to lớn trong việc giải quyết vấn đề vận chuyển trong sản xuất nông nghiệp. Có xe, gắn với việc cải tạo giao thông trong xã. Chỉ trong một năm, nhân dân Quang Vinh đã bỏ ra hàng vạn ngày công để bạt dốc, mở rộng đường; phần lớn đường trong các xóm đã được mở rộng từ 1,2 mét lên 2,2 mét, nhiều đoạn đắp mới được đổ đá, trải xi thuận tiện cho xe cải tiến hoạt động.

Năm 1964, chủ trương của Đảng bộ là tiến lên xây dựng hợp tác xã bậc trung (từ 6 HTX nhỏ tổ chức thành 2 HTX). Các HTX như Quang Vinh, Vững Tiến (Thần Vi), Đồng Vinh (Rừng Vầu) được tổ chức thành một HTX, gọi là HTX Quang Tiến. Ban Quản trị do đồng chí Dương Long làm Chủ nhiệm; đồng chí Nguyễn Văn Thân làm Phó Chủ nhiệm và đồng chí Dương Văn Thanh làm kế toán. Miền

dưới gồm Trại Vải, Soi Dầu, Cửa Ngòi được tổ chức thành một HTX lấy tên Quyết Tiến. Việc tổ chức thành hai hợp tác xã là bước tiến mới trong sản xuất nông nghiệp ở Quang Vinh. Tuy nhiên, giữa hai HTX bình quân diện tích và nhân khẩu cũng như lao động có chênh lệch. HTX Quang Tiến tuy là 3 xóm nhưng thực chất là người của 5 xóm, trong đó có Làng Đanh và Soi Cam di chuyển về do vậy xã viên ở HTX này đông hơn HTX Quyết Tiến. Mặt khác, chất đất của HTX Quyết Tiến tốt hơn nên năng suất bao giờ cũng cao hơn từ 5% -10 %.

Để tăng năng suất, Đảng bộ xã chú trọng lãnh đạo phát triển hệ thống thủy lợi. Trước đó, suốt những năm 1958 đến 1963, nhân dân Quang Vinh đã bỏ ra hàng vạn ngày công tham gia xây dựng một hồ chứa nước lớn với diện tích khoảng hơn 10.000m², sâu 25m lấy nước thải từ nhà máy điện. Từ Hồ nước, một con mương tự chảy được xây dựng dọc xã qua cánh đồng Quang Vinh, Soi Dầu, Rừng Vầu, Cửa Ngòi và Trại Vải. Cùng với đó, Ủy Ban Nông nghiệp Thành phố Thái Nguyên còn hỗ trợ xây dựng hai trạm bơm phục vụ tưới cho cánh đồng Soi Dầu, Cửa Ngòi và Trại Vải. Do giải quyết được vấn đề nước, diện tích cấy lúa (534 mẫu) trước đây chỉ cấy được một vụ, đến thời điểm này 80% diện tích đó cấy được hai vụ. Đây là nỗ lực to lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quang Vinh trong đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Trong lúc Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quang

Vinh đang nỗ lực thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Do bị thua đau trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ đã vạch kế hoạch tiến công miền Bắc, hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Ngày 2 tháng 8 năm 1964, Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” vu cáo Việt Nam tấn công tàu khu trục Mỹ ở vùng biển quốc tế¹. Lấy cớ đó, ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ sử dụng lực lượng của hai biên đội tàu sân bay Constellation và Ticonderoga gồm 40 máy bay cánh quạt và phản lực hiện đại, cả tiêm kích và cường kích như AD6, A4D, F8U, F4, mở cuộc tấn công mang tên “Hành quân Pierce Arrow” (mũi tên xuyên) bất ngờ tấn công vào hầu hết căn cứ, kho tàng, nơi trú đậu của tàu hải quân ta suốt chiều dài ven biển từ sông Gianh (Quảng Bình); Cửa Hội, Vinh, Bến Thủy (Nghệ An); Lạch Trường (Thanh Hóa) đến Bãi Cháy (Quảng Ninh). Cuộc tập kích đường không đầu tiên của đế quốc Mỹ vào một số cơ sở Hải quân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bị quân dân ta trừng trị đích đáng. 8 chiếc phản lực bị bắn rơi và nhiều chiếc khác bị trúng đạn phải tháo chạy. Chiến thắng đã làm nức lòng nhân dân cả nước, chứng minh lực

¹ 55 năm QĐND VN nxb QĐND. 1999, trg 228. 14 giờ 52 phút ngày 2-8-1964, tàu Ma đốc xâm phạm vùng biển khu vực giữa Hòn Mê và Lạch Trường thuộc chủ quyền của Việt Nam. Phân đội tàu phóng lôi của ta xuất phát đánh đuổi tàu khu trục Ma-dốc của Mỹ. Lấy cớ đó, ngày 5/8/1964 Mỹ huy động không quân đánh phá miền Bắc Việt Nam

lượng vũ trang ta có đủ khả năng đánh thắng không quân và hải quân Hoa Kỳ. Để đối phó với mọi tình huống, Ngày 30 tháng 7 năm 1964, Tỉnh ủy Chỉ thị cho các huyện, Thành phố Thái Nguyên: “Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng, chống gián điệp biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ cơ sở quốc phòng và công trình xây dựng kinh tế ở địa phương, tăng cường công tác phòng không nhân dân... Cấp ủy Đảng nắm vững lực lượng quân sự ở địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân địa phương, giáo dục tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương, lãnh đạo chặt chẽ kế hoạch phối hợp giữa công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an, lúc bình thường cũng như lúc có tình huống đột xuất xảy ra”¹.

Năm 1965, trong khi cuộc chiến tranh đã lan ra cả nước, Đảng bộ xã Quang Vinh tổ chức Đại hội lần thứ II thành công tốt đẹp. Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian qua, nổi bật là việc thành lập HTX Quyết Tiến, Hợp tác xã Quang Tiến và HTX mua bán². Đại hội đề ra phương hướng lãnh đạo thời gian tới, nhấn mạnh đến các nội dung: Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ Thành

¹ Bộ chỉ huy quân sự Thái Nguyên: *Thái Nguyên Lịch sử kháng chiến chống Mỹ 1954-1975*, xuất bản năm 2001, tr.51- 52

² Năm 1965, xã Quang Vinh thành lập HTX mua bán, do ông Vũ Văn Thù làm Chủ nhiệm.

phố Thái Nguyên, Đảng bộ Quang Vinh xác định nhiệm vụ trọng tâm là kiện toàn quy mô hợp tác xã nông nghiệp; đưa các hợp tác xã quy mô $\frac{1}{2}$ xã hoạt động tốt. Tập trung phát triển nông nghiệp, tăng vòng quay sử dụng đất từ 1,4 của năm 1960 lên 1,8 vào năm 1966. Làm đường trục liên xóm từ Thần Vi qua Rừng Vầu, Quang Vinh, Soi Dầu, Quyết Tiến đến Cửa Ngòi; thực hiện chủ trương giải phóng đôi vai cho người lao động¹ và áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật vào canh tác để nâng cao năng suất cây trồng. Về thực hiện nhiệm vụ phòng không, Đảng bộ xã xác định: Quang Vinh là một xã ở phía Bắc thành phố Thái Nguyên, có đường quốc lộ số 3 chạy qua nằm giữa các trọng điểm: Phía Tây tiếp giáp nhà máy nhiệt điện và ga Quan Triều; Nam giáp nhà máy xay và kho gạo, cầu Mỏ Bạch; phía Đông giáp cầu Gia Bẫy; phía Bắc là đường 1B, Đồng Bầm với nhiều xí nghiệp quốc doanh và con đường chiến lược nối Thái Nguyên với Lạng Sơn sang Trung Quốc. Với những đặc điểm trên, trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Quang Vinh là địa bàn đặc biệt quan trọng để triển khai các lực lượng phòng không bảo vệ các mục tiêu trọng yếu của tỉnh và nhà nước². Nhận thức

¹ Đến thời điểm này hầu hết các gia đình xã viên đã mua được một xe cải tiến.

² Thời kỳ cao điểm, trên địa bàn Quang Vinh có 7 trận địa pháo (từ 37mm đến 100mm và tên lửa Sam II) của bộ đội phòng không chủ lực và gần chục trận địa bắn máy bay tầm thấp bằng súng bộ binh của dân quân tự vệ.

được vị trí của xã trong thế trận phòng không nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ; đồng thời, quán triệt Chỉ thị của Thành ủy Thái Nguyên về công tác xây dựng thế trận phòng không nhân dân, Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân đào đắp một số con đường đảm bảo cho bộ đội phòng không cơ động binh khí khí tài triển khai trận địa pháo, tên lửa.

Để bộ đội triển khai trận địa pháo trên cánh đồng Quang Vinh và giải quyết vấn đề vận chuyển lương thực, thực phẩm về kho Nhà nước, đồng thời đưa phân các loại ra đồng chăm bón cây trồng, xã chỉ đạo đắp 3 con đường: Đường thứ nhất từ Đường số 3 chạy dọc xã về đến Cửa Ngòi; đường thứ hai từ ga Quan Triều xuống cánh đồng Thần Vi qua Gò Trâu Trắng vòng ra khu Gốc Bàng nối với Đường số 3; con đường thứ ba được làm từ bãi sỏi¹ vào đến trại chăn nuôi. Những đường trên vừa bảo đảm cho xe cải tiến đi lại mà còn để ô tô kéo pháo các loại vào trận địa.

Thái Nguyên, vị trí quan trọng có ý nghĩa chiến lược đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Chỉ trong 9 tháng đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã 221 lần vào trình sát trên không phận Thái Nguyên. Ngày 17 tháng 10 năm 1965, 9 giờ 55 phút, máy bay địch bay thấp từ hướng Đông Nam vào bất ngờ tiến công cầu Gia Bầy. Hệ thống mạng lưới radar trình sát của ta không phát hiện được máy bay địch từ xa nên lực lượng phòng không Thái Nguyên

¹ Bãi sỏi nay là phía tây của trường trung học cơ sở Quang vinh.

hoàn toàn bị bất ngờ, thành phố không kịp báo động. Máy bay địch lấy núi Voi làm chuẩn vọt lên chiếm độ cao, lao xuống ném bom vào cầu Gia Bảy. Trung đội 2 đang sửa chữa hầm hào dọc Đường 3 nhanh chóng lao về trận địa chiến đấu. Tuy đây lần đầu tiên đối mặt với máy bay hiện đại của Mỹ, nhưng các chiến sĩ Trung đội 2 đã dũng cảm nổ súng đánh lại máy bay địch.

Trận ném bom thứ nhất vừa chấm dứt, mọi người đang lo cứu người bị thương, máy bay địch quay lại đánh phá lần hai làm cho số người thương vong tăng cao. Bộ đội phòng không 210 nổ súng đánh địch, chúng quay sang đánh vào Đại đội 101 pháo 100 mm ở khu vực Gia Sàng. Tại đồi Két Nước, dưới sự chỉ huy của Đại đội phó Vũ Đình Đức và Trung đội trưởng Trần Văn Đương, phân đội súng máy và các xạ thủ súng trường K44 nhắm thẳng vào máy bay địch nổ súng. Máy bay địch thay nhau vào công kích, một quả bom đánh trúng khẩu đội thượng liên làm cả tiểu đội hy sinh.

Trong lúc máy bay địch đang đánh phá, Quang Vinh cử một tiểu đội dân quân do đồng chí Lê Mai Tổ, một thương binh trong kháng chiến chống Pháp chỉ huy có mặt tại Cửa Ngòi, khi trận đánh kết thúc, ông cùng tiểu đội lao đến khu vực đền Bến Than để cứu chữa cho nhân dân. Gia Bảy là cây cầu lớn nằm trên tuyến vận chuyển có ý nghĩa chiến lược cả về quốc phòng và kinh tế, nhưng do chưa đánh giá hết âm mưu của địch nên nhiều cửa hàng chưa đi sơ tán, lực lượng phòng không bảo vệ trực tiếp mỏng yếu, nên khi

địch đánh, ta đã thiệt hại lớn về người và cơ sở vật chất. Tuy vậy đại đội Tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đã nêu tấm gương chiến đấu dũng cảm đánh trả máy bay địch; 15 cán bộ, chiến sĩ anh dũng hy sinh tại trận địa đồi Két Nước. Tội ác đế quốc Mỹ đối với nhân dân Thái Nguyên là vô cùng lớn, 147 người thương vong, 71 người chết tại chỗ; 45 gia đình ở hai đầu cầu có người chết, trong đó có 2 gia đình chết cả vợ chồng, 1 gia đình chết toàn bộ; 45 ngôi nhà bị đốt cháy. Cầu Gia Bảy bị trúng 3 quả bom, hai mố cầu bị hỏng nặng.

Ngay sau trận bom Mỹ đánh xuống cầu Gia Bảy, Đảng ủy xã triệu tập cuộc họp mở rộng, dưới sự chủ tọa của đồng chí Bí thư Đảng ủy Nguyễn Minh Thịnh và đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Nguyễn Văn Tiêm. Đảng ủy thông báo về tổn thất trong trận Gia Bảy và chuyển lời biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của dân quân du kích cũng như bộ đội phòng không của đồng chí Bí thư Khu ủy; thông báo điện và thư kêu gọi của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc đến nhân dân, yêu cầu nhân dân nêu cao tinh thần cách mạng, chuẩn bị tốt cho các trận chiến đấu sắp tới. Về công tác tư tưởng, Đảng ủy xác định: Các chi bộ, đảng viên cần giải thích cho nhân dân thấy được, Mỹ càng thua đau ở miền Nam thì chúng càng liều lĩnh và điên cuồng đánh phá ra miền Bắc. Với tinh thần *không có gì quý hơn độc lập tự do*, nhân dân Quang Vinh hãy đoàn kết chặt chẽ, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, góp phần tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc, chúng ta nhất định

thắng, quân Mỹ xâm lược nhất định thua. Đảng ủy Quang Vinh cũng xác định nhiệm vụ trước mắt là tổ chức sơ tán người già, trẻ em nhỏ và phụ nữ mới sinh ra khỏi địa bàn; các xóm phải sơ tán triệt để là Rừng Vầu, Cửa Ngòi, Quang Vinh và Thần Vi. Hai HTX củng cố lại các đội sản xuất, bảo đảm có lực lượng sản xuất và gieo cấy đúng thời vụ, đồng thời phải chăm lo cho nhân dân ở nơi sơ tán đủ lương thực, tổ chức đào thêm hố cá nhân trên dọc trục đường và trên những bờ cao. Trẻ em đi học và xã viên lao động phải có mũ rom mang theo để tránh mảnh đạn và bom bi. Chuẩn bị sẵn sàng người và phương tiện giúp bộ đội triển khai nhiệm vụ theo mệnh lệnh của Hội đồng phòng không tỉnh Bắc Thái.

Cuối năm 1965, bộ đội phòng không triển khai một số trận địa pháo cao xạ tại Quang Vinh. Trận địa đầu tiên được xây dựng trên khu vực Đồng Cháy (Rừng Vầu), loại pháo 57mm. Để đưa pháo và thiết bị vào trận địa, nhân dân Quang Vinh phải đào đắp một khối lượng đất rất lớn mở rộng đường từ Mỏ Bạch vào Quang Vinh, Đồng Cháy (Rừng Vầu) đến cánh đồng Tràng Bắn dài 1,7km, khối lượng đào đắp khoảng 5.100 m³. Đoạn nối từ đường chính vào trận địa dài 100m, rộng 4m, cao 1,2m; 8 công sự pháo (6 khẩu pháo 57mm và 2 khẩu 14.5 mm), hầm máy phát điện, hầm ra đa, hào dẫn dây thông tin và dây điện, hai kho đạn, tổng khối lượng đào đắp lên đến 870m³. Yêu cầu thời gian phải hoàn thành trong một đêm, nếu trễ sang ngày hôm sau địch dễ phát hiện.

Quản triệt nhiệm vụ bảo đảm chiến đấu và thực hiện chủ trương của Đảng ủy, xã huy động toàn bộ dân quân, thanh niên và xã viên hai hợp tác xã với quân số 310 người cùng với cuộc xẻng, xe cải tiến, xe quét do trâu kéo đắp một đoạn đường dài 60m từ đường trục vào trận địa, đắp 6 ụ pháo lớn; đào, đắp hầm cho hai kho chứa đạn và toàn bộ hệ thống công sự chỉ huy, ra đa, máy nổ, đường dẫn của dây điện. Suốt từ 19 giờ tối hôm trước đến 4 giờ sáng ngày hôm sau, nhân dân Quang Vinh cùng bộ đội đã hoàn thành công sự trận địa và đưa 6 khẩu pháo cùng thiết bị vào trận địa trước khi trời sáng.

Để thực hiện ý đồ chiến thuật, lực lượng phòng không đưa pháo “ôm sát mục tiêu”. Đại pháo 57mm di chuyển xuống cánh đồng Tràng Bần nhường lại vị trí cho trận địa của Đại đội 105, pháo 100 mm; nhân dân Quang Vinh lại cùng bộ đội đào đắp, chỉnh lại các ụ pháo cho đủ tiêu chuẩn kích thước của pháo 100mm. Cũng thời điểm đó, lực lượng phòng không còn bố trí 4 trận địa pháo 37mm trên địa bàn xã (Thần Vĩ, Quang Vinh, trong đó có 1 trận địa nằm trên sân chiếu bóng nhà máy điện).

Như vậy, đến thời điểm giữa năm 1966 và cho đến hết tháng 1 năm 1967, trên địa bàn Quang Vinh có tất cả 6 trận địa cao xạ (từ 37-100mm) và 2 trận địa 14,5mm, 2 trận địa bắn máy bay tầm thấp bằng súng trường K44 của dân quân bố trí ở bờ sông Cầu.

Phương án phối hợp chiến đấu với bộ đội phòng không được xã đội trưởng Trần Văn Đắc báo cáo với Đảng ủy và

được Đảng ủy thông qua. Theo đó, nhân dân các xóm sẽ kết hợp cùng dân quân đảm bảo cho các đơn vị pháo chiến đấu. Thần Vi đảm bảo cho trận địa pháo 37mm ở gò Dài (Thần Vi). Tiểu đội dân quân xóm Quang Vinh bảo đảm cho trận địa 37mm ở khu vực trại chăn nuôi. Tiểu đội dân quân xóm Quyết Tiến và $\frac{1}{2}$ tiểu đội dân quân Cửa Ngòi đảm bảo cho trận địa pháo 57mm ở cánh đồng Góc Ruồi. Toàn bộ dân quân của Rừng Vầu, Soi Dầu và $\frac{1}{2}$ tiểu đội dân quân Cửa Ngòi do đồng chí Nguyễn Văn Thảo xã đội phó chỉ huy đảm bảo cho trận địa pháo 100mm ở Đồng Cháy. Xã tổ chức hai trận địa bắn máy bay bay tầm thấp bên bờ sông Cầu (đoạn đầu bãi soi), do xã đội trưởng Trần Văn Đắc trực tiếp chỉ huy. Khi có tình huống chiến đấu (ngoài lực lượng dân quân trong biên chế)¹, mỗi đội sản xuất chia thành hai bộ phận: Bộ phận bảo đảm hậu cần, bộ phận tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu; đội trưởng sản xuất là trung đội trưởng, chỉ huy đội sản xuất của mình như một trung đội dân quân, xã viên phải chấp hành sự phân công của trung đội trưởng. Hành động của các đơn vị dựa theo hiệp đồng tình huống và sự điều hành của Ban chỉ huy quân sự xã. Các tiểu đội dân quân luyện tập động tác tiếp đạn, chữa cháy, tải thương và cả động tác kỹ - chiến thuật để khi cần có thể thay thế pháo

¹ Năm 1966, lực lượng vũ trang Quang Vinh có Ban quân sự do Chủ tịch xã làm trưởng ban; có xã đội trưởng (Trần Văn Đắc), Chính trị viên xã đội (Trần Văn Tri) và có 6 tiểu đội dân quân (66 người, 20 khẩu K44).

thủ. Qua một thời gian rèn luyện cùng bộ đội, hầu hết dân quân xã Quang Vinh có thể thay thế pháo thủ số 2, số 3 chiến đấu.

Từ giữa tháng 4 năm 1966, đế quốc Mỹ quay lại đánh phá quyết liệt các tỉnh khu vực phía Bắc Hà Nội, trong đó Thái Nguyên là một khu vực trọng điểm. Ngày 28 tháng 4 năm 1966, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc thông báo: Địch có khả năng đánh lớn vào địa bàn Thái Nguyên. Ngay sau đó, Văn phòng Tỉnh ủy thông báo tình hình địch và yêu cầu phải sơ tán nhân dân ra khỏi khu vực Gang Thép, Cao Ngạn, Quan Triều, cầu Gia Bầy và Đồng Bầm.

Là địa bàn trọng điểm, Quang Vinh là nơi thường xuyên diễn ra các trận đánh với máy bay Mỹ. Chỉ tính riêng trong 6 ngày cuối tháng 4 năm 1966, bộ đội phòng không tại Quang Vinh cùng dân quân đã đánh 9 trận với máy bay Mỹ để bảo vệ các mục tiêu, điển hình là trận đánh ngày 29 tháng 4 năm 1966: Ngay từ sáng ngày 29 tháng 4 năm 1966, nhiều tốp máy bay địch lượn quanh vòng ngoài, thi thoảng máy bay trinh sát lướt qua thành phố. Đại đội 105 pháo 100mm trên địa bàn Quang Vinh nhận lệnh không bắn máy bay trinh sát để giữ bí mật trận địa. Lúc 15 giờ 07 phút ngày 29 tháng 4 năm 1966, các đài quan sát từ xa của ta phát hiện máy bay địch từ phía Tây lao về thành phố. Lệnh báo động vang lên, các lực lượng phòng không vào vị trí chiến đấu, lực lượng dân quân Quang Vinh có mặt trên các vị trí được phân công sẵn sàng phục vụ bộ đội.

15 giờ 09 phút, 2 máy bay F105 chiếm đỉnh núi Voi lao về hướng cầu Gia Bảy, cùng lúc 4 tốp máy bay địch xuất hiện hướng Đông Nam thành phố lợi dụng dãy Linh Nham vòng lên Trại Cau. Các hành động của máy bay Mỹ được bộ đôi phòng không theo dõi chặt chẽ, khi máy bay địch vào đến phạm vi bắn, các Đại đội 101, 103, 104 và 105 đồng loạt nổ súng. Ngay loạt đạn đầu, một máy bay địch bốc cháy. Đây là chiếc máy bay thứ 999 bị bắn rơi trên miền Bắc. Tốp thứ hai 4 chiếc từ hướng Trại Cau chiếm độ cao bỏ nhào định đánh vào ga Lưu Xá, nhưng Trung đoàn 210 đã kịp thời đánh trả, một chiếc trúng đạn bay về hướng Tây Bắc. Tiếp đó, 6 chiếc F105 từ hướng Trại Cau lao vào: 3 chiếc tách ra đánh Lưu Xá, 3 chiếc vòng lên đánh nhà máy điện. Lực lượng phòng không kịp thời nổ súng đánh địch.

Loạt đánh thứ hai, địch lợi dụng hướng Tây Nam lao vào đánh nhà máy điện, Đại đội 105 ở Quang Vinh và Đại đội 104 ở Quyết Thắng kịp thời nổ súng bắn cháy một máy bay f105 của Mỹ. Đây là chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc. Trong bản tin tối, Đài truyền thanh Thành phố Thái Nguyên đưa tin: Quân dân thành phố Thái Nguyên đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.000 trên miền Bắc, chiến thắng đã làm nức lòng nhân dân Quang Vinh nói riêng và Thái Nguyên nói chung.

Từ năm 1965 đến năm 1968, trong lúc Mỹ đánh phá hủy diệt nhiều khu vực ở Thái Nguyên trong đó có Quang Vinh thì 49 thanh niên ưu tú Quang Vinh, những lao động chủ

lực lần lượt lên đường đánh Mỹ, còn lại địa phương là những người trung tuổi, phụ nữ và thanh niên mới ở tuổi 16 – 17. Vấn đề đặt ra cho Đảng bộ và Ban quản trị các HTX là thiếu lao động khỏe để đảm những công việc nặng nhọc trong sản xuất, như cày, bừa. Những năm trước, những công việc này chỉ do đàn ông, hôm nay chị em phải thay chồng gánh vác; cũng quần xắn móng lợn, tay cầm roi, tay cầm cày, lưng đeo súng trường, tiếng dục trâu vang vọng một khu đồng. Những đường cày đầu tiên chập choạng, quanh co lên xuống, dần dần đi vào hàng lối. Thật đúng như nhạc sỹ An Chung đã sáng tác: “Ngày đầu chưa quen, đường cày đầu thẳng ngay, nhưng đến hôm nay trên cánh ruộng này, màu xối lên thẳng tắp đường cày, lớp đất sâu đều tay”. Lời bài hát như tạc nên hình ảnh người phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Quang Vinh nói riêng trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước; các chị đã thay thế chồng trên các mặt trận sản xuất, chiến đấu, nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ già, để các anh yên tâm trên trận tuyến chống quân thù.

Trong suốt những năm 1966-1972, lực lượng dân quân, thanh niên, phụ nữ Quang Vinh luôn sát cánh cùng bộ đội chiến đấu. 100% thanh niên, phụ nữ đăng ký: “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ 3 đảm đang”; nhiều chị như Nông Thị Hồng Thanh, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Lan, Đoàn Thị Thanh, Trần Thị Mít, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Lịch, v.v... có thể thay thế các pháo thủ chiến đấu. Các đội viên thiếu niên, thi đua nhau làm “nghìn việc

tốt”, ngoài việc thi đua nhau học tập, các em còn đến giúp đỡ các gia đình có người đi bộ đội, gia đình thương binh liệt sỹ; chăm sóc đàn trâu béo khỏe và mỗi buổi chiều về trên lưng trâu bao giờ cũng có các bó lá ngụy trang để cho các chú bộ đội ngụy trang trận địa. Mỗi khi có chiến sự xảy ra, chị em phụ nữ Quang Vinh lại có mặt ở khu vực bếp nuôi quân, để các anh lên trận địa chiến đấu, qua đó tình cảm quân dân càng thêm gắn bó. Nguyễn Đức Minh (chỉ huy đơn vị pháo 100 mm) đã xúc động viết bài thơ:

Quang Vinh anh hùng:

“Quang Vinh truyền thống anh hùng./Súng ran trận địa, bom rung chẳng sờn

Lòng xã viên quyết chí./ Có Đảng bộ quyết tâm./Khó khăn nhưng bền bỉ.

*Thắng lợi vụ đông xuân./ Tuy trong khói lửa mưa bom
Giao thông vẫn mở rộng đường ta đi...”*

Đó là những hình ảnh đẹp, toát lên khí phách anh hùng của người dân xã Quang Vinh trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước gian khổ, ác liệt.

Cùng với lãnh đạo nhân dân chống chiến tranh phá hoại, Đảng bộ Quang Vinh luôn chú trọng lãnh đạo phát triển sản xuất. Để giải quyết vấn đề làm đất, HTX mua hai máy làm đất Đông Phong và tổ chức đắp một con đường có chiều rộng 2,5m cho máy có thể cày, bừa trên các cánh đồng. Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật, vấn đề làm đất đã được giải quyết, HTX Quyết Tiến cày kịp thời vụ. Để duy

trì sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân và phối hợp với bộ đội cao xạ chiến đấu, Đảng bộ và chính quyền xã đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào do Thành uỷ phát động như: “Tiếng hát át tiếng bom”; “Thanh niên ba sẵn sàng” “Phụ nữ ba đảm đang”. Đêm đến, trước các buổi họp đội sản xuất, tiếng trống chèo, tiếng nhị vẫn vang vọng trong các thôn xóm.

Nhằm bảo đảm an toàn cho con người trong khi sản xuất và sinh hoạt, nhân dân Quang Vinh đã đào hàng trăm hố cá nhân ở dọc đường, trên các gò cao ở các cánh đồng, các hào giao thông từ giữa làng ra đến ven làng. Với khẩu hiệu “Sẵn sàng phòng tránh và đánh trả máy bay Mỹ”, tất cả người dân không phân biệt nam, nữ, từ 18 đến 45 đều tham gia dân quân. Mỗi xóm (đội sản xuất) có 1 trung đội dân quân, 1 tiểu đội thường trực bắn máy bay tầm thấp bằng súng bộ binh. Lực lượng dân quân du kích xã có lúc lên đến 6 trung đội, gần bằng 2 đại đội bộ binh. Các thầy cô giáo ngoài việc hướng dẫn học sinh thực hiện công tác phòng tránh còn hăng hái tham gia cứu thương, tải đạn phục vụ chiến đấu. Những thiếu niên lớn tuổi có sức khoẻ và những thanh niên chưa nhập ngũ đều tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Mỗi khi máy bay Mỹ đến đánh phá, các tiểu đội dân quân lại có mặt bên các trận địa để tham gia bắn máy bay tầm thấp, tiếp đạn cho các trận địa pháo và sẵn sàng thay thế các pháo thủ khi cần.

Đặc biệt, công tác phòng gian bảo mật với khẩu hiệu ba không “không nghe, không biết, không thấy” được mọi người dân Quang Vinh quán triệt và thực hiện nghiêm túc, những người lạ từ xa đến đều phải trình báo với công an viên trong từng xóm. Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, với khẩu hiệu: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, nhân dân Quang Vinh đã đóng góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, tiễn đưa hơn hai trăm người con lên đường ra mặt trận. Dân quân xã cùng bộ đội phòng không trên địa bàn đánh trả máy bay Mỹ cả trăm trận, góp phần bắn rơi nhiều máy bay, bảo vệ các trọng điểm giao thông và kinh tế của thành phố.

Tuy vậy, Quang Vinh cũng gánh chịu nhiều tổn thất, điển hình là trận đánh phá của đế quốc Mỹ ngày 22 tháng 1 năm 1967. Lúc 8 giờ 30 phút, các đơn vị vào báo động cấp 1, rồi vào cấp 3 - cấp sẵn sàng chiến đấu cao nhất. Tất cả sẵn sàng cho trận chiến đấu. Trận địa pháo 100mm nằm im dưới lá ngụy trang, 6 khẩu pháo 100mm được ngụy trang kín đáo vươn nòng về phía Đông, canh chừng địch lợi dụng mặt trời lao vào đánh phá. Tuy nhiên, máy bay Mỹ rất nham hiểm, lần đánh phá này không theo quy luật mà sử dụng 2 tốp tiến công nhà máy điện từ hướng Tây.

Trong khi các trận địa pháo đang chặn đánh địch từ hướng Tây, Đại đội 105 nhận được thông báo: Hướng

Đông Bắc, 2 tốp F4 đang tiến về hướng núi Voi, nhiều khả năng đánh vào trận địa; Đại đội trưởng lệnh cho toàn Đại đội quay pháo về hướng Bắc chờ lệnh. Đại đội trưởng nhận định: Địch sẽ lợi dụng dãy Linh Nham luồn về Bắc núi Voi, sau đó lấy núi Voi làm chuẩn chiếm lĩnh độ cao rồi bỏ bom đánh nhà máy điện hoặc trận địa.

Trong khi máy bay địch ở hướng Tây vẫn lượn vòng tìm cách đánh vào nhà máy điện, thì từ hướng Bắc lần lượt từng tốp F4 (2 chiếc) chiếm đỉnh núi Voi tăng độ cao bỏ bom công kích trận địa pháo ở Quang Vinh. 6 khẩu pháo 100mm gầm lên, từng chùm, từng chùm đạn lao thẳng vào tốp máy bay địch đang lao xuống. Phát hiện hỏa lực phòng không của ta, máy bay địch lách sang phải tránh đạn và cắt bom. Mặc dù trận địa được tưới nước cẩn thận nhưng lúc này bụi vẫn tung lên mù mịt. Trong khi tốp thứ nhất vừa lách ra tránh đạn, thì tốp thứ hai của địch lao vào công kích. Hai chiếc máy bay F4 chiếm đỉnh Đông Bắc núi Voi tiếp tục bỏ bom đánh vào trận địa. Khi máy bay địch vừa tới tầm bắn hiệu quả, Đại đội trưởng hạ lệnh bắn. 6 khẩu pháo tiếp tục nã đạn vào tốp F4. Không chịu được lưới lửa phòng không, máy bay địch phải lạng lách tránh đạn. Tuy nhiên, chúng vẫn kịp cắt bom, bốn quả bom bị lao xuống và nổ bung ra hàng trăm quả bom con, một số ít bom bị rơi trúng góc Tây trận địa, còn phần lớn rơi vào xóm Rừng Vầu, đốt cháy 2/3 số nhà cửa của xóm. Rất may, khi có lệnh báo động, bà con đều đã

xuống hầm trú ẩn, chỉ có 2 em nhỏ đang chăn trâu ở áp Phó Máy chạy vào sau lại ngồi ngay cửa hầm nên bị trúng bom bi.

Trong khói bom lửa đạn, các nữ dân quân Quang Vinh vác từng quả đạn từ kho chuyển về cho từng khẩu đội tiếp sức cho các anh chiến đấu. Trận đánh kết thúc, một máy bay địch bị bắn cháy; 3 bộ đội hy sinh; nhân dân chết 1, bị thương 3 người; 22 ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản, thóc lúa, trâu, lợn gà bị giặc Mỹ đốt sạch, bom bi chưa nổ nằm đầy trên đồng ruộng và mọi ngõ ngách làng xóm.

Khi không còn máy bay địch, Chính trị viên Đại đội 105 chỉ huy một tiểu đội vào xóm Rừng Vầu cùng nhân dân giải quyết hậu quả. Bộ đội thu gom gần như toàn bộ số bom bi chưa nổ trong xóm để tiêu hủy.

Ngày 23 tháng 1 năm 1967, Thường vụ Đảng ủy xã họp, đánh giá: Sau nhiều trận đánh phá, đây là trận nhân dân Quang Vinh tổn thất lớn nhất về người và tài sản. Đảng ủy Quang Vinh yêu cầu cán bộ, đảng viên và nhân dân hãy biến đau thương thành hành động, kiên quyết lãnh đạo nhân dân duy trì sản xuất, hiệp đồng chặt chẽ với bộ đội phòng không chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ cho khi đến thắng lợi hoàn toàn.

Về phương hướng lãnh đạo thời gian tới, Đảng ủy chỉ rõ: Một là, phải củng cố hầm hào thật vững chắc, trong các trường hợp thương vong đều do bom bi nổ ở cửa hầm, nếu

ta ngồi sâu trong ngách sẽ tránh được; *hai là*, hợp tác xã dùng thóc dự trữ cung cấp cho những gia đình đã bị bom đốt cháy hết lương thực, không được để nhân dân đói, nhất là người già và trẻ em; *ba là*: vận động các gia đình quyền góp thóc gạo, quần áo giúp các gia đình bị nạn; *bốn là*, trường học vận động học sinh quyền góp sách vở giúp đỡ các bạn bị cháy hết sách vở; giáo viên động viên các em tiếp tục đến trường học tập; *năm là*, xã đội chỉ huy dân quân kiểm tra và thu gom số bom bi chưa nổ ở trên đồng ruộng và trong các xóm đưa về ấp Phó Máy hủy; *sáu là*, các đội sản xuất tiếp tục thực hiện kế hoạch, không được để chiến tranh làm ảnh hưởng đến thời vụ.

Trong khi nhân dân Quang Vinh đang tích cực khắc phục hậu quả của bom đạn, thì nhận được thông báo địch có khả năng đánh lớn vào Thái Nguyên, Đại đội 105 nhận lệnh sẵn sàng chiến đấu. Sáng 29 tháng 1 năm 1967, lệnh báo động vang lên, hệ thống loa truyền thanh thành phố liên tục thông báo tình hình máy bay địch và yêu cầu nhân dân xuống hầm trú ẩn.

Theo kế hoạch, tiểu đội dân quân xóm Quang Vinh triển khai trên khu vực Trường cấp 1; Tiểu đội dân quân Rừng Vầu bố trí tại gốc Mít cách trận địa pháo 100mm khoảng 150mm. 15 giờ 15 phút ngày 29 tháng 1 năm 1967, Đại đội 105 báo động chiến đấu, ngay sau đó phân đội radar báo cáo phát hiện 3 tốp máy bay địch xuất hiện ở hướng Tây đang bay vào. Đại đội phó Thụy hạ lệnh: *Mục tiêu hướng Tây,*

tốp đi đầu bắn có điều khiển. Chỉ sau 3 giây, các khẩu pháo quay về hướng Tây theo chỉ dẫn của radar, 6 khẩu pháo từ từ nâng cao góc bắn. Khi tốp máy bay địch lọt vào cự ly bắn, lá cờ lệnh trên tay đồng chí Đại đội phó phát xuống, 6 khẩu pháo đồng loạt nhả đạn. Mục tiêu tốp 2 chuẩn bị, lá cờ lệnh trên tay Đại đội phó Thụy phát xuống cùng tiếng hét: Bắn! Loạt đạn pháo 100 nổ giữa mục tiêu. Một máy bay địch bị trúng đạn, số còn lại lao xuống thấp thoát khỏi làn đạn của pháo 100mm.

Cùng lúc đó, các trận địa 37 ở trại chăn nuôi (HTX Quang Tiến) và nhà máy điện lập tức nã đạn vào những tốp bay tầm thấp làm cho chúng phải vọt ra xa. Trong khi Đại đội 105 tập trung đánh địch ở hướng Tây, chỉ có hai khẩu đội 14,5mm canh chừng hướng Đông, thì bất ngờ ba tốp máy bay địch từ hướng này ào đến, chúng lợi dụng dãy núi Linh Nham bay thấp rồi lấy đỉnh núi Voi làm chuẩn, tăng độ cao bổ nhào phóng rốc két và ném 6 quả bom bi lớn chứa hơn nghìn quả bom con xuống trận địa của Đại đội 105. Toàn bộ số bom bi tràm lên trận địa Đại đội 105 pháo 100 mm, xóm Rừng Vầu và một phần xóm Quang Vinh, làm cháy kho đạn và nhiều nhà dân.

Mặc cho bom rơi đạn nổ, Nông Thị Hồng Thanh cùng tiểu đội dân quân vẫn lao lên ứng cứu bộ đội. Cũng như mọi trận đánh khác, ông Vũ Hồng Vân sách siêu nước, tay cầm chiếc ca có lá cờ quyết chiến quyết thắng pháp phới bay trên nóc hầm Đờ Cát mà ông được thưởng sau

chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa, chạy lên trận địa tiếp nước, vác đạn cho bộ đội. Nhưng hôm nay, không còn ai để cho ông tiếp nước, một cảnh tượng đau lòng đập vào mắt ông: đại đội cao xạ với 6 khẩu pháo mà bây giờ chỉ còn một khẩu chiến đấu. Trận địa chi chít hố bom bi, mù mịt lửa khói, trong ụ pháo, nhiều cán bộ chiến sỹ ta hy sinh, bị thương, ông lao vào băng bó cho anh em. Cũng lúc đó, tiếng Nông Thị Hồng Thanh hét to, tất cả vào trận địa cứu bộ đội, 2 đồng chí theo tôi vào khẩu đội 3 chiến đấu. Trung đội dân quân lao vào cấp cứu, ba chiếc túi cứu thương đựng đầy bông băng nhưng cũng không đủ; mặc dù từ lâu, đã quen thân như người trong gia đình, nhưng lúc đó không còn nhận ra các anh nữa, mặt mũi người nào cũng đầy máu và khói bom. Kho đạn bị cháy, đạn nổ, dân quân Quang Vinh dùng câu liêm, kéo dật mái kho đang cháy ra ngoài, Nguyễn Thị Nguyệt cùng tiểu đội xông vào, vừa khiêng vừa kéo đưa các hòm đạn đến nơi an toàn. Lúc này máy bay địch vẫn quần đảo, Nông Thị Hồng Thanh, Nguyễn Thị Lan, Đoàn Thị Thanh, cùng 2 bộ đội bị thương nhẹ đã đưa khẩu đội 3 vào chiến đấu. Dưới sự chỉ huy của chính trị viên, 2 khẩu pháo 100mm và 2 khẩu 14,5 mm lại tiếp tục nhả đạn vào các tốp máy bay địch. Khi trận địa tạm ổn, lực lượng dân quân quay về chữa cháy thì không còn gì nữa, hai xóm Rừng Vầu và Quang Vinh với 30 nóc nhà, hàng chục tấn thóc gạo, gần 100 con lợn, trâu đã bị thiêu cháy.

Như vậy, chỉ trong một tuần lễ, nhân dân Quang Vinh phải gánh chịu hai trận ném bom hủy diệt của kẻ thù làm 22 bộ đội và 3 nhân dân hy sinh, nhiều người bị thương; nhà cửa, chuồng trại của hai xóm Rừng Vầu, Quang Vinh bị bom Mỹ đốt sạch, hàng chục con trâu - sức kéo chủ lực của nhà nông và hàng trăm lợn, gà bị bom Mỹ giết hại, trong đó có cả hàng chục tấn lương thực bị cháy, nhiều gia đình mỗi người chỉ còn duy nhất một bộ quần áo. Những cụ già ôm cháu đứng lặng, nhìn gia sản bao đời gom góp¹, nay chỉ còn lại là đồng tro, trong lòng ngổn ngang những câu hỏi: Nay mai biết lấy gì mà ăn, lấy gì mà mặc? Đêm đó đồng chí Ân Văn Xương cùng dân quân và một số nhân dân Trại Vải tắm rửa, khâm niệm cho các liệt sỹ, sáng hôm sau, Đảng ủy, ủy ban cùng nhân dân Quang Vinh làm lễ truy điệu và tiễn đưa các anh về lòng đất mẹ tại xóm Quyết Tiến.

Khóc liệt là vậy, nhưng nhân dân xã Quang Vinh vẫn không hề nao núng, càng thêm thương yêu gắn bó với bộ đội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, bà con đã chia sẻ thóc gạo, quần áo cho những gia đình bị nạn; giúp nhau làm nhà, dựng lán, đào hầm giúp bộ đội củng cố trận địa cũ, xây dựng thêm trận địa mới và tiếp tục sản xuất. Các

¹ Những năm đó để có được một mái nhà vững chắc, người dân Quang Vinh phải chịu đựng gánh vác từ 1 đến 2, thậm chí 3 thể hệ mới có được, vậy mà chỉ trong vòng mấy chục phút đồng hồ đã bị bom Mỹ đã thiêu sạch

thầy cô giáo như thầy Thái, cô Bình, cô Thanh Mai, cô Phường, cô Nguyệt đến từng gia đình học sinh, động viên các em đến trường; các bạn bè cùng lớp đã chia nhau từng quyển vở, viên phấn, cây bút động viên nhau tiếp tục học tập. Ngay trong những ngày đau thương đó, hàng chục thanh niên ưu tú của xã Quang Vinh đã tình nguyện lên đường tòng quân đánh Mỹ. Nguyễn Thế Nhật, khi đó mới 17 tuổi, đã lấy máu viết đơn tình nguyện xin đi giết giặc. Thủ trưởng đơn vị chê bé, bảo anh về đi học, hai năm nữa lớn thêm rồi đi đánh Mỹ vẫn chưa muộn. Anh không chịu, cứ đi theo đơn vị đến 5 cây số, chỉ huy thấy vậy đành nhận vào đơn vị, anh đã vào tận Miền Đông Nam Bộ, trực tiếp đối mặt với những tên Mỹ to cao gấp rưỡi mình nhưng vẫn không hề sợ hãi. Hoặc như Nguyễn Tiến Đức, 10 tháng tuổi quân đã là đảng viên, một tiểu đội trưởng gương mẫu dũng cảm. Các anh là hình ảnh của hơn 200 thanh niên Quang Vinh trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đã chiến đấu dũng cảm, hy sinh anh dũng trên chiến trường miền Nam, góp phần nhỏ bé vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất tổ quốc.

Mặc dù chiến tranh phá hoại ngày càng khốc liệt, nhưng công tác sản xuất ở Quang Vinh vẫn được duy trì. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chỉ đạo của chính quyền xã, các HTX xã áp dụng khoa học kỹ thuật từ khâu chọn giống, xử lý hạt giống bằng nước 3 sôi, 2 lạnh để diệt sâu bệnh và

bảo đảm cho mạ nảy mầm đều. Ngoài ra, các HTX thi đua làm nhiều phân bón (phân xanh + phân chuồng + bùn phù sa + vôi) ủ trước 2 - 3 tháng mới bón ruộng để cải tạo đất. Trên các cánh đồng như Trảng Bần, Cây Ruổi, Bãi Nai của HTX Quyết Tiến và Gốc Xy, Gốc Bàng, Cổ Ngựa, gò Trâu Trắng, Gò Nhòn của HTX Quang Vinh đều có những khu đất dành cho ủ phân, nhờ đó nhân dân đã có những vụ mùa bội thu.

Theo tổng kết của Tỉnh ủy, bình quân vụ chiêm năm 1965 trên địa bàn tỉnh đạt 19 tạ/ha, xấp xỉ 70kg thóc/ sào¹, trong đó Quang Vinh là đơn vị luôn hoàn thành các chỉ tiêu về lương thực và thực phẩm tỉnh giao cho.

Ngày 1 tháng 11 năm 1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố chấm dứt ném bom bắn phá trên toàn lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuộc chiến tranh của quân và dân trên miền Bắc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ kết thúc thắng lợi. Trong cuộc chiến đấu này, quân dân ta đã bắn rơi 3.243 máy bay các loại (có 6 B52), 143 lần bắn chìm, bắn trúng tàu biệt kích, tàu khu trục và tàu tuần dương Mỹ. Kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, các trận địa pháo trên địa bàn Quang Vinh được nhân dân giữ gìn bảo quản.

¹ Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy ngày 6 tháng 8 năm 1965, lưu số 10 Phong Tỉnh ủy Bắc Thái.

Năm 1968, để mở rộng sản xuất, HTX đưa 3 gia đình từ Thái Bình lên mở lò gạch. Từ đây, trong thành phần sản xuất, Quang Vinh có thêm nghề mới là làm gạch. Từ hạt nhân là 3 gia đình, Quang Vinh đã điều động một số xã viên tham gia và tổ chức thành đội sản xuất gạch. Theo thời gian, đội gạch của HTX phát triển tốt, qua đó cung cấp gạch cho xã xây nhà Ủy ban, xây trường học, trạm xá, xây trụ sở, nhà kho của HTX và xây nhà trẻ.

Những năm 1969-1971, trong điều kiện không có chiến tranh phá hoại, Đảng bộ Quang Vinh tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, trước mắt là tạo mọi điều kiện cho hơn 40 gia đình bị mất nhà cửa có nhà để ở. Biện pháp là vận động nhân dân lên rừng chặt tre, gỗ xuôi sông Cầu về làm nhà. Chính quyền liên hệ với Phòng Lâm nghiệp tỉnh xin chỉ tiêu khai thác 100 m³ gỗ tròn và 2000 cây tre, nứa ở Hích và Bắc Kạn để nhân dân khai thác làm nhà. Về sản xuất, xã huy động nhân dân san lấp hố bom, đắp lại bờ và kênh mương bị bom Mỹ phá hủy. Các HTX kiểm tra làm lại kế hoạch sản xuất trong điều kiện không có chiến tranh phá hoại, củng cố các đội chăn nuôi, đội rau, đảm bảo cho Quang Vinh luôn làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cuối Xuân 1972, Quân giải phóng miền Nam đồng loạt mở cuộc tiến công trên ba khu vực có ý nghĩa chiến lược là Trị - Thiên, Bắc Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Các chiến dịch tiến công của Quân giải phóng miền Nam giành

thắng lợi lớn. Để cứu vãn Quân đội Sài Gòn khỏi sụp đổ, ngày 6 tháng 4 năm 1972, Tổng thống Níchxơn quyết định mở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc Việt Nam. Theo đó, chúng đã huy động một lực lượng lớn không quân, hải quân đánh phá các mục tiêu quân sự, chính trị kinh tế trên toàn miền Bắc, đồng thời chi viện một khối lượng lớn vật chất chiến tranh cho Quân đội Việt Nam Cộng hòa để chúng mở cuộc phản kích trên toàn bộ chiến trường miền Nam.

Đối phó với âm mưu mới của đế quốc Mỹ, lực lượng phòng không tại Thái Nguyên được chấn chỉnh và bố trí lại cho phù hợp với tình hình mới. Ngày 23 tháng 5 năm 1972, Bộ Quốc Phòng quyết định thành lập Trung đoàn 256 pháo phòng không gồm ba Tiểu đoàn 1, 2, 3 làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố Thái Nguyên. Sau khi thành lập, Trung đoàn 256 bắt tay vào huấn luyện và chuẩn bị các phương án chiến đấu.

Cuộc chiến đấu chống tranh phá hoại lần thứ hai tại Thái Nguyên được đánh dấu bằng trận đánh lúc 9 giờ 50 phút ngày 24 tháng 5 năm 1972, Mỹ cho 5 máy bay ném 12 quả bom xuống Nhà máy điện, ngay sát phía tây bắc xã Quang Vinh, đây là loại bom điều khiển bằng tia lade “bom tinh khôn” với xác suất trúng mục tiêu rất cao. Cuối tháng 6 năm 1972, với thủ đoạn chiến đấu tinh vi cộng với khoa học hiện đại, Máy bay địch gây cho ta nhiều thiệt hại. Bộ đội ta nhiều lần nổ súng nhưng vẫn chưa bắn trúng máy

bay địch. Đây thực sự là một thử thách lớn đối với lực lượng phòng không Thái Nguyên. Kiên quyết ngăn chặn những thủ đoạn mới của kẻ thù, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 256 tích cực luyện tập nâng cao trình độ làm chủ vũ khí, khí tài. Trong các ngày 28 tháng 8 và 13 tháng 9 năm 1972, Trung đoàn 256 đã bắn rơi tại chỗ 3 máy bay F4. Bị bắn cháy ban ngày, không quân Mỹ chuyển sang đánh đêm, do đó gây cho ta nhiều tổn thất. Từ cuối tháng 8 đến hết tháng 9 năm 1972, máy bay Mỹ ném xuống Thái Nguyên 851 quả bom; phá hủy nhiều khu vực kinh tế, nhà cửa, tài sản của nhân dân, giết hại 138 dân thường làm 142 người bị thương.

Càng về cuối năm 1972, những nhận định Mỹ sẽ mở cuộc tấn công lớn bằng máy bay chiến lược B52 ngày càng sáng tỏ. Trung đoàn 256, tách 3 đại đội 3, 5, 9 do trung đoàn chỉ huy để phối hợp với tên lửa đánh máy bay B52¹. Mỗi đại đội pháo 100 mm có 6 khẩu pháo, 1 máy chỉ huy, 1 máy đo xa và một Ra đa S.O.N – 9. Ngoài phương pháp bắn bằng phân tử ra đa, các đại đội còn luyện tập đánh bằng phân tử tính sẵn, phương pháp bắn dựng màn đạn trên

¹ Từ khi ra đời (1952) máy bay B52 được Mỹ coi là thứ vũ khí “linh hoạt nhất” trong bộ ba vũ khí chiến chiến lược (gồm tên lửa chiến lược, tàu ngầm hạt nhân và máy bay chiến lược B52). Máy bay B52 có thể hoạt động trong điều kiện thời tiết phức tạp, mỗi cái có 15 máy gây nhiễu tích cực và 2 máy gây nhiễu tiêu cực bằng sợi kim loại; chúng có thể ném bom ở độ cao trên dưới 10 km.

đường bay vào cửa B52. Đại đội 5 bố trí tại trận địa xã Quang Vinh, đại đội 3 bố trí tại xóm núi xã Cam Giá, đại đội 9 bố trí tại Đồng Quang

Nhân dân Quang Vinh lại một lần nữa cùng các đơn vị phòng không luyện tập, hiệp đồng chiến đấu; không kể thời tiết mưa hay nắng, trận địa đại đội 5 luôn được nguy trang kín đáo; lớp lá này héo, đã có lớp khác thay thế. Nhân dân phân công nhau đun nước và nấu cơm giúp bộ đội, để anh em có sức khỏe sẵn sàng chiến đấu. Các trận địa bắn máy bay bay thấp của dân quân luôn có người trực chiến, để sẵn sàng đánh địch và báo động cho nhân dân. Trước đây, máy bay địch đánh ngày thì nhân dân ta chuyển sang làm đêm, nay địch tập trung đánh đêm thì nhân dân lại chuyển sang làm ban ngày, sản xuất vẫn được duy trì. Mặc dù cuộc tiến công của máy bay địch có ác liệt hơn, nhiều người hy sinh hơn, nhưng mọi hoạt động của nhân dân Quang Vinh vẫn diễn ra như thường lệ, điều đó chứng tỏ lòng tin của nhân dân vào thắng lợi của cuộc kháng chiến do Đảng lãnh đạo là không gì lay chuyển nổi.

Ngày và đêm 19 tháng 12 năm 1972, địch sử dụng máy bay F111-A ném bom xuống ngoại vi thành phố để nghi binh, đến 4 giờ sáng ngày 20, Mỹ huy động 5 tốp B52 ném gần 1.000 quả bom xuống 10 điểm ở khu Bắc Thành phố Thái Nguyên trong đó có xã Quang Vinh. Đến 23 giờ cùng ngày, địch tiếp tục sử dụng 5 tốp B52 ném bom hủy diệt các vị trí nói trên. B52 đánh trúng

xóm Quang Vinh, Thần Vi, Rừng Vầu và Quyết Tiến, phá hủy toàn bộ cơ sở vật chất của hai HTX Quang Tiến, Quyết Tiến và Trường Phổ thông Cấp I - II. Trong khói bom lửa đạn, các tiểu đội dân quân của Quang Vinh tích cực cứu người, cứu tài sản của nhân dân. Ngay trong buổi sáng cùng ngày, đồng chí Bí thư Thành ủy Thành phố Thái Nguyên đến xã Quang Vinh trực tiếp chỉ đạo Đảng ủy xã khắc phục hậu quả.

Nhằm hạn chế thấp nhất tổn thất do B52 gây ra, ngày 21 tháng 12 năm 1972, Ủy ban Hành chính tỉnh Chỉ thị cho các địa phương: Kiểm tra hầm hào, yêu cầu đủ số lượng và đảm bảo chất lượng. Nếu chỗ nào chưa đủ thì tạm cho nghỉ sản xuất, học tập để làm cho đủ. Ở nơi công cộng như bến xe, chợ phải có đủ hầm hào dành cho người qua lại. Phân tán nhỏ các chợ, bách hóa, cửa hàng lương thực, thực phẩm; củng cố hệ thống quan sát báo động phòng không. Thái Nguyên và Trung đoàn 256 bố trí lại lực lượng phòng không, bảo đảm cho pháo 100mm đánh B52.

19 giờ 55 phút ngày 24 đến 0 giờ ngày 25 tháng 12 năm 1972, Mỹ huy động 43 máy bay chiến lược B52 và 40 máy bay chiến thuật ném gần 700 quả bom xuống phía Nam thành phố. Mặc dù thời tiết xấu, trời tối, nhưng cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5, Đại hội 3 và Đại đội 9 vẫn kiên trì chờ đánh địch. Khi tốp máy bay B52 bay vào tầm bắn hiệu quả, ba Đại đội pháo 100mm đồng loạt bắn B52. Tại trận địa

Đại đội 5 ở xã Quang Vinh, sau khi nhận lệnh của Trung đoàn, đồng chí Đại đội trưởng Nguyễn Công Tuấn bình tĩnh chỉ huy 6 khẩu pháo bắn từng tốp máy bay B52 của Mỹ. Trong khói đạn, Trung đội dân quân chủ yếu là nữ vẫn bám trận địa sẵn sàng thay thế pháo thủ chiến đấu. Nhiều chiến sĩ bộ đội phòng không, dù bị thương vẫn bám trận địa chiến đấu; chiến sĩ Trần Quốc Hùng (đại đội 9) biết tin gia đình ở Quang Vinh bị bom Mỹ đánh trúng, em trai bị thương nặng vẫn bám trận địa chiến đấu hết trận này đến trận khác. Tại Lưu Xá, trong lúc chỉ huy đại đội Thanh niên xung phong, Nguyễn Thế Cường người con của Quang Vinh đã anh dũng hy sinh vào đêm 23 tháng 12 năm 1972. Trận chiến diễn liên tục, từ ngày sang đêm 24 tháng 12 năm 1972; các đại đội 3, 5, 9 pháo 100 của trung đoàn 256 tiếp tục nổ súng đánh địch, chùm đạn pháo 100 đã bắn trúng B52. Đài quan sát của bộ đội Phòng không ở Đèo Khế báo về, một máy bay B52 bị pháo 100mm bắn cháy. Tin chiến thắng làm nức lòng nhân dân Quang Vinh. Bắn rơi “siêu pháo đài bay” B52 là chiến công đầu của quân dân Thái Nguyên, trong đó có sự góp sức của dân quân xã Quang Vinh.

Với tinh thần “Thắng không kiêu, bại không nản”, bộ đội ta tranh thủ luyện tập. Chiều 25 tháng 12, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điện nhắc nhở Trung đoàn 256 và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: Tập trung các loại hỏa lực đánh máy bay F111-A, giành pháo 100 đánh B52.



Một trong 6 khẩu đội của đại đội 5 pháo cao xạ 100 mm (trung đoàn 256) tại Quang Vinh – Đơn vị bắn rơi 2 máy bay B52 Mỹ đêm 24 và 26-12-1972

Do bị bắn rơi nhiều máy bay, địch dừng 1 ngày vừa là để nghỉ lễ Noel song cũng rút kinh nghiệm cho các cuộc tấn công tiếp theo. Từ 22 giờ 5 phút đêm 26 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ huy động 110 lượt máy bay chiến thuật hộ tống 105 máy bay B52 đánh ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên. Tại Thái Nguyên, địch cho 21 máy bay B52, có nhiều tốp máy bay chiến thuật hộ tống ném 600 quả bom xuống thành phố Thái Nguyên. Các Đại đội

3, 5 và 9 bắn cấp tập từng đợt, mỗi đợt 18 loạt vào các tốp B52 của địch, trong đó các loạt bắn của Đại đội 5 ở trận địa xã Quang Vinh đã bắn rơi một “siêu pháo đài bay” B52, góp phần nâng số máy bay bị bắn cháy trong đêm 26 tháng 12 năm 1972 ở Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên lên 8 chiếc. Với chiến công này, Đại đội 5 được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng 3 và được Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa.

Cuộc tập kích đường không chiến lược của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên đã bị quân dân ta giáng trả đích đáng. 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay chiến lược B52 và 5 máy bay F111 (cánh cụp, cánh xòe) bị bắn rơi. Trận tập kích chiến lược thất bại, ngày 30 tháng 12 năm 1972, Tổng thống Mỹ Níchxơn tuyên bố chấm dứt ném bom từ Bắc vĩ tuyến 20 trở ra và yêu cầu ta nối lại đàm phán ở Pari. Gần một tháng sau, ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. 19 năm kiên cường kháng chiến, nhân dân ta đã thực hiện được lời nói của Bác Hồ kính yêu: “đánh cho Mỹ cút”. Tuy Hiệp định Pari được ký kết, nhưng cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam chưa kết thúc. Trong khi đó, ở miền Bắc, nhân dân khẩn trương bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, xã hội.

Qua 7 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ Đảng bộ xã Quang Vinh đã trưởng thành, lãnh đạo nhân

thực hiện thành công các chỉ thị nghị quyết của Đảng. Tổ chức cho nhân dân xây dựng hệ thống hầm hào đảm bảo vừa sản xuất vừa chiến đấu. Cùng bộ đội xây dựng hàng chục km đường kéo pháo, đào đắp và vận chuyển hàng nghìn mét khối đất đá để làm trận địa. Lực lượng dân quân tổ chức các trận địa bắn máy bay và tham gia cùng bộ đội chiến đấu góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mỹ. Trong chiến đấu, nhân dân Quang Vinh vẫn duy trì sản xuất cung cấp cho nhà nước hàng trăm tấn lương thực và thực phẩm, 264 thanh niên lên đường chiến đấu nêu nhiều tấm gương dũng cảm.

Để chuẩn bị cho nhiệm kỳ lãnh đạo mới, tháng 3 năm 1973, Đảng bộ xã Quang Vinh tổ chức Đại hội. Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo nhiệm kỳ 1971-1972, nhấn mạnh đến những thành công đạt được trong sản xuất. Theo đó, các HTX luôn gieo cấy hết diện tích và đúng thời vụ; các yêu cầu kỹ thuật được thực hiện nên cây lúa phát triển tốt, năng suất tăng 5% đến 7%/sào.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ lãnh đạo tốt việc tuyển quân chi viện chiến trường. Từ 1969-1972, Quang Vinh có 75 thanh niên lên đường nhập ngũ. Hàng năm, Quang Vinh luôn vượt chỉ tiêu thanh niên nhập ngũ từ 2- 4 người. Trong những năm cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, Quang Vinh có hàng chục gia đình có từ 3 - 5 người tham gia bộ đội; điển hình là gia đình ông Nguyễn Văn Tuất ở Soi Dầu, trong khi 4 người con tham gia quân đội, 1

người đã hy sinh, nhưng ông vẫn động viên, tiễn người con thứ 5 là anh Nguyễn Văn Hải lên đường chiến đấu.

Về công tác hậu phương quân đội, Đảng uỷ xã tiến hành kiểm tra nắm chắc số lượng và hoàn cảnh của từng gia đình để có biện pháp lãnh đạo; đồng thời, Đảng uỷ chỉ đạo HTX sắp xếp, phân công lao động cho các gia đình chính sách một cách hợp lý; tổ chức điều hòa thóc lúa, thực phẩm để các gia đình chính sách bảo đảm đời sống. Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên thường xuyên tổ chức giúp đỡ các gia đình liệt sĩ và gia đình có người đi chiến đấu. Trong những năm 1969-1972, mặc dù hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, nhưng Quang Vinh không để các gia đình có người đi chiến đấu thiếu đói về lương thực.

Trên cơ sở kết quả đạt được của nhiệm kỳ trước, Đại hội đề ra Nghị quyết trong nhiệm kỳ mới, trong đó nhấn mạnh: Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng là đưa nhân dân vào con đường sản xuất lớn; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để xây dựng HTX lớn với quy mô toàn xã.

Đại hội bầu 9 đồng chí vào Ban Chấp hành. Đồng chí Nguyễn Minh Thịnh tiếp tục được bầu làm Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Ngô Thế Khoá làm Phó Bí thư - Chủ tịch xã¹.

Từ ngày 9 đến 15 tháng 4 năm 1973, Đại hội Đảng bộ Thành phố Thái Nguyên lần thứ V được tổ chức. Đại hội

¹ Lý lịch Đảng viên đ/c Ngô Thế Khoá. Lưu trữ tại Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

kiểm điểm kết quả lãnh đạo nhiệm kỳ 1971-1972, đề ra phương hướng lãnh đạo trong thời gian tới, nhấn mạnh: “Tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, phát huy cao tinh thần tự chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất phát triển hàng tiêu dùng”. Về sản xuất nông nghiệp, Đại hội nêu rõ: “Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm gồm rau, thịt, cá; đồng thời, coi trọng sản xuất cây lương thực gồm lúa, khoai lang; đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất ... Mục tiêu chính là 5 tấn thóc, 41 tấn rau, 4 con lợn; 1,2 lao động vùng lúa và 3 lao động vùng rau trên 1 ha gieo trồng”¹.

Thực hiện Nghị quyết cấp trên và Nghị quyết Đảng bộ xã, năm 1974, Quang Vinh chuẩn bị xây dựng hợp tác toàn xã (hợp nhất). Nhằm chuẩn bị cho công tác điều hành và quản lý HTX lớn, lãnh đạo và chính quyền xã cử một số xã viên có trình độ cấp II đi đào tạo công tác quản lý, xây dựng kế hoạch, xây dựng định mức, công tác kế toán tài chính và một số vấn đề về khoa học kỹ thuật. Sau khi chuẩn bị tốt về cán bộ, Thực hiện Chỉ thị 208-CT/TW, ngày 16 tháng 9 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bước quản lý từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cuối năm 1974, Quang Vinh tổ chức Đại hội đại biểu xã viên toàn xã và quyết định thành lập HTX Quang Vinh với quy mô toàn xã, trên cơ sở sáp nhập

¹ Lịch sử Đảng bộ TP TN 1930 – 1975 tập 1 Xb 1991 trg 142 - 143

hai HTX Quang Tiến và HTX Quyết Tiến. Đại Hội bầu Ban Chủ nhiệm do đồng chí Dương Văn Long (Rừng Vầu) làm Chủ nhiệm; đồng chí Trần Văn Đắc (Soi Dầu) làm Phó Chủ nhiệm; đồng chí Nguyễn Văn Thân (rừng Vầu) làm Phó Chủ nhiệm phụ trách kế hoạch; đồng chí Lê Văn Sinh phụ trách kế hoạch cơ bản; đồng chí Dương Thanh (xóm Quang Vinh) làm kế toán trưởng và đồng chí Phạm Thị Thi (Thần Vi) làm thủ kho.

Những năm sau đó, HTX Quang Tiến tiếp tục củng cố bộ máy quản lý. Ông Nguyễn Văn Tiềm được bầu làm Trưởng ban kiểm soát; Phó ban kiểm soát là ông Nguyễn Quốc Bảo. HTX thành lập hai tiểu ban kế hoạch do ông Nguyễn Văn Giang (Thần Vi) và ông Trần Văn Bảy (Quyết Tiến) phụ trách. Nhiệm vụ của hai tiểu ban này là giúp Ban Chủ nhiệm HTX định mức lao động cho từng loại công việc.

Về vấn đề tổ chức lại các đội sản xuất, Đảng ủy xã chỉ đạo Ban Chủ nhiệm cân đối lại lực lượng lao động của các đội sản xuất lương thực, đưa bớt lực lượng trồng lúa sang các đội chăn nuôi gia cầm, thủy sản và trồng rau, đội gạch; giữ nguyên lực lượng đội kỹ thuật nhằm quản lý và cung cấp nguồn giống cây con tốt cho các đội sản xuất, đồng thời quản lý chặt chẽ tình hình thời vụ và tình hình sâu bệnh; phát hiện và dập tắt các ổ dịch bệnh, nhất là loại rầy nâu phá hoại lúa.

Năm 1975, Đảng ủy xã chỉ đạo HTX Quang Vinh năm

chắc Nghị quyết Thành uỷ về sản xuất, đưa các ngành chăn nuôi, trồng rau và sản xuất gạch vào thi đua với các đội trồng lương thực; đưa 40 ha (1/4 diện tích) dành cho trồng rau, 7 ha cho nuôi thả cá; đội gạch được giao thêm lực lượng và diện tích đất để khai thác. Từ quyết tâm của Đảng bộ, các đội, ngành sản xuất của Quang Vinh có chuyển biến tích cực; mọi người tích cực lao động sản xuất, năng suất, chất lượng ngày công được đảm bảo; cây lúa, hoa màu, đàn lợn, cánh đồng rau bắt đầu khởi sắc. Xét thành tích những năm 1972-1974, Ban thi đua tỉnh Bắc Thái quyết định tặng thưởng cho 18 HTX, trong đó có Quang Vinh. Từ 24 - 26 tháng 6 năm 1975, tại Hội nghị bàn về sản xuất của tỉnh Bắc Thái, Quang Vinh là một trong 10 đơn vị được Ủy ban Nông nghiệp Trung ương khen thưởng.

*

Hai mươi một năm cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ Quang Vinh đã làm tốt vai trò lãnh đạo, từng bước tháo gỡ khó khăn, vận động nhân dân vào con đường làm ăn tập thể. Từ một hợp tác xã lên 2 HTX, rồi 6 HTX, quá trình tiến lên làm ăn tập thể là quá trình vừa làm, vừa học vừa rút kinh nghiệm cho các bước đi tiếp theo. Con đường làm ăn tập thể đã tạo điều kiện cho Quang Vinh thực hiện các mục tiêu mà Đảng đề ra đó là phát triển giao thông, thủy lợi, là trường

học cho con trẻ, bệnh xá để chăm sóc sức khỏe cho toàn dân đã được thực hiện. Sự lãnh đạo của Đảng bộ đã có kết quả, từng bước nâng cao đời sống nhân dân trên các mặt vật chất và tinh thần mà trong đó nổi bật là sự huy động sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trong 21 năm, Quang Vinh đã tiễn đưa 264 thanh niên ưu tú lên đường chiến đấu, 35 người con của xã đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, mà trong đó có 3 gia đình có 2 người hy sinh, nhiều gia đình có 3 - 5 con đi bộ đội điển hình là gia đình ông Nguyễn Văn Tuất xóm Soi Dầu; gia đình bà Trần Thị Nhỡ xóm Rừng Vầu (có 4 người con ra trận, 1 người hy sinh, 1 người bị địch bắt). Ở hậu phương, những người phụ nữ đảm đang, tay cày, tay súng, đã thay chồng con sản xuất, chiến đấu chăm sóc gia đình và đóng góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm cho nhà nước. Từ năm 1964 – 1975, Quang Vinh luôn là xã thực hiện được khẩu hiệu “thóc thừa cân, quân thừa người”, vượt các chỉ tiêu mà tỉnh và thành phố giao cho. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, nhân dân Quang Vinh đã góp hàng vạn ngày công, đào đắp hàng vạn mét khối đất đá để đắp đường, trận địa pháo, dân quân đã cùng bộ đội phòng không chiến đấu hơn một trăm trận, góp phần bắn rơi nhiều máy bay địch. Chiến tranh khốc liệt, 100% các thôn xóm bị đánh bom trong đó có 2 xóm là xóm Rừng Vầu và Quang Vinh bị hủy diệt hoàn toàn. Tuy vậy con em Quang Vinh vẫn được đến trường học tập, trạm y tế xã

vấn khám và chữa bệnh cho nhân dân, 100% phụ nữ được sinh con tại nhà hộ sinh của xã, sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh được bảo đảm.

Có được các thành công trên là nhờ có sự chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ đảng viên và hơn cả là sự ủng hộ, đoàn kết của nhân dân, của các ban ngành đoàn thể. Với những thành tích trên, Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 2.

Chương IV

THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 -1986)

I. Từng bước tổ chức lại sản xuất, chi viện cho cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới (1976-1980)

Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân ta hoàn thành, cả nước chuyển sang thời kỳ mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hòa cùng với niềm vui chung của cả dân tộc, cán bộ đảng viên và nhân dân Quang Vinh, chuyển sang nhiệm vụ xây dựng và sẵn sàng chiến đấu, phục hồi phát triển kinh tế - văn hóa. Trước mắt tổ chức đón nhận anh em hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trở về, tổ chức cho họ ổn định đời sống, đăng kí

lực lượng quân dự bị bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Chấp hành Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị 208 của Trung ương, ngày 08/06/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 46, Ủy ban hành chính tỉnh ban hành Nghị quyết số 02 về tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp từ cơ sở. Đây là cuộc vận động lớn trong toàn Đảng, toàn dân nhằm từng bước đưa nền sản xuất nông, lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

Thực hiện chủ trương của các cấp, Đảng bộ Quang Vinh tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất. Ủy ban nhân dân xã tiến hành quy hoạch các vùng trồng lúa, trồng rau chuyên canh, xen canh; hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp nhỏ thành hợp tác xã toàn xã.

Đến giữa năm 1976, hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Quang Vinh có nhiệm vụ vừa trồng lúa, vừa trồng rau, vừa chăn nuôi lợn. Hợp tác xã khi mới thành lập có 294 hộ, 1.590 khẩu, 505 lao động, sản xuất trên diện tích 84,6 ha (534 mẫu Bắc Bộ). Vụ Chiêm Xuân năm 1976-1977, năng suất lúa đạt 25,20 tạ/ha 1 vụ, sản lượng 183 tấn, làm nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước 67 tấn, mức ăn 16,5kg. Với thành tích bước đầu đạt được, hợp tác xã toàn xã Quang Vinh được Ty Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái đề nghị Bộ Nông nghiệp khen thưởng hiện vật trị giá 4.000 đồng¹.

¹ Báo cáo của Đảng bộ xã Quang Vinh, tháng 9 năm 1977.

Thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, qua nhiều năm, nhiều vụ, diện tích đất canh tác ở Quang Vinh dần đi vào ổn định. Trong đó, đất gieo trồng quay vòng một vụ lúa cộng một vụ màu trên 20 mẫu; một vụ lúa cộng một vụ mạ mùa 30 mẫu; một vụ lúa 45 mẫu; đất trồng màu 23,7 mẫu; đất phân trăm cho chăn nuôi 60 mẫu.

Từ khi tổ chức lại sản xuất, Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh đã tìm ra phương hướng sản xuất đúng đắn là lúa, rau, lợn phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và yêu cầu của Nhà nước là tạo ra một vành đai thực phẩm, phục vụ ngày càng tốt hơn cho khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên. Do tìm ra được cách làm ăn đúng đắn, từ năm 1976 đến năm 1980, Quang Vinh luôn giành được thành tích trong sản xuất nông nghiệp.

Từ đất đi lên, Quang Vinh hiểu được tiềm năng đất đai vốn có của mình, ra sức cải tạo đất, đưa giống lúa mới vào đồng ruộng, làm thủy lợi, từng bước thực hiện tưới tiêu theo khoa học. Trong quá trình này, Trường Đại học Nông nghiệp 3 giúp xã phân tích đất, lập bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng để bố trí lại cơ cấu cây trồng và bón phân hợp lý. Quang Vinh cũng là nơi thực tập thường xuyên của sinh viên trường Đại học Nông nghiệp 3. Thông qua việc làm của nhà trường, xã tiếp thu được những tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất. Nhờ đó, Quang Vinh đã xác định được các loại giống cây trồng theo mùa vụ hợp lý, đạt hiệu quả kinh tế cao. Qua những năm dùng giống lúa mới, Quang Vinh tìm ra giống lúa gieo trồng vụ mùa là XI (hay

75-10), nông nghiệp 22 và bao thai lùn. Giống lúa gieo trồng vụ Xuân là 184C (hay 75-1), nông nghiệp 8 và trùn châu lùn. Ngoài ra, Quang Vinh còn cấy hai loại giống lúa đặc sản là nếp cái và dự hương.

Quang Vinh là một trong những hợp tác xã tiên tiến của thành phố về sản xuất nông nghiệp, liên tục đạt năng suất; tổng sản lượng thóc hàng năm ngày một cao, nhất là từ khi tiến hành tổ chức lại sản xuất. Trong quá trình thâm canh tăng năng suất lúa, Quang Vinh đặc biệt coi trọng vấn đề sức kéo.

Năm 1976, Quang Vinh có đàn trâu 272 con, trong đó trâu của xã viên 70 con, đàn trâu cày kéo 202 con và 3 máy kéo 12 sức ngựa. Với đàn trâu như vậy, Quang Vinh đạt 1 lao động làm 1 ha lúa, màu và 3,3 lao động làm 1 ha rau.

Cùng với việc mở rộng, cải tạo đồng ruộng để đưa cơ giới vào sản xuất, năm 1980, đàn trâu cày kéo loại tốt tăng 20% để đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chặng đường thâm canh tăng năng suất lúa, màu, rau, ngoài những yếu tố đưa tổng sản lượng lương thực của xã tăng gấp hai lần trong vòng 5 năm; năng suất lúa cao nhất thành phố 55,4 tạ / ha năm 1977; rau xanh tăng 148 tấn, thì sức kéo cũng là một trong những yếu tố cơ bản góp vào thành tích chung¹.

Để đáp ứng yêu cầu sản xuất, Quang Vinh đẩy mạnh

¹ Báo Bắc Thái, bài “Sức kéo ở hợp tác xã Quang Vinh, ngày 28/11/1978”.

phong trào làm thủy lợi theo quy hoạch cho vùng chuyên canh trồng rau. Xã thực hiện quy hoạch ruộng đất trồng rau chuyên canh và xen canh. Theo đó, một số đồng ruộng được kiến thiết cho phù hợp với việc thâm canh rau. Các công trình thủy lợi được thiết kế và xây dựng để tiêu tưới nước cho rau quanh năm. Đội thủy lợi ở hợp tác xã trồng rau được thành lập với 22 đội viên. Đội thủy lợi được trang bị xe cải tiến, cuốc xẻng, xà beng để kiến thiết đồng ruộng và đã đào đắp được 712 m³ đất cho các công trình thủy lợi phục vụ tưới rau. Sau khi san lấp hơn 30 mẫu ruộng cấy lúa chuyển sang trồng rau, đội thủy lợi hợp tác Quang Vinh đã xây con mương mới đào dài 430m với 7 bể chìm theo lòng mương để giữ nước dự phòng.

Ngoài ra, Quang Vinh còn phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi cho vùng rau. Trong phong trào này, thành phố đã vận động 1.700 ngày công của cán bộ, công nhân, học sinh và nhân dân các khu phố tham gia đào đắp 1.255 m³ đất, khơi các đường mương dài gần 1.000m cho hợp tác xã Quang Vinh, nơi có nhiều diện tích trồng rau chuyên canh. Đặc biệt, xã đã kết nghĩa với Nhà máy điện Thái Nguyên cùng nhau xây dựng một hồ chứa nước rộng 1ha, chứa được trên 1 vạn m³ nước, có hệ thống tự chảy về đồng ruộng, thực hiện tưới tiêu theo mùa vụ.

Để tổ chức lại sản xuất, Quang Vinh chú trọng phát triển cây rau cả về diện tích lẫn sản lượng. Qua làm thử vụ trước, vụ sau xã tạo ra được giống cà chua thích hợp

với đất đai của mình. Trên diện tích gần 2ha cà chua thu hoạch, Quang Vinh chọn lọc giống để trồng trên diện tích rộng và tạo ra công thức luân canh để có điều kiện làm thêm vụ (chủ yếu là mở rộng diện tích trồng rau). Ngoài hai đội đảm nhận sản xuất phần lớn chỉ tiêu rau của xã, 8 đội sản xuất lúa đều được giao chỉ tiêu trồng rau vào thời vụ nông nhàn.

Đặc biệt, xã chủ trương tạo ra độ màu của đất bằng cách thường xuyên tổ chức các đợt làm phân bón, như lấy phù sa, lấy phân xanh về ủ thành phân tổng hợp. Vụ nào đồng đất Quang Vinh cũng bón thêm mỗi ha 5,4 tấn phân tổng hợp, 1,3 tấn phân chuồng và 11 tấn bèo dậu.

Nhờ có biện pháp tích cực, so với năm 1976, sản xuất rau của xã năm 1977 diện tích tăng 15,8%, năng suất tăng 7%, sản lượng tăng 24%. Xã bán cho Nhà nước được trên 100 tấn rau các loại¹.

Tuy Quang Vinh chỉ có 2 đội chuyên trồng rau, nhưng xã đã dành một số lao động và tư liệu sản xuất thích đáng để thâm canh rau. Với 70 lao động, 10 con trâu, 20 cày bừa, 30 xe cải tiến, hàng trăm tấn phân, hàng tạ thuốc trừ sâu... hợp tác xã đã không cho đất nghỉ. Ngoài hai vụ chính, xã còn trồng rau vụ trái nên quanh năm đều có rau xanh.

¹ Báo cáo của hợp tác xã Quang Vinh, tháng 12 năm 1977.

Vụ rau hè thu từ tháng 5 đến tháng 8 trồng các loại như: Rau muống, bí, mướp, đỗ các loại; vụ rau rét từ tháng 10 năm trước đến tháng 2 năm sau, phần lớn trồng su hào, bắp cải, cà chua, khoai tây, hành, cần nước, cải củ, cải canh; vụ trái cũng trồng các loại rau thông thường như đỗ đũa (đỗ rêu), đỗ canh... Do nắm được đặc điểm sinh trưởng của từng loại rau, thông thạo các quy trình kỹ thuật, lại có sự chăm bón tích cực nên vụ nào rau cũng lên xanh tốt, thu hoạch đạt sản lượng cao và năng suất bình quân các loại rau đạt từ 27 đến 28 tạ/ha. Vì vậy, chỉ tiêu kế hoạch rau trên giao xã đều hoàn thành. Trung bình mỗi năm, cứ 7 kg rau xanh, Nhà nước bán lại 1 kg gạo, Quang Vinh thu được số gạo quy ra thóc là 28.000kg. Số thóc này theo hợp đồng ký kết hai chiều, xã được quyền sử dụng mà không phải nộp nghĩa vụ với Nhà nước.

Theo tinh thần của cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, lại được trang bị thêm kiến thức khoa học kỹ thuật, rau ở Quang Vinh từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch đều thực hiện theo đúng quy trình. Trước khi gieo trồng đất được cày, bừa kỹ, phơi ải, đập nhỏ, vơ sạch cỏ và lên luống thích hợp cho từng loại giống, tiện cho chăm bón. Đối với từng loại rau cũng được lên quy trình về phân bón như: su hào, bắp cải, cà chua, bón bình quân từ 500 đến 600 kg phân chuồng một sào; khoai tây bón 800 kg một sào và các loại khác bón bình quân 400 kg một sào... Ngoài ra, đến thời kỳ bón thúc còn dùng thêm phân lân, kali, đạm. Các loại

rau sau khi lên được hai lá định hình đều phun thuốc phòng sâu bằng Vôn-pha-tốc và Đy- tréc. Thời kỳ sinh trưởng, trong khi làm cỏ, tưới nước thường xuyên phát hiện rau có sâu phải diệt trừ ngay, không để sâu bệnh lây lan kéo dài. Đối với các loại rau ăn ngọn như rau muống, sau khi thu hái, lại làm cỏ, bón thêm phân nên lứa sau cũng như lứa trước rau đều xanh, non bảo đảm chất lượng.

Do năng suất, sản lượng lúa và rau tăng, đàn lợn của xã ngày càng phát triển. Phương hướng chăn nuôi của Quang Vinh là đẩy mạnh chăn nuôi ở cả hai khu vực tập thể và gia đình. Đàn lợn tập thể chăn nuôi theo hai hình thức tập trung và phân tán ở các gia đình xã viên. Trại chăn nuôi tập thể phát triển theo hướng chuyên nuôi lợn nái (khoảng 500 nái) để tạo ra một cơ cấu giống tốt, đạt tiêu chuẩn, cung cấp đủ lợn giống (bình quân mỗi gia đình 2 con một năm) cho các gia đình nuôi lợn thịt. Còn hình thức nuôi phân tán là các gia đình đăng ký nhận nuôi lợn gia công cho hợp tác xã theo quy định thưởng phạt rõ ràng. Ngoài ra, xã còn áp dụng chăn nuôi lợn tăng sản theo phương pháp mới trên diện rộng.

Do mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất cao vào cấy trên 40% diện tích lúa chiêm xuân và 80% diện tích lúa mùa, năm 1976-1977 Quang Vinh đạt 5,39 tấn/ha, năng suất lúa bình quân đạt 4,81 tấn/ha, vượt 0,11 tấn/ha so với chỉ tiêu đề ra. Diện tích trồng hoa màu (ngô, khoai, sắn) tăng 23,4%, sản lượng tăng 10%; chăn nuôi

lợn trong hai khu vực tập thể và gia đình tăng 13%, vượt kế hoạch 3,3%¹.

Năm 1977-1978, Quang Vinh hoàn thành trước thời gian các chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, trong đó tổng sản lượng lúa tăng gấp 2 lần; rau xanh tăng gấp 3 lần, thịt lợn tăng gấp 2 lần. Giá trị tổng sản lượng thu nhập của xã năm 1977-1978 là 138.000 đồng, tăng 1,8 lần. Với kết quả đó, cán bộ và nhân dân Quang Vinh được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích phát triển sản xuất, hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước².

Cuộc chiến tranh chống Mỹ vừa kết thúc, tranh chấp và xung đột biên giới tây nam xảy ra liên tục trong các năm 1977 và 1978, trên thực tế cuộc xung đột bắt đầu ngay sau khi giải phóng Sài Gòn. Ngày 4 tháng 5 năm 1975, Khmer Đỏ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sáu ngày sau chúng đánh chiếm và hành quyết hơn 500 dân thường ở đảo Thổ Chu. Quân đội nhân dân Việt Nam đã phản công giành lại các đảo này. Tiếp theo Khmer Đỏ tiến hành hai cuộc xâm nhập qui mô lớn vào Việt Nam. Nhân dân Việt Nam trong đó có Quang Vinh buộc phải cầm súng chiến đấu. Tiếp tục động viên thanh niên lên đường bảo vệ biên giới tây nam, trong 2 năm 1976, 1977, Quang Vinh đều hoàn thành vượt mức

^{1, 2} *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên*, tập II (1975 – 2002), xuất bản năm 2002, tr.14-15.

chỉ tiêu, bảo đảm giao quân chất lượng tốt, đúng thời gian. Trong những năm đó, có gia đình 5 người con trong quân đội, thì 3 người có mặt trên tuyến biên giới; có gia đình đã có 4 đến 5 con nhập ngũ, nay lại tiễn người con thứ 5, thứ 6 lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Quán triệt Nghị quyết 40 của Tỉnh ủy, đầu năm 1977, Đảng bộ Quang Vinh lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ “Phát triển lương thực, thực phẩm một cách toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc để đến năm 1980 có thể trang trải được phần lớn mọi nhu cầu lương thực trong địa phương, đáp ứng cho quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trong đó tỷ trọng sản xuất lúa chiếm 60%, màu 40%”¹.

Hưởng ứng “Chiến dịch vụ mùa thắng lớn” của Thành ủy, ngày 5 tháng 6 năm 1977, Quang Vinh huy động 25 thanh niên trong đội chuyên làm phân bón cùng với bà con xã viên lấy được 1.116m³ phù sa, hàng trăm tấn phân xanh, bùn ao ủ với phân chuồng chuẩn bị cho vụ lúa mùa. Tại các hợp tác xã thủ công nghiệp, các cơ quan, xí nghiệp, trường học trong xã, phong trào mỗi người làm 50 kg phân bón các loại ủng hộ hợp tác xã nông nghiệp diễn ra rất sôi nổi và đều khắp².

Hòa chung khí thế thi đua sôi nổi của xã, thanh niên Quang Vinh bằng hành động thiết thực trong lao động sản

¹ Nghị quyết Đảng bộ Quang Vinh, tháng 6 năm 1977.

² Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Sđd, tr. 29.

xuất đã làm cho hợp tác xã 470 m³ phân bón, 160 tấn phân xanh. Ngoài ra, thanh niên còn nhận làm cánh đồng lúa tăng sản và nhận chăm sóc 7 sào su hào và 9 sào khoai tây cho hợp tác xã.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và sự ủng hộ của các cơ quan, ban ngành đoàn thể, trong đợt một “Chiến dịch vụ mùa thắng lớn”, Quang Vinh gieo cấy được 199 mẫu lúa mùa, trong đó 90% diện tích được cấy vào thời vụ tốt nhất, lúa tốt hơn so với các vụ trước. Đến tháng 9 năm 1977, 100% diện tích lúa mùa được làm cỏ đợt hai. Hợp tác xã Quang Vinh hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực năm 1977.

Phát huy truyền thống đơn vị nhiều năm liên tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, ngày 12 tháng 7 năm 1977, Quang Vinh giao quân vượt chỉ tiêu 12%. Năm 1977, Đảng bộ xã còn lãnh đạo tốt hai đợt huy động dân quân tự vệ và nhân dân tham gia chiến dịch thủy lợi xây dựng kênh mương Hồ Núi Cốc. Qua hai đợt huy động, lực lượng tham gia của xã được Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá là đơn vị đạt năng suất lao động cao và là đơn vị hoàn thành khối lượng được giao sớm, bảo đảm quân số lên công trường 100%.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Quang Vinh luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Sau khi học tập Nghị quyết 23-NQ/TW, chế độ sinh hoạt của các cấp ủy, chi bộ đi vào nền

nếp, nội dung sinh hoạt được cấp ủy chuẩn bị kỹ, phát huy được trí tuệ tập thể, tinh thần đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ và các chi bộ được tăng cường, vai trò chiến đấu của các tổ chức Đảng được nâng lên. Cuối năm 1977, Đảng bộ Quang Vinh có 70% chi bộ cơ sở làm tốt công tác cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Do đó, Đảng bộ xã được Đảng bộ thành phố Thái Nguyên chọn là Đảng bộ tiêu biểu¹.

Hưởng ứng phong trào “Đồng khởi thi đua đẩy mạnh lao động sản xuất nông nghiệp” do thành phố phát động, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII, Đảng bộ và Ban Quản trị hợp tác xã nông nghiệp xã Quang Vinh tập trung nuôi lợn tập thể từ 400 đến 700 đầu lợn. Số ruộng đất dành cho chăn nuôi tập thể lúc này là 60 mẫu Bắc Bộ. Hợp tác xã lập một “phân xưởng chăn nuôi”, do một Ủy viên Ban quản trị có kỹ thuật, có kinh nghiệm chăn nuôi làm phân xưởng trưởng.

Để phát triển chăn nuôi, Quang Vinh mạnh dạn ký hợp đồng chăn nuôi gia công với các gia đình xã viên. Năm 1977-1978, Quang Vinh có 436 hộ (đạt tỷ lệ 100%) đăng ký nuôi lợn gia công và đã nuôi được 406 con. Hình thức nuôi lợn gia công ở các gia đình xã viên hết sức linh hoạt. Nuôi lợn gia công mà giống hợp tác xã cung cấp thì khi giao lợn cho Nhà nước xã viên phải trừ giống. Nhưng

¹ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Sđd, tr. 42.

giống do xã viên lo thì trọng lượng xuất chuồng được tính cả cho gia đình. Hợp tác xã quy định cụ thể như sau: Cứ 1 kg lợn nuôi gia công xuất chuồng, xã viên giao cho hợp tác xã 4 đồng và 10 kg phân lợn. Hợp tác xã có trách nhiệm thanh toán cho xã viên 4 kg thóc, 1 công lao động và hai hào rưỡi tiền bán phân. Nuôi gia công theo hình thức này sẽ khuyến khích xã viên nuôi lợn to, vì nuôi to xã viên có lợi hơn.

Do công tác chăn nuôi lợn của xã phát triển bền vững, nhiều năm liền Quang Vinh hoàn thành vượt mức nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước và là một trong số những xã sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi khá nhất thành phố, liên tục trong nhiều năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; đời sống xã viên không ngừng được cải thiện và nâng cao.

Ngày 12 tháng 10 năm 1978, Quang Vinh tổ chức ngày hội bán thực phẩm cho Nhà nước. Từ sáng sớm, trên các ngã đường, nhân dân tập nập xe lợn về nơi tổ chức hội chợ ở trung tâm xã. Cửa hàng bách hóa, cửa hàng điện máy mang nhiều mặt hàng thiết yếu về bán trong ngày hội chợ. Tại hội chợ, xã đã bán cho Nhà nước 5.037 kg thịt lợn. Tính từ đầu năm đến ngày 12 tháng 10 năm 1978, xã đã bán cho Nhà nước 21.528 kg thịt lợn, vượt mức kế hoạch 1.009 kg, là đơn vị đầu tiên của thành phố hoàn thành vượt mức nghĩa vụ thực phẩm năm 1978 trước thời hạn 78 ngày đối với Nhà nước. Trong ngày hội chợ này, hai cửa hàng bách hóa và điện máy

thành phố đã bán đủ hàng đổi lưu theo hợp đồng kinh tế hai chiều với xã Quang Vinh¹.

Trong khi phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất ở Quang Vinh đang tiến triển tốt, đầu tháng 10 năm 1978, bão và mưa lớn trên diện rộng đã gây ngập úng ở nhiều nơi trong xã, làm ngập trên 400 mẫu ruộng, 100% diện tích rau các loại bị mất trắng, 84% diện tích hoa màu bị ngập lụt, hàng vạn viên gạch ngói bị hư hại. Để khắc phục hậu quả do bão, lụt gây ra, Đảng ủy xã phát động phong trào “Thi đua nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục hậu quả của lũ lụt nhằm hoàn thành kế hoạch Nhà nước”.

Tại Quang Vinh, nơi có diện tích lúa, rau, màu bị ngập lụt thiệt hại nhiều. Ngay sau khi nước vừa rút, xã đã huy động nhân dân ra đồng rửa lúa, thu hoạch lúa sớm, làm đất gieo trồng vụ đông, mở rộng diện tích trồng rau, màu ngắn ngày để giải quyết khó khăn về lương thực cho người và cho chăn nuôi. Ngoài ra, xã còn huy động lực lượng tu sửa hàng chục km mương dẫn nước bị đất, cát bồi lấp. Tu sửa các trạm bơm điện, máy bơm dầu phục vụ sản xuất vụ đông.

Đặc biệt, hệ thống chuồng, trại chăn nuôi, nhà kho, sân phơi, nhà trẻ, trường học cũng được nhanh chóng tu sửa.

¹ Báo Bắc Thái, bài “Hợp tác xã Quang Vinh hoàn thành vượt mức nghĩa vụ thực phẩm năm 1978”, ngày 21/10/1978.

Chi hội phụ nữ xã phát động chị em làm trên 3.000 tấn phân, nuôi thêm 80 con lợn, phấn đấu hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Đoàn Thanh niên xã phát động phong trào thi đua giải quyết hậu quả lũ lụt, góp phần ổn định đời sống nhân dân, thực hiện vụ đông - xuân thắng lợi. Động viên đoàn viên đi đầu trong khắc phục khó khăn, đảm nhận những việc khó, đột xuất, làm đất trồng màu, chăm bón và thu hoạch lúa mùa, gây giống rau các loại, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi.

Thanh niên Quang Vinh bằng những hành động thiết thực trong lao động sản xuất đã quyết tâm hoàn thành cánh đồng tăng sản. Trong đợt thi đua, Đoàn Thanh niên xã đã làm cho hợp tác xã 3.160 tấn phân các loại, chăm bón các cánh đồng tăng sản, nhận chăm sóc toàn bộ diện tích xu hào và khoai tây cho xã.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, Quang Vinh đã khắc phục được hậu quả lũ lụt, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân và làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Với những kết quả xuất sắc đạt được, ngày 22 tháng 10 năm 1978, Quang Vinh tổ chức trọng thể lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Quốc hội, Chính phủ tặng¹.

¹ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Sđd, tr.55.

Tham dự lễ đón nhận phần thưởng cao quý với nhân dân xã Quang Vinh có các đồng chí: Đôn Văn Cước - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Dương Kim Uyên - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; các đồng chí trong Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã; đại biểu ba đơn vị công nghiệp Trung ương đóng tại địa phương; đại biểu ngành nông nghiệp tỉnh, thành và một số ngành hữu quan.

Tại buổi lễ, đồng chí Đôn Văn Cước, được sự ủy nhiệm của Quốc hội, Chính phủ đã trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho xã và mong rằng với phần thưởng cao quý này, xã Quang Vinh hãy đoàn kết một lòng, xây dựng xã thành đơn vị tiên tiến của tỉnh, nhất là thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất, đưa Quang Vinh từng bước đi lên sản xuất lớn, ngày càng làm ra nhiều của cải, hàng hóa, nâng cao mức sống nhân dân¹.

Từ khi tình hình biên giới phía Bắc căng thẳng (5.1978), Đảng ủy xã chủ trương xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ với chất lượng tốt, số lượng đông. Theo đó, toàn xã xây dựng 3 đại đội dân quân, du kích, mỗi tiểu khu xây

¹ Báo Bắc Thái, bài “Hợp tác xã Quang Vinh tổ chức lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Quốc hội, Chính phủ tặng”, ra ngày 22/10/1978.

dựng 1 đại đội tự vệ. Bí thư các chi bộ trực tiếp làm chính trị viên đơn vị dân quân, tự vệ cùng cấp.

Sau khi hoàn thành tập huấn, bồi dưỡng chính trị, quân sự, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quân sự địa phương ở các cơ sở, xã đã triển khai việc học tập chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ theo chương trình, đáp ứng tình hình, nhiệm vụ mới. Kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sản xuất, có quân số học tập đông và đạt chất lượng khá trong các môn kiểm tra kỹ, chiến thuật.

Từ ngày 27 tháng 5 đến ngày 31 tháng 5 năm 1978, thành phố huy động một tiểu đoàn dân quân du kích, tự vệ ở 6 xã, trong đó có Quang Vinh tham gia “Chiến dịch làm đường bắc Chợ Rã”. Quang Vinh bảo đảm chỉ tiêu về quân số, năng suất, thời gian và khối lượng công việc. Kết thúc chiến dịch, Đại đội dân quân xã Quang Vinh được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Giấy khen.

Thực hiện quyết định ngày 5 tháng 8 năm 1978 của Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban chỉ huy quân sự xã Quang Vinh được thành lập, làm nhiệm vụ thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, huy động sức người, sức của chi viện cho nhiệm vụ bảo vệ biên giới.

Trước tình hình địch tăng cường các hoạt động xâm lấn biên giới, Đảng bộ Quang Vinh lãnh đạo nhân dân làm được hàng ngàn chông tre, chông sắt giao cho Bộ chỉ huy

quân sự tỉnh chuyển lên chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Trong những năm tháng này, Quang Vinh là một trong những đơn vị đã làm tốt công tác hậu phương quân đội. Hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ trong xã đều có mức sống từ trung bình (so với mức sống của người dân trong xã) trở lên. Mức sống của bố mẹ liệt sĩ đạt bình quân 20 kg thóc 1 tháng, con liệt sĩ đạt từ 13 đến 15 kg thóc 1 tháng. Các thầy cô giáo Trường cấp 1, 2 của xã đã chăm lo kèm cặp đảm bảo 100% con em các gia đình liệt sĩ, thương binh lên lớp hoặc thi đỗ tốt nghiệp.

Hội Phụ nữ xã tích cực tham gia phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” do Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động. Thực hiện hai nhiệm vụ ấy, Chi hội phụ nữ xã đã kết hợp với các cấp, các đoàn thể tổ chức nhiều đợt ra quân lao động sản xuất như: làm phân, chuẩn bị mùa vụ, củng cố nhóm trẻ... Tận dụng các nguồn phân như bùn ao, phù sa, lá cây, cỏ rác, phụ nữ Quang Vinh đã chuẩn bị được hàng trăm tấn phân các loại cho mùa vụ. Ngoài ra, Chi hội phụ nữ xã còn củng cố các nhóm trẻ và vận động được 7 nữ thanh niên đi học lớp nuôi dạy trẻ của thành phố. Đặc biệt, Chi hội đã đóng góp sức mình cùng các cấp, các đoàn thể trong xã xây dựng 7 gian nhà trạm xá; nhận chuyển 172 xe cát và gần 200 công gánh ngói. Phân đấu hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước, chị em phụ nữ còn vận động chồng con, gia đình tích cực chăn nuôi và bán lợn cho Nhà nước.

Thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phụ nữ xã làm nòng cốt trong sản xuất lương thực, trồng rau, nuôi lợn... Chi hội phụ nữ nhận với hợp tác xã vận động chị em thu hoạch lúa và đảm nhận toàn bộ khâu cấy các mùa vụ hàng năm. Ngoài việc thường xuyên động viên chồng con lên đường bảo vệ Tổ quốc, chị em phụ nữ Quang Vinh tích cực trồng rau, ngô, khoai, sắn và chăn nuôi lợn, gà bán cho Nhà nước. Với những thành tích đạt được, Phụ nữ xã Quang Vinh được Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen¹.

Ngày 8 tháng 1 năm 1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh họp bất thường, quyết định: *Một là*, chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu; *hai là*, chuẩn bị tuyển quân xây dựng hai trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập ba trung đoàn dự nhiệm; *ba là*, sẵn sàng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh phía trước.

Sáng 17 tháng 2 năm 1979, địch nổ súng tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Tổ quốc. Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh và thành phố, Ban chỉ huy quân sự thống nhất xã họp và quyết định chuyển toàn bộ lực lượng của xã vào chiến đấu, sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Theo đó, Quang

¹ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Sdd, tr.66.

Vinh chuẩn bị lực lượng từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn dân quân tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước.

Thực hiện Chỉ thị ngày 3 tháng 3 năm 1979 của Tỉnh ủy, Thành ủy về việc “Phát động tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc”, Đảng ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất lãnh đạo, huy động một đại đội cơ động, một đại đội dự bị, mỗi xóm có một trung đội chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sẵn sàng chi viện cho biên giới và bảo vệ quê hương. Ban chỉ huy xã đội xây dựng phương án tác chiến, lập chốt canh giữ, thường xuyên tổ chức cho nhân dân học chính trị, quân sự, tập duyệt các phương án chiến đấu trong mọi tình huống. Phân công vị trí, nhiệm vụ cho từng đơn vị, nhất là lực lượng dân quân xã luôn là lá cờ đầu, hoạt động có hiệu quả, liên tục đạt danh hiệu đơn vị quyết thắng.

Phát huy truyền thống “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, Quang Vinh không chỉ hoàn thành các chỉ tiêu lương thực, thực phẩm cho Nhà nước mà hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu tuyển quân. Do công tác chuẩn bị mọi mặt được chu đáo, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng tập trung, thống nhất, Quang Vinh đã thường xuyên tuyển quân đủ số lượng, chất lượng tốt, đúng chính sách, đúng thời gian, giao quân cho tỉnh và các đơn vị nhanh gọn. Xã Quang Vinh có nhiều cách hay, việc làm tốt trong phong trào thi đua sản xuất và tổ chức ngày hội quốc phòng toàn dân sâu rộng trong nhân dân. 100% gia đình và

thanh niên kể cả trai và gái đều phấn khởi, tự hào, tự nguyện đón nhận nghĩa vụ vẻ vang bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Quang Vinh nhiều năm giao vượt mức chỉ tiêu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân, có khí thế sôi nổi đúng với tinh thần một ngày hội quốc phòng toàn dân.

Khi chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, nhiều cán bộ, đảng viên, thanh niên, học sinh của xã đã viết đơn tình nguyện tham gia chiến đấu. 100% đoàn viên thanh niên ký tên sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu. Nhiều cựu chiến binh xin được tái ngũ làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Ở hậu phương, với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, nhân dân Quang Vinh nhiệt tình đón tiếp đồng bào Cao Bằng xuống tản cư, sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo, sắp xếp nơi ăn chốn ở cho bà con. Hưởng ứng “Chiến dịch Trần Quốc Toản ra quân đánh thắng quân xâm lược” do phòng Giáo dục thành phố phát động, Liên đội Thiếu niên Tiền phong Trường Phổ thông cấp I, II Quang Vinh đã quyên góp được hơn 800 kg đậu xanh, gần 900 quả trứng và 40 kg đường ủng hộ bộ đội.

Đặc biệt, Đảng bộ xã đã lãnh đạo tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, qua 3 đợt tuyển quân chống xâm lược năm 1979, Quang Vinh đã có 35 người vào bộ đội, vượt 0,9% chỉ tiêu, riêng đợt tuyển quân thứ 3, Quang Vinh vượt chỉ tiêu 7%. Trong năm 1979, Đảng bộ và Ủy ban nhân dân xã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển thêm dân quân tự

vệ. Tỷ lệ dân quân tự vệ so với dân số Quang Vinh đạt 33,6%, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao.

Năm 1979, sản xuất nông nghiệp của Quang Vinh gặp khó khăn do cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp còn ít, lại phải tập trung sức người, sức của chi viện cho các tỉnh phía trước đánh địch bảo vệ biên giới. Tuy nhiên, hưởng ứng “Chiến dịch sản xuất 5 vạn tấn phân bón” do Thành đoàn phát động, từ ngày 14 tháng 4 đến ngày 19 tháng 5 năm 1979, đoàn viên thanh niên Quang Vinh đã làm được hơn 1 nghìn tấn phân xanh, gần 2 nghìn tấn phân bùn, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Do đó, tổng kết chiến dịch “Vụ mùa quyết thắng năm 1979”, xã Quang Vinh được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ, Bằng khen và thưởng 4.000 đồng.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, vụ mùa năm 1979, Quang Vinh đã cấy hết diện tích lúa. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, xã đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về nguồn thức ăn, giữ vững và phát triển chăn nuôi đàn lợn tập thể và gia đình. Do có chính sách đúng, chăn nuôi lợn tăng sản ở Quang Vinh cho kết quả tốt. Sau 6 tháng nuôi, lợn xuất chuồng mỗi con nặng trên 1 tạ, tăng trọng bình quân 17 kg/tháng. Năm 1979, nhân dân Quang Vinh bán cho Nhà nước 35.676 kg lợn hơi. Từ kinh nghiệm nuôi lợn tăng sản ở Quang Vinh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển rộng sang

các hợp tác xã khác. Vì vậy, đến hết tháng 12 năm 1979, Thành phố đã bán cho Nhà nước 293 tấn lợn hơi (tăng 53 tấn so với năm 1978)¹.

Tính đến tháng 3 năm 1980, đàn lợn ở cả hai khu vực tập thể và gia đình xã viên Quang Vinh đều tăng. Đàn lợn tập thể nuôi ở trại chăn nuôi gồm lợn nái, lợn thịt tăng sản đại trà có 270 con, tăng 10% so với năm trước. Đàn lợn tập thể cho nuôi gia công ở các gia đình xã viên có 106 con, tăng 16 con so với năm trước. Đàn lợn gia đình xã viên có 1.200 con, bình quân mỗi hộ nuôi gần 3 con, khoảng hơn 100 hộ nuôi từ 5 đến 7 con. Nhìn chung, đàn lợn ở Quang Vinh tăng nhanh và vững chắc. Đến cuối năm 1980, đàn lợn tập thể của xã có trên 1.000 con như chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên thực tế, đàn lợn của Quang Vinh phát triển nhanh do việc vận dụng chính sách chăn nuôi vào hoàn cảnh cụ thể ở địa phương một cách sáng tạo. Là xã vành đai thực phẩm của thành phố, Quang Vinh đề ra phương hướng sản xuất là: lúa, rau và lợn. Trên cơ sở có lúa, rau, đàn lợn đã phát triển vững chắc. Xã đã mạnh dạn để ruộng đất cho chăn nuôi chiếm tỷ lệ 25% ruộng đất canh tác. Quang Vinh thực hiện chăn nuôi tập thể theo hai hình thức nuôi tập trung và phân tán ở các gia đình xã viên. Trại tập thể của xã năm 1980 có 115 lợn nái gồm 75 nái chữa đẻ nuôi con, 40 nái hậu bị và 4

¹ *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên*, Sđd, tr. 85.

đực giống Móng Cái. Đàn lợn thịt tăng sản nuôi đại trà ở trại có 156 con (bình quân tăng trọng 9 kg một con một tháng). Trại chăn nuôi tập thể ở Quang Vinh phát triển theo hướng chuyên nuôi lợn nái (khoảng 500 nái) để tạo ra một cơ cấu giống tốt, đạt tiêu chuẩn cung cấp đủ lợn giống cho các gia đình nuôi lợn thịt.

Về thức ăn cho chăn nuôi lợn, xã đã sử dụng tốt 41 ha đất đai để tăng nhanh đàn lợn bằng cách quay vòng đất 3 hoặc 4 vụ lúa, màu một năm. Trong đó, 30 ha cấy các loại lúa xuân và 11 ha được gieo trồng rau màu. Trên diện tích này, mùa đông trồng rau bắp, thả bèo hoa dâu, mùa hè trồng dây lang và ngô gieo dầy lấy thân cây nghiền làm thức ăn cho lợn. Có chính sách chăn nuôi đúng đắn, sáng tạo, lo đủ giống và thức ăn cho đàn lợn, với tinh thần làm chủ tập thể của xã viên, Quang Vinh thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp ngày càng nhiều thóc, rau, lợn cho Nhà nước.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp ở Quang Vinh, trước hết là về lúa, tổng sản lượng lúa hàng năm đều tăng. Năm 1977 đạt 643,5 tấn (quy thóc), năm 1979 đạt 657 tấn và năm 1980 đạt 884 tấn. Cây rau, năm 1976 trồng 7,8 ha, năm 1979 trồng 11,4 ha. Đàn lợn tập thể từ 136 con năm 1976, tăng lên 291 con năm 1979, đàn lợn gia đình xã viên năm 1976 có 725 con, năm 1979 tăng lên 1053 con. Năm nào Quang Vinh cũng hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ba năm (1977-1979), Quang Vinh bán cho Nhà nước 224

tấn lương thực, trên 600 tấn rau xanh các loại và 91 tấn thịt lợn hơi. Quỹ tích lũy của xã ngày càng tăng. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện¹.

Tuy nhiên, Quang Vinh không những thực hiện thâm canh cây lương thực và sản xuất thực phẩm (gồm rau và chăn nuôi lợn) một cách vững chắc, mà còn kinh doanh các ngành nghề khác như sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói), kinh doanh cây bạc hà, là sản phẩm mới phục vụ cho xuất khẩu.

Năm 1977, xã trồng thí điểm 3 mẫu Bắc Bộ cây bạc hà. Tuy mới sản xuất vụ đầu, chưa có kinh nghiệm trung cất, nhưng đã thu về cho xã trị giá 8.000 đồng. Những năm sau, Quang Vinh đã mở rộng diện tích trồng cây bạc hà lên 6 mẫu trên đất bãi và phân công 15 lao động phụ là các cụ cao tuổi chuyên trách trồng và chăm sóc. Các loại cây trồng ở Quang Vinh đều được thâm canh đúng mức nên hiệu quả kinh tế cao. Riêng cây bạc hà mới thâm canh bước đầu, qua thu hoạch lúa thứ nhất của năm 1978, mỗi sào Bắc Bộ đạt năng suất từ 1 tạ rưỡi đến 2 tạ cây, sau khi trung cất được 1 kg tinh dầu. Mỗi kg tinh dầu bán cho Nhà nước với giá 150 đồng. Tính ra, mỗi mẫu Bắc Bộ tăng gấp rưỡi giá trị so với sản xuất lúa. Cây bạc hà ở Quang Vinh mỗi năm cho thu hoạch 3 lứa. Như vậy, mỗi mẫu Bắc Bộ cây bạc hà mỗi năm thu hoạch bằng tiền là 4.500 đồng. Với

¹ Báo cáo tổng kết của Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh, tháng 10/1980.

6 mẫu Bắc Bộ cây bạc hà, hàng năm Quang Vinh thu hoạch được 27.000 đồng.

Từ khi đổi phương gây ra cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc (tháng 2.1979), tình hình trật tự trị an trên địa bàn Quang Vinh có nhiều diễn biến phức tạp. Lợi dụng nhân dân Cao Bằng chạy giặc tạm lánh xuống địa bàn, tình báo, gián điệp của địch trà trộn vào dòng người sơ tán để hoạt động phá hoại, thu thập tin tức. Trước tình hình đó, Đảng ủy Quang Vinh đã tăng cường lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân nêu cao cảnh giác, phòng gian, giữ bí mật. Đảng ủy chỉ đạo lực lượng công an và dân quân tự vệ tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát. Nhờ đó, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững.

Do đặc điểm của xã ở gần chợ và bến tàu, bến xe, tình hình trật tự trị an trong xã cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Trong xã có những hộ bỏ sản xuất, hành nghề trái phép, chạy chợ kiếm lời. Để đảm bảo chính sách quản lý lao động, quản lý lương thực và thị trường, Ban công an xã đã đến từng nhà giáo dục, nhắc nhở, sau đó đề xuất với cấp ủy đưa những hộ này ra kiểm điểm trước dân để bà con phân tích, giúp đỡ. Trước nhân dân, những hộ trên đã bỏ việc làm trái phép, yên tâm làm theo công điểm với hợp tác xã.

Thời kỳ này, ở địa phương xuất hiện số thanh niên có biểu hiện phạm pháp như gây gỗ đánh nhau hoặc cờ bạc,

nghiên hút. Ban công an xã nhận thấy đây là những hiện tượng không lành mạnh, nhanh chóng phối hợp với gia đình và các đoàn thể quản lý, giáo dục các đối tượng. Do vậy, tình trạng tiêu cực ở xã giảm dần. Cùng với đó, Ban công an xã cùng lực lượng dân quân tự vệ tổ chức tốt việc tuần tra, kiểm soát, bảo vệ kho, tài sản công cộng và rau màu ngoài soi bãi.

Đi đôi với những hoạt động trên, Đảng bộ xã đã lãnh đạo cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới. Công tác thông tin tuyên truyền, cổ động được đẩy mạnh, phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu thắng lợi. Các đoàn thể quần chúng có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Các phong trào “Tòng quân giết giặc”, “Làm phân bón cho nông nghiệp” trong thanh niên; phong trào “Cây đúng kỹ thuật” và “Ủng hộ thương binh, bộ đội” trong phụ nữ; phong trào “Luống rau, cây chuối quốc phòng” trong các cụ phụ lão; “Trần Quốc Toản” trong thiếu niên, nhi đồng toàn xã đã góp phần tạo ra khí thế thi đua sôi nổi trong sản xuất, giữ gìn trật tự trị an, xây dựng nếp sống văn hóa và giải quyết được nhiều vấn đề cụ thể về thực hiện chính sách xã hội ở địa phương.

Trong số những hoạt động trên, tiêu biểu là phong trào thanh niên hăng hái tòng quân bảo vệ Tổ quốc. Được sinh ra, lớn lên trong chế độ xã hội chủ nghĩa, lớp trẻ của xã nhập ngũ trong giai đoạn này phần lớn đều có trình độ

văn hóa cấp 2, cấp 3. Nhiều thanh niên đang sôi nổi chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp phổ thông, nhận được quyết định tuyển quân đã phấn khởi lên đường nhập ngũ. Họ đều là những chiến sĩ tự vệ, dân quân ưu tú, những học sinh tiên tiến đang hăng say học tập, lao động dưới mái trường thân yêu, tạm gác sách vở lên đường bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn này Quang Vinh đã có 167 người nhập ngũ. Do có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác tuyển quân từ năm 1976 đến năm 1980, Quang Vinh được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì¹.

Trong công tác y tế, Quang Vinh còn là một điển hình về thực hiện chủ trương và phương hướng chỉ đạo mới của ngành y tế về việc quản lý sức khỏe tại nhà và việc điều trị bệnh lao tại tuyến xã.

Từ năm 1976, mở đầu cho công tác phòng chống bệnh lao, Phòng Y tế thành phố đã lấy xã Quang Vinh làm điểm về công tác này, do Trạm chống lao tỉnh trực tiếp chỉ đạo với nội dung: Phát hiện và chữa cho những người mắc lao; phòng lao bằng sinh hóa BCG cho các cháu dưới 1 tuổi. Ngay từ đầu năm 1976, Trạm chống lao của tỉnh đã tổ chức kiểm tra, chiếu, chụp điện cho toàn dân, kiểm tra đờm những người nghi lao, tìm ra số người mắc lao để có

¹ Báo *Bắc Thái*, bài “37 đơn vị được tặng thưởng Huân chương Quân công và Huân chương Chiến công”, ra ngày 22/12/1980.

kế hoạch điều trị và phòng cho người không mắc lao. Người mắc bệnh đều được đưa vào bệnh viện điều trị trong giai đoạn đầu, sau đó tổ chức điều trị tại nhà bằng phương pháp tiêm và uống thuốc tại trạm xá. Do làm tốt công tác phòng và chống bệnh lao, từ chỗ bệnh lao còn phổ biến so với dân số, năm 1977 giảm xuống 0,48%. Năm 1980, không còn bệnh nhân mắc bệnh mới phải điều trị. Qua 5 năm thực hiện và duy trì các phương pháp chống bệnh lao ở xã Quang Vinh đã thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân, tiến tới thanh toán các bệnh xã hội, trước hết là sốt rét và lao. Với thành tích đó, Quang Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào vệ sinh phòng bệnh và điều trị bệnh lao.

II. Lãnh đạo thực hiện Chỉ thị khoán 100, đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội thời kỳ trước đổi mới (1981-1986)

Từ cuối năm 1979 đến đầu năm 1980, Thành ủy quyết định sáp nhập Hợp tác xã Quang Vinh với Hợp tác xã Quan Triều thành một hợp tác xã lấy tên là hợp tác xã Quang Triều. Đại hội xã viên hợp tác xã Quang Vinh - Quan Triều đã nhất trí bầu ra Ban Quản trị. Ông Ngô Thế Khóa, Chủ tịch xã Quang Vinh được Đại hội xã viên bầu làm Chủ nhiệm; bà Lưu Thị Thu (Quan Triều) làm Phó Chủ nhiệm; ông Lê Văn Sinh (Cửa Ngòi) làm Trưởng ban

kế hoạch; ông Trần Văn Bảy (Quyết Tiến) và ông Nguyễn Văn Giang (Thần Vi), Ban thiết kế cơ bản, kiêm giao thông, thủy lợi; ông Nguyễn Văn Bình (Quan Triều) làm Trưởng ban định mức và ông Dương Văn Thanh làm kế toán trưởng. Tổ chức hợp tác xã gồm 8 đội sản xuất lúa, 2 đội sản xuất rau, 2 đội chăn nuôi¹.

Sau khi Hợp tác xã Quang Vinh và Quan Triều được sáp nhập, Thành ủy chỉ đạo Ủy ban Nông nghiệp cử kỹ sư thủy nông, kỹ sư nông nghiệp, tài chính kế toán xuống giúp đỡ. Trước hết, hợp tác xã quyết định làm một mương nước lớn đưa nước từ hồ nhà máy điện về đến Cống Chui (xã Quan Triều) đổ vào 2 hồ lớn rồi từ đó dùng máy bơm đẩy nước lên mương cao cho chảy đến cánh đồng xa nhất giáp mỏ than Khánh Hòa. Sử dụng một máy bơm lấy nước từ Ao Than (Quan Triều) đẩy nước xuống cánh đồng ga Quán Triều và cánh đồng Thần Vi. Như vậy, hợp tác xã Quang Vinh - Quan Triều đã cơ bản giải quyết được nước tưới cho đồng ruộng.

Tuy nhiên, do còn nhiều khó khăn, năm đầu tiên hợp tác xã Quang Vinh - Quan Triều thu nhập ngày công chỉ đạt 0,7 kg thóc/1 công lao động. Vụ mùa năm 1980, tình hình sản xuất trì trệ, mặc dù định mức đã rõ ràng như: cày 1 sào ruộng được 6 điểm, một người cày một buổi sáng phải đạt 2 sào được 12 điểm. Cũng như vậy, bừa 3 điểm một sào,

¹ Theo ông Trần Văn Bảy xóm Quyết Tiến cung cấp (lưu tại Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh).

một người phải bừa 3 sào ruộng trong một buổi. Cày 1 sào được 15 điểm, làm cỏ 1 sào 8 điểm, công nhật ngày 10 điểm... Nhưng trên thực tế, hiện tượng gian lận đã diễn ra trong nhiều khâu: cày lỏi, bừa chúi, bón phân, làm cỏ không đúng quy định. Các đội đều xin thêm công điểm dẫn đến hiện tượng “dong công, phóng điểm” diễn ra phổ biến.

Không những vậy, đến khi thu hoạch vẫn bị gian lận bằng cách làm rơm dối hoặc đổ thêm thóc vào các đồng rơm chia cho các gia đình, mỗi xe cải tiến rơm còn 5 đến 7 kg thóc rơm. Công tác kiểm soát không chặt chẽ dẫn đến kết quả sản xuất thấp, sản lượng giảm sút. Cả năm 1980, trừ chi phí các loại, công lao động còn 0,5 kg thóc. Từ đó, tư tưởng xã viên bắt đầu dao động, một số đội sản xuất làm đơn xin ra hợp tác xã với lý do càng làm ăn lớn càng dối. Đội 1 Quyết Tiến, Quang Vinh là đơn vị đầu tiên yêu cầu Ủy ban trả lại ruộng của xóm trước đây để sản xuất riêng. Trước tình trạng trên, Đảng ủy Quang Vinh phải kiến nghị thành phố cho Hợp tác xã Quan Triều và Quang Vinh tách ra như cũ.

Đầu năm 1981, Ban Quản trị hợp tác xã Quan Triều có sự thay đổi. Ông Nguyễn Văn Thân làm Chủ nhiệm, nhưng không cải thiện được tình hình. Trong lúc ấy trên chưa có quyết định thì tại Quang Vinh đã có đội bầu được đội trưởng, đội phó; đội 1 Quyết Tiến đã tiến hành khoán sản cho hộ gia đình¹. Trước tình hình đó, Thành ủy và Ủy ban

¹ Theo Trần Văn Bẩy xóm Quyết Tiến cung cấp (lưu tại Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh).

nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định giải thể Hợp tác xã Quang Vinh, Quan Triều, tổ chức lại hợp tác xã quy mô xã.

Trong khi đó, ngày 13 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 CT/TU về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là một hình thức quản lý mới, quản lý và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Với phương thức khoán này, người nông dân bước đầu được tự chủ trên đồng ruộng. Do đó, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được đông đảo nhân dân, nhất là xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp đón nhận tích cực.

Thực hiện Thông tri số 05-TTr/BNN (23/1/1981) của Bộ Nông nghiệp và chủ trương của Thành ủy về thực hiện Chỉ thị 100-CT/TU (T13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành ủy Thái Nguyên, Đảng ủy Quang Vinh đã ra Nghị quyết về chỉ đạo tiến hành khoán trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, đến ngày 16 tháng 3 năm 1981, trên 53 ha lúa xuân giống mới 184 của xã Quang Vinh được làm cỏ, bón phân 2 lần; trên 22 ha lúa xuân giống nông nghiệp 8 được làm cỏ 1 lần và 18 ha lúa xuân các loại giống khác đang được làm cỏ. Khác hẳn với các vụ lúa xuân trước, Quang

Vinh kiên quyết thực hiện chăm bón lúa xuân theo quy trình kỹ thuật.

Hợp tác xã cũng thực hiện tưới tiêu khoa học theo công thức: nông, sâu kết hợp với phơi ruộng trên các cánh đồng Trảng Bần, Ao Rôm và Quyết Tiến. Phòng Thủy lợi thành phố đã cử 2 cán bộ trung cấp về hướng dẫn bà con xã viên thực hiện tưới tiêu khoa học, bảo đảm trên diện tích này thu tăng hơn các diện tích tưới bình thường 2 tạ thóc một ha. Đồng thời với chăm bón, hợp tác xã cũng tiến hành kiểm tra, phòng trừ sâu bệnh cho lúa.

Đầu tháng 11 năm 1981, Quang Vinh thu hoạch 123 ha lúa mùa chính vụ, những chân ruộng có sâu cắn gốc được gặt trước. Trong những ngày đầu tuy mưa rải rác, nhưng mỗi ngày xã vẫn gặt được 3 đến 4 ha. Giống lúa bao thai lùn và mộc tuyền, sâu bệnh phá hoại ít, đạt năng suất trên 45 tạ một ha.

Cùng với thu hoạch lúa mùa, Quang Vinh khẩn trương bắt tay vào vụ đông xuân 1981-1982 bảo đảm gieo cấy hết diện tích 126 ha, tăng hơn vụ chiêm xuân năm trước 32,4 ha. Theo đó, Quang Vinh đã gieo xong gần 13 ha mạ chiêm xuân vào ngày 30/10 với hai loại giống chủ lực là nông nghiệp 184 và trăn châu lùn. Xã đã bón cho diện tích mạ 123,5 tấn phân chuồng ủ mục. Đến đầu tháng 11, Quang Vinh trồng được 10 ha khoai lang Hoàng Long và 3,6 ha rau xanh, trong đó có 1 ha cà chua.

Qua 2 năm thực hiện khoán, hầu hết các xã viên đều

vượt kế hoạch, năng suất, sản lượng đều tăng. Cũng diện tích và con người ấy nhưng khi đổi mới cách làm ăn đáp ứng được nguyện vọng của người nông dân là được tự chủ trong sản xuất thì kết quả lại tăng thêm¹.

Có thể nói, cơ chế khoán mới đã tạo đà cho nông nghiệp phát triển. Trong 8 khâu sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã đảm nhận 5 khâu: làm đất, nước, phân bón, giống và thuốc phòng trừ sâu bệnh; 3 khâu gắn với sản phẩm cuối cùng thuộc về xã viên là gieo cấy, chăm bón, thu hoạch và giao nộp sản phẩm.

Lợi ích của việc khoán sản phẩm đã trở thành động lực để người dân dành thời gian chăm sóc ruộng đồng nhiều hơn. Các chi phí cho sản xuất được hạch toán rõ ràng, cụ thể, khắc phục được cơ bản tình trạng “dong công, phóng điểm”. Hơn nữa, các kế hoạch sản xuất được bàn bạc dân chủ, công khai, không còn tình trạng kế hoạch không phù hợp với sản xuất. Nhiều gia đình đã chủ động mua sắm công cụ sản xuất cho kịp thời vụ, không đợi công cụ và trâu bò của hợp tác xã. Mặt khác, do được tập huấn, quán triệt tinh thần Chỉ thị số 100, thông tư hướng dẫn số 05 của Bộ Nông nghiệp, Nghị quyết 3 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khoán sản phẩm cây lúa tới người lao động, hợp tác xã Quang Vinh đã thực hiện vượt mức khoán.

Nhằm tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị khoán 100, Đại hội Đảng bộ xã Quang Vinh được triệu tập vào ngày 21 tháng

¹ Báo cáo của xã Quang Vinh, tháng 8/1983.

11 năm 1982. Đồng chí Nguyễn Minh Thịnh tiếp tục được bầu làm Bí thư Đảng ủy. Đại hội đánh giá 2 năm thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động và đề ra phương hướng lãnh đạo nhân dân Quang Vinh thực hiện thắng lợi phương thức sản xuất đổi mới trong nông nghiệp.

Thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã tiến hành củng cố hợp tác xã, củng cố các đoàn thể quần chúng, kiện toàn ban quản lý hợp tác xã, tiến hành xác định lại năng suất và sản lượng của từng cánh đồng, từng chân ruộng. Đây là công việc bắt buộc, là cơ sở góp phần giúp hợp tác xã thực hiện tốt Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Qua thực tế, hợp tác xã đảm nhận khâu giống, phòng trừ sâu bệnh, phân bón và điều chỉnh khâu phân phối với các đối tượng chính sách cho hợp lý, còn toàn bộ các quy trình sản xuất, chăm bón thu hoạch, đến giao nộp sản phẩm là do xã viên tiến hành đã phát huy tác dụng tốt. Hình thức kiểm tra, kiểm sát thu hoạch sản phẩm được tiến hành bằng cách lúa gặt được phải mang về đập tại sân kho của đội, vừa nhằm đảm bảo “hai thu” của Nhà nước vừa chủ động chọn giống.

Do khoán sản phẩm, xã viên đã chủ động đầu tư sản xuất, chăm bón và được hưởng thành quả theo lao động của mình, qua đó kích thích sản xuất phát triển. Nông dân Quang Vinh phấn khởi, hăng hái lao động sản xuất với tinh

thần làm chủ tập thể cao. Hiệu quả sản xuất tăng rõ rệt, đời sống nhân dân dần ổn định.

Để từng bước thực hiện cân đối lương thực trên địa bàn, Đảng bộ Quang Vinh chú trọng lãnh đạo thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh sản lượng lúa trên đất ruộng. Từ năm 1983 đến năm 1985, năng suất lúa thâm canh đạt bình quân 48,1 tạ/ha/vụ, tăng 12,4 tạ/ha/vụ so với diện tích lúa đại trà.

Thực hiện Chỉ thị 100, trong 5 năm (1981-1985), sản phẩm xã hội của xã tăng bình quân mỗi năm 4,27%, thu nhập quốc dân tăng 1,18%. Công tác thu mua phân phối có nhiều tiến bộ. Việc thực hiện Chỉ thị 100 đã làm tăng thêm giá trị ngày công lao động của xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1980, giá trị ngày công của một xã viên hợp tác xã nông nghiệp Quang Vinh đạt bình quân 0,5 kg thóc, đến năm 1983, giá trị ngày công bình quân đạt 1,1 kg thóc. Mức thu nhập bình quân về lương thực theo đầu người tăng từ 8,5 kg thóc một tháng (1980) lên 18,86 kg thóc một tháng (1983). Đời sống xã viên được cải thiện một bước. Trong việc nộp thuế và đóng góp nghĩa vụ thịt lợn, các loại hoa màu, lạc vỏ, đậu tương, đậu xanh, ngô, khoai lang, sắn, Quang Vinh đều hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ với Nhà nước.

Giai đoạn 1981-1985 còn là bước ngoặt trên con đường đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh cây lúa nước của xã. Từ năm 1980 trở về trước, năng suất lúa cả năm chỉ

đạt từ 35 đến 40 tạ/ha, những năm 1981-1985 tăng lên 45 tạ/ha và đến năm 1985 đạt 50 tạ/ha¹.

Đặc biệt, trình độ thâm canh cây lúa nước giai đoạn 1981-1985 đã đạt được thắng lợi lớn, có ý nghĩa quyết định trong ứng dụng các tiến bộ về giống lúa. Đến năm 1985, trên địa bàn xã có tới 80% - 90% diện tích được cấy bằng giống lúa mới có năng suất cao. Sản xuất vụ đông xuân đã cơ bản loại bỏ được giống lúa chiêm, năng suất thấp, thời gian sinh trưởng dài ngày. Từ thực tế sản xuất, xã đã tuyển chọn được các loại giống lúa xuân phù hợp, năng suất ổn định như NN 75-1, NN 75-2, K3, NN 8, xuân số 2 và các loại giống vụ mùa là bao thai lùn thuần, mộc tuyền lùn thuần, CR 203, trăn châu lùn, NN 8, v.v...

Cùng với giống là việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh lúa. Do đó, trong thời gian ngắn, Hợp tác xã nông nghiệp Quang Vinh tập trung bón phân, làm cỏ kịp thời. Phần đầu đạt năng suất bình quân trên 50 tạ/ha, hợp tác xã chỉ đạo chặt chẽ xã viên thực hiện tốt quy trình thâm canh lúa, bón đủ lượng đạm kết hợp với phân chuồng và làm cỏ sục bùn. Hợp tác xã Quang Vinh có nhiều diện tích lúa chiêm xuân, lại thuận tiện nước nên đến tháng 3 năm 1985 đã căn bản bón phân, làm cỏ xong đợt 1. Tiếp đó, hợp tác xã tiếp tục làm cỏ đợt 2, tăng cường kiểm tra tình hình

¹ Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh (tháng 4/1986).

sâu bệnh và chuẩn bị đầy đủ phương tiện diệt trừ khi có sâu bệnh, bảo đảm cho lúa sinh trưởng tốt.

Để chủ động phòng trừ sâu bệnh cho lúa, năm 1986, Hợp tác xã Quang Vinh ký hợp đồng bảo hiểm cây lúa với Trạm bảo vệ thực vật, với diện tích 95 ha. Những diện tích chưa ký hợp đồng cũng được phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Đến tháng 4 năm 1986, Trạm đã tập kết được 10 tấn thuốc sâu các loại, thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật xuống các hợp tác xã kiểm tra đồng ruộng, nhanh chóng xác định tình hình sâu bệnh, có biện pháp tổ chức phòng trừ, không để sâu bệnh lây lan.

Do phòng trừ sâu bệnh tốt, hơn 13 ha lúa của hợp tác xã Quang Vinh, trên 79,5 ha lúa của các hợp tác xã bị bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá đã được phun thuốc và dùng các biện pháp bắt sâu thủ công, kịp thời diệt trừ được diện tích lúa bị hại¹.

Chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư nhìn chung đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã xuất hiện những bất hợp lý, đặc biệt là tình trạng thiếu công bằng trong công tác quản lý, điều hành, xây dựng định mức khoán của Ban Quản trị, do đó gây ra tình trạng thắc mắc, suy bì trong các hộ xã viên. Việc thực hiện 3 lợi ích (lợi ích

¹ Báo Bắc Thái, bài “Chủ động phòng trừ sâu bệnh cho lúa”, ra ngày 15/04/1986.

Nhà nước, lợi ích tập thể, lợi ích nhân dân) trong phân phối sản phẩm gặp nhiều khó khăn, nhất là khâu thu nộp sản phẩm cho Nhà nước. Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền và Ban Quản trị hợp tác xã phải điều hòa mâu thuẫn giữa lợi ích nghĩa vụ tập thể với quyền lợi của nhân dân, từng bước tháo gỡ khó khăn, tiếp tục phát triển kinh tế, xã hội trên quê hương mình.

Là vành đai thực phẩm của thành phố, Quang Vinh đề ra phương hướng sản xuất lúa, rau, lợn. Dựa trên cơ sở cây lúa và rau, đàn lợn sẽ phát triển vững chắc. Do đó, Quang Vinh mạnh dạn để đất chăn nuôi đúng chính sách (chiếm 25% đất canh tác). Hướng đi của hợp tác xã Quang Vinh là trại chăn nuôi tập thể chỉ nuôi lợn nái và cung cấp giống cho các gia đình xã viên. Như vậy, việc chăn nuôi của hợp tác xã sẽ chủ động nguồn thức ăn theo mùa, đàn lợn phát triển đều, thường xuyên có lợn giao cho Nhà nước. Do đàn nái phát triển tốt, bước đầu Quang Vinh đã cung cấp cho xã viên hơn 100 con lợn giống¹.

Thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị (khóa V), Chỉ thị 128 của Hội đồng Bộ trưởng, từ năm 1983, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện theo chủ trương lấy xã, phường làm địa bàn thực hiện. Theo đó, Quang Vinh gắn công tác củng cố cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, địa bàn trọng điểm. Vì vậy, trong những năm 1983-1986, tình hình an ninh

¹ Báo cáo của Hợp tác xã Quang Vinh, ngày 06/06/1982.

chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, từng bước được ngăn chặn.

Tháng 4 năm 1982, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị quân với dân một ý chí nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự ủng hộ của nhân dân, cuộc vận động tăng cường đoàn kết quân dân ở Quang Vinh đạt được kết quả tốt. Đã sửa chữa hàng chục km đường giao thông, tạo thuận lợi cho việc đi lại và phát triển kinh tế của nhân dân. Trong giai đoạn này, Quang Vinh luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, bảo đảm thời gian và chất lượng tốt.

Trong thực hiện công tác hậu phương quân đội. Từ năm 1981 đến năm 1986, Quang Vinh luôn tổ chức chu đáo việc động viên thanh niên lên đường nhập ngũ. Trước khi lên đường, tân binh đều được tập trung tại Ủy ban xã để Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân gặp mặt động viên. Khi hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương, được đón tiếp làm thủ tục giấy tờ đầy đủ, bảo đảm mọi quyền lợi. Đối với gia đình liệt sĩ và thương binh, xã đã thực hiện tốt chính sách điều hòa lương thực, nhất là bố mẹ liệt sĩ khi hết tuổi lao động được cung cấp mỗi tháng 20 kg thóc. Vợ liệt sĩ có khó khăn, xã điều hòa lương thực bảo đảm mức ăn bình quân hàng tháng.

Ngoài việc thực hiện đúng chính sách, nhân dân Quang Vinh luôn thể hiện tình làng nghĩa xóm đối với các gia đình có công với nước. Bất cứ đội sản xuất nào có gia đình thương binh, liệt sĩ hoặc gia đình bộ đội gặp khó khăn bà con trong đội không tiếc sức, tiếc công đến hỗ trợ việc cày cấy, gặt hái hoặc giúp công lao động, điển hình như gia đình cụ Đặng Thị Lờ (Hoạch) ở Đội 3 là mẹ của hai liệt sĩ, trong lúc thời vụ khẩn trương, nhà lại neo người, chi hội phụ nữ đã huy động chị em đến cấy giúp bảo đảm thời vụ. Gia đình chị Nguyễn Thị Đang ở Đội 2 là vợ liệt sĩ, các con đi công tác xa, căn nhà dột nát, chi bộ Đảng đã vận động chi đoàn thanh niên đến giúp hơn 40 công dựng lại... Trên tinh thần đó, Quang Vinh luôn hoàn thành chỉ tiêu thanh niên nhập ngũ, được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Chiến công hạng Nhì¹.

Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần đưa sản xuất nông nghiệp phát triển là do xã đã chỉ đạo tốt việc phát triển kinh tế phụ gia đình theo mô hình kinh tế vườn - ao - chuồng (VAC). Từ năm 1982, dưới tác động của cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, kinh tế phụ gia đình được coi là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, Đảng ủy xã đã có Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình, coi đó

¹ Báo Bắc Thái, bài "Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội", ra ngày 24/01/1986.

là nhiệm vụ, là yêu cầu cấp bách, có tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân. Đến những năm 1984-1985, phong trào làm kinh tế vườn phát triển mạnh ở Quang Vinh.

Từ vườn, ao đến phong trào chăn nuôi đã tạo thành mô hình kinh tế khép kín (kinh tế VAC) hỗ trợ, bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nhờ thực hiện tốt mô hình này, tổng đàn lợn của xã tăng gần 3 lần. Hàng trăm gia đình từ chỗ thiếu ăn vươn lên đủ ăn. Trên 60% tổng số hộ trong xã có nhà ở cấp 4, mua sắm được nhiều vật dụng gia đình có giá trị cao.

Trong khi sản xuất nông nghiệp của xã có nhiều chuyển biến tích cực, công tác phân phối lưu thông tuy có tiến bộ, nhưng vẫn là “mặt trận nóng bỏng” do các mặt hàng cung cấp không đủ để phân phối cho người tiêu dùng theo định lượng. Hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm và kém chất lượng. Tình trạng hàng đoàn người xếp hàng dài trước các cửa hàng lương thực, thực phẩm để mua gạo, thịt, mắm, muối diễn ra thường ngày.

Trước thực trạng đó, Đảng bộ Quang Vinh đã lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động hợp tác xã mua bán, bảo đảm phân phối kịp thời những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân. Hợp tác xã mua bán vừa bảo đảm thu mua hết các mặt hàng do nhân dân trong xã làm ra, vừa làm đại lý cho thương nghiệp của thành phố, mở rộng bán hàng ký gửi để phục vụ nhân dân.

Trong những năm từ 1980 đến 1986, được sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể của xã, ngoài hoạt động của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã thủ công nghiệp được duy trì và phát huy tác dụng tốt. Hợp tác xã tín dụng đã huy động tiền gửi tiết kiệm của nhân dân, tạo được nguồn vốn cho các xã viên hợp tác xã nông nghiệp vay để phát triển sản xuất.

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Quang Vinh xác định công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Do đó, Đảng bộ luôn quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị cho đảng viên. Trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, các đảng viên luôn thể hiện vai trò gương mẫu, xung phong, không ngại khó, ngại khổ. Trong thực hiện Chỉ thị 83-BBT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển đảng viên, 100% đảng viên Đảng bộ Quang Vinh đủ tư cách được nhận thẻ, Đảng bộ Quang Vinh được công nhận là Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

Trong phát triển kinh tế, xã hội, Xí nghiệp than Quang Vinh thời gian này vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất và bước đầu có lãi, tạo công ăn việc làm cho địa phương, nhất là con em của xã Quang Vinh. Đến ngày 31 tháng 3 năm 1986, Xí nghiệp than Quang Vinh khai thác 2.300 tấn than sạch, đạt 26% kế hoạch năm; bóc thải 4.000 m³ đất đá/32.000 m³ kế hoạch năm 1986.

Đạt được kế hoạch trên đây trong điều kiện thiếu 40 lao động, 12 ha mặt bằng chưa được đơn vị bạn giải phóng theo yêu cầu sản xuất là do xí nghiệp đã phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, khoán sản phẩm cuối cùng đến phân xưởng, tổ sản xuất với đơn giá 13 đồng một tấn than sạch và trả lương công nhân than vượt định mức là 19,5 đồng. Bốn tổ lao động xã hội chủ nghĩa do Nguyễn Thị Định, Vũ Thị Hội, Lương Thị Phương và Nguyễn Thị Nga làm tổ trưởng thường xuyên vượt định mức từ 10%-15%.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng đến năm 1986, tình hình kinh tế, xã hội đất nước còn nhiều khó khăn. Trong đó, việc thực hiện khoán 100 ở Quang Vinh cũng nảy sinh một số vấn đề phức tạp như việc tranh chấp ruộng đất tốt, hiện tượng nộp thuế chậm, nợ đọng sản phẩm với Nhà nước, phần vượt khoán cho người lao động quá thấp, không phù hợp với công sức người lao động bỏ ra, làm cho người nông dân thiếu gắn bó thiết tha với đồng ruộng. Mặt khác, cuối năm 1986, lạm phát tăng đến 700%¹; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Tình hình đó, đòi hỏi Đảng bộ và chính quyền phải đổi mới tư duy mới đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo trong giai đoạn mới, đưa xã ngày càng phát triển đi lên.

¹ *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên*, Tập II (1965-2000), xuất bản năm 2005, tr.234.

Trong 10 năm (1976-1986), trải qua 5 kỳ Đại hội, Đảng bộ Quang Vinh không ngừng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ đã thực hiện tốt đoàn kết trong Đảng làm cơ sở đoàn kết toàn dân. Quang Vinh sau khi thực hiện khoán 100 tuy còn có những bất cập, nhưng đã có bước biến đổi. Trong tình hình đó, cuối tháng 9 năm 1986, Đảng bộ Quang Vinh đề ra mục tiêu phấn đấu trong những năm tới là: Đổi mới tư duy và cơ chế quản lý nhằm nhanh chóng ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, ổn định đời sống nhân dân. Với mục tiêu đó, Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh tin tưởng bước vào thời kỳ đổi mới, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Chương V

THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, TỪNG BƯỚC TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1986-2014)

I. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1990)

Từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 1986, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đề ra đường lối đổi mới, coi đổi mới là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong thời kỳ đổi mới, tháng 8 năm 1986, Đảng bộ xã Quang Vinh tổ chức Đại hội lần thứ IX. Đại hội thông qua báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1986-1988 và đề ra mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ mới: Tập trung trí tuệ lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất, ổn định đời sống, hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; tăng cường công tác

xây dựng Đảng, đưa Quang Vinh trở thành xã vững mạnh toàn diện về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng.

Đại hội đã bầu 16 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX. Đồng chí Nguyễn Thế Kỳ được bầu làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Trần Văn Tùy làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Thực hiện đường lối đổi mới, ngày 13 tháng 2 năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 25/HĐBT giải thể xã Quang Vinh, thành lập phường Quang Vinh. Phường Quang Vinh nằm ở phía Bắc trung tâm thành phố Thái Nguyên, với diện tích 313,3 ha (3,133 km²), đất nông nghiệp chiếm 2/3 diện tích, chủ yếu trồng lúa nước và cây màu vụ đông. Dân số khi thành lập phường là gần 1.000 hộ, với trên 3.000 khẩu; có 10 khu dân cư, trong đó có 7 khu dân cư làm nông nghiệp và 11 chi bộ với 96 đảng viên, có 6 dân tộc anh em cùng sinh sống.

Ngày 5 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, gọi tắt là khoán 10. Vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết 05, đề ra nhiều chính sách đổi mới cơ chế quản lý, trong đó có chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hóa vật tư, người nông dân chỉ còn nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ cho hợp tác xã, được tự do lưu thông sản phẩm của mình sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và Hợp tác xã.

Quán triệt Nghị quyết 10 và chủ trương của Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng bộ phường Quang Vinh trực tiếp chỉ đạo

các Hợp tác xã tiến hành sắp xếp, tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, kết hợp với kinh doanh tổng hợp, sản xuất hàng hóa, giao quỹ đất cho từng hộ xã viên, thực hiện giải phóng sức sản xuất. Hợp tác xã là đơn vị chủ quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán. Từ chỗ làm chủ ba khâu theo Chỉ thị 100 CT/TW (13/01/1981) tiến lên làm chủ ruộng đất khoán ổn định trong một thời gian dài, xã viên phấn khởi, yên tâm đầu tư cho phát triển sản xuất.

Vụ đông xuân 1987-1988, Quang Vinh thực hiện khoán gọn theo tinh thần Nghị quyết 10. Theo đó, bộ máy quản lý trong hợp tác xã (tính từ đội phó sản xuất trở lên) được tinh giản. Nhờ đó, số thóc mỗi năm xã viên phải đóng góp chi trả công cho cán bộ trong bộ máy quản lý hợp tác xã giảm theo. Lợi ích của người lao động được nâng lên, từ 50% đến 55% sản phẩm làm ra (khoán 100 chỉ từ 26% đến 30%). Đối với những hộ nông dân tự túc được giống và sức kéo, quyền lợi được hưởng đạt từ 70% đến 80% sản phẩm làm ra. Như vậy, lợi ích của người nhận khoán tăng từ 1,5 đến 3 lần so với giai đoạn trước.

Trong sản xuất nông nghiệp, những năm 1986-1988, sản lượng lương thực Quang Vinh tăng bình quân mỗi năm trên 3%. Hợp tác xã nông nghiệp Quang Vinh thâm canh tốt và đạt năng suất cao (54,41 tạ/ha)¹. Điều đáng chú ý, vụ mùa được phường chỉ đạo tập trung, công tác dịch vụ kỹ

¹ *Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Tập II (1975-2002)*, xuất bản năm 2002, tr.151.

thuật ngày càng tiến bộ; việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, đưa các giống lúa mới có năng suất cao (CR 203, K3, C84...) vào sản xuất ngày càng rộng rãi.

Do có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân phường, quan hệ sản xuất mới được củng cố. Tính đến cuối năm 1987, Hợp tác xã nông nghiệp Quang Vinh đưa được 336 hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Quang Vinh có 96,78% tổng số hộ dân vào làm ăn tập thể trong hợp tác xã nông nghiệp.

Nhìn chung, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy đã giải phóng năng lực sản xuất nông nghiệp của phường ở mọi thành phần kinh tế, trước hết là kinh tế gia đình. Đến tháng 12 năm 1988, kinh tế gia đình đã đưa lại 99,3% sản lượng thịt lợn, 90% sản lượng rau... chiếm 63% đến 70% tổng thu nhập của hộ nông dân.

Cùng với cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển. Quang Vinh chủ trương phát triển nuôi lợn tập trung và giao cho các gia đình. Nhờ đó, trong 3 năm 1987-1989, tổng số đàn lợn được duy trì ở mức 950 con, đảm bảo tự cung cấp nhu cầu về thịt cho nhân dân và đủ chỉ tiêu bán cho Nhà nước.

Đặc biệt những năm này, Quang Vinh đã mở rộng các ngành nghề như xây xát, vật liệu xây dựng, sửa chữa công cụ, thực hiện hạch toán kinh doanh, từng bước đảm bảo tốt ba lợi ích. Hợp tác xã nông nghiệp còn triển khai khoán và quản lý ao, hồ, các loại cây ngô, sắn, khoai lang có kết quả.

Mức thu nhập bằng lương thực của nông dân tăng dần. Nhiều gia đình xã viên không chỉ giải quyết đủ lương thực, mà còn phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, tăng thêm thu nhập. Hợp tác xã Quang Vinh, số hộ có nhà xây đã chiếm 70% đến 80%¹.

Thực hiện Nghị quyết 02 của Trung ương Đảng về phân phối lưu thông và các Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 15 tháng 10 năm 1987, Thành ủy ra Thông báo về chuyển hướng hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán sang hạch toán kinh doanh. Đảng bộ Quang Vinh xác định hợp tác xã mua bán là một tổ chức thương nghiệp tập thể của nhân dân lao động, một thành phần của ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, hợp tác xã mua bán phải tận lực phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, chủ yếu là ba chương trình kinh tế của thành phố, phục vụ tốt đời sống nhân dân. Phải mở rộng mạng lưới, cải tiến phương thức phục vụ, tăng thêm quỹ hàng bán lẻ. Phường Quang Vinh đã coi trọng mở các ngành dịch vụ, khôi phục lại các lò rèn, sửa chữa cơ khí và đồ điện, tổ chức kinh doanh ăn uống ở những nơi có nhu cầu.

Ngày 5 tháng 8 năm 1988, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 124/NQ-TU về “Một số vấn đề phát triển kinh tế phường, xã và công tác phân phối lưu thông trong tình hình hiện nay”. Được sự chỉ đạo sát sao của

¹ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, Sdd, tr.157.

Đảng ủy phường, hoạt động của hợp tác xã mua bán Quang Vinh dần dần đi vào nền nếp, từng bước chủ động thu mua hàng tận gốc và đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng. Quang Vinh còn mở các cơ sở sản xuất dịch vụ, làm ra được nhiều sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phường Quang Vinh đã cải tạo, nâng cấp và làm mới các tuyến đường đến các tổ dân phố, trạm điện, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Đến năm 1988, Quang Vinh xây dựng quy hoạch tổng thể các tổ dân phố, hình thành các cụm dân cư. Bộ mặt đô thị của phường từng bước thay da, đổi thịt.

Đánh giá nhiệm kỳ 1986 - 1988, Đảng bộ đã khẳng định: *“Với sự cố gắng lớn lao của cả tập thể Đảng bộ, với vai trò làm chủ tập thể của mỗi đảng viên, với sự năng động sáng tạo của tập thể Ban Chấp hành, 2 năm qua, Đảng bộ ta đã có nhiều chuyển biến về mọi mặt, bộ mặt của Phường được thay đổi, các hoạt động toàn diện khác đã và đang đi vào hoạt động đúng hướng và có chiều sâu. Chúng ta đã từng bước cùng nhau tháo gỡ những khó khăn, những tồn tại để từng bước củng cố, xây dựng. Tuy nhiên, công tác quản lý, xây dựng đô thị còn có mặt yếu kém, hệ thống đường giao thông xuống cấp, chậm được sửa chữa, nâng cấp do thiếu kinh phí”*.

Ngày 11 tháng 1 năm 1989, Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh đã diễn ra và thành công tốt đẹp. Đại hội

nghe báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1989-1990 và bầu 12 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X, đồng chí Trịnh Xuân Nhạ làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Tiến Liên làm Phó Bí thư Đảng ủy.

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ phường lần thứ X, Đảng ủy đề ra những mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế xã hội của phường. Về sản xuất nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về việc giao đất đến hộ và người lao động, đảm bảo hàng năm có diện tích canh tác 365,07 mẫu, quay vòng đạt 2,6 đến 3 lần, trong đó diện tích cây lúa 275 mẫu, soi bãi 52 mẫu và chuyên gieo mạ 37,8 mẫu. Kết quả sản xuất năm 1989 có tổng sản lượng lương thực kể cả màu quy thóc là 917 tấn. Cân đối mức ăn/khẩu/năm bằng 350 kg; khẩu/tháng bằng 21,3 kg. Năm 1990, giá trị tổng sản lượng thu hoạch 1307,6 tấn, trong đó lương thực 604,7 tấn, thóc 502,1 tấn, màu quy thóc 102,6 tấn, rau màu các loại 412,4 tấn.

Về công tác chăn nuôi, tổng đàn trâu bò, bình quân hai năm 1989-1990 có 350 con, cày kéo 270 con; tổng đàn lợn có 950 con, bình quân mỗi gia đình 2 con, trong đó lợn nái sinh sản 70 con, lợn thịt 880 con; sản lượng cá 2 ha ao hồ đạt 5.000 kg cá thịt; gia cầm đạt 8.300 kg thịt, bình quân mỗi gia đình có 10 con. Một số gia đình phát triển kinh tế tốt, có thu nhập 5 triệu đồng/năm.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 1989, 1990, bình quân mỗi năm sản xuất 3.700 tấn vôi; khai thác 3.000 m³

cát, 5.000 m³ sỏi. Dịch vụ sửa chữa tổng giá trị sản lượng 200 triệu đồng. Hợp tác xã Cộng lực đạt giá trị sản lượng 250 triệu đồng. Tổng giá trị tiểu thủ công nghiệp đạt 307 triệu đồng. Tổng giá trị hàng hóa của hai ngành kinh tế đạt 970 triệu đồng.

Công tác phân phối lưu thông tài chính tín dụng, hợp tác xã mua bán tích cực kinh doanh, lấy tư doanh làm chủ yếu. Năm 1989-1990, đạt chỉ tiêu bình quân mua vào 95 triệu đồng, bán ra 100 triệu đồng. Hợp tác xã tín dụng phục vụ nhu cầu vay, gửi tiền của nhân dân và tập thể để kịp thời đầu tư phát triển sản xuất, tiết kiệm bình quân đầu người từ 2.500 đồng -3.000 đồng. Đối với công tác tài chính ngân sách, với phương châm triệt để khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách, chống thất thu, bình quân hàng năm đạt tổng thu 6 triệu đồng, tổng chi 6 triệu đồng.

Trong công tác xây dựng cơ bản, tiếp tục hoàn chỉnh hai công trình, xây gạch tuyến mương từ trạm bơm Bờ Mèo đến bờ hồ Quang Vinh. Hoàn chỉnh tuyến mương từ hồ Quang Vinh sang Thần Vì, bảo đảm đủ nước tưới, nhất là tạo nước đầu nguồn. Sửa chữa trạm xá và hội trường Soi Dầu, xây dựng 500 mét đường giao thông từ Quốc lộ số 3 về trạm xá phường. Xây dựng trụ sở cơ quan phường theo quy hoạch với số vốn tự có 50%, còn 50% là vốn huy động trợ giúp và trên cấp.

Về y tế, văn hóa, xã hội: Phường Quang Vinh luôn thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, tạo ra

nguồn thuốc, kết hợp điều trị đông, tây y; phổ biến rộng rãi trong nhân dân phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Thực hiện chính sách sinh đẻ có kế hoạch, mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con, mức sinh đẻ ở tỷ lệ 1%. Đưa văn hóa mới đi vào cuộc sống. Cùng với đó là nâng cao chất lượng cải cách giáo dục trong trường học, đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt, từng bước đảm bảo cho giáo viên có đủ đồ dùng giảng dạy và phương tiện sinh hoạt.

Trong công tác an ninh, quân sự. Năm 1989-1990, phường xây dựng, kiện toàn tổ chức từ ban công an chuyên trách xuống đến các tổ dân phố thành một hệ thống - thống nhất quản lý con người cũng như chế độ hoạt động của các tổ an ninh nhân dân; quản lý chặt chẽ các đối tượng vi phạm pháp luật; cùng với dân quân tự vệ bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhà nước, của tập thể và nhân dân. Ngăn chặn kịp thời và phát hiện nhanh chóng những đối tượng gây án. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở các chi bộ cơ sở với phong trào an ninh. Về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và quốc phòng, Đảng ủy phường thường xuyên giáo dục ý thức quốc phòng cho toàn dân, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự, xây dựng phương án tác chiến của địa phương, củng cố kiện toàn tổ chức, biên chế, trang bị, nắm vững thực lực quân số, quản lý chặt chẽ lực lượng cơ động và các sĩ quan dự bị; động viên tuyển quân kịp thời, đủ số lượng và chất lượng; xây dựng và sử dụng tốt quỹ quốc phòng phù hợp với tình hình địa phương.

Trong xây dựng Đảng, Đảng bộ thường đề ra mục tiêu là xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tập trung thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức. Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Để tiếp tục củng cố bộ máy lãnh đạo, ngày 30 tháng 3 năm 1990, Ban chấp hành Đảng bộ họp bầu đồng chí Lê Mẫn vào Ban chấp hành Đảng bộ và bầu đồng chí Hoàng Quang Trung làm Bí thư Đảng ủy thay đồng chí Trịnh Xuân Nhạ (chuyển công tác).

Thành tựu Quang Vinh đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong những năm đầu đổi mới có ý nghĩa quan trọng, tạo ra bầu không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân; lòng tin vào Đảng từng bước được khôi phục; cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ hơn trách nhiệm của mình trong sự nghiệp đổi mới, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, chăm lo xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày một tốt hơn.

II. Lãnh đạo thực hiện đổi mới toàn diện (1991-1996)

Thập kỷ 90 thế kỷ XX, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, sự tan rã và sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tác động mạnh đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở nước ta. Công cuộc đổi mới đang ở chặng đường đầu tiên, đất nước chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân phường Quang Vinh tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, ra sức thi đua phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy chỉ đạo Đảng bộ các cấp tiến hành Đại hội nhiệm kỳ. Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 1992- 1994 được tổ chức từ ngày 27 đến 28 tháng 2 năm 1992. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phan Thế Ruệ - Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên, đồng chí Phạm Xuân Đương - Ủy viên BTV Thành ủy, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Đại hội Thông qua báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X và bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa XI gồm 10 đồng chí, đồng chí Trần Quốc Phú được Đại hội bầu làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Tiến Liên giữ chức phó bí thư Đảng ủy, Quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân. Năm 1991-1992, trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo, cán bộ chủ chốt đã để xảy ra một số sai sót. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để xảy ra một số sai sót và bị kỷ luật theo quy định của Đảng. Ngày 18/12/1992, phiên họp bất thường Hội đồng nhân dân phường khóa II bầu đồng chí Trần Thị Anh Thư - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy - giữ chức chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ phường lần thứ XI, Đảng ủy đề ra những chủ trương và biện pháp: Trong sản xuất nông nghiệp, năm 1992 là năm thực hiện Quyết định 427 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đổi mới nâng cao công tác

quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp; triệt để thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, lấy hộ nông dân làm đơn vị tự chủ sản xuất kinh doanh, từng bước cấp giấy sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, quan hệ giữa hộ nông dân với Ban quản trị hợp tác xã theo cơ chế hợp đồng thỏa thuận, người nông dân chỉ nộp thuế và một tỷ lệ phần trăm để trả công cho bộ máy quản lý làm công tác phục vụ những việc mà xã viên không làm được. Nhờ có cơ chế mới, nông dân yên tâm, phấn khởi tập trung đầu tư cho sản xuất, vận dụng các mô hình kinh tế thích hợp để tạo ra năng suất cao về lúa, thu nhập nhiều về kinh tế vườn đồi, ao, chuồng. Năm 1993, Quang Vinh có hàng trăm hộ có thu nhập từ 3 triệu đến 6 triệu đồng/năm, cá biệt có gia đình bà Tính ở Đội 2 có thu nhập trên 10 triệu đồng; gia đình bà Hương, ông Chính có mức thu thường xuyên trên 10 triệu đồng/năm. Công tác thủy lợi thường xuyên được Đảng bộ phường quan tâm. Năm 1993, phường xây mới được 750m mương với số vốn đầu tư của Nhà nước và của nhân dân đóng góp là 88 triệu đồng; mua mới 1 máy bơm nước. Nhờ đó, năng suất trong 3 vụ liên tiếp 1992-1993 đạt từ 130 kg đến 140 kg/sào, vượt 26% so với chỉ tiêu đề ra. Tổng sản lượng lương thực kể cả màu quy thóc là 983 tấn, vượt 22%, bình quân lương thực trên đầu người là 422 kg, bình quân mức ăn là 21 kg/khẩu/tháng.

Từ sau khoán 10, chăn nuôi đã trở thành một ngành chính sau trồng trọt của phường. Ngành chăn nuôi đã mở rộng trong toàn phường, không chỉ nông dân mà các gia

định cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, cán bộ hưu trí cũng tập trung chăn nuôi. Tổng đàn lợn trung bình hàng năm là 2.132 con; sản phẩm thịt, bán ra thị trường 106.600 kg thịt, góp phần đáp ứng nhu cầu thịt trong thành phố. Đàn lợn nái có trên 100 con, hàng năm cung cấp trên 1.600 lợn giống cho chăn nuôi. Đàn gia cầm khoảng 5.330 con. Đàn trâu cày kéo là 250 con.

Bên cạnh thành tựu đạt được, nông nghiệp của phường vẫn còn những tồn tại cơ bản. Ruộng đất manh mún, chia bình quân cào bằng, người có sức lao động, có kinh nghiệm và trình độ thâm canh không có ruộng để làm. Ngược lại, người thiếu sức lao động, kém về trình độ thâm canh, thậm chí không trực tiếp sản xuất cũng được nhận ruộng để vận dụng hình thức phát canh thu tô. Chưa thoát được thể độc canh thuần nông. Xã viên được giao đất, vẫn xuất hiện tình trạng tự do lấn chiếm chuyển đổi mục đích sử dụng, làm nhà ở trái phép. Chăn nuôi chưa đúng mô hình sản xuất hàng hóa, có tính cạnh tranh mà chỉ ở hình thức chăn nuôi với mục đích cải thiện đời sống hàng ngày. Đội ngũ cán bộ nông nghiệp trong phường trình độ hạn chế, năng lực quản lý điều hành kém hiệu quả, chưa hiểu được cơ chế thị trường. Đặc biệt, nhiều cán bộ, đảng viên chưa hiểu thế nào là sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp và làm thế nào để tạo ra hàng hóa từ nông nghiệp¹.

¹ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Quang Vinh, nhiệm kỳ XII, tr.4.

Đối với phát triển thủ công nghiệp, nhằm cải thiện đời sống, phá thế độc canh thuần nông, các nghề thủ công như nghề mộc, nghề nung vôi từ hình thức liên doanh đã chuyển đổi thành tư doanh, thường xuyên thu hút nhiều lao động, với mức lương từ 150.000 đến 200.000 đồng/người/tháng. Giá trị về hàng mộc trung bình 200 triệu đồng/năm; giá trị về vôi hơn 200 triệu đồng/năm. Hợp tác xã Cộng Lực sản xuất theo ngành dọc do tỉnh quản lý, có một chi bộ do Đảng bộ phường lãnh đạo, luôn giữ vững những mặt hàng truyền thống, đảm bảo được đời sống của xã viên có mức thu nhập từ 300.000 đồng/người/tháng và thường xuyên tham gia đóng góp xây dựng địa phương, chủ yếu là làm công tác ủng hộ các phong trào đoàn thể, hoặc ủng hộ quỹ tình nghĩa trong cơ chế phát triển nhiều thành phần kinh tế. Dịch vụ thương mại và dịch vụ thương nghiệp thời kỳ này cũng phát triển tốt. Với một địa bàn hẹp, đô thị chậm phát triển Quang Vinh có hơn 100 hộ kinh doanh dịch vụ, với tổng giá trị hàng hóa lên đến hàng trăm triệu đồng. Đóng góp phần đáng kể vào ngân sách, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động.

Công tác tài chính, thuế và ngân sách được cấp ủy Đảng trực tiếp điều hành. Để nhằm chống thất thu thuế, đội thuế của thành phố được tăng cường về phường với phương châm thu đúng, thu đủ, tận thu các nguồn thu về ngân sách. Công tác đôn đốc kiểm tra rút kinh nghiệm kịp thời; việc truyền truyền, giải thích về chính sách thuế của Nhà nước

được làm thường xuyên, qua đó hạn chế việc sử dụng các biện pháp xử lý về trốn thuế hoặc dây dưa nợ thuế. Tuy nhiên, công tác thuế còn có những khuyết điểm như thuế nông nghiệp còn nhầm lẫn và còn để nông dân kêu ca về hạng đất. Đối với thuế đất, nhà ở còn để sót lọt hoặc chưa công bằng. Thuế kinh doanh chưa có chính sách khuyến khích, có hiện tượng thuế cao, phải đóng cửa kinh doanh. Thuế xây dựng để thất thu 100%¹.

Trong quá trình phát triển đi lên, công tác quản lý đất đai và xây dựng cơ bản của phường ngày càng trở nên bức thiết. Sự điều chỉnh quy hoạch chưa đáp ứng được với những đòi hỏi thay nhanh chóng trên các địa bàn dân cư. Với phương châm chỉ đạo thực hiện mở mang quy hoạch đường giao thông để từng bước đô thị hóa nông thôn, hầu hết các chi bộ Đảng thuộc Đảng bộ phường đã quan tâm lãnh đạo mở mang đường phố. Trong 2 năm năm 1992 – 1993 năm phường huy động hàng trăm công và dân đóng góp hàng nghìn ngày công, hàng chục triệu đồng để mở rộng đường với tổng chiều dài trên 3.000m. Trong xây dựng cơ bản, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân đóng góp với Nhà nước đầu tư xây dựng các hạng mục công trình mà Nghị quyết khóa XI đã đề ra. Tổng số vốn đầu tư: Năm 1992: 15.000.000 đồng, nâng cấp nhà trẻ Hồng

¹ Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Quang Vinh, nhiệm kỳ XII, tr.5.

Chiêm; năm 1993: 275.000.000 đồng, xây dựng nhà Ủy ban nhân dân phường năm 1994; 11.000.000 đồng, sửa chữa nhà trạm xá.

Trong công tác quốc phòng an ninh, Đảng ủy phường lãnh đạo và phát huy tinh thần trách nhiệm của nhân dân, triệt phá hàng chục ổ nhóm nghiện hút, trộm cắp, cờ bạc, mại dâm, đảm bảo an ninh trật tự. Động viên thanh niên nhập ngũ; huấn luyện dân quân tự vệ được duy trì đều đặn, qua huấn luyện được kiểm tra đều đạt yêu cầu trở lên. Kết quả giao quân: Năm 1992: 17 người, hoàn thành kế hoạch 100%; năm 1993: 17 người, hoàn thành kế hoạch 100%; năm 1994: 17 người, hoàn thành kế hoạch 100%. Số lượt sĩ quan chiến sĩ tham gia huấn luyện dự bị hạng 1: Năm 1992: 25 người; năm 1993: 33 người và năm 1994: 37 người.

Công tác giáo dục đã được xã hội hóa, từ gia đình đến nhà trường đều quan tâm giáo dục văn hóa gắn liền với đạo đức xã hội. Nhiều hình thức động viên khen thưởng kịp thời đối với học sinh chăm ngoan, học giỏi, tỷ lệ lên lớp hàng năm đạt từ 90% đến 100%. Trường Phổ thông cơ sở luôn được công nhận trường tiên tiến cấp thành phố. Các cháu đến tuổi đều được đi mẫu giáo hoặc đến lớp học. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được duy trì. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 1,7%. Công tác phòng bệnh luôn được kiểm tra nghiêm túc nên không có bệnh dịch xảy ra. Cùng với những hoạt động

trên, phong trào đền ơn đáp nghĩa được duy trì và giữ vững. Phường đã hỗ trợ sửa chữa 2 nhà ở của gia đình liệt sĩ, cấp 51 sổ tiết kiệm, trị giá mỗi sổ 100 nghìn đồng cho các gia đình chính sách. Đặc biệt, Ban Thương binh xã hội phường luôn quan tâm đến các gia đình chính sách khó khăn, tham mưu cho Đảng và chính quyền có chế độ trợ cấp kịp thời.

Đảng bộ phường luôn làm tốt công tác xây dựng Đảng. Để nắm vững nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương III, Đảng ủy phường tổ chức học tập và đề ra chương trình hành động cụ thể. Do đó, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Năm 1992 đến 1994, Đảng bộ phường có đội ngũ cán bộ hưu trí vững vàng về chính trị và bề dày kinh nghiệm, biết tiếp thu cái mới. Mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tăng hộ giàu được Ban Chấp hành Đảng ủy cụ thể bằng những biện pháp mới như xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất. Ngoài trồng trọt, chăn nuôi, người lao động còn tạo ra nhiều việc làm khác có tính đa dạng, phong phú như phát triển nghề thủ công, dịch vụ xây dựng, dịch vụ thương nghiệp; đời sống nhân dân ngày càng khá hơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trong nhiệm kỳ 1992-1994, Quang Vinh có nhiều chuyển biến, nhất là về đời sống nhân dân với 88% có mức sống trung bình, 10% có mức sống khá, 2% có mức sống cao và không còn hộ đói. Những mục tiêu cơ bản đều hoàn thành

và vượt chỉ tiêu như: Tổng sản lượng lương thực; thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước vượt mức từ 2 đến 3%. Công tác an ninh trật tự được đảm bảo, công tác quân sự địa phương hoàn thành tốt.

Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XII, nhiệm kỳ 1994-1996 khai mạc ngày 14 tháng 10 năm 1994, tại Hội trường UBND phường. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phan Thế Ruệ - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Thái Nguyên, đồng chí Nguyễn Doãn Kinh - Ủy viên BTV Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố. Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII gồm 11 đồng chí. Đồng chí Trần Quốc Phú được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt làm Phó Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Ba là ủy viên Thường vụ, đồng chí Nguyễn Trọng Hùng là Thường trực Đảng ủy. Tháng 12/1994 HĐND phường khóa III, Kỳ họp thứ nhất bầu đồng chí Trần Quốc Phú giữ chức Chủ tịch HĐND phường khóa III, nhiệm kỳ (1994-1999), đồng chí Nguyễn Trọng Hùng giữ chức phó chủ tịch HĐND phường khóa III, nhiệm kỳ (1994-1999), đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường khóa III, nhiệm kỳ (1994-1999), đồng chí Quán Văn Từ giữ chức phó chủ tịch UBND phường khóa III, nhiệm kỳ (1994-1999).

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ phường lần thứ XII, Đảng ủy đề ra mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội: Nhanh

chóng chuyển dịch cơ cấu từ cơ cấu nông nghiệp thủ công nghiệp và dịch vụ sang cơ cấu nông nghiệp dịch vụ thương mại và thủ công nghiệp. Tuy nhiên, trọng tâm vẫn là nông nghiệp, song dịch vụ thương nghiệp và thương mại có tính chất lấy ngắn nuôi dài, tạo vốn cho đầu tư sản xuất. Từ cơ cấu này, tiến hành đô thị hóa nông thôn, giảm dần đường làng, tăng dần đường phố, tạo thuận lợi cho thủ công nghiệp phát triển. Với phương châm tạo ra môi trường sản xuất đa ngành, đa nghề, hàng hóa phong phú đủ sức cạnh tranh, giải quyết việc làm cho nhân dân. Với trọng tâm là phát triển kinh tế nông nghiệp, vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Quyết định 427 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ phường tập trung chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp từng bước tháo gỡ khó khăn, khắc phục thiên tai, sâu bệnh và phát triển sản xuất.

Bước vào năm 1995, sản xuất gặp nhiều khó khăn, vụ đông xuân bị sâu bệnh phá hoại nặng, vụ mùa bị lũ lụt, nhưng tổng thu về lương thực quy thóc của phường vẫn đạt 627,5 tấn, bình quân lương thực đầu người 348,9 kg/năm, bình quân mức ăn 17 kg/khẩu/tháng. Năm 1996, tổng diện tích lúa cả năm là 173,6 ha, năng suất bình quân 120 kg/sào. Tổng sản lượng đạt 562.464 kg, đạt 91,5% kế hoạch. Tổng diện tích màu là 160 ha, giá trị thu 1.672.000 đồng/ha, tổng giá trị thu từ màu 587.520.000 đồng. Bình quân mức ăn đạt 19 kg/khẩu. Năm 1997, tổng diện tích lúa và màu được giữ nguyên như trước, năng suất ổn định

120 kg/sào. Tổng sản lượng lương thực cả năm quy thóc đạt 908.064 kg, đạt 90,4% kế hoạch. Bình quân 19,5 kg/khẩu/tháng. Năm 1995, tổng đàn lợn của Quang Vinh có 2.500 con, trong đó có 150 lợn nái (tăng 50 con so với năm 1994), gia cầm các loại trên 2 vạn con, chủ yếu là gà. Đặc biệt, một số hộ đã mạnh dạn đầu tư nuôi chim cút. Tổng thu nhập từ chăn nuôi đạt 2.520 triệu đồng, bình quân thu nhập từ chăn nuôi là 484,615 đồng/người/năm.

Năm 1995, Đảng bộ phường tăng cường chỉ đạo hợp tác xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, giữ vững mô hình hợp tác xã; đầu tư cho thủy lợi, hoàn thiện hệ thống kênh mương, nâng cấp 2 trạm bơm điện ở Tràng Bẩn và Bờ Mèo; hỗ trợ các giống lúa mới có năng suất cao cho nông dân, tổ chức cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp cho nông dân với chất lượng bảo đảm. Mặt khác, Quang Vinh đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật để có hệ thống cây, con phù hợp với cơ chế khoán hộ, với thổ nhưỡng từng vùng.

Do tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, từng bước hình thành các vùng chuyên canh. Nhờ đó, năm 1996, sản lượng lương thực của phường là 900 tấn, tăng 15% so với năm trước. Đặc biệt, phường đã tuyên truyền vận động nhân dân mở hội thảo bàn về chuyển đổi phương thức sản xuất từ tự cung tự cấp sang phương thức sản xuất hàng hóa. Có kế

hoạch chỉ tiêu cụ thể nhằm đưa các loại giống cây, con có năng suất cao, có giá trị hàng hóa lớn, như cây cảnh, cây ăn quả, cây lấy giống, các loại rau màu cao cấp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng là điểm chốt cho việc chuyển đổi phương thức sản xuất trong nông nghiệp, mạnh dạn chuyển những vùng bãi bờ ven sông, những gò đồi, chân ruộng cao sang trồng dâu, mở mang nghề tằm tơ hoặc những vườn cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Năm 1996, mỗi ha đất canh tác thu từ 7 - 9 triệu đồng; ngoài ra, phường luôn coi trọng công tác thủy lợi, năm 1996, xây xong 3.000m/6.000m mương chính trong hợp tác xã với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Đối với thủ công nghiệp và ngành nghề phụ, duy trì cơ sở sản xuất vôi, gạch, cát đủ đáp ứng cho nhu cầu sử dụng trong địa phương. Các mặt hàng bê tông đúc sẵn của hợp tác xã Cộng Lực còn phục vụ cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Một số hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư chế biến và sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, với tổng giá trị hàng hóa hàng tỷ đồng.

Để đảm bảo phát triển bền vững, phường đã quản lý việc khai thác tài nguyên, xem xét về trữ lượng than ở mỏ than Quang Vinh để tiến hành khai thác với phương thức liên doanh hoặc đấu thầu, song với phương châm là phải thu hút được lực lượng lao động dư thừa tại địa phương.

Công tác tài chính và ngân sách, từ đặc điểm là một phường có nguồn thu thấp, nhưng nhu cầu phát triển cơ sở

hạ tầng đòi hỏi khá cao. Vì vậy, nhiệm vụ của Đảng bộ phường trong việc chỉ đạo cho các ngành chuyên môn phải đặt dưới sự kiểm tra trực tiếp của thành phố; đồng thời, tăng cường khai thác triệt để các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tận thu các nguồn thu về ngân sách. Việc quản lý chi ngân sách luôn được Đảng ủy phường coi trọng, kế hoạch chi đều được phòng tài chính kiểm tra chặt chẽ, sổ sách, chứng từ, thu chi đúng quy định. Xây dựng cơ bản, chính quyền đã phối hợp với các ngành như giáo dục, y tế tiến hành sửa chữa được 7 phòng học, 8 gian nhà trạm xá, đáp ứng kịp thời cho việc học tập của học sinh và khám chữa bệnh cho nhân dân.

Đảng bộ và nhân dân phường từng bước mở mang giao thông với số tiền đóng góp hàng chục triệu đồng, làm mới 1.000 mét mặt đường đúng yêu cầu kỹ thuật. Để tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh dịch vụ thương nghiệp, bằng số vốn của nhân dân đóng góp 90 triệu đồng, phường xây được 8 gian ki ốt, phục vụ cho việc kinh doanh của các hộ nhân dân có nhu cầu. Ngoài ra, phường tập trung đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm như hội trường Ủy ban nhân dân; các lớp mẫu giáo nhà trẻ tại khu vực Quyết Tiến, Cửa Ngòi, Soi Dâu và Thần Vi; trụ sở công an phường, đài tưởng niệm liệt sĩ¹, khu di tích lịch sử bắn rơi máy bay B52

¹ Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ 100% vốn nhân dân và các đơn vị, các nhà hảo tâm ủng hộ.

của Mỹ bằng pháo 100 ly. Các công trình trên cơ bản được Nhà nước đầu tư, địa phương và nhân dân đóng góp từ 10 đến 15% kinh phí.

Công tác giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được Đảng bộ phường luôn quan tâm. Trong các năm 1994-1995, 1995-1996 và 1996-1997, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp và chuyển cấp đều đạt chỉ tiêu đề ra, trường được công nhận trường tiên tiến cấp thành phố. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số từ 1,7% xuống còn 1,1%. Các hình thức văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển tốt, được đông đảo nhân dân tham gia.

Trên lĩnh vực an sinh xã hội, Đảng bộ phường chỉ đạo đến từng chi bộ luôn chăm lo đến sức khỏe người già, trẻ em, những người tàn tật có hoàn cảnh khó khăn bằng nhiều hình thức như thăm hỏi, tặng quà, trợ cấp, miễn giảm thuế, tạo điều kiện cho vay vốn phát triển chăn nuôi trong Hội nông dân, Hội phụ nữ với nguồn vốn quốc gia là 100 triệu đồng. Đặc biệt, các cụ lão thành cách mạng, những gia đình thân nhân liệt sĩ, thương bệnh binh đều được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ tết. 100% thân nhân liệt sĩ và thương binh được tặng sổ tình nghĩa. Bằng quỹ tình nghĩa do nhân dân đóng góp, các cháu học sinh thuộc diện nghèo khó đều được đến trường. Quỹ khuyến học, quỹ học sinh nghèo vượt khó học giỏi được nhân dân ủng hộ tích cực.

Có thương binh đã trích nửa số tiền trong sổ tình nghĩa để ủng hộ cho quỹ với số tiền 500.000 đồng.

Trong nhiệm kỳ, 100% cán bộ từ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ chủ chốt của phường được Thành ủy quan tâm cho đi tập huấn, bồi dưỡng về lý luận, về công tác quản lý Nhà nước.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đi lên, phường còn một số hạn chế, khuyết điểm. Điển hình là lực lượng cán bộ còn yếu về trình độ quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Một số chủ trương, chính sách của Đảng ủy phường về phát triển kinh tế, xã hội thực hiện kết quả không cao; chưa có chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp với khả năng hiện có của địa phương; chưa tạo được ý chí thống nhất cao giữa Đảng bộ với Ủy ban nhân dân phường, giữa Ủy ban nhân dân phường với các đoàn thể nên việc lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của chính quyền chưa linh hoạt, còn máy móc, hiệu quả không cao, nhất là việc lãnh đạo, chỉ đạo về công tác an ninh cơ sở¹.

¹ Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XIII, tr. 21-22.

III. Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996-2005)

Sau khi kế hoạch 5 năm (1991-1995) cơ bản hoàn thành, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước bước vào xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh ấy, Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XIII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) diễn ra trong 2 ngày 22 và 23 tháng 1 năm 1996 tại phường Quang Vinh. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phan Thế Ruệ - Ủy viên BTV tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, đồng chí Nguyễn Doãn Kinh - Ủy viên BTV Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, đồng chí Đặng Trần Thọ - Thành ủy viên, Phó Ban tuyên giáo Thành ủy.

Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1996 - 2000 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII gồm 11 đồng chí. Đồng chí Trần Quốc Phú giữ chức Bí thư Đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân phường; đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XIII, Đảng ủy phường đã đề ra những chủ trương, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện. Đảng ủy xác định đây là thời kỳ Quang Vinh đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo cơ cấu nông nghiệp - thương mại dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp, củng cố và xây dựng cơ sở

hạ tầng; đồng thời, phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội, văn minh đô thị, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; quản lý chính quyền có hiệu lực; các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tiếp tục quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ phường đã nỗ lực vượt bậc, khắc phục mọi khó khăn, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII đề ra.

Về phát triển kinh tế, xã hội, Đảng ủy phường xác định mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ chủ yếu là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từ cơ cấu nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ sang cơ cấu kinh tế: nông nghiệp - thương mại dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp.

Trong sản xuất nông nghiệp: Mặc dù thời tiết luôn diễn biến phức tạp, song diện tích sản xuất lúa, màu của phường luôn được ổn định và phát triển. Năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước. Hai năm 1996-1997, năng suất lúa đạt bình quân 120 kg/sào. Tổng sản lượng cả màu quy thóc đạt 908,64 tấn. Giá trị sản phẩm thực tế thu trên 1 ha từ 9 đến 10 triệu đồng/năm. Năm 1998, năng suất lúa bình quân đạt 137 kg/sào. Tổng sản lượng cả năm quy thóc đạt 989,556 tấn. Giá trị thu nhập thực tế đạt từ 13-15 triệu đồng/ha/năm. Đặc biệt, từ ngày 28 tháng 1 năm 1999, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Quang Vinh được Ủy ban nhân dân thành phố và Đảng ủy - Ủy ban nhân dân phường chỉ

đạo thực hiện chuyển đổi hoạt động theo *Luật hợp tác xã*. Nhờ đó, từ vụ chiêm xuân năm 1999, năng suất lúa bình quân đạt 154 kg/sào (tương ứng 43 tạ/ha). Tổng sản lượng cả màu quy thóc là 1.004 tấn/năm. Năm 2000, năng suất đạt 45,6 tạ/ha. Tổng sản lượng đạt 1034,4 tấn/năm.

Về chăn nuôi, nhiều hộ gia đình, kể cả những hộ gia đình không làm nông nghiệp cũng chăn nuôi lợn, gà, vịt với số lượng lớn, tạo ra nghề chính trong thu nhập của gia đình. Tổng đàn lợn năm 1996 là 2.100 con, năm 1999 lên 2.850 con, năm 2000 là 3.200 con, tăng bình quân hàng năm là 7,3%.

Đối với công tác tài chính và thu chi ngân sách, thực hiện chế độ phân cấp ngân sách theo *Luật ngân sách* quy định, phường đã thực hiện theo đúng chế độ thống kê, kế toán theo quy định. Việc chi ngân sách hàng năm đều dựa trên kế hoạch chi được thành phố phê duyệt; chứng từ chi đều được phòng tài chính, Kho bạc Nhà nước kiểm soát. Do đó, không năm nào phường bội chi ngân sách và đã đáp ứng cơ bản cho mọi hoạt động trên địa bàn, phục vụ cho Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Thu ngân sách hàng năm của phường đều hoàn thành 100%, năm sau cao hơn năm trước. Năm 1996 là 260 triệu đồng, năm 1999 là 495 triệu đồng và năm 2000 là 460 triệu đồng.

Công tác giáo dục, y tế, xã hội: Năm 1998, phường được thành phố công nhận là phường hoàn thành phổ cập tiểu

học, trung học cơ sở. Công tác y tế và dân số kế hoạch hóa gia đình luôn thực hiện tốt, chương trình tiêm chủng có 100% số trẻ được tiêm phòng 7 bệnh truyền nhiễm, 90% phụ nữ có thai đi tiêm phòng uốn ván. Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình luôn được các ngành, các tổ chức đoàn thể phối hợp tuyên truyền nhằm giảm số người sinh con thứ ba. Hàng năm phường phát động phong trào xây dựng gia đình văn hóa. Năm 1998, có hơn 200 hộ được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, đến năm 1999 có hơn 400 hộ được công nhận danh hiệu này. Vận động nhân dân đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan, lên án các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm, buôn bán các chất ma túy, đánh bạc. Phong trào đền ơn đáp nghĩa luôn được Đảng bộ phường quan tâm; có 100% hộ chính sách được thăm hỏi, tặng quà nhân các ngày lễ, tết...

Công tác an ninh, quân sự luôn được Đảng bộ quan tâm. Từ năm 1996 đến năm 2000, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn phường được giữ vững, trật tự an toàn xã hội từng bước ổn định. Hàng năm, phường tổ chức diễn tập phòng chống bạo loạn, phòng chống lụt bão đạt kết quả khá. Lực lượng dân quân tự vệ còn phối kết hợp với các ban bảo vệ dân phố, công an tổ chức tuần tra canh gác, tấn công truy quét các tệ nạn xã hội, phối hợp làm công tác dân vận theo Chỉ thị 11 và 04 của Tỉnh ủy.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc luôn là trung tâm đoàn kết, tập hợp và động viên các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh

tế trên địa bàn tích cực tham gia xây dựng phường. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, phong trào đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa phát triển sâu rộng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường đã vận động ủng hộ đồng bào miền Trung bị bão lụt với số tiền 12.761.000 đồng, vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc với số tiền là 39.480.000 đồng.

Công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ phường Quang Vinh nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, xây dựng chương trình hành động của Đảng bộ. Quan tâm đến công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ. Trong nhiệm kỳ 1996-2000, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ phát triển khá, tiểu thủ công nghiệp được giữ vững, đảm bảo các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội; đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân được nâng lên. Các tổ chức đoàn thể đều được xếp loại A của thành phố. Đảng bộ phường đã cử 10 đồng chí đi học lớp trung cấp lý luận. 100% các chi bộ, cụm trưởng, tổ trưởng tổ dân phố được đi bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ. Trong nhiệm kỳ kết nạp 22 quần chúng ưu tú vào Đảng. Đảng bộ đầu nhiệm kỳ là Đảng bộ yếu, giữa và cuối nhiệm kỳ vươn lên Đảng bộ khá¹.

Kỳ họp HĐND tháng 12/1999, đã bầu đồng chí Nguyễn

¹ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XIV, tr.19.

Trọng Hùng giữ chức chủ tịch HĐND phường, đồng chí Lê Thị Bích Uy viên BTV Đảng ủy giữ chức phó chủ tịch HĐND phường; đồng chí Trần Quốc Phú giữ chức chủ tịch UBND phường, đồng chí Nguyễn Văn Công Đảng ủy viên giữ chức phó chủ tịch UBND phường. Đến tháng 1/2000, có sự thay đổi cán bộ chủ chốt, đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt được Ban Chấp hành Đảng bộ bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy thay đồng chí Trần Quốc Phú, đồng chí Trần Quốc Phú giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy, chủ tịch UBND phường.

Phát huy kết quả đạt được, trong hai ngày 25 và 26 tháng 9 năm 2000, Đảng bộ phường đã tổ chức Đại hội lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2000- 2005. Dự và chỉ đạo có đồng chí Nguyễn Đức Hãnh - Ủy viên BTV Thành ủy, Phó Chủ tịch UBND thành phố. Đại hội thông qua báo cáo chính trị nhiệm kỳ 1996-2000 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV gồm 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Trọng Hùng được bầu làm Bí thư Đảng ủy, chủ tịch HĐND phường; đồng chí Trần Quốc Phú làm Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XIV, Đảng ủy phường tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế. Đảng ủy kiên định mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế: nông nghiệp, thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp.

Trong sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích đất canh tác trong toàn phường 92 ha, trong đó diện tích lúa 75 ha, màu

17 ha; bình quân 170 kg thóc/sào/vụ, nâng mức bình quân lương thực 350 kg/khẩu/năm. Về trồng trọt, tuy thời tiết diễn biến phức tạp, song nhờ có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa các giống lúa mới vào sản xuất nên kết quả thu hoạch năm sau cao hơn năm trước. Năm 2000-2001, năng suất lúa màu đạt tổng sản lượng quy thóc là 1.055 tấn, năm 2002-2004, năng suất bình quân đạt 115,6 tấn/năm, đưa giá trị sản phẩm thực tế thu trên 1 ha đạt 19 triệu đồng/năm. Về chăn nuôi, nhiều hộ gia đình đã tổ chức chăn nuôi với số lượng lớn, tạo ra nghề chính trong thu nhập của gia đình. Toàn phường có đàn trâu bò cày kéo 185 con, đàn lợn trên 2000 con, 2 trang trại nuôi gà với số lượng 8000 con/lúa/trang trại, nhiều trang trại nhỏ phát triển tốt, đưa tổng số đàn lợn, gà tăng bình quân hàng năm 9,3%. Nhiều hộ chăn nuôi được 40 con lợn/lúa, như gia đình ông Quý ở tổ Thần Vì 2, ông Hưng ở tổ Quang Vinh 1, ông Nghị ở tổ Soi Dầu...

Trong thương mại dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. là phường có nhiều khó khăn cho việc kinh doanh sản xuất, song, nhờ có cơ chế chính sách mở rộng, khuyến khích các hộ kinh doanh dịch vụ, cải cách các thủ tục đăng ký quản lý sản xuất, tạo điều kiện cho các hộ vay vốn nên số hộ kinh doanh dịch vụ từ 100 hộ năm 2000 lên đến 136 hộ năm 2005. Nhiều doanh nghiệp đã và đang đầu tư có hiệu quả như sửa chữa ô tô, điện lạnh, điện tử; sản xuất nội thất đồ gỗ, nhôm kính, hàn gò, điện nước, may mặc, vận

tải. Cùng với đó, các ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng, chất đốt luôn ổn định và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ với Nhà nước.

Với những kết quả đạt được trên lĩnh vực phát triển kinh tế, đời sống nhân dân phường được nâng lên rõ rệt. Mức thu nhập bình quân đầu nhiệm kỳ 300.000 đồng/người/tháng, đến cuối nhiệm kỳ đạt 450.000 đồng/người/tháng, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Do đó, nhân dân trong phường có 98% số hộ có nhà xây cấp 4 trở lên. Các phương tiện đi lại như xe máy chiếm tới 70%, nhiều gia đình có xe ô tô và 97% gia đình có ti vi. Đường bê tông liên phố cơ bản được hoàn thành. Mỗi năm phường Quang Vinh có từ 10 đến 12 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình sản xuất kinh doanh nông nghiệp giỏi cấp thành phố, 20 đến 30 hộ gia đình đạt hộ kinh doanh nông nghiệp giỏi cấp phường, cấp thành phố

Công tác quản lý đất đai và xây dựng cơ bản, Đảng ủy phường tập trung chỉ đạo và làm tốt công tác quy hoạch đất đai, tiến hành đánh giá công tác quản lý, sử dụng đất giúp cho việc quản lý được chặt chẽ hơn. Tổ chức thực hiện Luật đất đai mới ban hành. Từ năm 2000 đến 2005, phường làm thủ tục cấp phép xây dựng được 132 hộ. Việc thu thuế trước bạ, chuyển quyền sử dụng đất được đảm bảo chặt chẽ, thu đúng, thu đủ, không để sai sót.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy phường lãnh đạo làm tốt công tác xây dựng kết cấu hạ tầng. Toàn phường đã xây

được 7 nhà văn hóa cho 7 tổ dân phố; làm 10,7 km đường bê tông, vượt 60% chỉ tiêu nhiệm kỳ đề ra với mức huy động hàng tỷ đồng trong nhân dân cùng với vốn đầu tư của Nhà nước. Xây dựng trường phổ thông cơ sở 2 tầng, 10 phòng học, 1 trạm y tế, làm hội trường Ủy ban nhân dân phường 150 chỗ ngồi, sửa chữa nhà Ủy ban nhân dân phường, đài liệt sĩ.

Trong công tác văn hóa, xã hội, Đảng ủy phường ra Nghị quyết chuyên đề về vấn đề này. Nhờ sự lãnh đạo sâu sát đó, chất lượng dạy và học ngày một nâng cao, số giáo viên dạy giỏi và số học sinh học giỏi nhiều hơn. Trường Tiểu học Quang Vinh được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2003.

Chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trong phường được coi trọng: 100% trẻ được tiêm phòng theo quy định. Y tế phường đã chủ động kiểm tra an toàn thực phẩm, tổ chức chăm sóc khám, cấp thuốc cho các đối tượng chính sách, người thuộc diện hộ nghèo, người cao tuổi, tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình. Bằng những việc làm cụ thể của các cấp, các ngành đã làm giảm bớt khó khăn, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân, giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 1%. Cùng với đó, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của phường có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa hàng năm đều có tổng kết, biểu dương gương người tốt, việc tốt. Mỗi quan hệ cộng đồng dân cư đoàn

kết, thương yêu giúp đỡ nhau, gắn bó hơn, nhiều tấm gương ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, hội viên gương mẫu, gia đình hội viên tiên bộ. Số gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 85%, 4/16 tổ dân phố được công nhận tổ dân phố văn hóa cấp thành phố.

Phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc được duy trì thường xuyên, tổ an ninh tự quản, tổ liên gia kết hợp với các ban hòa giải đã kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc nổi cộm trong các tổ dân phố. Nhân dân ý thức được trách nhiệm của mình, kịp thời phát hiện, tố giác hoạt động của tội phạm. Đặc biệt, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã cung cấp hàng trăm nguồn tin cho công an, bắt 49 vụ bằng 63 đối tượng mua bán tàng trữ chất ma túy, thu giữ 31,25 gam hêrôin, 40 gói thuốc phiện; lập hồ sơ chuyển công an thành phố truy tố; điều tra 75/94 vụ phạm pháp hình sự, đạt tỷ lệ phá án 79,70%, tài sản thu hồi trả người bị hại trị giá 135.000.000 đồng. Năm 2000, xảy ra 24 vụ, năm 2004 xảy ra 14 vụ, bình quân mỗi năm giảm 2 vụ. 6 tháng đầu năm 2005 xảy ra 6 vụ. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được Đảng ủy phường lãnh đạo tổ chức thực hiện thường xuyên, triệt phá các tụ điểm ma túy, cờ bạc, mại dâm; đưa vào cai nghiện tại gia đình 78 lượt người, cai nghiện tại trạm 18 lượt người, cai tại trung tâm 05, 06 của thành phố 17 lượt người.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy phường luôn chăm lo đến

công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Hoạt động của Hội đồng nhân dân đảm bảo đúng luật; phát huy chức năng giám sát; các đại biểu Hội đồng nhân dân phát huy được trách nhiệm của mình trước dân, đoàn kết gương mẫu rèn luyện bản thân, xây dựng gia đình văn hóa được nhân dân tin tưởng. Ủy ban nhân dân phường đã có nhiều cố gắng trong quản lý điều hành, có nhiều biện pháp cụ thể và kiên quyết thực hiện tốt quy chế dân chủ, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Từ năm 2000 đến năm 2005, Ủy ban nhân dân phường luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thành phố giao. Cán bộ Ủy ban nhân dân được kiện toàn, đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ năng lực, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, có phẩm chất đạo đức và tính kế thừa, đủ sức đảm đương nhiệm vụ trong tình hình cách mạng mới. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của phường đổi mới phương thức hoạt động. Hàng quý, Thường vụ Đảng ủy phường trực tiếp họp với tổ chức đoàn thể thống nhất chương trình, kế hoạch gắn với các phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Phong trào giảm nghèo”, phong trào chống tội phạm, phong trào chống ma túy, phong trào giúp nhau phát triển sản xuất.

Công tác xây dựng Đảng: Đảng ủy phường đã quán triệt và tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cho 100% đảng viên, nhất là đợt nghiên cứu 10 chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh đạt tỷ lệ 100%. Năm 2000, Đảng bộ có 14 Chi bộ,

189 đảng viên. Thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa IX) ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn và Hướng dẫn số 33 của Ban Thường vụ Thành ủy Thái Nguyên (10/2003), Đảng ủy đã tiến hành sắp xếp các chi bộ, các tổ chức đoàn thể gắn với tổ dân phố. Đến năm 2005, Đảng bộ có 20 chi bộ, 236 đảng viên, trong đó có 64% đảng viên là cán bộ nghỉ hưu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ, hạt nhân chính trị trong mỗi tổ chức của tổ dân phố cao hơn. Các chi bộ ở các tổ dân phố, hàng năm lãnh đạo hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ, chỉ tiêu phường giao. Từ năm 2000 đến 2005, Đảng bộ cử 3 đồng chí học trung cấp chính trị, 5 đồng chí học trung cấp tài chính kế toán, tư pháp, 2 đồng chí học đại học tại chức, 1 đồng chí học trường cán bộ phụ vận Trung ương hệ tập trung. Đồng thời, Đảng bộ đã lựa chọn 32 quần chúng ưu tú cử đi học lớp đối tượng Đảng, trong đó có 24 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Thực hiện Chỉ thị 29/CT-TW ngày 17/10/2003 của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên. Qua 4 đợt, Đảng bộ có 236 đồng chí (100%) đảng viên được đổi thẻ. Hàng năm có từ 75% - 80% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 80% - 85% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng bộ Quang Vinh được Tỉnh ủy tặng 3 Bằng khen (năm 2002, 2003, 2004) và được Thành ủy công nhận đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Với quyết tâm lãnh đạo của Đảng bộ, được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, sự quan tâm sâu sát của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, trong nhiệm kỳ 2000 – 2005, Đảng bộ phường Quang Vinh đã hoàn thành tốt mục tiêu, kế hoạch đề ra, cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp - thương mại dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp phát triển tốt. Đặc biệt, sự nghiệp văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến mới, đời sống tinh thần vật chất của nhân dân ngày càng ổn định và phát triển, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có tiến bộ, trật tự xã hội ổn định.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực phát triển kinh tế chậm được đổi mới, mang tính tự phát, chưa ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn lúng túng, chưa có những quyết sách khuyến khích người dân đầu tư phát triển. Dịch vụ kinh doanh có tăng nhưng chủ yếu là buôn bán nhỏ, hàng hóa tiêu thụ chậm, không ổn định. Các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế như: cây dâu, trồng gừng xuất khẩu, các mô hình khuyến nông, giống vật nuôi, phân bón đều có kết quả thấp, chưa gắn được giữa nông nghiệp với thị trường. Tình hình an ninh trật tự vẫn diễn biến phức tạp, chậm được khắc phục, nhất là ý thức tự giác thực hiện những quy định về trật tự mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường, trật tự an toàn giao thông. Hơn nữa, việc nghiên cứu học tập nâng cao nhận thức của cấp ủy, đảng viên còn ít chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chưa đều, chưa kịp thời và linh hoạt trước mỗi nhiệm vụ đặt ra.

IV. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng quê hương giàu đẹp (2005-2014)

Đại hội Đảng bộ phường khóa XV, nhiệm kỳ 2005 - 2010 khai mạc ngày 29 tháng 8 năm 2005. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Nguyễn Đức Hãnh - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, đồng chí Dương Thị Hải - Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Dân vận Thành ủy. Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2005-2010 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Thị Thu được bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Văn Công giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy. Tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân phường khóa V đã bầu đồng chí Nguyễn Thị Thu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường; đồng chí Trần Văn Sơ giữ chức phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; đồng chí Nguyễn Văn Công giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, đồng chí Lê Thị Bích, đồng chí Nguyễn Văn Tuấn được bầu giữ chức phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Nghị quyết Đảng bộ phường lần thứ XV xác định cơ cấu kinh tế với mục tiêu chung: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng phường Quang Vinh giàu đẹp với cơ cấu "*Thương mại, dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp*". Đảng bộ phường xác định lấy

phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, gắn công tác xây dựng Đảng với phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, đến năm 2010 phường có 130 hộ kinh doanh (tăng 30 hộ), trong đó có 16 doanh nghiệp. Doanh thu bình quân năm 2006 đạt 6,71 tỷ đồng. Năm 2009 doanh thu bình quân đạt 21,99 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch, tăng 20% so với năm 2008. Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ phường tập trung chỉ đạo: Đổi mới phương thức quản lý hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, khắc phục khó khăn trong sản xuất. Mạnh dạn đưa các loại giống lúa mới, tăng diện tích lúa cao sản vào trên diện rộng, thử nghiệm cánh đồng 50 triệu đồng/ha tại Soi Dầu. Thực hiện đề án trồng rau an toàn và trồng hoa tại Quang Vinh 2 và Cửa Ngòi. Bằng nhiều cách làm năng động, sáng tạo của các hộ gia đình đã tạo ra nhiều sản phẩm, nâng giá trị thu nhập/ha canh tác từ 19 triệu đồng năm 2005, lên 40 triệu đồng/ha năm 2009, vượt chỉ tiêu đề ra. Riêng vụ chiêm xuân năm 2008, do thời tiết khắc nghiệt, rét đậm, hạn hán kéo dài nên năng suất kém, chỉ đạt 35,23 tạ/ha. Cây ngô năng suất đạt 37 tạ/ha, do đó sản lượng lương thực quy thóc năm 2008 đạt chỉ tiêu kế hoạch trên giao.

Công tác chăn nuôi, Đảng bộ phường lãnh đạo thực hiện theo hướng tích cực, từng bước chuyển dịch theo hướng chất lượng, giá trị kinh tế cao. Năm 2005, phường mới chỉ

có 2 trại gà, đến năm 2007 mở thêm 4 trại gà, đưa tổng số lên 6 trại gà quy mô lớn, số lượng nuôi lên đến 8.000 con/lúa. Đàn gia súc phát triển mạnh, đàn trâu từ 110 con (năm 2006) lên 156 con (năm 2010). Cũng trong thời gian trên, đàn bò từ 38 con lên 58 con, đàn lợn từ 2.425 con lên 2.752 con. Công tác phòng trừ dịch bệnh tốt nên không xảy ra dịch gia súc, gia cầm lớn trên địa bàn. Công tác thu ngân sách hàng năm đều hoàn thành vượt 20,16% kế hoạch thành phố giao. Công tác quản lý thu chi ngân sách đảm bảo đúng luật và hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm. Những kết quả đạt được trong công tác thu chi ngân sách đã góp phần trực tiếp vào mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh.

Trong xây dựng cơ bản, thành phố đầu tư trên 600 triệu đồng để xây dựng văn phòng ủy ban với một nhà 2 tầng, 6 phòng. Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở được đầu tư xây dựng 2 nhà 2 tầng với 12 phòng học 100% vốn của thành phố. Nhà hiệu bộ Trường Trung học cơ sở được xây dựng với 70% vốn của thành phố và 30% vốn của nhân dân Quang Vinh đóng góp. Trạm y tế xây dựng tầng 2 và hàng rào với 50% vốn của thành phố và 50% vốn đóng góp của nhân dân. Ngoài ra, nhân dân đóng góp xây thêm 4 Nhà văn hóa và làm 5km đường bê tông. Đến năm 2010, có 10/16 tổ dân phố có Nhà văn hóa, Trường Mầm non Quang Vinh được xây dựng theo kế hoạch bổ sung; 6 tuyến đường của các tổ dân phố được nhân dân đóng góp lắp đặt

đèn cao áp chiếu sáng. Cũng trong thời gian trên, phường sửa chữa đoạn mương đầu nguồn dài 273 mét, kinh phí do Ủy ban nhân dân phường và sự đóng góp của 3 đội sản xuất: Soi Dầu, Cửa Ngòi và Rừng Vầu.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy phường chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ thông tin tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền các hoạt động nhân các ngày lễ lớn của đất nước, tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập phường Quang Vinh (13/02/1987-13/02/2007).

Việc thực hiện chính sách xã hội được cấp ủy Đảng, các ngành quan tâm đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ và đúng chính sách. Phường cũng luôn thực hiện chính sách đối với người có công, duy trì có hiệu quả phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; tổ chức tốt các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với các hộ chính sách, gia đình nghèo có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp tết, lễ. Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường như Khánh Thịnh, Công ty cổ phần tập đoàn Tiến Bộ, Khánh Vinh, Z 127 đã quan tâm hỗ trợ tặng quà cho các hộ nghèo vào dịp Tết Nguyên đán và tặng sổ tiết kiệm cho các hộ chính sách. Tổng số tiền của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, doanh nghiệp từ năm 2005-2010 lên tới trên 100 triệu đồng.

Công tác giảm nghèo được triển khai có hiệu quả từ năm 2006 đến năm 2009. Theo đó, phường đã xây dựng mới 16 nhà đại đoàn kết, sửa chữa 11 nhà, làm 5 nhà cho

người dân tộc. Ngoài các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, phường còn vận động quyên góp ủng hộ nhân dân Cu Ba bị bão tàn phá năm 2008, ủng hộ đồng bào trong nước bị thiệt hại do lụt, bão với số tiền trên 40 triệu đồng. Năm 2005, toàn phường có 158 hộ nghèo theo chuẩn mới, chiếm 14%, năm 2009, giảm còn 63 hộ, chiếm 4,24% và có 19 hộ cận nghèo.

Trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, Đảng bộ phường tập trung tuyên truyền, thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Cuộc vận động đã thực sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, là hình thức giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng thiết thực, góp phần xây dựng Đảng, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu. Năm 2007, phường tổ chức thành công Hội thi “Báo cáo viên giỏi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Năm 2008, Đảng bộ phường Quang Vinh được Thành ủy thành phố Thái Nguyên khen thưởng là đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện “Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Cũng trong lãnh đạo xây dựng Đảng, Đảng bộ phường đã thực hiện hiệu quả hai đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về “Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh” và đề án “Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ” giai đoạn 2006-2010. Do đó, tổ chức Đảng của phường được kiện

toàn, củng cố; công tác quản lý đảng viên sinh hoạt Đảng tại các chi bộ được tăng cường; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Năm 2005, Đảng bộ phường có 20 chi bộ, đến năm 2010 có 22 chi bộ trực thuộc với 290 đảng viên, trong đó có 16 chi bộ tổ dân phố, 1 chi bộ cơ quan Ủy ban, 1 chi bộ Công an, 3 chi bộ nhà trường và 1 chi bộ Công ty vận tải du lịch Khánh Thịnh. Kết quả phân loại chất lượng bình quân hàng năm trên 85% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 15% chi bộ hoàn thành nhiệm vụ, không có chi bộ yếu kém. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 85% trên tổng số đảng viên dự phân loại, có 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Từ 2005-2010, Đảng bộ phường liên tục đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh, trong đó có 2 năm được Thành ủy khen thưởng Đảng bộ có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cán bộ, công tác quy hoạch cán bộ được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Phường đã xây dựng quy hoạch A1, A2, A3 đảm bảo đủ tiêu chuẩn, số lượng, chất lượng đưa vào dự nguồn. Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu, tiêu chuẩn và nguồn quy hoạch để cử cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị. Từ năm 2005-2010, Đảng ủy phường đã cử 7 đồng chí đi học trung cấp lý luận chính trị. 100% bí thư chi bộ và tổ trưởng dân phố được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.

Để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng bộ phường chỉ đạo thực hiện đề án số 01/ĐA-TU của Thành ủy về “Tăng cường công tác dân vận của hệ thống chính trị giai đoạn 2006- 2010” đạt kết quả tốt, qua đó củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân.

Trong nhiệm kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội, các tổ chức xã hội luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và các phong trào của địa phương. Năm 2005, Hội Cựu chiến binh có 185 hội viên, đến năm 2010 có 311 hội viên, sinh hoạt tại 16 chi hội. Hội thường xuyên tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng cho hội viên, phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2010, 100% số gia đình hội viên có thu nhập khá, không có hộ nghèo. Hội Phụ nữ thực hiện phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, xây dựng gia đình đạt tiêu chí “No ấm, bình đẳng, tiến bộ”. Hội Nông dân với phong trào: “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng”. Đoàn thanh niên với phong trào: “Thanh niên xung kích”.

Nhìn chung, các tổ chức xã hội luôn được Đảng ủy phường quan tâm chỉ đạo việc thành lập, kiện toàn và phát triển với nhiều hoạt động đa dạng, đáp ứng tâm tư nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân. Các tổ chức hoạt động theo pháp lệnh và điều lệ chặt chẽ, có

sức tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân và mang lại hiệu quả tích cực trong sinh hoạt chính trị xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ phường còn một số khuyết điểm, tồn tại như: Chưa tận dụng và phát huy được hết những tiềm năng, thế mạnh sẵn có của địa phương để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội; sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng chậm. Ngoài ra, năng lực lãnh đạo ở một số chi bộ còn hạn chế; nội dung sinh hoạt của một số cấp ủy, chi bộ còn chậm đổi mới; nhận thức của một số đảng viên còn thấp, năng lực công tác vận động thuyết phục quần chúng còn hạn chế¹.

Đại hội Đảng bộ phường khóa XVI, nhiệm kỳ 2010-2015 được tổ chức trong hai ngày 20 và 21 tháng 6 năm 2010. Dự và chỉ đạo có đồng chí Dương Ngọc Long Tỉnh ủy viên - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy. Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Thị Thu được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy. Đồng chí Trần Văn Sơ giữ chức phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Văn Công giữ chức phó bí thư Đảng ủy. Hội Đồng nhân dân phường khóa VI, Kỳ họp thứ

¹ Văn kiện Đại hội Đảng bộ phường Quang Vinh lần thứ XVI, tr.12.

nhất đã bầu đồng chí Nguyễn Thị Thu giữ chức Chủ tịch hội đồng nhân dân; đồng chí Trần Văn Sơ giữ chức phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Công giữ chức chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, đồng chí Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thị Đào giữ chức phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Quán triệt Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XVI với mục tiêu tổng quát “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, phát huy mọi nguồn lực, đổi mới toàn diện, xây dựng phường Quang Vinh phát triển nhanh và bền vững*”, trong hai năm 2011, 2012, Đảng bộ và chính quyền phường tập trung cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Trước hết, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển theo cơ cấu “Thương mại - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp nông nghiệp”. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực sẵn có của địa phương để đầu tư kinh doanh sản xuất. Tập trung vào công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, cải cách hành chính. Chăm lo giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội. Mặc dù chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhưng Đảng ủy đã chủ động chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các đề án của Hội Đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển kinh tế; quan tâm, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong phát triển thương mại, dịch vụ đồng

thời tăng cường thu hút đầu tư trong kinh doanh dịch vụ, thương mại. Hiện nay trên địa bàn phường có 32 doanh nghiệp và 302 hộ kinh doanh (*tăng so với năm 2010 là 18 doanh nghiệp và 115 hộ kinh doanh*). Với các ngành nghề phát triển nhanh như: vận tải du lịch, nhà trọ, nhà hàng ăn uống, giải khát...

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá như: sửa chữa ô tô, gia công cơ khí, nhôm kính, qua đó góp phần giải quyết việc làm mới, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2014 giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đạt 29,40 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2010.

Trong sản xuất nông nghiệp: Với đặc thù là phường có 55% diện tích đất nông nghiệp, ngay từ đầu nhiệm kỳ Ban chấp hành Đảng bộ có Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, để phát triển nông nghiệp theo định hướng nông nghiệp đô thị. Xây dựng kế hoạch thực hiện các đề án của Thành phố và chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như áp dụng gieo cấy giống lúa, ngô có năng suất cao; mô hình rau an toàn và hoa tươi chất lượng cao. Đảng ủy tập trung chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi. Vì vậy từ năm 2010 - 2014 tổng sản lượng lương thực có hạt đều đạt và vượt kế hoạch Thành phố giao.

Trong chăn nuôi: Do làm tốt công tác phòng chống dịch

bệnh trên địa bàn phường nên không xảy ra dịch lớn, đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy đã quan tâm chỉ đạo, tích cực rà soát các nguồn thu, đề ra nhiều biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn. Do đó kết quả thu ngân sách trên địa bàn phường hàng năm cơ bản đạt và vượt kế hoạch Thành phố giao: Năm 2010 đạt 109% kế hoạch, năm 2011 đạt 102% kế hoạch, năm 2014 đạt 104,72% kế hoạch Thành phố giao. Công tác quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo đúng luật và hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm chi đồng thời phục vụ kịp thời các hoạt động của địa phương.

Đảng ủy phường tập trung chỉ đạo làm tốt công tác quản lý đất đai, quản lý đô thị, vệ sinh môi trường, đầu tư xây dựng cơ bản. Qua đó hạn chế tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích. Từ năm 2010 đến 2014 đã đề nghị UBND Thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 474 hộ gia đình, cá nhân; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 14 nhà văn hóa, đến nay việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của nhân dân.

Trong xây dựng cơ bản, phường Quang Vinh đã được Thành phố quan tâm đầu tư một số công trình như: Xây mới nhà 2 tầng 8 phòng học trường mầm non Điện Lực, nhà 1 tầng với 04 phòng học trường mầm non Quang Vinh,

nâng cấp đường Quang Vinh, xây mới trạm bơm Trảng bần, trạm bơm Bờ mè với tổng giá trị trên 1,3 tỷ đồng. Triển khai làm mới 1,7 km bê tông đường dân sinh; xây mới 04 Nhà văn hoá, nâng tổng số tổ dân phố có nhà văn hóa là 14 tổ.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy phường chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân, gắn với việc tổ chức tốt các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các hoạt động lễ hội truyền thống, các ngày kỷ niệm lớn trong năm, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương và nâng cao đời sống tinh thần nhân dân.

Công tác giảm nghèo luôn được chú trọng. Đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án giảm nghèo của thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn phường. Tạo điều kiện để các hộ nghèo được tiếp cận với các dự án vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm mới. Hỗ trợ làm nhà ở mới và sửa chữa 18 nhà cho hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo của phường đã giảm từ 6,47% năm 2010 xuống còn 2,39% năm 2014.

Việc thực hiện chính sách xã hội được cấp ủy Đảng, các ngành quan tâm đảm bảo đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với người có công trên địa bàn. Phong trào *"Đền ơn đáp nghĩa"* được triển khai thực hiện tốt, trong nhiệm kỳ đã tổ chức thăm hỏi,

tặng trên 2.000 xuất quà cho các đối tượng người có công vào các ngày lễ, Tết với tổng số tiền trên 200.000.000đ. Thực hiện việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ người hoạt động kháng chiến, người khuyết tật, các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Triển khai thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 23/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 27/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tổng rà soát chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Đề nghị truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho hai mẹ là Nguyễn Thị Mơ và mẹ Tổng Thị Vòng.

Công tác y tế, dân số, gia đình trẻ em được quan tâm. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình. 100% phụ nữ có thai và trẻ em được tiêm phòng đầy đủ.

Công tác quản lý, cai nghiện ma túy cho người nghiện ma túy được thực hiện với nhiều giải pháp phù hợp, quản lý 100% người nghiện ma túy có mặt trên địa bàn. Hoàn thành chỉ tiêu cai nghiện ma túy hàng năm.

Đảng bộ phường luôn quan tâm lãnh đạo thực hiện có hiệu quả về công tác quốc phòng - an ninh. Chỉ đạo huấn luyện dân quân, các đợt diễn tập quân sự, xây dựng kế hoạch tác chiến theo đúng kế hoạch của cấp trên. Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Xây dựng và đăng ký quản lý chặt chẽ lực lượng dân quân tự vệ, quản lý thanh niên

trong độ tuổi nhập ngũ. Triển khai thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách hậu phương quân đội. Tình hình an ninh chính trị luôn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo. Công an phường thực hiện có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ quản lý địa bàn, quản lý đối tượng; phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"* được duy trì thực hiện có hiệu quả. Công tác phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống buôn bán người được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự cho các ngày lễ, Tết và các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn.

Trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, Đảng ủy luôn chú trọng thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành ủy Thái Nguyên, đặc biệt là quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu *"Diễn biến hòa bình"* của các thế lực thù địch. Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị, Đề án số 09-ĐA/TU ngày 26/9/2011 của Tỉnh ủy

Thái Nguyên về tiếp tục tổ chức thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và các chuyên đề hàng năm (100% các chi bộ đã nghiêm túc triển khai đến cán bộ, đảng viên. Hàng năm có 100% cán bộ, đảng viên đăng ký việc làm theo tấm gương của Bác); cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* đã góp phần xây dựng Đảng, củng cố lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân đối với Đảng.

Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chú trọng đúng mức, nâng cao về chất lượng. Trong 5 năm, Đảng bộ đã kết nạp được 40 đảng viên mới. Các đồng chí đảng viên mới được kết nạp đã phát huy tốt vai trò của đảng viên, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tăng cường, cán bộ được cử đi đào tạo bồi dưỡng trong những năm qua đảm bảo yêu cầu đề ra. Có 08 đồng chí được cử đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Đến nay đội ngũ cán bộ chủ chốt của phường đạt chuẩn theo quy định về chuyên môn và lý luận chính trị góp phần quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của phường.

Trong nhiệm kỳ, công tác cán bộ có sự thay đổi, năm 2012 đồng chí Bí thư Đảng ủy do vi phạm khuyết điểm, bị kỷ luật theo quy định của Đảng, đồng chí Trần Văn Sơ Phó Bí thư thường trực được phân công phụ trách Đảng bộ từ tháng 3 đến tháng 7/2012. Cuối tháng 7 năm 2012

hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ phường Quang Vinh bầu đồng chí Nguyễn Văn Tuấn làm Bí thư Đảng ủy. Hội đồng nhân dân phường khóa VI, Kỳ họp thứ 4 bầu đồng chí Trần Văn Sơ giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, năm 2013 tại kỳ họp bất thường lần 2 Hội đồng nhân dân phường khóa VI bầu đồng chí Nguyễn Thị Kim Hân giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, đồng chí Phạm Hồng Trường giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường khóa VI. Tháng 4 năm 2014 đồng chí Trần Văn Sơ, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nghỉ công tác theo Luật, tháng 6 năm 2014 đồng chí Nguyễn Văn Công Phó Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nghỉ công tác theo Luật. Tháng 5 năm 2014 Ban Chấp hành Đảng bộ bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Thị Kim Hân giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, tháng 8 năm 2014, Hội đồng nhân dân phường khóa VI, kỳ họp thứ 8 bầu đồng chí Nguyễn Thị Kim Hân giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường khóa VI. Tháng 10 năm 2014 đồng chí Bí thư Đảng ủy xin chuyển công tác. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ định đồng chí Ngô Thành Trung - Phó Chánh văn phòng Thành ủy giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy. Tháng 10 năm 2014 tại Kỳ họp bất thường Hội đồng nhân dân phường khóa VI đã bầu đồng chí Ngô Thành Trung giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường khóa VI, nhiệm kỳ 2011- 2016.

Năm 2010, Đảng bộ phường có 20 chi bộ, đến năm 2014 có 24 chi bộ trực thuộc với 379 đảng viên, trong đó có 01 chi bộ Cơ quan, 04 chi bộ Trường học, 01 chi bộ Công an, 01 chi bộ Doanh nghiệp và 17 chi bộ tổ dân phố. Kết quả phân loại chất lượng trung bình hàng năm có 82,7% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có chi bộ yếu kém. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 99,7% trên tổng số đảng viên dự phân loại, có 14,3% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2010 Đảng bộ phường đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh; năm 2012 đạt hoàn thành nhiệm vụ; năm 2011, 2013, 2014 đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Về hoạt động của bộ máy chính quyền: Hội đồng nhân dân được đổi mới, hoạt động hiệu quả, khẳng định vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Công tác tổ chức, nội dung, chương trình các kỳ họp luôn thực hiện đúng luật. Công tác quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân phường có nhiều đổi mới, phát huy hiệu quả công tác quản lý, điều hành theo pháp luật. Ủy ban nhân dân phường đã tập trung chỉ đạo cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh phát triển kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân;

Trong nhiệm kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới thiết thực, hiệu quả hơn. Mặt trận Tổ quốc phát huy được

vai trò là trung tâm của khối đại đoàn kết, tập hợp các tổ chức thành viên và tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các cuộc vận động tiêu biểu như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Hội Cựu chiến binh làm tốt công tác xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, phát huy truyền thống “Bộ đội cụ Hồ” giúp nhau phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên, thực hiện các hoạt động nghĩa tình đồng đội. Năm 2010 có 311 hội viên đến năm 2014 có 439 hội viên, sinh hoạt tại 17 chi hội. Hội Phụ nữ triển khai có hiệu quả 6 nhiệm vụ trọng tâm công tác của Hội và phong trào thi đua yêu nước: “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”. Làm tốt công tác củng cố tổ chức hội và phát triển hội viên. Năm 2010 có 911 hội viên, đến năm 2014 đã có 1.156 hội viên. Hội Nông dân thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi. Tuyên truyền vận động hội viên chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sang các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, đã góp phần ổn định đời sống cho cán bộ hội viên, tăng cường xây dựng tổ chức Hội vững mạnh. Năm 2010 có 589 hội viên, đến năm 2014 có 635 hội viên được sinh hoạt tại 10 chi hội. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai thực hiện tốt các phong trào 5 xung kích, 4 đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp. Hội Người cao tuổi; Hội

Cụu thanh niên xung phong; Hội chữ thập đỏ; Hội nạn nhân chất độc da cam; Hội khuyến học; Hội cựu giáo chức; Hội đồng y luôn được Đảng ủy quan tâm về tổ chức và hoạt động, trong những năm qua đã có nhiều hoạt động đa dạng, thiết thực, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần cùng Đảng bộ, chính quyền phường hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong lãnh đạo phát triển kinh tế- xã hội, vẫn còn những tồn tại hạn chế như: một số chỉ tiêu phát triển kinh tế chưa đạt Nghị quyết Đại hội đề ra. Phát triển chưa bền vững, quy mô ngành kinh tế còn nhỏ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; dịch vụ, thương mại phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, còn mang tính tự phát.

Công tác quản lý đô thị chưa chặt chẽ. Việc giải quyết các vụ tranh chấp, lấn chiếm đất đai chưa kịp thời, chưa dứt điểm; quản lý đất công hiệu quả chưa cao; thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở địa phương tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nhân dân. Tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy còn diễn biến phức tạp. Công tác quản lý người nghiện sau cai hiệu quả chưa cao.

Trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị:

Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Công tác quy hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ còn nhiều bất cập nên khi có sự biến động cán bộ chủ chốt không có nguồn để bổ sung.

Qua 28 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-2014), Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh đã đạt được những thành tích đáng tự hào. Kinh tế tiếp tục phát triển. Cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư. Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao. Hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, xây dựng ngày càng vững mạnh. Đó là tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh phát triển đi lên trong giai đoạn cách mạng mới.

KẾT LUẬN

Quang Vinh vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử và đấu tranh cách mạng. Bằng bàn tay và khối óc của mình, nhân dân Quang Vinh không chỉ biết vươn lên tạo dựng cuộc sống mà còn nỗ lực mạnh mẽ cùng nhân dân cả nước đứng lên chống quân xâm lược. Chính vùng đất, con người và truyền thống văn hóa, lịch sử là nhân tố quan trọng để Quang Vinh bước vào một thời kỳ cách mạng mới.

Tháng 10 năm 1944, lớp chiến sĩ cách mạng của Đảng như Lý Hải Nam, Chu Quang Vinh, Quảng Hiền, đã mang ánh sáng của Đảng về với Quang Vinh. Đồng chí Trần Văn Tài, Vũ Ngọc Cử, là những người đầu tiên của xã Quang Vinh đi theo và sớm đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Huyện ủy Đồng Hỷ, chi bộ ghép gồm Quang Vinh, Đồng Tâm và Dân Chủ đã lãnh đạo nhân dân Quang Vinh cùng nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đứng lên tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi. Tháng 12

năm 1946, chi bộ Quang Vinh ra đời, lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Theo đó, nhân dân Quang Vinh đã thực hiện tốt khẩu hiệu “diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm”, góp phần vào thành tích chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Quang Vinh còn là nơi dừng chân của các cơ quan Đảng, quân đội trên đường hành quân lên ATK Định Hóa để lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài. Bên cạnh đó, Quang Vinh còn là nơi cất giấu gạo, muối của Đảng và Chính phủ để chuẩn bị cho kháng chiến. Cũng trong những tháng năm lịch sử này, 70 người con Quang Vinh đã tham gia lực lượng vũ trang, 1.520 lượt người tham gia dân công chiến dịch, đóng góp hàng chục tấn lương thực thực phẩm cho Nhà nước. Thành tích mà nhân dân Quang Vinh đạt được không chỉ khẳng định truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng kiên cường, mà qua đó còn khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của chi bộ Quang Vinh trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, lãnh đạo nhân dân vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Giai đoạn 1954-1975, cũng như các địa phương khác trong cả nước, Quang Vinh gặp nhiều khó khăn trong khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, xã hội,

xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Đồng Hỷ - Thành ủy Thái Nguyên chỉ bộ Quang Vinh đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng thành công các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán.

Phát huy truyền thống quê hương, con em Quang Vinh đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược, lập nên nhiều chiến công xuất sắc, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng tổng cộng 318 Huân, Huy chương các loại. Cũng trong cuộc chiến đấu đầy cam go, ác liệt này, 35 người con ưu tú của Quang Vinh đã anh dũng hy sinh, góp phần cho ngày toàn thắng. Trong khi đó ở hậu phương, với khẩu hiệu: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, nhân dân Quang Vinh vừa chiến đấu, vừa sản xuất, mỗi năm đóng góp cho Nhà nước 62 tấn thóc, gần 20 tấn thịt và hàng chục tấn rau xanh; cùng bộ đội phòng không đánh hơn trăm trận, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ.

Chiến tranh khốc liệt, nhiều xóm làng bị phá hủy hoàn toàn, khó khăn chồng chất, hết thiên tai lại đến dịch họa, nhưng với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh luôn đoàn kết một lòng, vượt qua mọi thử thách, góp phần cùng nhân dân cả nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

Không chỉ lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, xã hội, khi cuộc chiến tranh ở biên giới phía Bắc nổ ra, Đảng bộ Quang Vinh đã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị góp phần cùng nhân dân biên giới bảo vệ vững chắc bờ cõi thiêng liêng của Tổ quốc. Theo đó, Quang Vinh đã sản xuất hàng vạn chông, tre giao cho bộ đội Cao Bằng; tổ chức 1 tiểu đoàn dân quân tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước; đồng thời, đưa hơn một trăm thanh niên lên đường góp sức cùng cả nước chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Từ 1986-1996, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ phường Quang Vinh lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, tiếp tục đưa Quang Vinh đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, do đổi mới tư duy lãnh đạo, giai đoạn này, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ đặc biệt chú trọng, qua đó năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Thành công của gia đoạn này chính là việc phát triển giao thông, đưa một số ngành nghề sản xuất hàng hóa vào thành phần kinh tế của phường như sản xuất vôi, xây dựng, chăn nuôi trang trại; củng cố hệ thống điện đường trường trạm ngày càng tốt hơn.

Từ 1996-2014, Đảng bộ Quang Vinh tiếp tục lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng và đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Trải qua 68 năm (1946-2014) xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ Quang Vinh luôn đoàn kết một lòng, tận tâm, tận lực phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, phục vụ nhân dân, đưa phường vững bước tiến lên. Thực tiễn quá trình lãnh đạo đó đã để lại một số bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, quán triệt sâu sắc mọi chủ trương, chính sách của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế địa phương là nhân tố quyết định mọi thắng lợi

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Là một Đảng bộ cơ sở, một bộ phận của Đảng, Đảng bộ Quang Vinh luôn quán triệt sâu sắc và nghiêm túc thực hiện đường lối của Trung ương cũng như những chủ trương, phương hướng cụ thể của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ và Thành uỷ. Trên cơ sở chung đó, Đảng bộ Quang Vinh đã đề ra những mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ cụ thể, sát thực tế của địa phương. Nhờ vậy, những chủ trương của Đảng bộ luôn được nhân dân đồng

tình ủng hộ, tích cực thực hiện và thu được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên thực tế, sự lãnh đạo của Đảng bộ Quang Vinh luôn đáp ứng kịp thời đòi hỏi khách quan của sự phát triển của phường. Trong quá trình hoạt động, Đảng bộ Quang Vinh luôn chăm lo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn, Đảng bộ đã quán triệt thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả những cuộc vận động xây dựng Đảng do Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh ủy và Thành ủy phát động. Trong quá trình xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Đảng bộ Quang Vinh luôn nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hành động, tính Đảng, tính nguyên tắc, ý thức chấp hành kỷ luật Đảng của tập thể cấp ủy và từng đảng viên, cán bộ.

Đảng bộ Quang Vinh thực sự là hạt nhân lãnh đạo, tạo nên sức mạnh tổng hợp, thống nhất ý chí và hành động đối với chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội của địa phương. Do đó, Đảng bộ đã trở thành linh hồn, là niềm tin của nhân dân; dù khó khăn, gian khổ, ác liệt đến đâu nhân dân cũng tin tưởng theo Đảng đến cùng để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Có thể nói, quán triệt sâu sắc mọi chủ trương, chính sách của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế địa phương là bài học mang tính nguyên tắc, đảm bảo cho

Đảng bộ Quang Vinh lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp trong suốt gần 70 năm qua. Trong giai đoạn cách mạng mới, mặc dù tình hình luôn có những biến động khó lường, nhưng bài học này vẫn mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên quê hương Quang Vinh.

Hai là, dựa vào dân, phát huy dân chủ, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị

Trong những năm đất nước ta còn nằm dưới ách đô hộ của thực dân, đế quốc. Công cuộc kháng chiến luôn gặp muôn ngàn khó khăn thử thách, có lúc tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng do Đảng ta biết dựa vào dân, tạo được thế trận lòng dân và được dân tin yêu hết lòng ủng hộ. Chính nhân dân là người không tiếc máu xương, của cải để bảo vệ Đảng, che chở cách mạng. Bài học về sức mạnh to lớn của nhân dân và sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân có ý nghĩa sâu sắc không chỉ đối với Cách mạng tháng Tám 1945 mà còn xuyên suốt hai cuộc kháng chiến cho đến ngày thống nhất non sông. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta một lần nữa khẳng định mạnh mẽ quan điểm “dân làm gốc”.

Về vấn đề này, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được... Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong”.

Thấm nhuần quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong bất luận hoàn cảnh nào, Đảng bộ Quang Vinh cũng dựa vào dân, phát huy tính dân chủ trong nhân dân, do đó đã được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, giúp Đảng bộ thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, chính sách đề ra. Đặc biệt, Đảng bộ Quang Vinh luôn chú ý tuyên truyền, giáo dục nhân dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng; làm cho dân hiểu, dân tin bản chất tốt đẹp của xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Nhờ đó, nhân dân không chỉ mang công sức để kháng chiến, kiến quốc trong những năm tháng trước đây, mà còn tự nguyện đóng góp công sức, tiền của trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, làm cho Quang Vinh ngày càng khởi sắc.

Trên lĩnh vực chính trị, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được đề cao. Khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã đi vào thực tế, nhân dân đã kịp thời phát hiện chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm của đảng viên, để Đảng bộ đấu tranh củng cố khối đoàn kết nhất trí. Trải qua gần 70 năm xây dựng, nhân dân Quang Vinh thực sự trở thành người làm chủ xã hội.

Trong xu thế mở cửa và hội nhập, nước ta đang có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, đặc biệt là âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, hòng làm

giảm sức mạnh của lực lượng quần chúng trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, cùng với các Đảng bộ khác của thành phố Thái Nguyên, Đảng bộ Quang Vinh phải sâu sát hơn nữa quan điểm của Đảng về “dân làm gốc”; coi trọng việc giữ gìn, phát huy mối quan hệ khăng khít giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, thực hiện tốt phương châm “Ý Đảng - Lòng dân” trong mọi chủ trương, việc làm của mình. Mỗi cán bộ, đảng viên Quang Vinh phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng nhân dân và hướng dẫn nhân dân, tổ chức thành lực lượng, thành phong trào hành động cách mạng trên các lĩnh vực, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Đó không chỉ là nhiệm vụ, mà còn là bài học được đúc kết từ lịch sử, cần được Đảng bộ Quang Vinh vận dụng sáng tạo trong lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng.

Ba là, chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ; không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương.

Từ khi ra đời cho đến nay, công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Đảng bộ Quang Vinh coi trọng. Nhận thức rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng, Đảng bộ không ngừng tự xây dựng, chỉnh đốn để xứng đáng với vai trò lãnh đạo của mình. Từ chỗ ban đầu chỉ có 2 đảng

viên, đến nay Đảng bộ có 324 đảng viên. Từ chỗ là một chi bộ, đến nay (2014) Quang Vinh có một Đảng bộ với 24 chi bộ. Đó là sự phát triển mạnh mẽ, thể hiện sự hiệu quả, tính tích cực trong công tác đào tạo cán bộ; xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ Quang Vinh.

Trong xây dựng Đảng, Đảng bộ Quang Vinh luôn chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ luôn lấy giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên làm trọng tâm. Bởi vậy, theo thời gian, trình độ chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng bộ không ngừng được nâng cao. Trên cơ sở đó, nhiệm vụ chính trị của Đảng luôn được quán triệt và thực hiện tốt bằng việc đề ra những biện pháp lãnh đạo cụ thể và xuất phát từ thực tiễn sinh động của địa phương.

Trong lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, Đảng bộ Quang Vinh luôn quan tâm đến việc củng cố khối đoàn kết nhất trí trong Đảng. Thực tế cho thấy, khi nào sự thống nhất trong Đảng bộ không cao, khối đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ ít được chú trọng, tư tưởng và hành động không thống nhất, ý thức đấu tranh phê bình trong Đảng bộ kém, thì hiệu quả lãnh đạo kém, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị bị ảnh hưởng. Do vậy, trong bất luận hoàn cảnh nào, khối đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ Quang Vinh luôn được đề cao và được quán triệt đến từng chi bộ và tổ chức cơ sở Đảng.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ Quang Vinh còn được thể hiện ở việc tăng cường kết nạp những đảng viên trẻ, có đủ đức, đủ tài và phẩm chất đạo đức cách mạng vào Đảng. Bên cạnh đó, nó còn được thể hiện ở công tác kiểm tra, thực hiện giám sát, gắn công tác xây dựng Đảng với công tác củng cố chính quyền, Mặt trận và các tổ chức quần chúng. Thông qua chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhân dân ngày càng hiệu quả.

Trong điều kiện hiện nay, những nội dung, phương thức lãnh đạo và hoạt động của Đảng bộ Quang Vinh luôn đặt ra vấn đề đổi mới. Công tác xây dựng Đảng bộ còn được gắn với công tác xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị và đã trở thành công tác thường xuyên của Đảng bộ. Vì vậy, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, hiệu quả tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền luôn được nâng cao, qua đó phát huy tiềm năng sáng tạo của quần chúng nhân dân./.

*

Qua 68 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, đấu gặp nhiều khó khăn, thử thách, có cả những mất mát, hy sinh, song Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh đã viết nên những trang sử rất đáng tự hào, góp phần không nhỏ vào thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và những

kinh nghiệm quý báu trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh tiếp tục giữ vững những thành quả đạt được, khắc phục khó khăn, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương phát triển kinh tế, ổn định xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, phấn đấu xây dựng phường Quang Vinh ngày càng giàu đẹp, văn minh và từng bước hiện đại./.

Phụ lục

CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA PHƯỜNG QUANG VINH QUUA CÁC THỜI KỲ



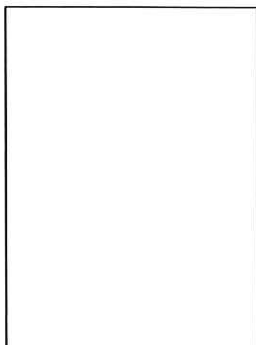
TRẦN VĂN TÀI

Phó bí thư chi bộ, Đồng Tâm,
Dân Chủ 1945.
Bí thư Chi bộ đầu tiên của xã
từ 12/1946 - 1951



VŨ NGỌC CỬ

Phó Chủ tịch UB lâm thời xã
8/1945 - 12/1946;
Chủ tịch UBND xã từ
12/1945 - 1953



TÔ VĂN BẢN

Bí thư Chi bộ xã
từ 1954 - 1955



NGUYỄN VĂN TẬP

Phó bí thư Chi bộ xã
từ 1950 - 1951. Chủ tịch
UBND xã từ 1953 - 1954



PHAN THANH NHÂN

Phó Bí thư Chi bộ xã
1951-1952. Phó Chủ tịch
UBND từ 1952 - 1953



VŨ THẾ MINH

Phó Bí thư Chi bộ xã 1952-
1953. Chủ tịch UBND từ
1952-1953



LÊ XUÂN ĐIỀN

Chủ tịch UBHC xã
từ 1955 - 1959



NGUYỄN ĐẠI LOAN

Bí thư Chi bộ xã
từ 1956 - 1959



NGUYỄN VĂN LƯỢC

Phó Bí thư Chi bộ xã
từ 1958 - 1960



NGÔ VĂN ĐIỀN

Bí thư Chi bộ xã
từ tháng 3 đến tháng 12
năm 1959



NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG

Bí thư Chi bộ xã
từ tháng 12/1959 - 11/1960



TRẦN VĂN TÝ

Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch
UBHC xã từ 1959 - 1963



DƯƠNG VĂN LỤC

Bí thư Chi bộ xã
từ 1960 - 1962



NGÔ THẾ KHÓA

Phó Bí thư Chi bộ xã
11/1962 - 12/1964.
Chủ tịch UBHC xã từ 1963 -
1964 và 1972 - 1980



NGUYỄN MINH THỊNH

Bí thư Đảng ủy xã
từ 12/1964 - 1984



NGUYỄN VĂN TIÊM

Chủ tịch UBHC xã
từ 1965 - 1971



TRẦN THỊ NGỌC

Phó Chủ tịch UBHC xã
từ 1969 - 1973



NGUYỄN THỊ MỸ

Phó Chủ tịch UBHC xã
từ 1973 - 1975



TRẦN VĂN TUY
Phó Chủ tịch UBHC
xã 1971 - 1980. Chủ tịch
UBND từ 1981 - 1986



NGUYỄN THẾ KỲ
Bí thư Đảng ủy xã (phường)
từ 1984 - 1988



TRỊNH XUÂN NHẠ
Chủ tịch UBND phường
từ 1987 - 1991.
Bí thư Đảng ủy phường
từ 1989 - 1990



NGUYỄN VĂN HÒA
Phó Chủ tịch UBND phường
từ 1987 - 1989



HOÀNG QUANG TRUNG
Bí thư Đảng ủy phường từ
T3/1990 - T2/1992



TRẦN QUỐC PHÚ
Bí thư Đảng ủy phường
từ 12/1992 - 12/1999.
Chủ tịch UBND phường từ
12/1999 - 12/2005



TRẦN THỊ ANH THƯ
Chủ tịch UBND phường
từ 12/1992 - 12/1994



NGUYỄN THỊ NGUYỆT
Chủ tịch UBND phường
từ 1994 - 1999.
Bí thư Đảng ủy
từ T1/2000 - T9/2000



NGUYỄN TRỌNG HÙNG
Phó Chủ tịch HĐND
từ 1994 - 1999;
Bí thư Đảng ủy phường
từ T10/2000 - T7/2005.
Chủ tịch HĐND từ 1999 - 2005



QUẢN VĂN TỬ
Phó Chủ tịch UBND phường
từ 1994 - 1999



NGUYỄN THỊ THU
Bí thư Đảng ủy
Chủ tịch HĐND phường
từ 2005 - 2/2012



NGUYỄN VĂN CÔNG
Phó Chủ tịch phường
từ 1999 - 2005.
Chủ tịch UBND
từ 2006 - T5/2014



TRẦN VĂN SƠ
Phó Bí thư TT Đảng ủy
từ 2010 - 2014.
Chủ tịch HĐND phường
từ 2012 - T3/2014



LÊ THỊ BÍCH
Phó Chủ tịch HĐND
từ 2000 - 2004;
Phó Chủ tịch UBND phường
T6/2004 - T6/2011



NGUYỄN VĂN TUẤN
Phó Chủ tịch UBND phường
từ 2005 - 2013;
Bí thư Đảng ủy từ T8/2012 -
T10/2014



NGUYỄN THỊ KIM HÂN
Phó Chủ tịch HĐND phường
từ T6/2013 - T8/2014;
Phó Bí thư TT Đảng ủy từ
T5/2014 - nay; Chủ tịch
HĐND từ T8/2014 đến nay



NGÔ THÀNH TRUNG
Chủ tịch UBND phường
từ T10/ 2014 đến nay



NGUYỄN THỊ ĐÀO
Phó Chủ tịch UBND phường
từ T6/2011 đến nay



PHẠM HỒNG TRƯỜNG
Phó Chủ tịch UBND phường
từ 2013 đến nay



NGUYỄN TIẾN VĂN
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
phường từ 2013 đến nay



MÃ THỊ NGUYỆT
Chủ tịch Hội phụ nữ phường
từ 2011 đến nay



DƯƠNG THỊ THU
Chủ tịch Hội Nông dân
phường từ 2013 đến nay



VŨ QUỐC THẮNG
Chủ tịch Cựu chiến binh
phường từ 2012 đến nay



NGUYỄN THANH QUYẾT
Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
phường từ 2013 đến nay

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA IV VÀ TỪ KHÓA IX ĐẾN KHÓA XVI¹

Khóa 4 (từ 1958 - 1960) gồm 7 đ/c

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Đ/c Nguyễn Đại Loan | 5. Đ/c Nguyễn Văn Tỵ |
| 2. Đ/c Nguyễn Văn Lục | 6. Đ/c Nguyễn Thị Phương |
| 3. Đ/c Phan Thanh Nhân | 7. Đ/c Ngô Văn Điển |
| 4. Đ/c Nguyễn Văn Tiềm | |

Khóa 9 (1986-1989) gồm 16 đ/c

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| 1. Đ/c Nguyễn Thế Kỳ | 9. Đ/c Dương Văn Thanh |
| 2. Đ/c Trần Văn Tùy | 10. Đ/c Bùi Thị Hảo |
| 3. Đ/c Nguyễn Tiến Liên | 11. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt |
| 4. Đ/c Vũ Đình Mạc | 12. Đ/c Nguyễn Thị Thắm |
| 5. Đ/c Nguyễn Xuân Hòa | 13. Đ/c Phạm Thanh Lạc |
| 6. Đ/c Nguyễn Văn Lục | 14. Đ/c Hoàng Văn Thành |
| 7. Đ/c Bùi Hữu Dương | 15. Đ/c Trần Thị Anh Thư |
| 8. Đ/c Phạm Quang Tiến | 16. Đ/c Phạm Thị Thủy |

Khóa 10 (1989-1992) gồm 13 đ/c

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Đ/c Trịnh Xuân Nhạ | 8. Đ/c Nguyễn Xuân Hòa |
| 2. Đ/c Nguyễn Tiến Liên | 9. Đ/c Hoàng Quang Trung |
| 3. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt | 10. Đ/c Hoàng Văn Thành |
| 4. Đ/c Phạm Đình Phú | 11. Đ/c Trần Thị Anh Thư |
| 5. Đ/c Trần Văn Việt | 12. Đ/c Nguyễn Thị Thắm |
| 6. Đ/c Phạm Thị Thủy | 13. Đ/c Lê Mẫn |
| 7. Đ/c Vũ Đình Mạc | |

Khóa 11 (1992-1994) gồm 10 đồng chí

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Đ/c Trần Quốc Phú | 4. Đ/c Trần Thị Anh Thư |
| 2. Đ/c Nguyễn Tiến Liên, | 5. Đ/c Hoàng Quang Trung, |
| 3. Đ/c Trần Văn Việt | 6. Đ/c Đ/c Trần Thị Hương, |

¹ Do tài liệu lưu trữ thất lạc, nên không tìm thấy danh sách các đồng chí trong cấp Ủy các khóa còn lại.

7. Đ/c Phạm Quốc Tiến,

8. Đ/c Phạm Thị Thủy,

9. Đ/c Lê Mẫn,

10. Đ/c Nguyễn Văn Thân,

Khóa 12 (1994-1996) gồm 11 đồng chí

1. Đ/c Trần Quốc Phú

2. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt

3. Đ/c Trần Văn Ba

4. Đ/c Trần Thị Hương

5. Đ/c Phạm Đình Phú

6. Đ/c Nguyễn Trọng Hùng

7. Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng

8. Đ/c Đào Thị Nguyên

9. Đ/c Quản Văn Từ

10. Đ/c Nguyễn Văn Sáu

11. Đ/c Trần Văn Việt

Khóa 13 (1996-2000) gồm 11 đồng chí

1. Đ/c Trần Quốc Phú

2. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt

3. Đ/c Trần Văn Ba

4. Đ/c Trần Văn Việt.

5. Đ/c Đào Thị Nguyên

6. Đ/c Nguyễn Trọng Hùng

7. Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng

8. Đ/c Nguyễn Văn Sáu

9. Đ/c Quản Văn Từ

10. Đ/c Phạm Đình Phú

11. Đ/c Trần Thị Hương

Khóa 14 (2000-2005) gồm 11 đồng chí

1. Đ/c Nguyễn Trọng Hùng

2. Đ/c Trần Quốc Phú

3. Đ/c Lê Thị Bích

4. Đ/c Nguyễn Văn Sáu

5. Đ/c Nguyễn Quang Hải

6. Đ/c Nguyễn Văn Công

7. Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng

8. Đ/c Nguyễn Thị Thu

9. Đ/c Mã Thị Nguyệt

10. Đ/c Trần Văn Ba

11. Đ/c Trần Văn Việt

Khóa 15 (2005-2010) gồm 15 đồng chí

1. Đ/c Nguyễn Thị Thu

2. Đ/c Nguyễn Văn Công

3. Đ/c Trần Văn Sơ

4. Đ/c Nguyễn Văn Sáu

5. Đ/c Lê Thị Bích

6. Đ/c Nguyễn Quang Hải

7. Đ/c Chu Thế Hùng

8. Đ/c Nguyễn Chí Thanh

9. Đ/c Mã Thị Nguyệt

10. Đ/c Trần Văn Ba

11. Đ/c Nguyễn Văn Tuấn

12. Đ/c Nguyễn Văn Sơn

13. Đ/c Trần Thị Hương

14. Đ/c Chu Thị Phương

15. Đ/c Nguyễn Văn Quảng

Khóa 16 (2010-2015) gồm 19 đồng chí

- | | |
|-----------------------------|------------------------------|
| 1. Đ/c Nguyễn Thị Thu | 11. Đ/c Nguyễn Tiến Văn |
| 2. Đ/c Nguyễn Văn Công | 12. Đ/c Nguyễn Thị Đào |
| 3. Đ/c Trần Văn Sơ | 13. Đ/c Phạm Hồng Trường |
| 4. Đ/c Lê Anh Tuấn | 14. Đ/c Nguyễn Thị Hồng Diệp |
| 5. Đ/c Nguyễn Văn Tuấn | 15. Đ/c Trần Văn Ba |
| 6. Đ/c Lê Thị Bích | 16. Đ/c Đỗ Hữu Hồng |
| 7. Đ/c Nguyễn Chí Thanh | 17. Đ/c Nguyễn Văn Quảng |
| 8. Đ/c Mã Thị Nguyệt | 18. Đ/c Ngô Thành Trung |
| 9. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Hải | 19. Đ/c Ngô Thanh Tú |
| 10. Đ/c Nguyễn Thị Kim Hân | |

Ghi chú:

Trong nhiệm kỳ do có sự thay đổi công tác cán bộ, Thành ủy chỉ định bổ sung 4 đ/c tham gia BCH:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Đ/c Đỗ Hữu Hồng | 3. Đ/c Ngô Thành Trung |
| 2. Đ/c Nguyễn Văn Quảng | 4. Đ/c Ngô Thanh Tú |

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ TRƯỞNG CÁC ĐOÀN THỂ
PHƯỜNG QUANG VINH QUA CÁC THỜI KỲ**

Chủ tịch Ủy ban MTTQ

1. Đ/c Trần Văn Đắc
2. Đ/c Nguyễn Văn Dương
3. Đ/c Nguyễn Thế Kỳ

4. Đ/c Hoàng Xuân Ất

5. Đ/c Vũ Đình Khuý
6. Đ/c Nguyễn Quang Hải
7. Đ/c Nguyễn Tiến Văn

Bí thư Đoàn thanh niên

1. Đ/c Trần Văn Lâm
2. Đ/c Vũ Đình Mạc
3. Đ/c Bùi Xuân Hùng
4. Đ/c Nguyễn Xuân Đạo
5. Đ/c Nguyễn Xuân Hòa
6. Đ/c Nông Thị Hồng Thanh
7. Đ/c Bùi Hữu Dương
8. Đ/c Hoàng Văn Trung

9. Đ/c Ngô Thị Hiệp
10. Đ/c Ngô Thế Cường
11. Đ/c Nguyễn Thị Nhài
12. Đ/c Nguyễn Thị Thu
13. Đ/c Nguyễn Đức Khánh
14. Đ/c Nguyễn Tiến Văn
15. Đ/c Nguyễn Thanh Quyết

Chủ tịch Hội Phụ nữ

1. Đ/c Nguyễn Thị My
2. Đ/c Nguyễn Thị Thắm
3. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt
4. Đ/c Bùi Thị Hào

5. Đ/c Phạm Thị Thủy
6. Đ/c Đào Thị Nguyên
7. Đ/c Mã Thị Nguyệt

Chủ tịch Hội Nông dân

1. Đ/c Đỗ Xuân Nguyên
2. Đ/c Dương Văn Thanh
3. Đ/c Nguyễn Văn Thân
4. Đ/c Nguyễn Thị Thắm
5. Đ/c Trần Thị Hương

6. Đ/c Lê Thị Bích
7. Đ/c Nguyễn Thị Thu
8. Đ/c Nguyễn Văn Sơn
9. Đ/c Nguyễn Thị Kim Hân
10. Đ/c Dương Thị Thu

Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh

1. Đ/c Lê Bắc
2. Đ/c Nguyễn Đăng Hựu
3. Đ/c Trần Văn Sơ

4. Đ/c Nguyễn Chí Thanh
5. Đ/c Vũ Quốc Thắng

THÀNH TÍCH TRONG KHÁNG CHIẾN VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG

I. Gia đình có 2 liệt sĩ:

- Cụ Tổng Thị Vòng
- Cụ Nguyễn Thị Mơ
- Đề nghị truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng

II. Danh sách liệt sĩ

Stt	Họ và tên liệt sĩ	Thời gian HS	Xóm (tổ)	Ghi chú
1	Bàng Hữu Ứng	1947	Tổ 17	
2	Trương Văn Báo	1949	Tổ 17	
3	Nguyễn Xuân Giao	KCCP	Tổ 14	
4	Đỗ Văn Sự	KCCP	Tổ 14	
5	Đỗ Văn Hợi	KCCM	Tổ 14	
6	Nguyễn Văn Định	KCCM	Tổ 14	Gia đình có 5 người đi bộ đội
7	Nguyễn Thế Xương	KCCM	Tổ 17	
8	Trương Công Sinh	KCCM	Tổ 16	
9	Trương Công Truyền	KCCM	Tổ 16	
10	Diệp Đức Khoa	KCCM	Tổ 16	
11	Trương Văn Phú	KCCM	Tổ 17	
12	Đặng Văn Chương	KCCM	Tổ 17	
13	Đinh Viết Mỹ	KCCM	Tổ 4	
14	Nguyễn Văn Tiến	KCCM	Tổ 5	
15	Phạm Quang Tấn	KCCM	Tổ 4	

Stt	Họ và tên liệt sĩ	Thời gian HS	Xóm (tổ)	Ghi chú
16	Nguyễn Văn Điền	KCCM	Tổ 10	Gia đình 2 liệt sĩ
17	Nguyễn Văn Khương	KCCM	Tổ 10	
18	Lê Văn Vinh	KCCM	Tổ 10	
19	Trần Văn Cường	KCCM	Tổ 10	
20	Vũ Văn Tiến	KCCM	Tổ 10	
21	Dương Văn Chiến	KCCM	Tổ 10	
22	Đặng Văn Nguyên	KCCM	Tổ 10	Gia đình có 5 người đi bộ đội
23	Đỗ Trọng Tý	KCCP	Tổ 15	
24	Trần Đăng Duẩn	KCCM	Tổ 15	
25	Nguyễn Thế Hùng	KCCM	Tổ 15	
26	Nguyễn Thế Nhật	KCCM	Tổ 15	
27	Nguyễn Văn Tiến	KCCM	Tổ 15	
28	Phạm Đức Minh	KCCM	Tổ 15	
29	Nguyễn Thái Hòa	KCCM	Tổ 15	
30	Phạm Quang Chung	KCCM	Tổ 15	
31	Nguyễn Thế Cường	KCCM	Tổ 15	
32	Nguyễn Văn Tuấn (Hiếu)	KCCM	Tổ 15	
33	Ngô Thế Khoa	KCCM	Tổ 12	
34	Phan Thanh Kiểm	KCCM	Tổ 12	
35	Ngô Thế Hùng	KCCM	Tổ 11	
36	Nguyễn Đức Thắng	KCCM	Tổ 11	
37	Trần Văn Mão	KCCM	Tổ 12	

Stt	Họ và tên liệt sĩ	Thời gian HS	Xóm (tổ)	Ghi chú
38	Nguyễn Tiến Đức	KCCM	Tổ 12	
39	Dương Cán	KCCM	Tổ 11	
40	Nông Văn Khanh	KCCM	Tổ 11	
41	Nguyễn Hữu Nguyên	KCCM	Tổ 1	
42	Đặng Hồng Lan	KCCM	Tổ 1	
43	Nguyễn Thị Thuận	KCCM	Tổ 1	
44	Đỗ Văn Nghị	KCCM	Tổ 2	
45	Ngô Thị Thuận	KCCM	Tổ 2	
46	Ngô Đức Quế	KCCM	Tổ 2	
47	Lê Hồng Vinh	KCCM	Tổ 2	

Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có 22 đồng chí bộ đội pháo cao xạ hy sinh khi chiến đấu với máy bay Mỹ

Thương binh 51 đồng chí.

Người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc HH = 38

3- Gia đình được tặng bằng vàng danh dự: Có công với nước

- Cụ Lý Thị Mùi

4- Cán bộ Lão thành cách mạng:

- Đ/c Long Nam Hưng

5- Cán bộ hoạt động trước tháng 8 năm 1945 (tiền khởi nghĩa):

- Lê Bá Tình

- Quản Văn Tại

6- Cán bộ bị địch bắt tù đầy 8 đ/c gồm

- Hoàng Xuân Ái

- Nguyễn Chí Xuân

- Nguyễn Trường Kim

- Nguyễn Trường Giang

- Trần Phú Bộc

- Phạm Xuân Bạt

- Văn Ngọc Phùng

- Quản Văn Tại

7- Bộ đội chống Pháp = 35 người

8- Bộ đội chống Mỹ = 264 người

9- Nhập ngũ sau 1975 = 167 người

10- Gia đình được tặng Bằng gia đình vẻ vang = 264 gia đình

11- Gia đình có 3 người trở lên tham gia quân đội = 25 gia đình.

Đặc biệt có nhiều gia đình trong 3 cuộc kháng chiến (chống Pháp, Mỹ, BV biên giới) có từ 5 đến 7 người trong quân đội.

12- Cá nhân được tặng Huân - huy chương kháng chiến các loại 302 người

Theo thống kê chưa đầy đủ Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ tổ quốc nhân dân Quang Vinh được thưởng

28 Huân chương chiến công từ hạng 1 đến hạng 3

2 hai Huân chương Lao động

184 Huân chương kháng chiến hạng 1- 3

42 Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 1- hạng 4

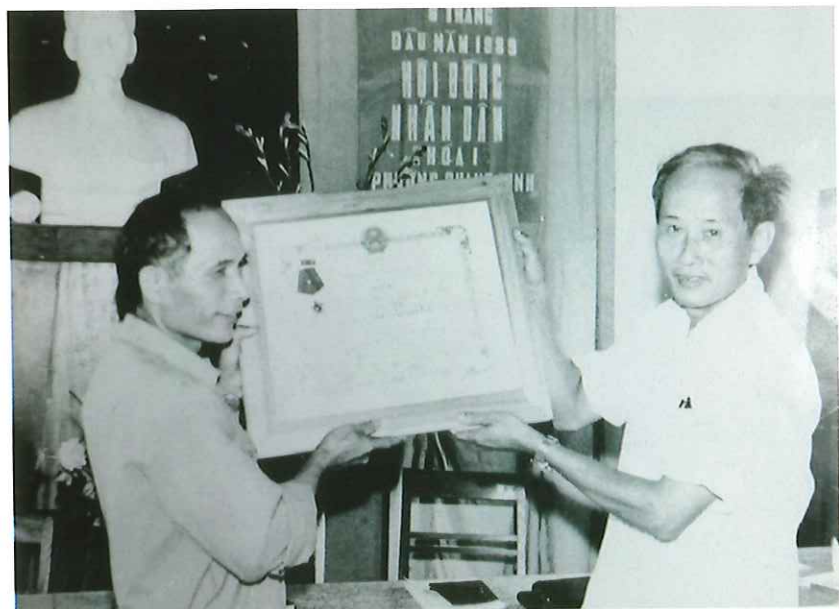
62 Huy chương kháng chiến hạng 1- 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU CỦA PHƯỜNG QUANG VINH



Hội nghị nghiệm thu Lịch sử Đảng bộ phường Quang Vinh (29/1/2015)





Đ/c Nguyễn Tiến Liên, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBND phường thay mặt Đảng bộ và nhân dân Quang Vinh nhận Huân chương Lao động Hạng ba năm 1989



Nhân dân Quang Vinh tham gia đổ bê tông cây cầu (kiên cố) đầu tiên của phường trên địa phận Cửa Ngòi có chiều dài 70 mét, rộng 2,8 mét





Những vụ mùa bội thu của phường Quang Vinh



Nhân dân sử dụng máy gặt liên hợp vào việc thu hoạch lúa năm 2013













Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Phường Quang Vinh



Đảng ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ, Lữ đoàn 210 và nhân dân phường Quang Vinh viếng Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2014)



Cây mít hơn 200 năm tuổi, một cây cổ nhất còn lại của Quang Vinh
trên đoạn đường vào tổ dân phố số 10 (xóm Rừng Vầu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Chương I: QUANG VINH - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ	8
Chương II: CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)	41
Chương III: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1954-1975)	105
Chương IV: THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 -1986)	171
Chương V: THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, TỪNG BƯỚC TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1986-2014)	216
Kết luận	273
Phụ lục	285

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG QUANG VINH
(1946 – 2014)**

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Hà Nội
ĐT: (04) 63280438 - Fax: (04) 35149839

Website: dantripublished.com.vn
nxbdantri.com.vn
dantriedition.com.vn

Email: nxbdantri@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập: Trần Thu Phương

Vẽ bìa: Liên Việt

Sửa bản in: Ban biên soạn

Trình bày sách: Nguyễn Hương

In 300 cuốn, khổ 14.5x20,5 cm, tại Công ty Cổ phần in SAVINA, 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Giấy đăng ký KHXB số: 1409-2015/CXBIPH/13-50/DT, ký ngày 2/6/2015. Số quyết định xuất bản: 1409-13/QĐXB/NXBĐT do Nhà xuất bản Dân trí cấp ngày 14/8/2015. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2015.

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	In sai	Sửa lại là
288	Ảnh thứ 3	Thiếu ảnh đ/c Nguyễn Tiến Liên	
297	8 (số 22)	Đặng Văn Nguyên	Đặng Đình Nguyên
297	10 (số 24)	Trần Đăng Duẩn	Trần Đình Duẩn
297	13(số 27)	Nguyễn Văn Tiến	Trần Văn Tiến
297	15 (số 29)		Ghi chú: Gia đình có 6 người đi bộ đội
298	3 (số 39)	Dương Cán	Dương Văn Cán
298	11 và 12. Số (48, 49)	Thiếu 2 liệt sỹ là	Đỗ Hoàng Châu Tổ 5 Trần Văn Duyên Tổ 11.

Ban chỉ đạo, tổ biên soạn xin lỗi đ/c Nguyễn Tiến Liên và các gia đình LS tên chưa chính xác cùng bạn đọc.

Nxb DÂN TRÍ

